

EPSON

ET-4850 Series L6290 Series

Sổ hướng dẫn sử dụng

In

Sao chép

Quét ảnh

Fax

Bảo trì máy in

Giải quyết vấn đề

Mục lục

Hướng dẫn sử dụng

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng	7
Tìm kiếm thông tin	7
Chỉ in trang bạn cần	8
Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này	8
Nhân và Ký hiệu	8
Ghi chú về ảnh chụp màn hình và hình minh họa	9
Tham khảo Hệ điều hành	9
Thương hiệu	10
Bản quyền	10

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn	13
Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực	13
Lời khuyên và cảnh báo của máy in	14
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy in	14
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In	14
Các Khuyến Cáo Và Cảnh Báo Về Việc Sử Dụng Màn Hình Cảm Ứng	15
Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây	15
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In	15
Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên	15
Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên	16
Thay đổi mật khẩu quản trị viên	16
Các thao tác yêu cầu bạn nhập mật khẩu quản trị viên	16
Khởi tạo mật khẩu quản trị viên	16
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn	17

Tên và chức năng của các bộ phận

Tên và chức năng của các bộ phận	19
----------------------------------	----

Hướng dẫn đến bảng điều khiển

Bảng điều khiển	23
Các thao tác màn hình cảm ứng	23
Cấu hình màn hình chính	24
Hướng dẫn cho biểu tượng mạng	25
Cấu hình màn hình menu	26
Nhập các ký tự	27

Xem hoạt ảnh	27
--------------	----

Nạp giấy

Thận trọng khi xử lý giấy	30
Cài đặt khổ giấy và loại giấy	30
Danh sách loại giấy	31
Nạp giấy	32
Các biện pháp thận trọng khi nạp giấy tiêu đề thư	32

Đặt bản gốc

Đặt bản gốc	34
Bản gốc không được ADF hỗ trợ	35

In

In tài liệu	37
In từ máy tính — Windows	37
In từ máy tính — Mac OS	54
In tài liệu từ thiết bị thông minh (iOS)	60
In tài liệu từ thiết bị thông minh (Android)	61
In trên phong bì	62
In trên phong bì từ máy tính (Windows)	62
In trên phong bì từ máy tính (Mac OS)	63
In trang web	63
In trang web từ máy tính	63
In trang web từ thiết bị thông minh	63
In bằng dịch vụ đám mây	64
Đăng ký Dịch vụ kết nối Epson từ bảng điều khiển	64

Sao chép

Các phương pháp sao chụp khả dụng	67
Sao chụp bản gốc	67
Sao chụp trên 2 mặt	68
Sao chụp phóng to hoặc thu nhỏ	68
Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ	69
Sao chụp bản gốc với chất lượng tốt	70
Sao chụp thẻ ID	70
Sao chụp không có lề	71
Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp	71
Đen trắng	71
Màu	71
🖨️ (2 mặt)	71

● (Mật độ):	71
Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp.	72
Cài đặt giấy:	72
Thu phóng:	72
Kích cỡ tài liệu:	72
Nhiều trang:	72
Chất lượng:	73
Định hướng tài liệu:	73
Xóa bóng mờ:	73
Xóa các lỗ đục:	73
Sao chụp Thẻ ID:	73
Sao chụp không viền:	73
Xóa tất cả mọi cài đặt:	73

Quét ảnh

Thông tin cơ bản về chức năng quét.	75
“Quét” là gì?	75
Các cách sử dụng chức năng quét.	75
Các phương pháp quét có sẵn.	75
Các định dạng tệp được khuyến nghị phù hợp với mục đích của bạn.	77
Các độ phân giải được khuyến nghị phù hợp với mục đích của bạn.	77
Quét bản gốc vào máy tính.	78
Quét từ bảng điều khiển.	78
Quét từ máy tính.	79
Quét bản gốc lên dịch vụ đám mây.	79
Tùy chọn menu cơ bản để quét lên đám mây.	80
Tùy chọn menu nâng cao để quét lên đám mây.	80
Quét bằng WSD.	81
Thiết lập cổng WSD.	81
Quét bản gốc vào thiết bị thông minh.	83
Quét nâng cao.	83
Quét nhiều ảnh cùng lúc.	83

Fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax.	86
Tổng quan về các tính năng fax của máy in này.	86
Tính năng: Gửi fax.	86
Tính năng: Nhận fax.	87
Tính năng: Gửi/nhận bằng PC-FAX (Windows/Mac OS).	87
Tính năng: các báo cáo fax khác nhau.	88
Tính năng: Bảo mật khi gửi và nhận Fax.	88
Tính năng: Các tính năng hữu ích khác.	88
Gửi fax bằng bảng máy in.	89
Chọn người nhận.	89
Các cách gửi fax khác nhau.	90

Nhận fax trên máy in.	92
Nhận fax gửi đến.	93
Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại.	94
Xem fax đã nhận được lưu trong máy in trên màn hình LCD.	94
Tùy chọn menu cho fax.	95
Người nhận.	95
Cài đặt fax.	96
Xem thêm.	97
Tùy chọn menu cho Hộp thư đến.	98
Mở Hộp thư đến (XX chưa đọc).	99
Sử dụng các tính năng fax khác.	100
In báo cáo fax theo cách thủ công.	100
Gửi fax từ máy tính.	100
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows).	100
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS).	103
Nhận fax trên máy tính.	104
Kiểm tra fax mới (Windows).	105
Kiểm tra fax mới (Mac OS).	106
Hủy tính năng lưu các bản fax đến vào máy tính.	107

Bảo trì máy in

Kiểm tra tình trạng vật tư tiêu hao.	109
Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy.	109
Cải thiện chất lượng in, sao chụp, quét và fax.	112
Kiểm tra và vệ sinh đầu in.	112
Chạy Vệ Sinh Tăng Cường.	114
Ngăn ngừa tắc kim phun.	115
Căn chỉnh Đầu In.	115
Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn	115
Vệ sinh Kính Máy Scan.	116
Làm sạch ADF.	117
Vệ sinh phim mờ.	119
Vệ sinh máy in.	123
Làm sạch mực bị tràn.	123
Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in.	123
Tiết kiệm điện.	124
Tiết kiệm điện (Bảng điều khiển).	124
Cài đặt hoặc gỡ các ứng dụng riêng rẽ.	124
Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ.	124
Thêm máy in (Chỉ dành cho Mac OS).	127
Gỡ cài đặt ứng dụng.	127
Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển.	129
Vận chuyển và bảo quản máy in.	130

Giải quyết vấn đề

Máy in không hoạt động như mong muốn.	135
Máy in không bật hoặc tắt.	135
Tắt Nguồn Tự Động.	135
Giấy nạp không đúng cách.	135
Không in được.	140
Không thể bắt đầu quét.	157
Không thể gửi hoặc nhận fax.	168
Không thể vận hành máy in như mong muốn.	181
Thông báo hiển thị trên màn hình LCD.	185
Giấy bị kẹt.	186
Gỡ bỏ giấy bị kẹt.	186
Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ ADF.	190
Ngăn ngừa kẹt giấy.	191
Đã đến lúc nạp lại mực cho hộp mực.	192
Phòng ngừa khi xử lý lọ mực.	192
Nạp lại mực cho hộp mực.	193
Đã đến lúc thay thế hộp bảo trì.	199
Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì.	199
Thay thế hộp bảo trì.	199
Chất lượng in, sao chụp, quét và fax kém.	200
Chất lượng in kém.	200
Chất lượng sao chụp kém.	208
Các vấn đề với ảnh quét.	215
Bản fax gửi đi có chất lượng kém.	217
Fax đã nhận có chất lượng kém.	219
Không thể khắc phục sự cố.	220
Không thể giải quyết vấn đề in hoặc sao chụp.	220

Thêm hoặc thay thế máy tính hoặc thiết bị

Kết nối với máy in đã kết nối với mạng.	223
Sử dụng máy in mạng từ máy tính thứ hai.	223
Sử dụng máy in mạng từ thiết bị thông minh.	224
Đặt lại kết nối mạng.	224
Khi thay thế bộ định tuyến không dây.	224
Khi thay đổi máy tính.	225
Thay đổi phương thức kết nối với máy tính.	225
Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển.	226
Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct).	230
Giới thiệu về Wi-Fi Direct.	230
Kết nối với thiết bị qua Wi-Fi Direct.	231
Ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản).	232
Thay đổi cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) như SSID.	233
Kiểm tra tình trạng kết nối mạng.	234

Kiểm tra trạng thái kết nối mạng từ bảng điều khiển.	234
In báo cáo kết nối mạng.	235
In tờ tình trạng mạng.	240
Kiểm tra mạng của máy tính (Chỉ với Windows).	241

Thông tin sản phẩm

Thông tin giấy.	243
Các loại giấy sẵn có và các khả năng.	243
Các loại giấy không khả dụng.	245
Thông tin sản phẩm vật tư tiêu hao.	246
Mã lọ mực.	246
Mã Hộp Bảo Trì.	247
Thông tin về phần mềm.	247
Phần mềm để in.	247
Phần mềm để quét.	251
Phần mềm cho fax.	251
Phần mềm tạo gói.	252
Phần mềm để thực hiện cài đặt.	253
Phần mềm cập nhật.	255
Danh sách menu cài đặt.	255
Cài đặt máy in.	255
Bảo trì.	267
In tờ tình trạng.	268
Bộ đếm bản in.	268
Cài đặt người dùng.	268
Nghiên cứu khách hàng.	269
Phục hồi cài đặt mặc định.	269
Cập nhật firmware.	269
Thông số kỹ thuật của sản phẩm.	270
Thông số kỹ thuật máy in.	270
Thông số kỹ thuật máy quét.	271
Thông số kỹ thuật ADF.	271
Thông số kỹ thuật fax.	272
Sử dụng cổng cho máy in.	272
Thông số kỹ thuật giao diện.	273
Thông số kỹ thuật mạng.	273
Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ.	275
Kích thước.	275
Thông số kỹ thuật điện.	275
Thông số kỹ thuật môi trường.	276
Yêu cầu hệ thống.	277
Thông tin pháp lý.	277
Tiêu chuẩn và phê chuẩn.	277
Giới hạn sao chép.	279

Thông tin quản trị viên

Kết nối máy in với mạng.	281
Trước khi thực hiện kết nối mạng.	281
Kết nối với mạng từ bảng điều khiển.	283
Cài đặt sử dụng máy in.	285
Đăng ký danh bạ.	285
Sử dụng các tính năng fax.	287
Các vấn đề khi thực hiện cài đặt.	296

Nơi nhận trợ giúp

Trang web hỗ trợ kỹ thuật.	300
Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.	300
Trước khi liên hệ với Epson.	300
Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu.	300
Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan.	300
Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc.	301
Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand.	302
Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore.	302
Trợ giúp dành cho người dùng ở Thái Lan.	303
Trợ giúp dành cho người dùng ở Việt Nam.	303
Trợ giúp dành cho người dùng ở Indonesia.	303
Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong.	306
Trợ giúp dành cho người dùng ở Malaysia.	307
Trợ giúp dành cho người dùng ở Ấn Độ.	307
Trợ giúp dành cho người dùng ở Philippines.	307

Hướng dẫn sử dụng

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng.	7
Tìm kiếm thông tin.	7
Chỉ in trang bạn cần.	8
Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này.	8
Thương hiệu.	10
Bản quyền.	10

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng

Các hướng dẫn sử dụng sau đây được kèm theo máy in Epson của bạn. Giống như các hướng dẫn sử dụng, hãy xem các loại thông tin trợ giúp khác nhau có sẵn từ chính máy in hoặc từ ứng dụng phần mềm Epson.

☐ Sổ hướng dẫn an toàn quan trọng (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn các hướng dẫn để đảm bảo sử dụng an toàn máy in này.

☐ Bắt đầu tại đây (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn các thông tin về cách thiết lập máy in và cài đặt phần mềm.

☐ Sổ hướng dẫn sử dụng (hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số)

Hướng dẫn sử dụng này. Sổ hướng dẫn sử dụng này có sẵn các phiên bản PDF và trực tuyến. Cung cấp hướng dẫn và thông tin chung về cách sử dụng máy in, về cài đặt mạng khi sử dụng máy in trên mạng và về cách giải quyết sự cố.

Bạn có thể tải các phiên bản mới nhất của hướng dẫn sử dụng ở trên bằng những cách sau.

☐ Hướng dẫn sử dụng trên giấy

Truy cập trang web hỗ trợ của Epson châu Âu tại <http://www.epson.eu/support>, hoặc trang web hỗ trợ của Epson toàn cầu tại <http://support.epson.net/>.

☐ Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số

Để xem sổ tay hướng dẫn sử dụng trực tuyến, hãy truy cập trang web sau, nhập tên sản phẩm và sau đó vào **Hỗ trợ**.

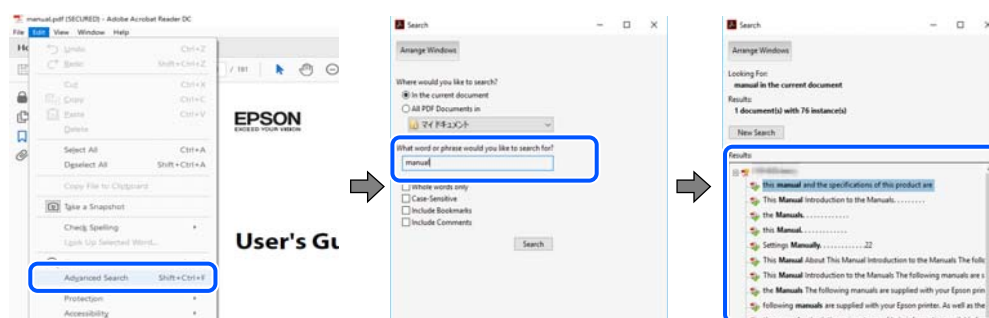
<http://epson.sn>

Tìm kiếm thông tin

Hướng dẫn sử dụng PDF cho phép bạn tìm kiếm thông tin bạn đang tìm kiếm theo từ khóa hoặc chuyển trực tiếp đến các phần cụ thể bằng các dấu trang. Phần này giải thích cách sử dụng hướng dẫn sử dụng PDF đã được mở trong Adobe Acrobat Reader DC trên máy tính của bạn.

Tìm kiếm theo từ khóa

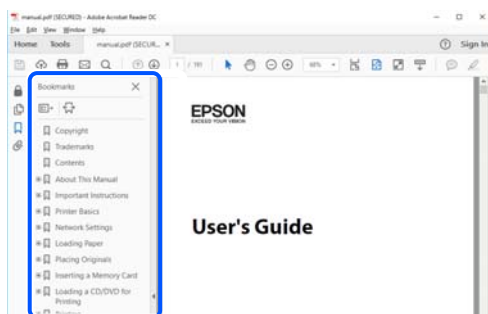
Nhấp vào **Chỉnh sửa > Tìm kiếm nâng cao**. Nhập từ khóa (văn bản) cho thông tin bạn muốn tìm trong cửa sổ tìm kiếm, sau đó nhấp vào **Tìm kiếm**. Các kết quả hiển thị dưới dạng một danh sách. Nhấp vào một trong các kết quả hiển thị để chuyển tới trang đó.



Chuyển ngay từ dấu trang

Nhấp vào một tiêu đề để chuyển tới trang đó. Nhấp vào + hoặc > để xem các tiêu đề ở mức thấp hơn trong phần đó. Để quay về trang trước, thực hiện thao tác sau đây trên bàn phím.

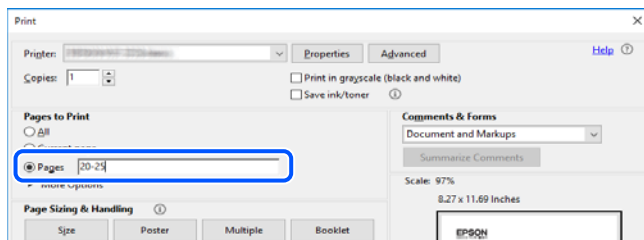
- ❑ Windows: Nhấn và giữ **Alt**, sau đó nhấn **←**.
- ❑ Mac OS: Nhấn giữ phím lệnh, sau đó nhấn **←**.



Chỉ in trang bạn cần

Bạn cũng có thể trích xuất và chỉ in những trang bạn cần. Nhấp vào **In** trong menu **Tệp**, sau đó chỉ định trang bạn muốn in trong **Trang** trong **Trang sẽ in**.

- ❑ Để chỉ định một loạt trang, hãy nhập một dấu nối giữa trang bắt đầu và trang kết thúc.
Ví dụ: 20-25
- ❑ Để chỉ định các trang không nằm trong loạt trang, chia tách các trang bằng dấu phẩy.
Ví dụ: 5, 10, 15



Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Phần này giải thích ý nghĩa của các dấu và ký hiệu, ghi chú về mô tả và thông tin tham khảo hệ điều hành được sử dụng trong hướng dẫn này.

Nhãn và Ký hiệu



Chú ý:

Bạn phải làm theo hướng dẫn để tránh thương tích cơ thể.



Quan trọng:

Bạn phải làm theo hướng dẫn để tránh hư hỏng cho thiết bị.

Lưu ý:

Cung cấp thông tin bổ sung và tham khảo.

Thông tin liên quan

➔ Liên kết đến các phần liên quan.

Ghi chú về ảnh chụp màn hình và hình minh họa

- ☐ Ảnh chụp màn hình của trình điều khiển máy in được lấy từ Windows 10 hoặc macOS High Sierra. Nội dung được hiển thị trong các màn hình thay đổi tùy theo kiểu máy và tình huống.
- ☐ Hình minh họa được sử dụng trong hướng dẫn này chỉ là ví dụ. Mặc dù có thể những khác biệt một chút tùy thuộc vào kiểu máy, phương pháp vận hành vẫn không thay đổi.
- ☐ Một số mục menu trên màn hình LCD thay đổi tùy thuộc vào kiểu máy và thiết lập.
- ☐ Bạn có thể đọc mã QR bằng ứng dụng riêng.

Tham khảo Hệ điều hành

Windows

Trong hướng dẫn này, các thuật ngữ như "Windows 10", "Windows 8.1", "Windows 8", "Windows 7", "Windows Vista", "Windows XP", "Windows Server 2019", "Windows Server 2016", "Windows Server 2012 R2", "Windows Server 2012", "Windows Server 2008 R2", "Windows Server 2008", "Windows Server 2003 R2", và "Windows Server 2003" là nói đến các hệ điều hành sau. Ngoài ra, "Windows" được sử dụng để đề cập đến tất cả các phiên bản.

- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 10
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8.1
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® 7
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista®
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP Professional x64 Edition
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2019
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2016
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003 R2
- ☐ Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003

Mac OS

Trong hướng dẫn này, "Mac OS" được sử dụng để đề cập đến Mac OS X v10.6.8 hoặc mới hơn.

Thương hiệu

❑ Epson Scan 2 software is based in part on the work of the Independent JPEG Group.

❑ libtiff

Copyright © 1988-1997 Sam Leffler

Copyright © 1991-1997 Silicon Graphics, Inc.

Permission to use, copy, modify, distribute, and sell this software and its documentation for any purpose is hereby granted without fee, provided that (i) the above copyright notices and this permission notice appear in all copies of the software and related documentation, and (ii) the names of Sam Leffler and Silicon Graphics may not be used in any advertising or publicity relating to the software without the specific, prior written permission of Sam Leffler and Silicon Graphics.

THE SOFTWARE IS PROVIDED "AS-IS" AND WITHOUT WARRANTY OF ANY KIND, EXPRESS, IMPLIED OR OTHERWISE, INCLUDING WITHOUT LIMITATION, ANY WARRANTY OF MERCHANTABILITY OR FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE.

IN NO EVENT SHALL SAM LEFFLER OR SILICON GRAPHICS BE LIABLE FOR ANY SPECIAL, INCIDENTAL, INDIRECT OR CONSEQUENTIAL DAMAGES OF ANY KIND, OR ANY DAMAGES WHATSOEVER RESULTING FROM LOSS OF USE, DATA OR PROFITS, WHETHER OR NOT ADVISED OF THE POSSIBILITY OF DAMAGE, AND ON ANY THEORY OF LIABILITY, ARISING OUT OF OR IN CONNECTION WITH THE USE OR PERFORMANCE OF THIS SOFTWARE.

❑ QR Code is a registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED in Japan and other countries.

❑ Microsoft®, Windows®, Windows Server®, and Windows Vista® are registered trademarks of Microsoft Corporation.

❑ Apple, Mac, macOS, OS X, Bonjour, Safari, AirPrint, iPad, iPhone, iPod touch, and iTunes are trademarks of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.

❑ Use of the Works with Apple badge means that an accessory has been designed to work specifically with the technology identified in the badge and has been certified by the developer to meet Apple performance standards.

❑ Chrome, Google Play, and Android are trademarks of Google LLC.

❑ Adobe and Adobe Reader are either registered trademarks or trademarks of Adobe Systems Incorporated in the United States and/or other countries.

❑ Firefox is a trademark of the Mozilla Foundation in the U.S. and other countries.

❑ Mopria® and the Mopria® Logo are registered and/or unregistered trademarks and service marks of Mopria Alliance, Inc. in the United States and other countries. Unauthorized use is strictly prohibited.

❑ Thông báo chung: Các tên sản phẩm khác được sử dụng ở đây chỉ nhằm mục đích nhận dạng và có thể là nhãn hiệu của các chủ sở hữu tương ứng. Epson tuyên bố miễn trừ bất kỳ và mọi quyền có trong các nhãn hiệu này.

Bản quyền

Không được tái tạo, lưu trữ phần nào của ấn phẩm này trong hệ thống có thể truy xuất hoặc truyền ở bất cứ dạng nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, photocopy, ghi lại hay nói cách khác là không có sự cho phép trước bằng văn bản của Seiko Epson Corporation. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý về bằng sáng chế đối với việc sử dụng thông tin có ở đây. Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các thiệt hại do việc sử dụng thông tin ở đây. Thông tin có ở đây chỉ được thiết kế để sử dụng với sản phẩm Epson này. Epson không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thông tin này như đã áp dụng với các sản phẩm khác.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó đều không chịu trách nhiệm pháp lý đối với người mua sản phẩm này hoặc các bên thứ ba cho các thiệt hại, mất mát, chi phí hoặc phí mà người mua hoặc bên thứ ba phải chịu do tai nạn, sử dụng sai hoặc lạm dụng sản phẩm này hoặc các sửa đổi, sửa chữa hoặc thay thế trái phép sản phẩm này hoặc (trừ Hoa Kỳ) không tâm thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành và bảo trì của Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại hoặc sự cố nảy sinh từ việc sử dụng mọi tùy chọn hoặc mọi sản phẩm có thể tiêu hao nào ngoài những sản phẩm được chỉ định làm Sản phẩm Epson gốc hoặc Sản phẩm được Epson phê duyệt bởi Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại nảy sinh từ nhiễu điện từ xảy ra từ việc sử dụng cáp giao diện không phải là cáp được chỉ định làm Sản phẩm được Epson phê duyệt của Seiko Epson Corporation.

© 2023 Seiko Epson Corporation

Nội dung của hướng dẫn sử dụng này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn.	13
Lời khuyên và cảnh báo của máy in.	14
Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên.	15
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn.	17

Hướng dẫn an toàn

Đọc và làm theo các hướng dẫn này nhằm đảm bảo sử dụng an toàn máy in này. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này. Đồng thời, hãy chắc chắn làm theo tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên máy in.

- ☐ Một số biểu tượng dùng trên máy in của bạn là nhằm đảm bảo sử dụng máy in an toàn và thích hợp. Truy cập trang web sau để tìm hiểu ý nghĩa của các biểu tượng.
<http://support.epson.net/symbols>
- ☐ Chỉ sử dụng dây điện đi cùng với máy in và không sử dụng dây điện với bất kỳ thiết bị nào khác. Sử dụng các loại dây điện khác với máy in này hoặc sử dụng dây điện đi kèm cho thiết bị khác có thể dẫn đến cháy hoặc giật điện.
- ☐ Hãy chắc chắn rằng dây điện AC của bạn đáp ứng tiêu chuẩn an toàn liên quan tại địa phương.
- ☐ Không tự mình tháo gỡ, sửa đổi hoặc tìm cách sửa chữa dây điện, phích cắm, bộ phận máy in, bộ phận máy quét hoặc các tùy chọn, trừ khi được giải thích cụ thể trong hướng dẫn sử dụng máy in.
- ☐ Rút phích cắm máy in và chuyển việc bảo trì cho nhân viên bảo trì có trình độ chuyên môn trong các điều kiện sau:
Dây điện hoặc phích cắm bị hỏng; chất lỏng vào máy in; máy in bị rơi hoặc vỏ hộp bị hỏng; máy in hoạt động không bình thường hoặc thể hiện sự thay đổi khác biệt về hiệu suất. Không điều chỉnh các nút điều khiển không được đề cập trong hướng dẫn vận hành.
- ☐ Đặt máy in gần ổ cắm điện mà ở đó có thể rút phích cắm dễ dàng.
- ☐ Không đặt hoặc bảo quản máy in ngoài trời, gần nơi quá ẩm hoặc bụi, nước, nguồn nhiệt, hoặc các địa điểm khác chịu sốc, rung, nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- ☐ Cẩn thận không làm tràn chất lỏng lên máy in và không giữ máy in bằng tay ướt.
- ☐ Để máy in cách máy trợ tim ít nhất 22 cm. Sóng vô tuyến từ máy in này có thể gây ảnh hưởng xấu cho việc vận hành của máy trợ tim.
- ☐ Nếu màn hình LCD bị hỏng, hãy liên hệ với đại lý của bạn. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào tay của bạn, hãy rửa tay thật kỹ bằng xà phòng và nước. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Tránh sử dụng điện thoại khi có bão tố. Có thể có nguy cơ giật điện từ xa do sét đánh.
- ☐ Không sử dụng điện thoại để báo cáo về rò rỉ khí gas trong vùng lân cận của nơi rò rỉ.

Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực

- ☐ Cẩn thận không chạm vào mực khi bạn cầm hộp mực, nắp hộp mực và lọ mực đang mở hoặc nắp lọ mực.
 - ☐ Nếu mực dính vào da của bạn, hãy rửa kỹ vùng da bằng xà phòng và nước.
 - ☐ Nếu mực dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
 - ☐ Nếu mực vào miệng của bạn, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- ☐ Không tháo rời hộp bảo trì; nếu không, mực có thể văng vào mắt hoặc lên da của bạn.
- ☐ Không lắc chai mực quá mạnh hoặc làm chai bị va đập mạnh vì điều này có thể khiến mực rò rỉ.
- ☐ Để chai mực và hộp bảo trì ngoài tầm với của trẻ em. Không để trẻ em uống từ chai mực.

Lời khuyên và cảnh báo của máy in

Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn này để tránh làm hỏng máy in hoặc tài sản của bạn. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy In

- ☐ Không chặn hoặc bịt các lối thông hơi hoặc lỗ hở trong máy in.
- ☐ Chỉ sử dụng kiểu nguồn điện được chỉ dẫn trên nhãn của máy in.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm trên cùng mạch với máy photo hoặc hệ thống điều hòa không khí thường xuyên bật và tắt.
- ☐ Tránh sử dụng các ổ cắm điện được điều khiển bởi công tắc trên tường hoặc bộ định thời gian tự động.
- ☐ Giữ toàn bộ hệ thống máy tính tránh xa các nguồn nhiễu điện từ trường tiềm ẩn, như loa hoặc bộ phận cơ sở của điện thoại không dây.
- ☐ Cần đặt dây điện cấp nguồn để tránh bị mài mòn, cắt, gây tước, gấp mép và xoắn. Không đặt các vật lên trên dây điện cấp nguồn và không để dây điện cấp nguồn bị bước lên trên hoặc chạy qua. Đặc biệt cần thận giữ toàn bộ dây điện cấp nguồn thẳng ở các điểm cuối và tại những điểm vào hoặc ra khỏi máy biến thế.
- ☐ Nếu bạn sử dụng dây điện nối dài cùng với máy in, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của các thiết bị cắm vào dây điện kéo dài không vượt quá định mức ampe của dây điện. Đồng thời, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của tất cả các thiết bị cắm vào ổ cắm điện không vượt quá định mức ampe của ổ cắm điện.
- ☐ Nếu bạn định sử dụng máy in ở Đức, hệ thống lắp đặt của tòa nhà phải được bảo vệ bằng cầu dao 10 hoặc 16 amp để cung cấp đủ khả năng bảo vệ ngắn mạch và bảo quá dòng cho máy in.
- ☐ Khi kết nối máy in với máy tính hoặc thiết bị khác bằng dây cáp, hãy đảm bảo hướng chính xác của các đầu nối. Mỗi đầu nối chỉ có một hướng chính xác. Lắp đầu nối theo hướng sai có thể làm hỏng cả hai thiết bị nối với dây cáp.
- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng, ổn định và rộng hơn đế của máy in theo tất cả các hướng. Máy in sẽ không thể vận hành đúng cách nếu bị nghiêng đi một góc.
- ☐ Để một khoảng trống phía trên máy in để bạn có thể nâng hoàn toàn nắp tài liệu.
- ☐ Để đủ khoảng trống phía trước máy in để giấy có thể được đẩy ra hoàn toàn.
- ☐ Tránh các vị trí chịu sự thay đổi nhanh chóng của nhiệt độ và độ ẩm. Đồng thời, giữ máy in tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nguồn sáng mạnh hoặc nguồn nhiệt.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In

- ☐ Không chèn các vật qua các khe trong máy in.
- ☐ Không đặt tay của bạn vào bên trong máy in khi đang in.
- ☐ Không chạm vào dây cáp det màu trắng và các ống mực bên trong máy in.
- ☐ Không sử dụng các sản phẩm aerosol chứa khí gas dễ cháy bên trong hoặc xung quanh máy in. Làm như vậy có thể gây ra cháy.
- ☐ Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Cẩn thận không để kẹp ngón tay của bạn khi đóng bộ phận máy quét.
- ☐ Không ấn quá mạnh lên kính máy scan khi đặt các bản gốc.

- ☐ Kéo dài việc sử dụng máy in khi mức mực nằm dưới vạch phía dưới có thể làm hỏng máy in. Nạp mực đến vạch trên của hộp mực trong khi máy in không hoạt động. Để hiển thị mức mực ước tính chính xác, hãy đặt lại mức mực sau khi nạp mực vào hộp.
- ☐ Luôn tắt máy in bằng nút . Không rút phích cắm của máy in hoặc tắt nguồn tại ổ cắm khi đèn  vẫn chưa ngừng nhấp nháy.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng máy in trong một khoảng thời gian dài, hãy chắc chắn rút phích cắm dây điện ra khỏi ổ điện.

Các Khuyến Cáo Và Cảnh Báo Về Việc Sử Dụng Màn Hình Cảm Ứng

- ☐ Màn hình LCD có thể có một vài điểm sáng hoặc tối nhỏ, và vì những tính năng của màn hình, màn hình có thể có độ sáng không đều. Điều này là bình thường và không phải là chỉ báo cho thấy màn hình bị hỏng theo bất kỳ cách nào.
- ☐ Chỉ sử dụng vải khô và mềm để lau màn hình. Không sử dụng chất làm sạch hóa học hoặc chất lỏng.
- ☐ Vỏ ngoài của màn hình cảm ứng có thể vỡ nếu bị tác động mạnh. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng nếu bề mặt màn hình bị nứt hoặc vỡ, và không được chạm hay cố gỡ bỏ các mảnh bị vỡ.
- ☐ Ấn nhẹ màn hình cảm ứng bằng ngón tay. Đừng ấn mạnh hoặc sử dụng móng tay.
- ☐ Không dùng các vật nhọn như bút bi hoặc bút chì nhọn để thực hiện các thao tác.
- ☐ Sự ngưng tụ bên trong màn hình cảm ứng do sự thay đổi đột ngột về nhiệt độ hay độ ẩm có thể khiến cho hiệu suất hoạt động suy giảm.

Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây

- ☐ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của thiết bị điện tử y tế, khiến cho chúng gặp lỗi. Khi sử dụng máy in này bên trong các cơ sở y tế hoặc gần thiết bị y tế, hãy thực hiện theo các chỉ dẫn từ nhân viên có thẩm quyền đại diện cho các cơ sở y tế, và thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên thiết bị y tế.
- ☐ Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các thiết bị điều khiển tự động như của tự động hoặc chuông báo cháy, và có thể dẫn đến tai nạn do lỗi. Khi sử dụng máy in này gần các thiết bị điều khiển tự động, hãy thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên các thiết bị này.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In

- ☐ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.
- ☐ Trước khi vận chuyển máy in, đảm bảo rằng đầu in ở vị trí gốc (tận cùng bên phải).

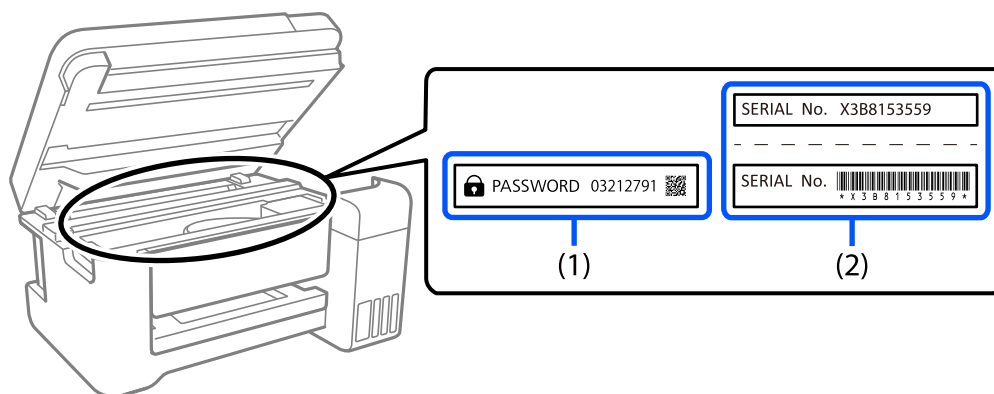
Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên

Máy in này cho phép bạn cài mật khẩu quản trị viên để ngăn chặn truy cập trái phép hoặc những thay đổi đối với cài đặt thiết bị và cài đặt mạng được lưu trữ trên sản phẩm khi kết nối mạng.

Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên

Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên được in trên nhãn trên chính sản phẩm, ví dụ như nhãn hiển thị. Vị trí dán nhãn tùy vào sản phẩm, chẳng hạn như ở mặt mở nắp, mặt sau hoặc mặt dưới.

Hình minh họa sau đây là ví dụ về vị trí dán nhãn ở mặt mở nắp máy in.



Nếu dán cả nhãn (1) và (2) thì giá trị bên cạnh MẬT KHẨU được ghi trên nhãn trong (1) là giá trị mặc định. Trong ví dụ này, giá trị mặc định là 03212791.

Nếu chỉ dán nhãn (2) thì số serial in trên nhãn trong (2) là giá trị mặc định. Trong ví dụ này, giá trị mặc định là X3B8153559.

Thay đổi mật khẩu quản trị viên

Vì lý do bảo mật, bạn nên thay đổi mật khẩu ban đầu.

Nó có thể được thay đổi từ Web Config và Epson Device Admin. Khi thay đổi mật khẩu, hãy cài mật khẩu có ít nhất 8 ký tự chữ và số một byte và ký hiệu.

Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)

Các thao tác yêu cầu bạn nhập mật khẩu quản trị viên

Nếu được nhắc nhập mật khẩu quản trị viên khi thực hiện các thao tác sau, hãy nhập mật khẩu quản trị viên được thiết lập trên máy in.

- ☐ Khi cập nhật phần mềm điều khiển của máy in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh
- ☐ Khi đăng nhập vào phần cài đặt nâng cao của Web Config
- ☐ Khi thiết lập bằng một ứng dụng, chẳng hạn như Fax Utility, mà có thể thay đổi cài đặt của máy in

Khởi tạo mật khẩu quản trị viên

Bạn có thể chuyển mật khẩu quản trị viên trở về cài đặt mặc định bằng cách khởi tạo cài đặt mạng.

Thông tin liên quan

➔ [“Phục hồi cài đặt mặc định” ở trang 269](#)

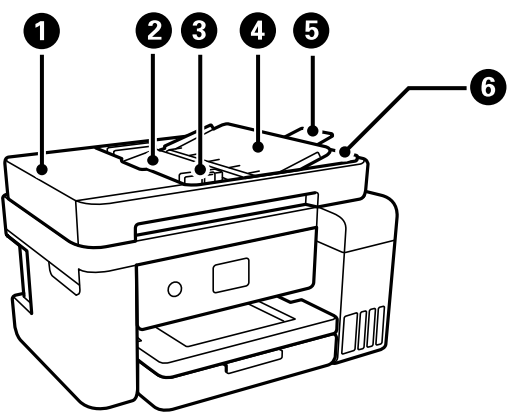
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn

Khi bạn đưa máy in cho người khác hoạt vất bỏ máy in, hãy xóa toàn bộ thông tin cá nhân được lưu trữ trong bộ nhớ của máy in bằng cách chọn **Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định > Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt** trên bảng điều khiển.

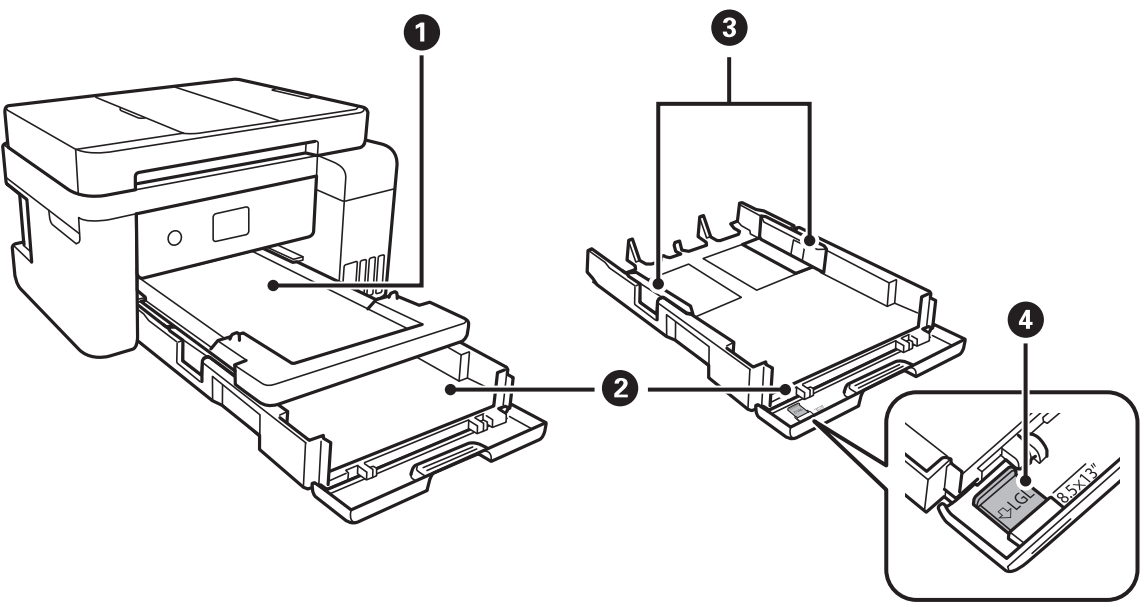
Tên và chức năng của các bộ phận

Tên và chức năng của các bộ phận. 19

Tên và chức năng của các bộ phận

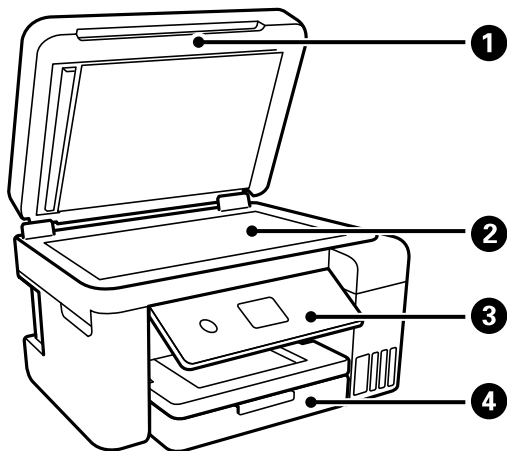


❶	Nắp ADF (Khay nạp tài liệu tự động)	Mở khi loại bỏ bản gốc bị kẹt trong ADF.
❷	Khay đầu vào ADF	Tự động nạp bản gốc.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh ADF	Nạp bản gốc thẳng vào máy in. Trượt đến mép của bản gốc.
❹	Bộ phận đỡ tài liệu ADF	Đỡ bản gốc.
❺	Phần mở rộng khay nhận giấy ADF	Giữ bản gốc theo khổ legal được nhả ra từ ADF. Đảm bảo bạn kéo dài bộ phận này khi quét bản gốc theo khổ legal bằng ADF.
❻	Khay đầu ra ADF	Giữ bản gốc được nhả ra từ ADF.

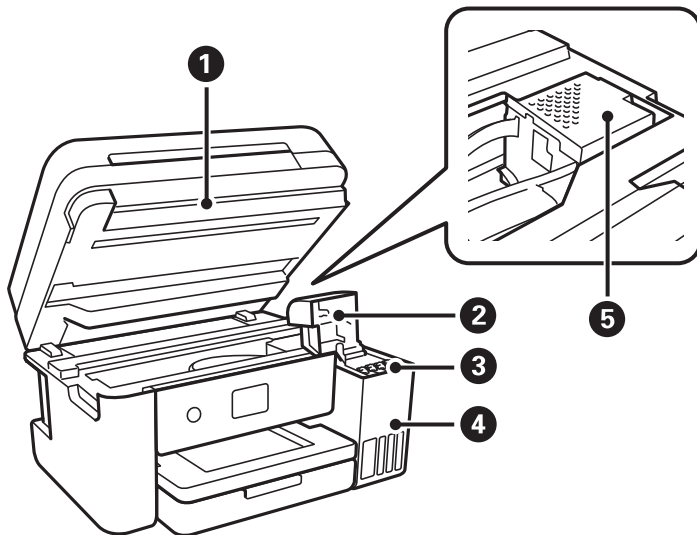


❶	Khay đầu ra	Giữ giấy được đẩy ra.
❷	Hộc đựng giấy	Nạp giấy.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh	Nạp giấy thẳng vào máy in. Trượt đến mép của giấy.

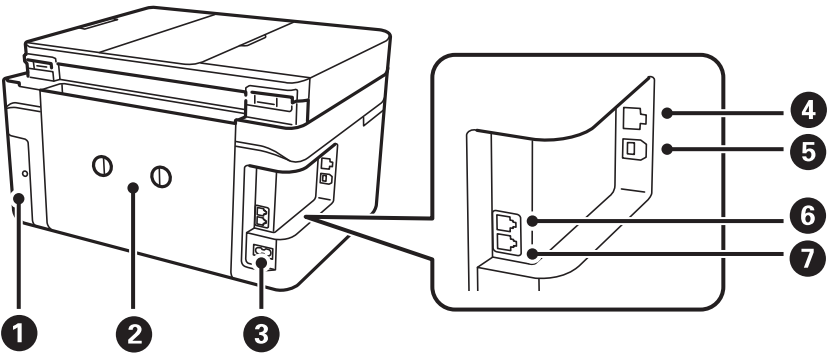
④	Phần mở rộng hướng giấy	Trượt ra ngoài để nạp giấy có kích thước lớn hơn khổ A4.
---	-------------------------	--



①	Nắp tài liệu	Chặn ánh sáng bên ngoài khi đang quét.
②	Kính máy scan	Đặt bản gốc vào.
③	Bảng điều khiển	Cho phép bạn thực hiện cài đặt và các thao tác trên máy in.
④	Nắp trước	Mở để nạp giấy vào hộp đựng giấy.



①	Bộ phận máy quét	Quét bản gốc đã đặt vào. Mở để nạp lại hộp mực hoặc tháo giấy bị kẹt. Bộ phận này thường phải luôn đóng lại.
②	Nắp hộp mực	Mở để nạp lại hộp mực.
③	Hộp giữ mực (Hộp mực)	Cấp mực cho đầu in.
④	Bộ phận hộp mực	Chứa các hộp mực.
⑤	Đầu in	Mực bị đẩy ra từ kim phun đầu in bên dưới.

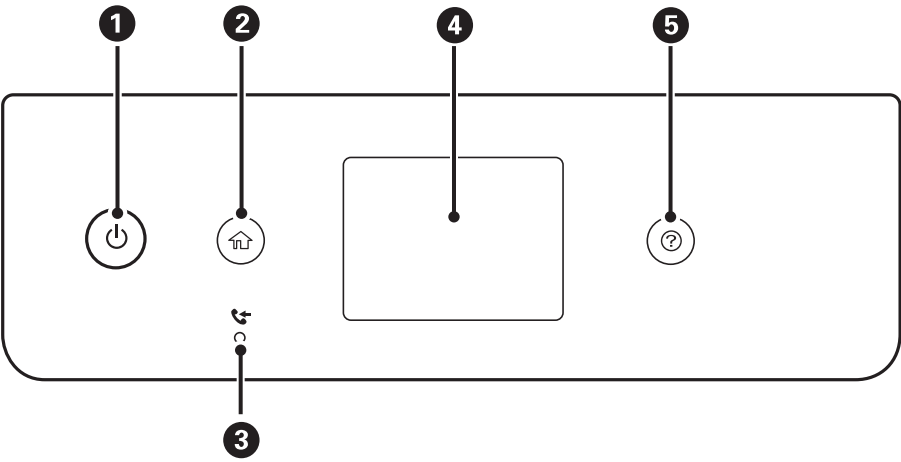


❶	Nắp hộp bảo trì	Tháo khi thay hộp bảo trì. Hộp bảo trì là một hộp chứa thu gom một lượng rất nhỏ mực thừa trong khi vệ sinh hoặc in.
❷	Nắp đậy phía sau	Tháo khi loại bỏ giấy bị kẹt.
❸	Lối vào AC	Kết nối với dây điện nguồn.
❹	Cổng LAN	Kết nối cáp LAN.
❺	Cổng USB	Cắm cáp USB để kết nối với máy tính.
❻	Cổng EXT.	Kết nối với thiết bị điện thoại ngoài.
❼	Cổng LINE	Kết nối đường điện thoại.

Hướng dẫn đến bảng điều khiển

Bảng điều khiển.	23
Các thao tác màn hình cảm ứng.	23
Cấu hình màn hình chính.	24
Cấu hình màn hình menu.	26
Nhập các ký tự.	27
Xem hoạt ảnh.	27

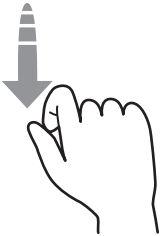
Bảng điều khiển

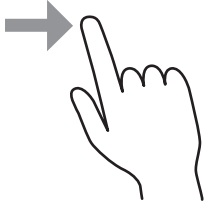
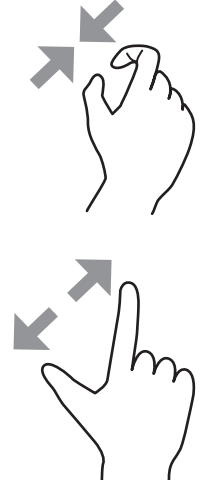


1	Bật hoặc tắt máy in. Rút phích cắm điện sau khi kiểm tra thấy đèn nguồn tắt.
2	Hiển thị màn hình chính.
3	Bật khi các tài liệu đã nhận — chưa được đọc, in hoặc lưu — được lưu trữ vào bộ nhớ máy in.
4	Hiển thị các menu và thông báo.
5	Hiển thị những giải pháp khi bạn gặp sự cố.

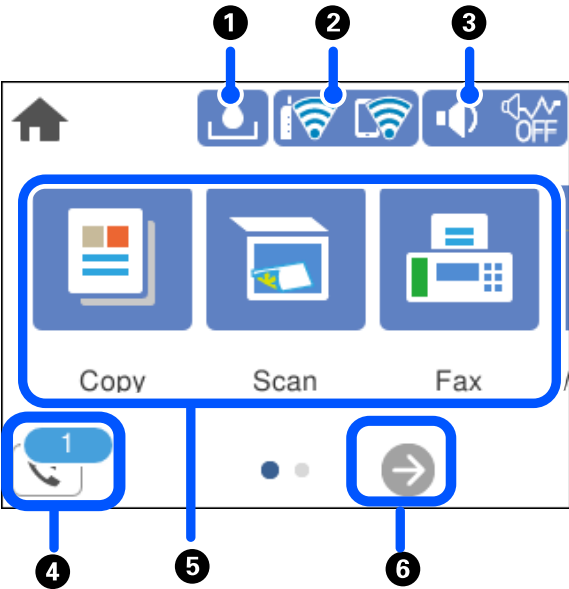
Các thao tác màn hình cảm ứng

Màn hình cảm ứng tương thích với các thao tác sau.

Chạm		Nhấn hoặc chọn các mục hoặc biểu tượng.
Gõ nhẹ		Cuộn nhanh màn hình.

Trượt		Giữ và di chuyển các mục.
Chạm ngón tay vào Duỗi ngón tay ra		Phóng to hoặc thu nhỏ ảnh xem trước trên bảng điều khiển khi in ảnh.

Cấu hình màn hình chính



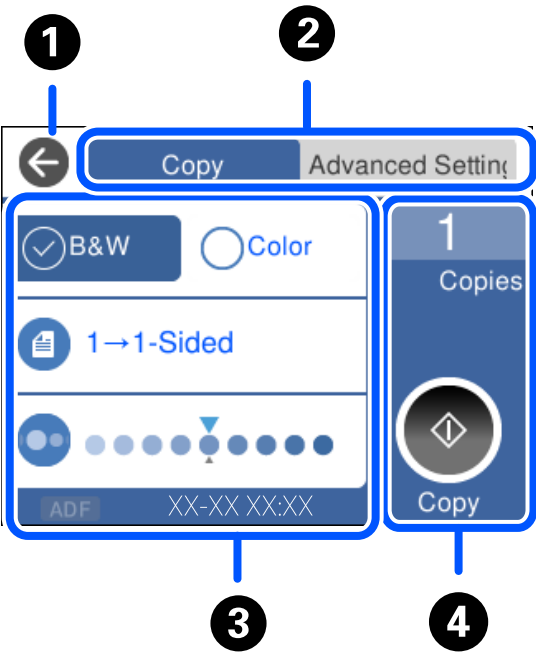
1		Hiển thị màn hình Dung tích còn lại của Hộp bảo trì. Bạn có thể kiểm tra tuổi thọ hoạt động gần đúng của hộp bảo trì.
2		Hiển thị trạng thái kết nối mạng. Xem phần sau đây để biết thêm chi tiết. "Hướng dẫn cho biểu tượng mạng" ở trang 25

3		Hiển thị màn hình Cài đặt âm thanh thiết bị. Bạn có thể đặt Tắt âm và Chế độ không ồn. Bạn cũng có thể truy cập menu Âm thanh từ màn hình này. Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt này từ menu Cài đặt. Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản > Âm thanh <table><tr><td></td><td>Cho biết Chế độ không ồn có được đặt cho máy in hay không. Khi tính năng này được bật, tiếng ồn phát ra khi máy in hoạt động sẽ giảm xuống nhưng tốc độ máy in có thể chậm đi. Tuy nhiên, có thể không giảm được tiếng ồn tùy thuộc vào loại giấy và chất lượng in đã chọn.</td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td>Cho biết Tắt âm đã được đặt cho máy in.</td></tr></table>		Cho biết Chế độ không ồn có được đặt cho máy in hay không. Khi tính năng này được bật, tiếng ồn phát ra khi máy in hoạt động sẽ giảm xuống nhưng tốc độ máy in có thể chậm đi. Tuy nhiên, có thể không giảm được tiếng ồn tùy thuộc vào loại giấy và chất lượng in đã chọn.				Cho biết Tắt âm đã được đặt cho máy in.
	Cho biết Chế độ không ồn có được đặt cho máy in hay không. Khi tính năng này được bật, tiếng ồn phát ra khi máy in hoạt động sẽ giảm xuống nhưng tốc độ máy in có thể chậm đi. Tuy nhiên, có thể không giảm được tiếng ồn tùy thuộc vào loại giấy và chất lượng in đã chọn.							
								
	Cho biết Tắt âm đã được đặt cho máy in.							
4		Hiển thị màn hình Thông tin dữ liệu fax. Số hiển thị cho biết số bản fax chưa được đọc, in hoặc lưu.						
5	Hiển thị mỗi menu. ☐ Sao chụp Cho phép bạn sao chụp tài liệu. ☐ Scan Cho phép bạn quét tài liệu và lưu vào máy tính. ☐ Fax Cho phép bạn gửi fax. ☐ Bảo trì Hiển thị các menu được đề xuất để cải thiện chất lượng bản in như khắc phục kim phun bị tắc bằng cách in mẫu kiểm tra kim phun và thực hiện vệ sinh đầu in và cải thiện tình trạng mờ hoặc dải vạch trong bản in bằng cách căn chỉnh đầu in. Bạn cũng có thể thực hiện cài đặt này từ menu Cài đặt. Cài đặt > Bảo trì ☐ Cài đặt Cho phép bạn thực hiện các cài đặt liên quan đến bảo trì, cài đặt máy in và vận hành.							
6		Cuộn màn hình sang phải.						

Hướng dẫn cho biểu tượng mạng

	Máy in không được kết nối với mạng có dây (Ethernet) hoặc đã bỏ đặt kết nối.
	Máy in được kết nối với mạng có dây (Ethernet).
	Máy in không được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi).
	Máy in đang tìm kiếm SSID, địa chỉ IP đã bỏ đặt hoặc đang xảy ra sự cố với mạng không dây (Wi-Fi).
	Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi). Số vạch cho biết cường độ tín hiệu của kết nối. Càng có nhiều vạch, kết nối càng mạnh.
	Máy in không được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi) trong chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản).
	Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi) trong chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản).

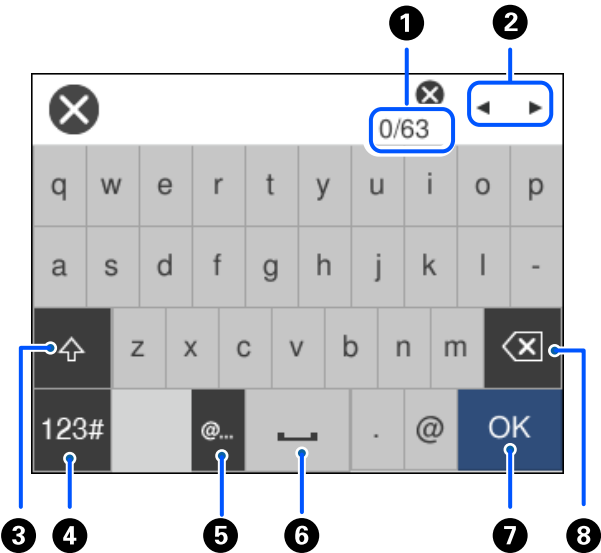
Cấu hình màn hình menu



❶	Quay lại màn hình trước.	
❷	Chuyển đổi danh sách cài đặt bằng các tab. Tab Cài đặt nâng cao hiển thị các mục khác mà bạn có thể đặt khi cần thiết.	
❸	Hiển thị danh sách các mục cài đặt. Khi ⓘ hiển thị, bạn xem thông tin bổ sung bằng cách chọn biểu tượng. Thực hiện cài đặt bằng cách chọn mục hoặc thêm dấu kiểm. Các mục chuyển sang màu xám là các mục không khả dụng. Chọn mục bằng cách xem lý do mục không khả dụng. Nếu có vấn đề xảy ra, ⚠ được hiển thị trên mục. Chọn biểu tượng để xem cách xử lý vấn đề.	
❹	Bản sao	Hiển thị bàn phím trên màn hình để bạn nhập số bản sao.
	⬠	Bắt đầu in, sao chụp, quét hoặc gửi fax.

Nhập các ký tự

Bạn có thể nhập các ký tự và biểu tượng bằng cách sử dụng bàn phím trên màn hình khi thực hiện các cài đặt mạng, v.v.



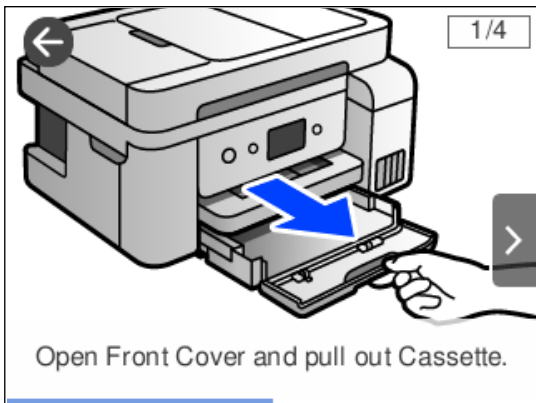
1	Cho biết số ký tự.
2	Di chuyển con trỏ đến vị trí nhập.
3	Chuyển đổi giữa chữ hoa và chữ thường.
4	Chuyển đổi kiểu ký tự. ABC: Bảng chữ cái 123#: Số và ký hiệu
5	Nhập URL hoặc địa chỉ miền email thường dùng bằng cách chọn mục đó.
6	Nhập dấu cách.
7	Nhập ký tự.
8	Xóa một ký tự bên trái. Xóa một ký tự bên phải khi con trỏ ở đầu dòng và không có ký tự bên trái.

Xem hoạt ảnh

Bạn có thể xem hoạt ảnh về hướng dẫn vận hành như nạp giấy hoặc lấy giấy bị kẹt trên màn hình LCD.

☐ Chọn : Hiển thị màn hình trợ giúp. Chọn **Cách làm** và chọn các mục bạn muốn xem.

- ❑ Chọn **Cách làm** ở cuối màn hình thao tác: Hiển thị hoạt ảnh thay đổi theo ngữ cảnh.

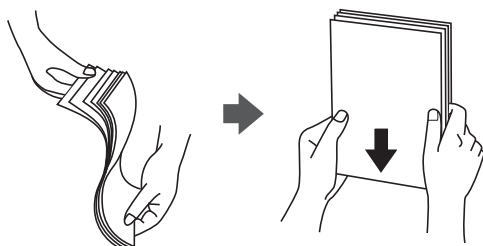


Nạp giấy

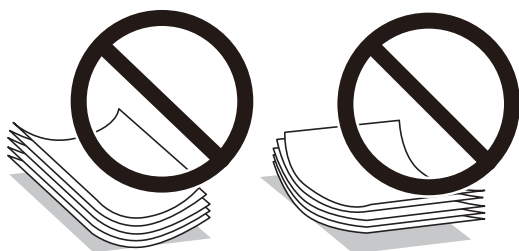
Thận trọng khi xử lý giấy.	30
Cài đặt khổ giấy và loại giấy.	30
Nạp giấy.	32

Thận trọng khi xử lý giấy

- ❑ Hãy đọc tờ hướng dẫn đi cùng với giấy.
- ❑ Để có bản in chất lượng cao với giấy Epson chính hãng, hãy sử dụng giấy trong môi trường nêu trên các trang đi kèm giấy.
- ❑ Vuốt và căn thẳng mép của giấy trước khi nạp vào. Không vuốt hoặc uốn giấy ảnh. Làm như vậy có thể làm hỏng mặt có thể in được.



- ❑ Nếu giấy bị cong, hãy làm phẳng hoặc uốn nhẹ theo chiều ngược lại trước khi nạp vào. In trên giấy cong có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.



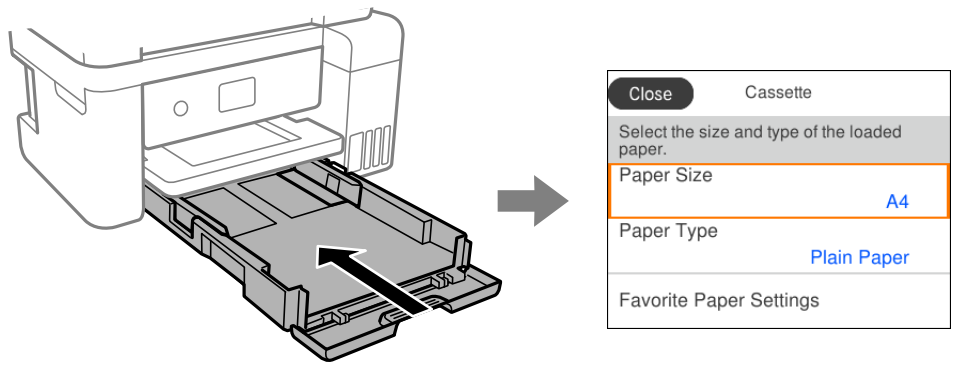
- ❑ Các vấn đề về nạp giấy có thể xảy ra thường xuyên đối với in 2 mặt thủ công khi in trên một mặt của giấy đã in sẵn. Giảm số lượng tờ giấy xuống còn một nửa hoặc ít hơn hoặc nạp một tờ giấy mỗi lần in nếu kẹt giấy vẫn tiếp tục xảy ra.
- ❑ Đảm bảo bạn đang sử dụng giấy thớ dài. Nếu không chắc về loại giấy bạn đang sử dụng, hãy kiểm tra bao bì giấy hoặc liên hệ với nhà sản xuất để xác nhận các thông số kỹ thuật của giấy.
- ❑ Vuốt và căn thẳng mép của phong bì trước khi nạp vào. Khi phong bì xếp chồng bị phồng lên do không khí, ấn chúng xuống để làm phẳng trước khi nạp vào.



Cài đặt khổ giấy và loại giấy

Nếu bạn đăng ký kích thước và loại giấy trên màn hình hiển thị khi nạp giấy, máy in sẽ thông báo cho bạn khi thông tin đã đăng ký và cài đặt in khác nhau. Điều này giúp bạn không lãng phí giấy và mực bằng cách đảm bảo rằng bạn không in trên khổ giấy sai hoặc in sai màu do sử dụng các cài đặt không khớp với loại giấy.

Màn hình này không hiển thị khi bạn đã tắt tùy chọn **Tự động hiển thị thiết lập giấy**. Nếu tắt tính năng này, bạn không thể in từ iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng AirPrint.



Nếu kích thước và loại giấy được hiển thị khác với giấy đã nạp, hãy chọn mục cần thay đổi. Nếu cài đặt khớp với giấy đã nạp, hãy đóng màn hình.

Lưu ý:
Bạn cũng có thể hiển thị màn hình cài đặt kích thước giấy và kiểu giấy bằng cách chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt nguồn giấy** > **Cài đặt giấy**.

Thông tin liên quan

➡ “**Tự động hiển thị thiết lập giấy:**” ở trang 258

Danh sách loại giấy

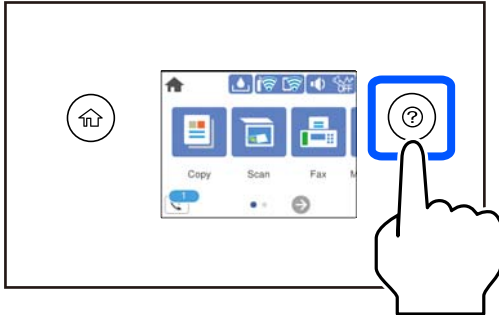
Để có được kết quả in tối ưu, hãy chọn loại giấy phù hợp với giấy.

Tên phương tiện	Loại phương tiện	
	Bảng điều khiển	Trình điều khiển máy in
Epson Bright White Ink Jet Paper	Giấy thường	Giấy thường
Epson Ultra Glossy Photo Paper	Giấy siêu bóng	Epson Ultra Glossy
Epson Premium Glossy Photo Paper Epson Value Glossy Photo Paper	Cao cấp Bóng	Epson Premium Glossy
Epson Premium Semigloss Photo Paper	Cao cấp Hơi bóng	Epson Premium Semigloss
Epson Photo Paper Glossy	Giấy bóng	Photo Paper Glossy
Epson Matte Paper-Heavyweight Epson Double-Sided Matte Paper	Giấy mờ	Epson Matte
Epson Photo Quality Ink Jet Paper Epson Double-sided Photo Quality Ink Jet Paper Epson Photo Quality Self Adhesive Sheets	Giấy ảnh in phun	Epson Photo Quality Ink Jet

Nạp giấy

Bạn có thể nạp giấy hoặc phong bì bằng cách tham khảo các hình ảnh động được hiển thị trên màn hình LCD của máy in.

Chọn , sau đó chọn **Cách làm** > **Nạp giấy**.



Nếu bạn muốn dừng xem ảnh động, hãy đóng màn hình.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30](#)

Các biện pháp thận trọng khi nạp giấy tiêu đề thư

- ☐ Với giấy tiêu đề thư, chọn **Phần in sẵn có đầu để làm kiểu giấy**.
- ☐ Với giấy tiêu đề thư, nếu bạn in trên giấy nhỏ hơn cài đặt trong trình điều khiển máy in, máy in có thể in ra ngoài mép giấy và có thể dẫn đến những vết mực bẩn trên bản in và mực thừa tích tụ bên trong máy in. Đảm bảo rằng bạn chọn đúng cài đặt kích thước giấy.
- ☐ In 2 mặt và in không viền không có sẵn với giấy tiêu đề thư. Cũng vậy, tốc độ in có thể chậm hơn.

Đặt bản gốc

Đặt bản gốc.	34
Bản gốc không được ADF hỗ trợ.	35

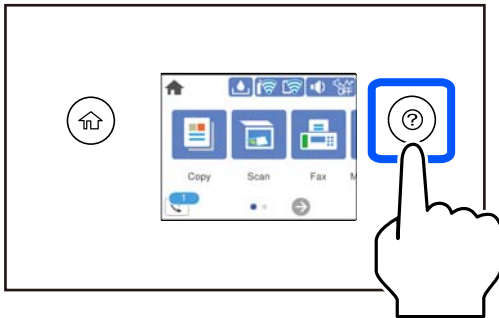
Đặt bản gốc

Đặt bản gốc lên kính máy quét hoặc ADF.

Bạn có thể đặt nhiều bản gốc vào ADF.

Thực hiện theo các bước dưới đây để xem hình động thể hiện cách đặt bản gốc.

Chọn , sau đó chọn **Cách làm > Đặt các bản gốc**. Chọn phương pháp đặt bản gốc mà bạn muốn xem. Chọn **Kết thúc** để đóng màn hình hình động.



Khi sử dụng kính máy quét



Chú ý:

Cẩn thận không để kẹp ngón tay của bạn khi đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.

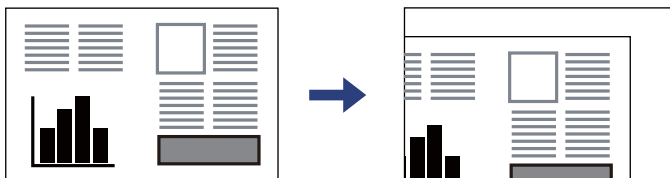


Quan trọng:

- ☐ Khi đặt bản gốc dày như sách, tránh để ánh sáng bên ngoài chiếu trực tiếp lên kính máy quét.
- ☐ Không ấn quá mạnh lên kính máy quét hoặc nắp tài liệu. Nếu không, chúng có thể bị hỏng.

Lưu ý:

- ☐ Nếu có rác hoặc bụi bẩn trên kính máy quét, phạm vi quét có thể mở rộng để bao trùm cả vết bẩn này, khiến cho hình ảnh của bản gốc có thể bị sai vị trí hoặc nhỏ đi. Loại bỏ rác và bụi bẩn trên kính máy quét trước khi quét.



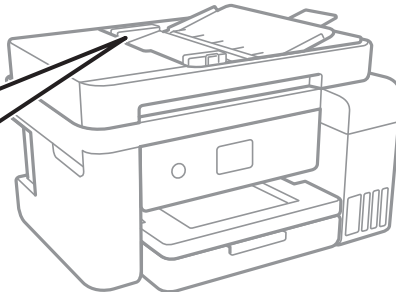
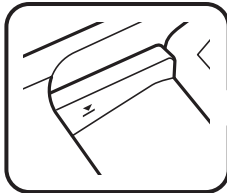
- ☐ Khoảng cách 1,5 mm từ góc kính máy quét sẽ không được quét.
- ☐ Khi bản gốc được đặt vào ADF và trên kính máy quét, bản gốc trong ADF có mức độ ưu tiên cao hơn.
- ☐ Nếu bạn để bản gốc trên kính máy quét trong một thời gian dài, chúng có thể dính vào bề mặt kính.

Khi sử dụng ADF



Quan trọng:

- ❑ Không nạp bản gốc vượt quá vạch bên dưới biểu tượng tam giác trong thanh dẫn hướng bên cạnh của ADF.



- ❑ Không thêm bản gốc khi đang quét.

Thông tin liên quan

➔ [“Bản gốc không được ADF hỗ trợ” ở trang 35](#)

Bản gốc không được ADF hỗ trợ



Quan trọng:

Không nạp ảnh hoặc tác phẩm nghệ thuật gốc có giá trị vào ADF. Nạp sai có thể làm hỏng hoặc nhàu bản gốc. Quét các tài liệu này trên kính máy quét thay vào đó.

Để tránh bị kẹt giấy, đừng đặt các bản gốc sau đây lên ADF. Đối với những loại này, hãy sử dụng kính máy quét.

- ❑ Các bản gốc bị rách, gấp lại, nhàu, bị hỏng hoặc uốn cong
- ❑ Các bản gốc có lỗ đóng sách
- ❑ Các bản gốc được giữ cùng với nhau bằng băng dính, ghim, kẹp giấy, v.v.
- ❑ Các bản gốc có nhãn dán hoặc nhãn gắn trên đó
- ❑ Các bản gốc được cắt không bình thường hoặc không có góc vuông
- ❑ Các bản gốc được đóng lại với nhau
- ❑ OHP, giấy truyền nhiệt hoặc giấy than

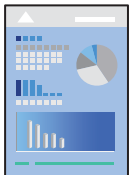
In

In tài liệu.	37
In trên phong bì.	62
In trang web.	63
In bằng dịch vụ đám mây.	64

In tài liệu

In từ máy tính — Windows

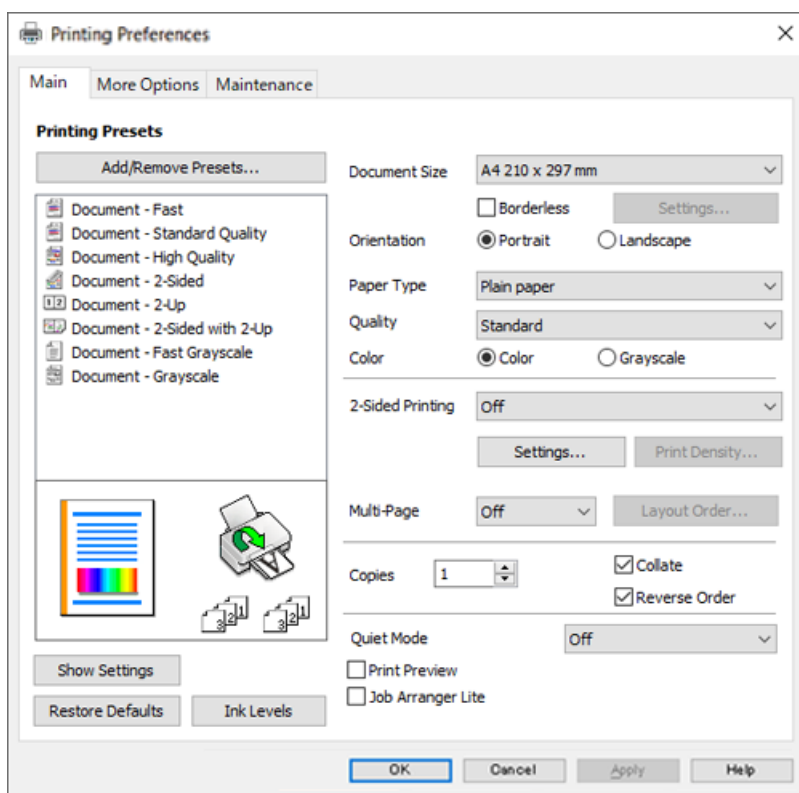
In bằng các cài đặt dễ dàng



Lưu ý:

Các thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Nạp giấy vào máy in.
“Nạp giấy” ở trang 32
2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**.
4. Chọn máy in của bạn.
5. Chọn **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính** để truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.



6. Thay đổi cài đặt khi cần thiết.

Bạn có thể xem trợ giúp trực tuyến để biết giải thích cho từng mục cài đặt. Nhấp chuột phải vào mục hiển thị **T.giúp**.

7. Nhấp vào **OK** để đóng cửa sổ trình điều khiển máy in.
8. Nhấp vào **In**.

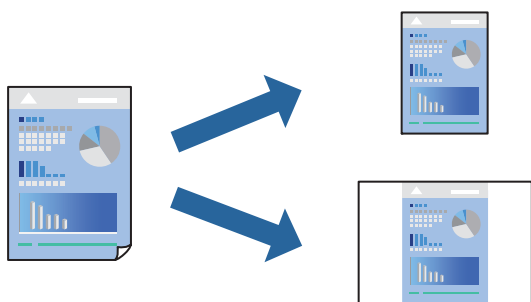
Thông tin liên quan

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 31

Thêm cài đặt sẵn để in dễ dàng

Nếu bạn tạo thiết lập sẵn của riêng bạn cho các thiết lập in được sử dụng thường xuyên trên trình điều khiển máy in, bạn có thể in dễ dàng bằng cách chọn thiết lập sẵn từ danh sách.



1. Trên tab **Chính** hoặc **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, đặt từng mục (như **Cỡ tài liệu** và **Loại giấy**).
2. Nhấp vào **Thêm/xóa giá trị cài sẵn** trong **Giá trị in cài sẵn**.
3. Nhập **Tên** và nhập nhận xét nếu cần.
4. Nhấp vào **Lưu**.

Lưu ý:

Để xóa một thiết lập sẵn đã thêm vào, nhấp vào **Thêm/xóa giá trị cài sẵn**, chọn tên thiết lập sẵn mà bạn muốn xóa từ danh sách và sau đó xóa thiết lập sẵn.

5. Nhấp vào **In**.

Lần tới khi bạn muốn in bằng các cài đặt tương tự, hãy chọn tên cài đặt đã đăng ký tại **Giá trị in cài sẵn**, và nhấp **OK**.

Thông tin liên quan

➔ “Nạp giấy” ở trang 32

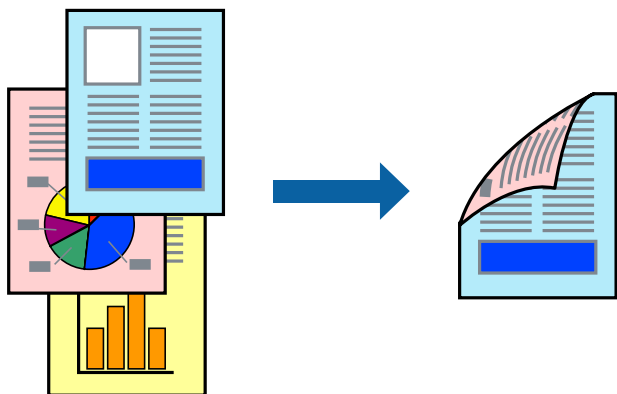
➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In 2 mặt

Bạn có thể sử dụng hai cách sau để in trên cả hai mặt giấy.

- ☐ In 2 mặt tự động
- ☐ In 2 mặt thủ công

Khi máy in in xong mặt đầu, hãy lật giấy qua để in trên mặt kia.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
“Giấy in 2 mặt” ở trang 245
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể chảy qua mặt bên kia của giấy.
- ☐ Bạn không thể thực hiện in 2 mặt thủ công trừ khi **EPSON Status Monitor 3** đang bật. Nếu **EPSON Status Monitor 3** đang tắt, truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.
- ☐ Tuy nhiên, tính năng này có thể không khả dụng khi máy in được truy cập qua mạng hoặc được sử dụng làm máy in dùng chung.

1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn phương thức **In 2 mặt**.
2. Nhấp vào **Cài đặt**, thực hiện các cài đặt thích hợp, sau đó nhấp **Đ.ý**.
3. Nhấp vào **Mật độ in**, đặt các cài đặt thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.

Khi đặt **Mật độ in**, bạn có thể điều chỉnh mật độ in theo loại tài liệu.

Lưu ý:

- ☐ Cài đặt này không có sẵn khi bạn chọn in 2 mặt thủ công.
 - ☐ Quá trình in có thể bị chậm tùy vào sự kết hợp các tùy chọn đã chọn cho **Mật độ in** trong cửa sổ **Chọn loại tài liệu** và cho **C.lượng** trên thẻ **Chính**.
4. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
 5. Nhấp vào **In**.

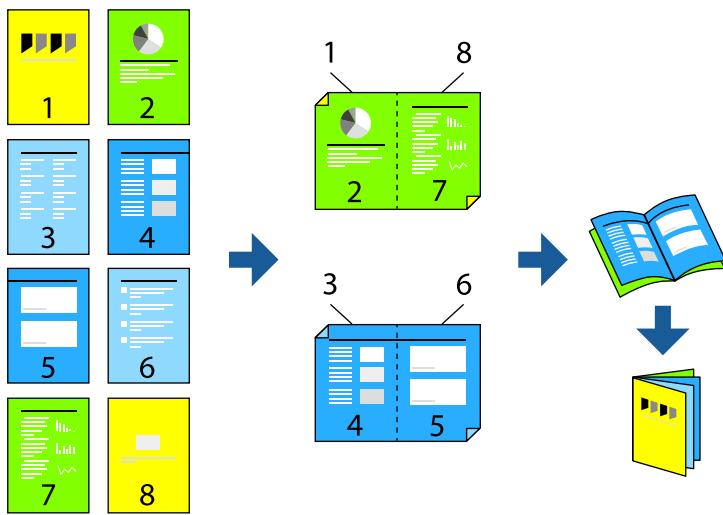
Đối với in 2 mặt thủ công, khi mặt đầu in xong thì một cửa sổ bật lên sẽ hiển thị trên máy tính. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243
- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In sổ nhỏ

Bạn cũng có thể in sổ nhỏ có thể được tạo ra bằng sắp xếp lại các trang và gấp bản in.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
 - ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
“Giấy in 2 mặt” ở trang 245
 - ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể chảy qua mặt bên kia của giấy.
 - ☐ Bạn không thể thực hiện in 2 mặt thủ công trừ khi **EPSON Status Monitor 3** đang bật. Nếu **EPSON Status Monitor 3** đang tắt, truy cập của sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.
 - ☐ Tuy nhiên, tính năng này có thể không khả dụng khi máy in được truy cập qua mạng hoặc được sử dụng làm máy in dùng chung.
1. Trên thẻ **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn loại đóng sách theo cạnh dài mà bạn muốn sử dụng tại **In 2 mặt**.
 2. Nhấp vào **Cài đặt**, chọn **Sách nhỏ**, sau đó chọn **Liên kết giữa** hoặc **Liên kết cạnh**.
 - ☐ Liên kết giữa: Sử dụng phương pháp này khi in một số lượng nhỏ các trang có thể xếp chồng lên nhau và dễ dàng gấp đôi lại.
 - ☐ Liên kết cạnh: Sử dụng phương pháp này khi in một tờ (bốn trang) cùng một lúc, gấp mỗi tờ một nửa, sau đó đặt chúng lại với nhau trong một tập.
 3. Nhấp vào **OK**.

4. Khi in dữ liệu có nhiều ảnh và hình ảnh, nhấp vào **Mật độ in**, sau đó thực hiện các cài đặt thích hợp, rồi nhấn **Đ.ý**.

Khi đặt **Mật độ in**, bạn có thể điều chỉnh mật độ in theo loại tài liệu.

Lưu ý:

Quá trình in có thể bị chậm tùy thuộc vào sự kết hợp các tùy chọn đã chọn cho **Chọn loại tài liệu** trong cửa sổ **Chính** mật độ in và cho **C.lượng** trên thẻ **Chính**.

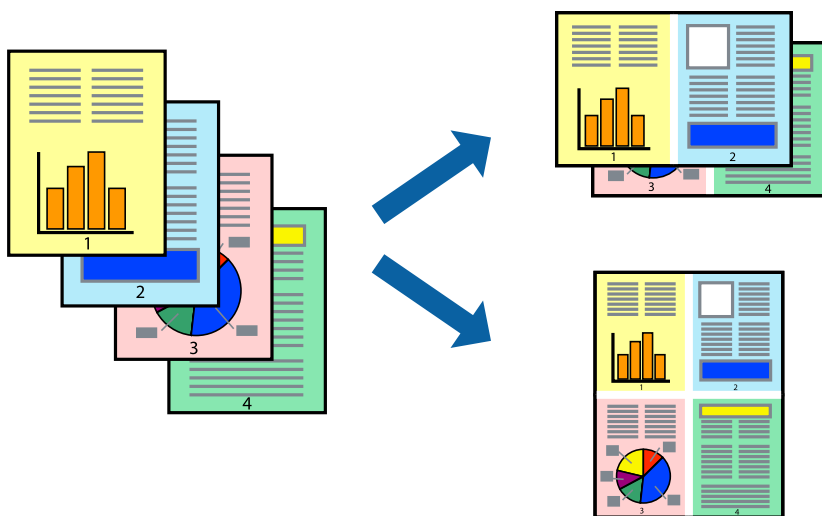
5. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
6. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243
- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in một vài trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



Lưu ý:

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **2 trang trên một mặt**, **4 trang trên một mặt**, **6 trang/tờ**, **8 trang trên một mặt**, **9 trang/tờ** hoặc **16 trang/tờ** cho cài đặt **Nhiều trang**.
2. Nhấp vào **thứ tự sắp xếp**, đặt các cài đặt thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.
3. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
4. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32

➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In vừa khít với khổ giấy

Chọn khổ giấy bạn đã nạp vào máy in là cài đặt Khổ giấy đích.



Lưu ý:

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, thực hiện các cài đặt sau.

- ☐ Cỡ tài liệu: chọn kích thước giấy bạn đã đặt trong cài đặt ứng dụng.
- ☐ Giấy ra: chọn khổ giấy bạn đã nạp vào máy in.
Khớp với trang được chọn tự động.

Lưu ý:

Nhấp vào **Giữa** để in hình ảnh thu nhỏ ở giữa trang giấy.

2. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.

3. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

➔ “Nạp giấy” ở trang 32

➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ ở mức độ phóng đại bất kỳ

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ phần trăm nhất định.



Lưu ý:

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

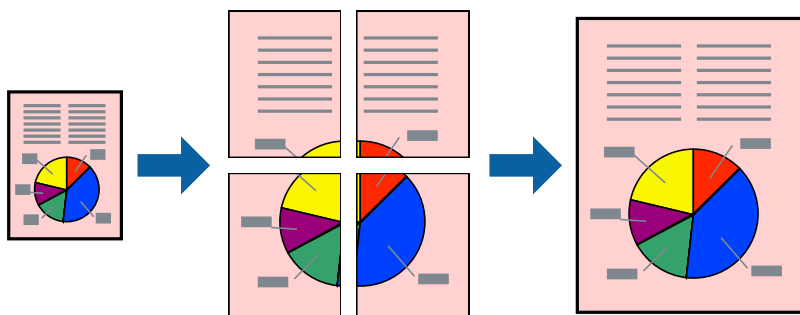
1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn kích thước tài liệu từ cài đặt **Cỡ tài liệu**.
2. Chọn khổ giấy bạn muốn in từ cài đặt **Giấy ra**.
3. Chọn **Thu nhỏ/p.to tài liệu**, **Thu-phóng vẽ**, sau đó nhập tỷ lệ phần trăm.
4. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
5. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➡ “[Nạp giấy](#)” ở trang 32
- ➡ “[In bằng các cài đặt dễ dàng](#)” ở trang 37

In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích)

Tính năng này cho phép bạn in một hình trên nhiều tờ giấy. Bạn có thể tạo áp phích lớn hơn bằng cách dán chúng lại với nhau.



1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Áp phích 2x1**, **Áp phích 2x2**, **Áp phích 3x3** hoặc **Áp phích 4x4** cho cài đặt **Nhiều trang**.

2. Nhấp vào **Cài đặt**, đặt các cài đặt thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.

Lưu ý:

Đường dẫn cắt bản in cho phép bạn in dẫn hướng cắt.

3. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.

4. Nhấp vào **In**.

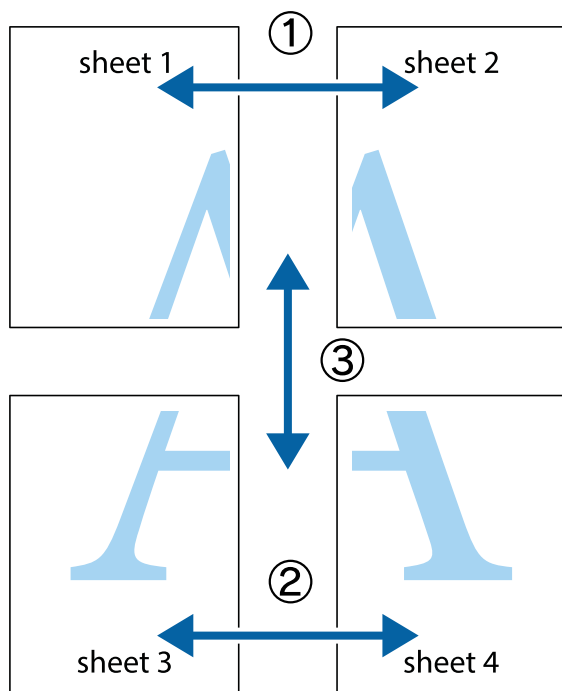
Thông tin liên quan

➔ “[Nạp giấy](#)” ở trang 32

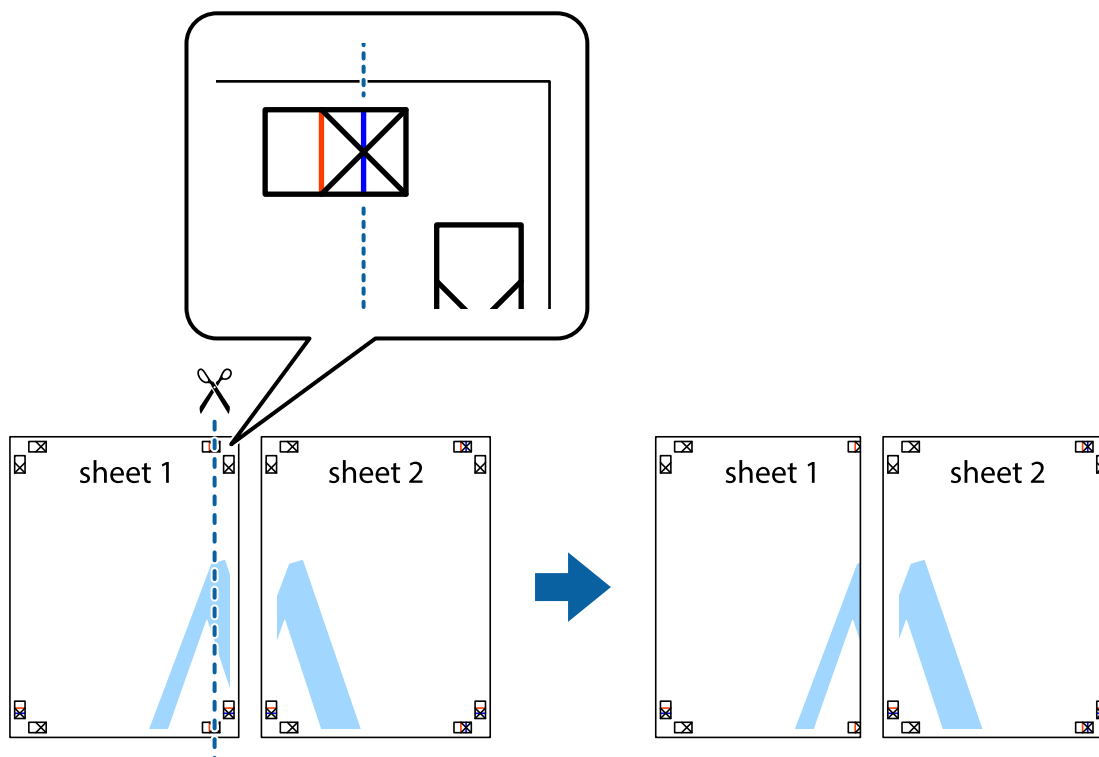
➔ “[In bằng các cài đặt dễ dàng](#)” ở trang 37

Tạo áp phích sử dụng các dấu căn chỉnh xếp chồng lên nhau

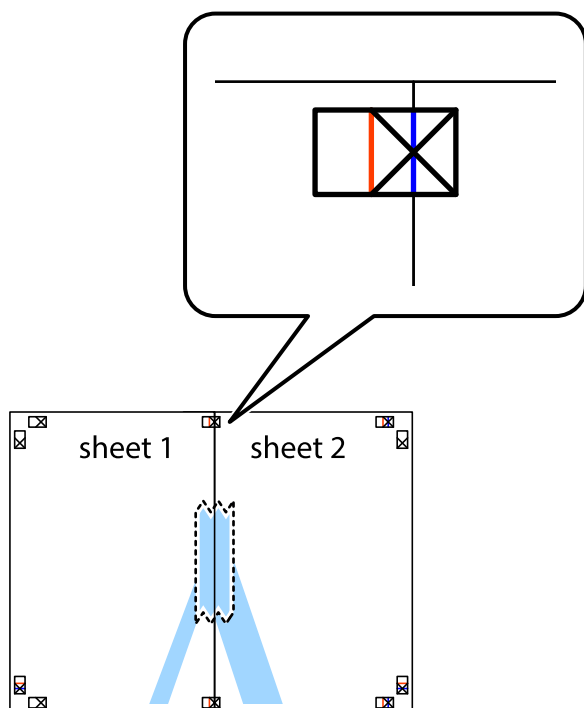
Đây là ví dụ về cách tạo áp phích khi **Áp phích 2x2** được chọn, và **Dấu căn chỉnh chồng lấp** được chọn trong **Đường dẫn cắt bản in**.



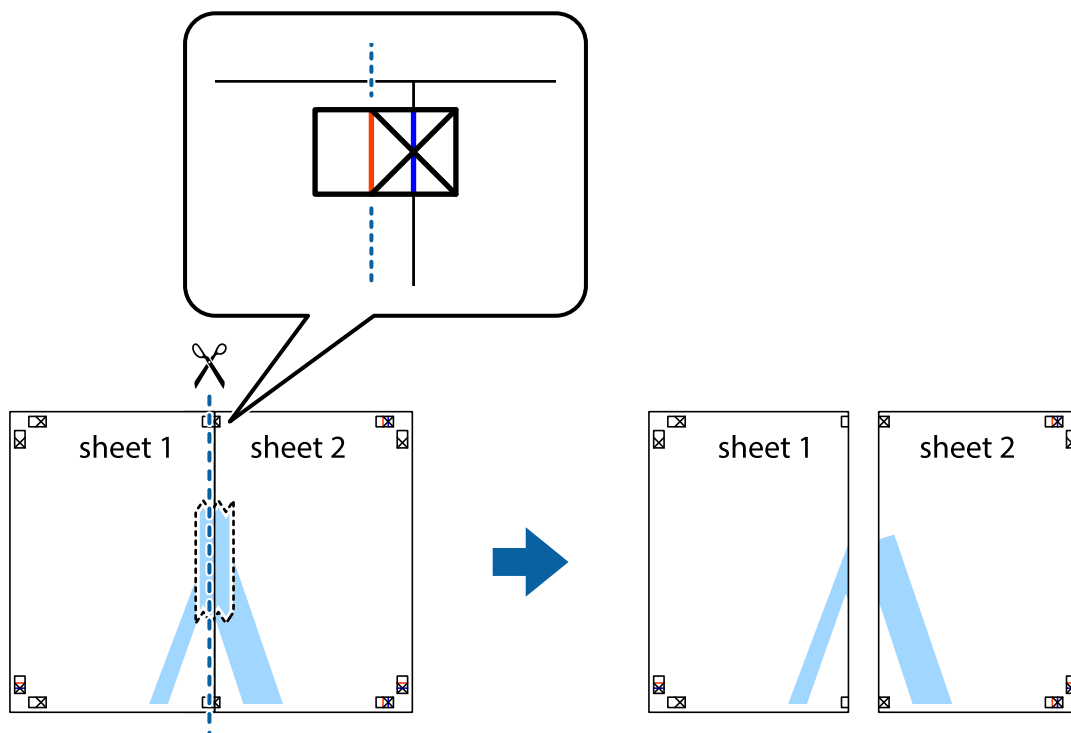
1. Chuẩn bị Sheet 1 và Sheet 2. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 theo đường dọc màu xanh đi qua tâm của các dấu thập ở đỉnh và đáy.



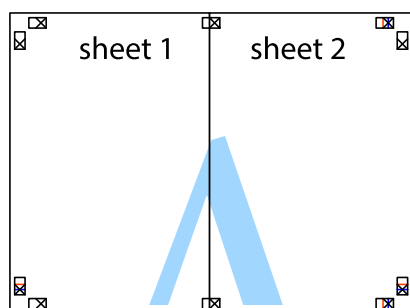
2. Đặt cạnh của Sheet 1 lên trên Sheet 2 và căn thẳng các dấu thập, sau đó dán tạm thời hai tờ với nhau từ phía sau.



3. Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường dọc màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm ở bên trái của các dấu thập).

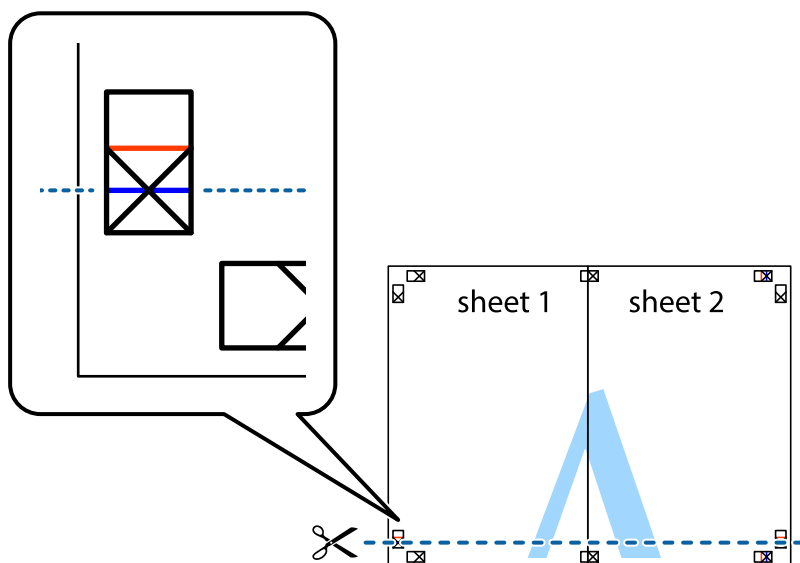


4. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

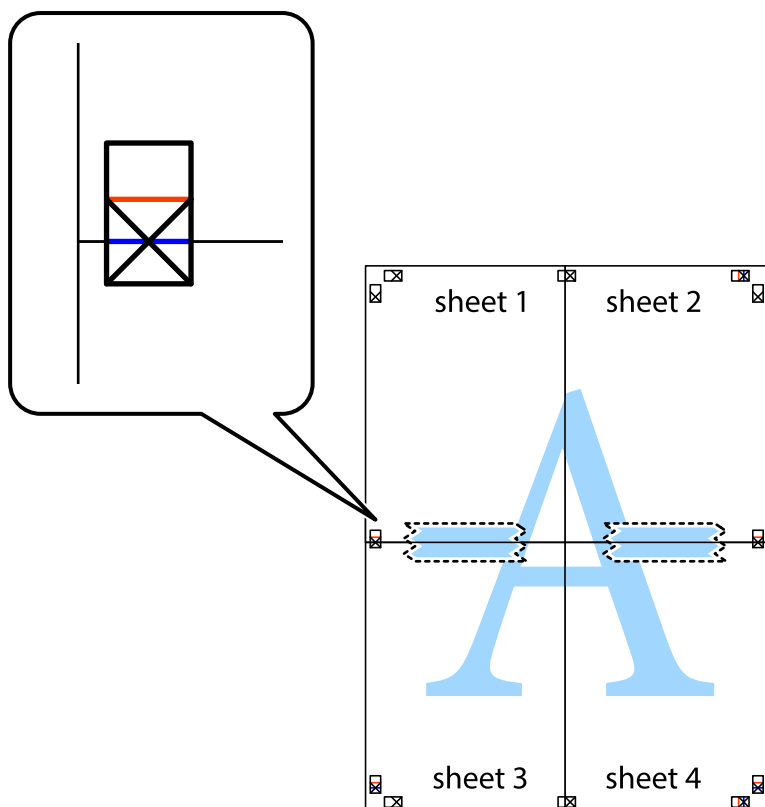


5. Lặp lại các bước 1 đến 4 để dán Sheet 3 và Sheet 4 với nhau.

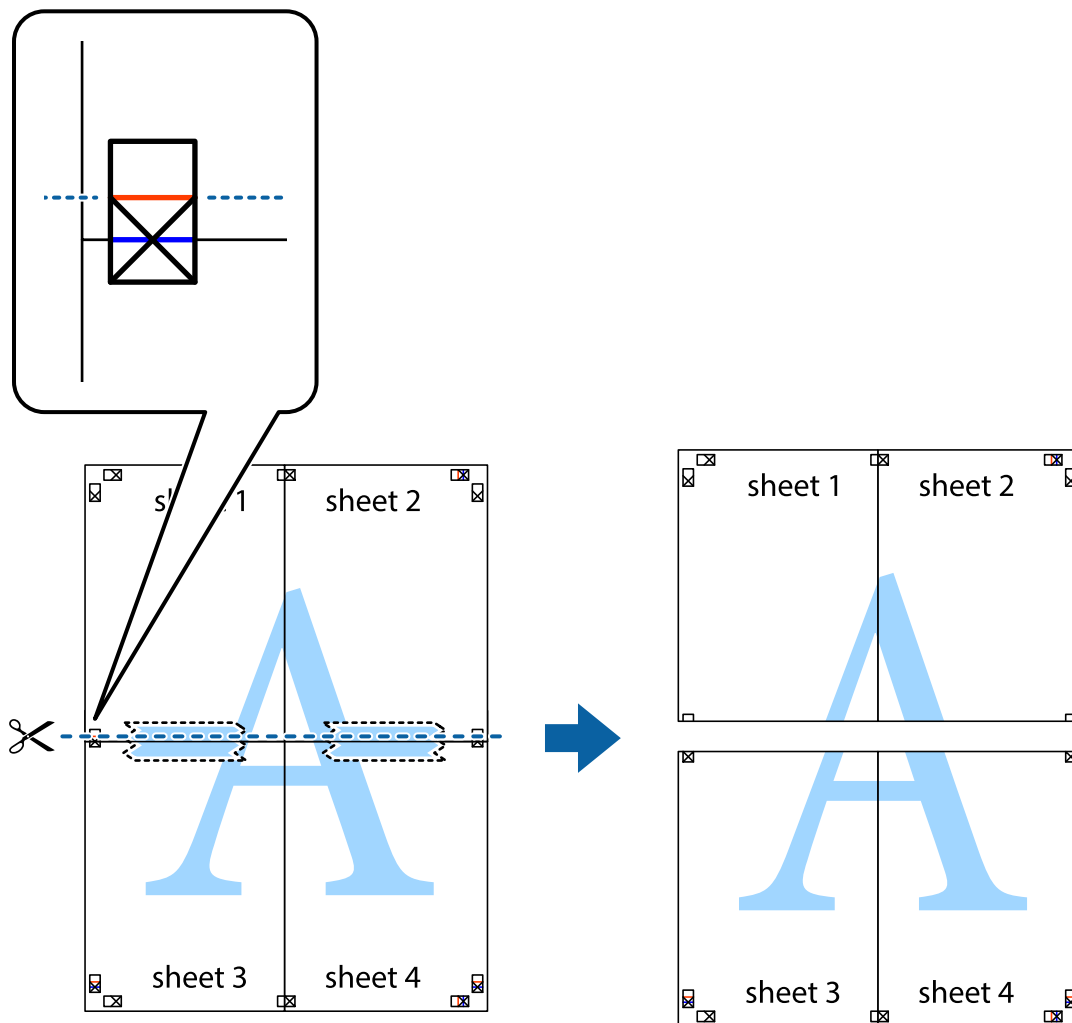
6. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 và Sheet 2 theo đường ngang màu xanh đi qua tâm của các dấu thập bên phải và bên trái.



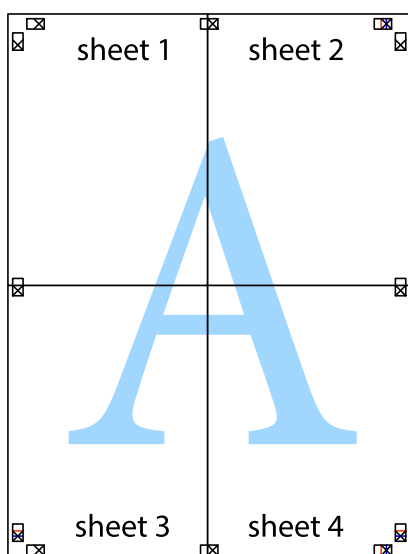
7. Đặt cạnh của Sheet 1 và Sheet 2 lên Sheet 3 và Sheet 4 và căn thẳng các dấu thập, và sau đó dán tạm thời chúng lại với nhau từ phía sau.



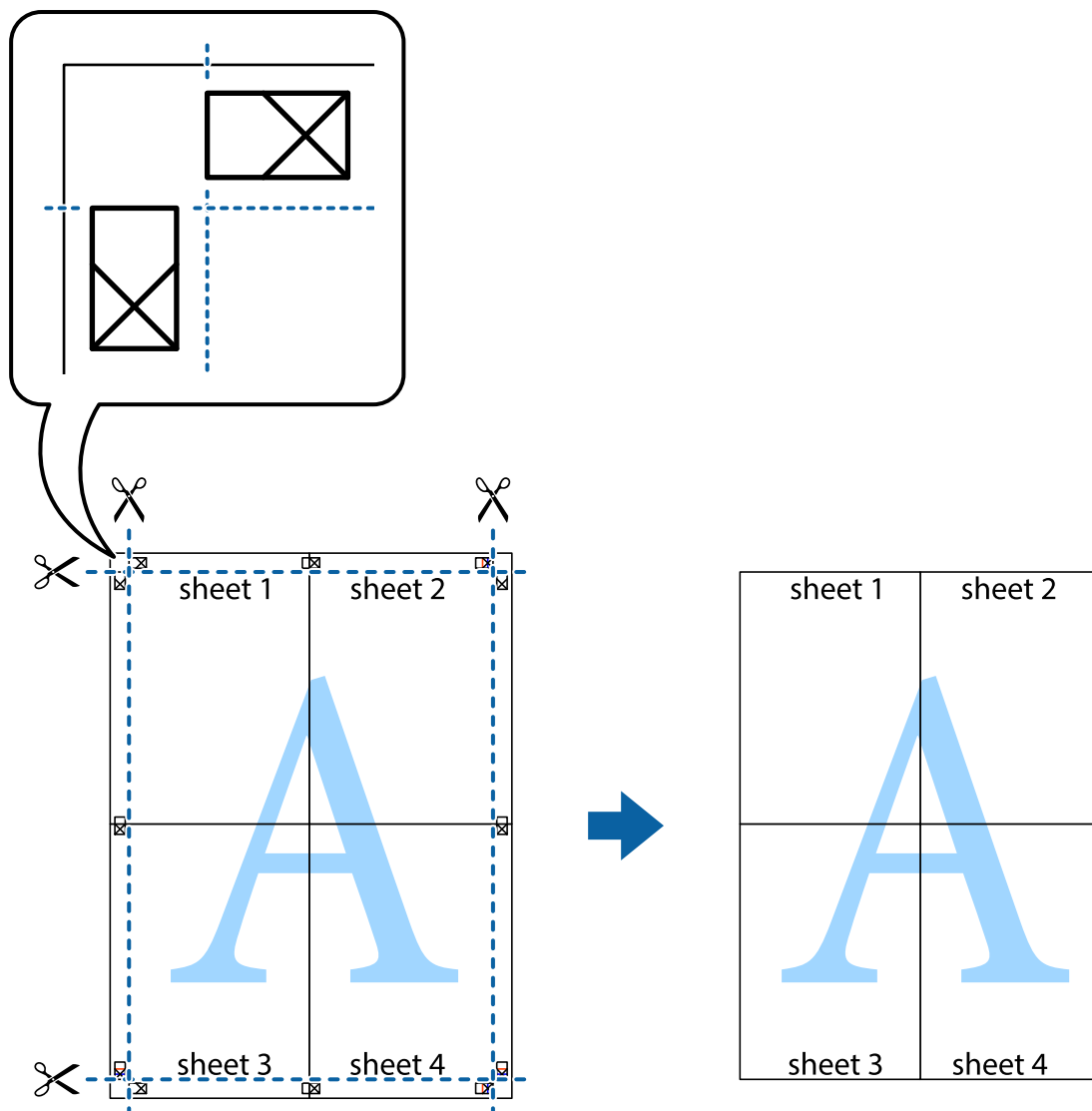
8. Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường ngang màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm bên trên các dấu thập).



9. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

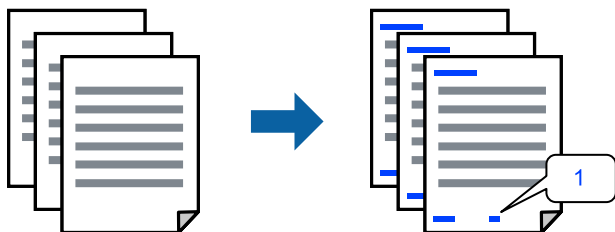


10. Cắt bỏ phần lề còn lại theo đường dẫn hướng bên ngoài.



In với phần đầu đề và chân trang

Bạn có thể in thông tin như tên người dùng và ngày in trong phần đầu đề hoặc chân trang.



1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn **Đầu trang/cuối trang**.

2. **Cài đặt**, sau đó chọn các mục bạn muốn in và nhấp vào OK.

Lưu ý:

- ☐ Để chỉ định số trang đầu tiên, chọn **Số trang** từ vị trí bạn muốn in trong đầu trang hoặc chân trang, sau đó chọn giá trị số trong **Số bắt đầu**.
- ☐ Nếu bạn muốn in văn bản trong đầu trang hoặc chân trang, chọn vị trí bạn muốn in, sau đó chọn **Văn bản**. Nhập văn bản bạn muốn in trong trường nhập văn bản.

3. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
4. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In hình mờ

Bạn có thể in hình mờ như “Bí mật” hoặc mẫu chống sao chụp trên bản in của bạn. Nếu bạn in mẫu chống sao chụp, các chữ bị ẩn sẽ xuất hiện khi được sao chụp để phân biệt bản gốc với bản sao.



Mẫu chống sao chép khả dụng trong các trường hợp sau:

- ☐ Loại giấy: Giấy thường, Phần in sẵn có dấu để
- ☐ Không đường viền: không được chọn
- ☐ C.lượng: Chuẩn
- ☐ In 2 mặt: Tắt, Thủ công (Liên kết mép dài), hoặc Thủ công (Liên kết mép ngắn)
- ☐ Hiệu chỉnh màu: Tự động
- ☐ Giấy hạt mịn: chưa được chọn

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thêm mẫu hình mờ hoặc chống sao chép riêng.

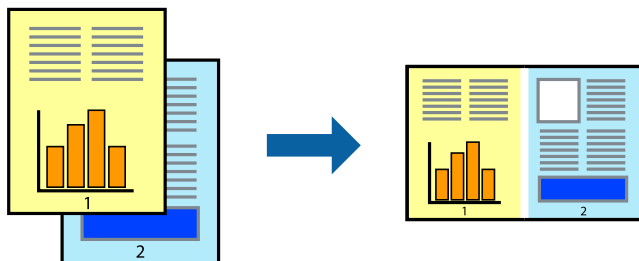
1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tính năng dấu mờ**, sau đó chọn Mẫu chống sao chép hoặc Dấu mờ.
2. Nhấp vào **Cài đặt** để thay đổi các chi tiết chẳng hạn như kích cỡ, mật độ hoặc vị trí của mẫu hoặc nhãn.
3. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
4. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In nhiều tệp cùng lúc

Job Arranger Lite cho phép bạn kết hợp một vài tệp do các ứng dụng khác nhau tạo ra và in chúng trong một lệnh in duy nhất. Bạn có thể chỉ định cài đặt in cho các tệp kết hợp, như bố cục nhiều trang và in 2 mặt.



1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, chọn **Job Arranger Lite**.
2. Nhấp vào **In**.
Khi bạn bắt đầu in, cửa sổ Job Arranger Lite sẽ hiển thị.
3. Khi cửa sổ Job Arranger Lite mở, mở tệp bạn muốn để kết hợp với tệp hiện tại, và sau đó lặp lại các bước trên.
4. Khi bạn chọn một lệnh in đã thêm vào In dự án Lite trong cửa sổ Job Arranger Lite, bạn có thể chỉnh sửa bố cục trang.
5. Nhấp vào **In** từ menu **File** để bắt đầu in.

Lưu ý:

Nếu bạn đóng cửa sổ Job Arranger Lite trước khi thêm tất cả dữ liệu in vào In dự án, lệnh in bạn hiện đang thực hiện sẽ bị hủy. Nhấp vào **Lưu** từ menu **File** để lưu lệnh hiện tại. Phần mở rộng của các tệp đã lưu là “ecl”.

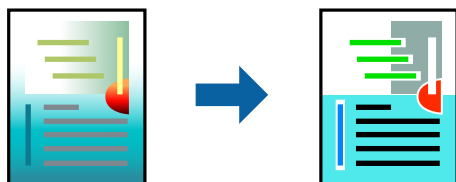
Để mở một dự án in, nhấp vào **Job Arranger Lite** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in để mở cửa sổ Job Arranger Lite. Tiếp theo, chọn **Mở** từ menu **File** để chọn tệp.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37

In bằng tính năng In màu tổng thể

Bạn có thể cải thiện mức độ hiển thị của văn bản và hình ảnh trong bản in ra.



In màu phổ biến chỉ có sẵn khi chọn các cài đặt sau.

- ☐ Loại giấy: Giấy thường, Phần in sẵn có đầu đề
- ☐ C.lượng: **Chuẩn** hoặc chất lượng cao hơn
- ☐ Màu: **Màu**
- ☐ Các ứng dụng: Microsoft® Office 2007 trở lên
- ☐ Kích thước văn bản: 96 pts trở xuống

1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **Hiệu chỉnh màu**.
2. Chọn một tùy chọn từ cài đặt **In màu phổ biến**.
3. **Tùy chọn tăng cường** để thực hiện các cài đặt tiếp theo.
4. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
5. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

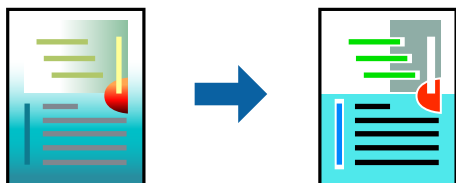
- ☐ Một số ký tự có thể bị thay đổi bằng các mẫu, chẳng hạn như “+” xuất hiện dưới dạng “±”.
- ☐ Mẫu và gạch chân cụ thể theo ứng dụng có thể làm thay đổi nội dung được in bằng các cài đặt này.
- ☐ Chất lượng in có thể giảm trong ảnh và các hình ảnh khác khi sử dụng cài đặt In màu phổ biến.
- ☐ In chậm hơn khi sử dụng cài đặt In màu phổ biến.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Nạp giấy” ở trang 32](#)
- ➔ [“In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 37](#)

Điều chỉnh Màu In

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong công việc in. Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.



PhotoEnhance tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và màu sắc sống động hơn bằng cách tự động điều chỉnh độ tương phản, độ bão hòa và độ sáng của dữ liệu hình ảnh gốc.

Lưu ý:

PhotoEnhance điều chỉnh màu bằng cách phân tích vị trí của chủ thể. Vì vậy, nếu bạn thay đổi vị trí của chủ thể bằng cách thu nhỏ, phóng to, cắt hoặc xoay hình ảnh, màu có thể thay đổi không theo ý muốn. Việc chọn cài đặt không có đường viền cũng làm thay đổi vị trí của chủ thể, dẫn đến sự thay đổi về màu sắc. Nếu ảnh bị mất điểm lấy nét, tông màu cũng có thể không tự nhiên. Nếu màu bị thay đổi hoặc trở nên không tự nhiên, hãy in ảnh ở chế độ không phải **PhotoEnhance**.

1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn phương pháp chỉnh sửa màu từ cài đặt **Hiệu chỉnh màu**.
 - ☐ Tự động: cài đặt này tự động điều chỉnh tông màu cho phù hợp với cài đặt loại giấy và chất lượng in.
 - ☐ Tùy biến: nhấp vào **Nâng cao**, bạn có thể thực hiện các cài đặt của chính mình.
2. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
3. Nhấp vào **In**.

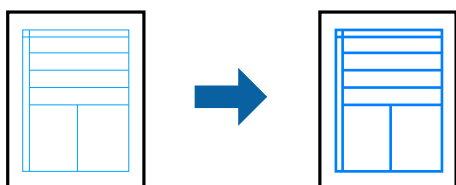
Thông tin liên quan

➔ “[Nạp giấy](#)” ở trang 32

➔ “[In bằng các cài đặt dễ dàng](#)” ở trang 37

In để làm nổi bật các đường mỏng

Bạn có thể làm dày các đường mỏng mà quá mỏng để in.



1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Tùy chọn hình** trong cài đặt **Hiệu chỉnh màu**.
2. Chọn **Chú trọng nét mảnh**.
3. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
4. Nhấp vào **In**.

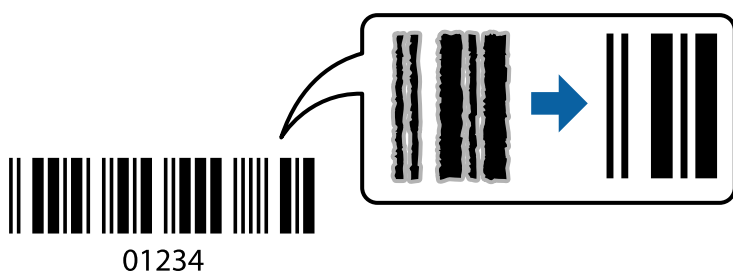
Thông tin liên quan

➔ “[Nạp giấy](#)” ở trang 32

➔ “[In bằng các cài đặt dễ dàng](#)” ở trang 37

In mã vạch rõ ràng

Bạn có thể in mã vạch rõ ràng và giúp mã vạch dễ quét. Chỉ bật tính năng này nếu mã vạch bạn đã in không quét được.



Bạn có thể sử dụng tính năng này trong các điều kiện sau.

☐ Loại giấy: Giấy thường, Phần in sẵn có đầu đề, hoặc Bì thư

☐ C.lượng: **Chuẩn**

1. Trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng**, sau đó chọn **Chế độ mã vạch**.
2. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
3. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

Việc khử mờ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào trường hợp.

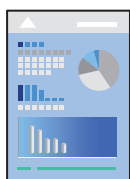
Thông tin liên quan

➔ “**Nạp giấy**” ở trang 32

➔ “**In bằng các cài đặt dễ dàng**” ở trang 37

In từ máy tính — Mac OS

In bằng các cài đặt dễ dàng

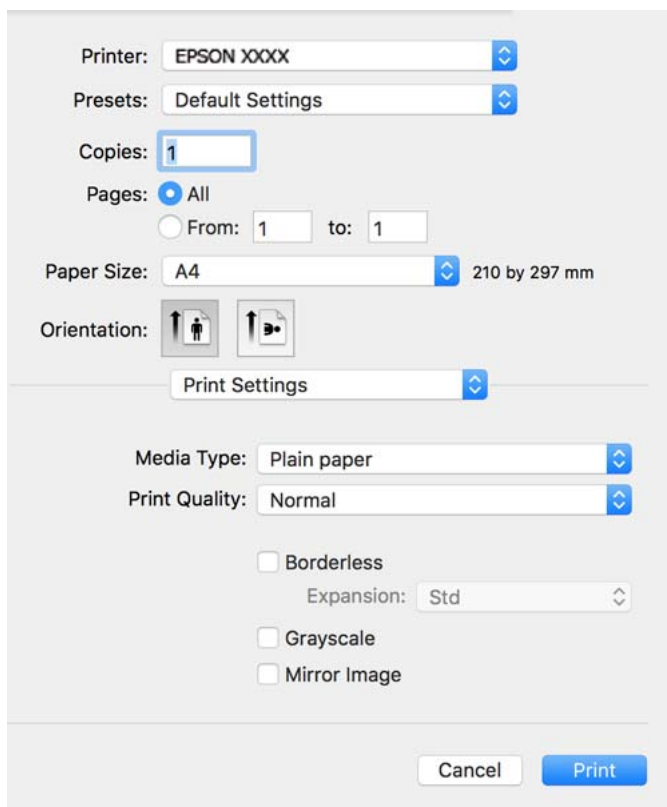


Lưu ý:

Các thao tác và màn hình khác nhau tùy theo ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Nạp giấy vào máy in.
“**Nạp giấy**” ở trang 32
2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.
Nếu cần, nhấp vào **Hiển thị Chi tiết** hoặc ▼ để mở rộng cửa sổ in.
4. Chọn máy in của bạn.

5. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.



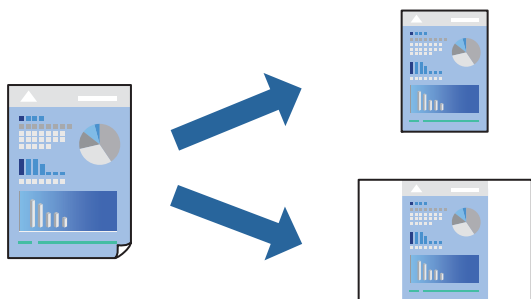
6. Thay đổi cài đặt khi cần thiết.
7. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243
- ➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 31

Thêm cài đặt sẵn để in dễ dàng

Nếu bạn tạo thiết lập sẵn của riêng bạn cho các thiết lập in được sử dụng thường xuyên trên trình điều khiển máy in, bạn có thể in dễ dàng bằng cách chọn thiết lập sẵn từ danh sách.



1. Đặt từng mục như **Cài đặt in** và **Bố cục** (Cỡ giấy, Loại phương tiện, v.v.).

2. Nhấp vào **Cài đặt sẵn** hoặc lưu các cài đặt hiện tại làm cài đặt sẵn.
3. Nhấp vào **OK**.

Lưu ý:

Để xóa một thiết lập sẵn đã thêm vào, nhấp vào **Thiết lập sẵn** > **Hiển thị thiết lập sẵn**, chọn tên thiết lập sẵn mà bạn muốn xóa từ danh sách và sau đó xóa thiết lập sẵn.

4. Nhấp vào **In**.

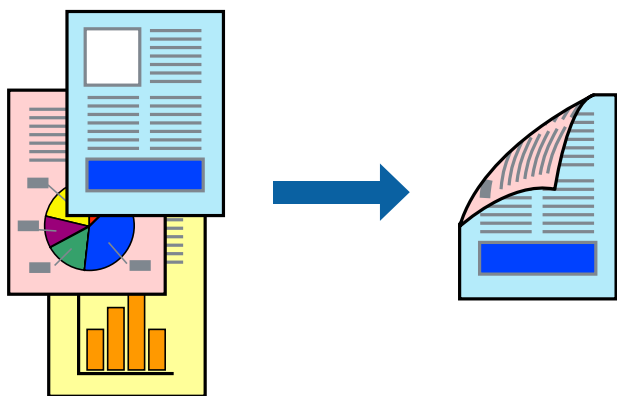
Lần tới khi bạn muốn in bằng các cài đặt tương tự, hãy chọn tên cài đặt sẵn đã đăng ký tại **Cài đặt sẵn**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 54

In 2 mặt

Bạn có thể in trên cả hai mặt giấy.



Lưu ý:

- ☐ Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.
- ☐ Nếu bạn không sử dụng giấy thích hợp cho việc in 2 mặt, chất lượng in có thể suy giảm và có thể xảy ra kẹt giấy.
“Giấy in 2 mặt” ở trang 245
- ☐ Tùy thuộc vào giấy và dữ liệu, mực có thể chảy qua mặt bên kia của giấy.

1. Chọn **Two-sided Printing Settings** từ menu bật lên.
2. Chọn kết ghép trong **Two-sided Printing**.
3. Chọn loại bản gốc trong **Document Type**.

Lưu ý:

- ☐ Tiến trình in có thể bị chậm tùy theo cài đặt **Document Type**.
 - ☐ Nếu bạn đang in dữ liệu mật độ cao như ảnh hoặc biểu đồ, hãy chọn **Text & Photos** hoặc **Text & Graphics** làm cài đặt **Document Type**. Nếu xảy ra vết xước hoặc hình ra khỏi lề mặt sau, hãy chỉnh mật độ in và giờ khô mực bằng cách nhập mũi tên gần **Adjustments**.
4. Đặt các mực khác nếu cần.

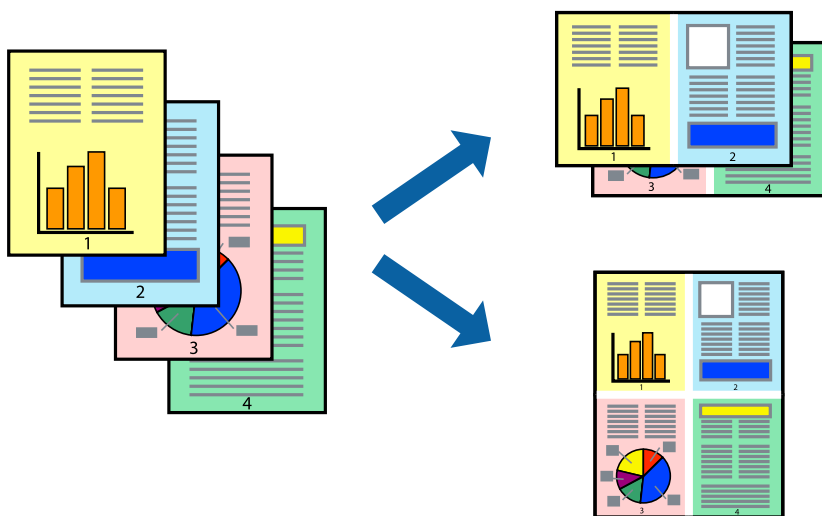
5. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243
- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 54

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in một vài trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



1. Chọn **Bố trí** từ menu bật lên.
2. Đặt số trang trong **Số trang mỗi tờ**, **Hướng của bố trí** (thứ tự trang) và **Đường viền**.
3. Đặt các mục khác nếu cần.
4. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nạp giấy” ở trang 32
- ➔ “In bằng các cài đặt dễ dàng” ở trang 54

In vừa khít với kích thước giấy

Chọn kích thước giấy bạn đã nạp vào máy in là cài đặt **Kích thước giấy đích**.



1. Chọn kích cỡ giấy bạn đã đặt trong ứng dụng cho thiết lập **Cỡ giấy**.
2. Chọn **Xử lý giấy** từ menu bật lên.
3. Chọn **Thu phóng cho vừa với kích cỡ giấy**.
4. Chọn kích thước giấy bạn đã nạp vào máy in là cài đặt **Kích thước giấy đích**.
5. Đặt các mục khác nếu cần.
6. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “[Nạp giấy](#)” ở trang 32
- ➔ “[In bằng các cài đặt dễ dàng](#)” ở trang 54

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ ở mức độ phóng đại bất kỳ

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ phần trăm nhất định.



1. Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.
2. Chọn **Thiết lập trang** từ menu **Tệp** của ứng dụng.
3. Chọn **Máy in**, **Kích thước giấy**, nhập tỷ lệ phần trăm vào **Thu phóng**, sau đó nhấp **OK**.

Lưu ý:

Chọn khổ giấy bạn đã đặt trong ứng dụng làm cài đặt **Khổ giấy đích**.

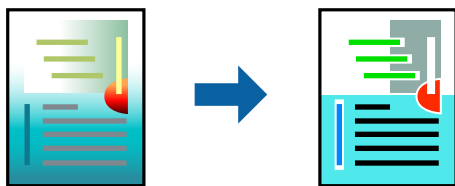
4. Đặt các mục khác nếu cần.
5. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “**Nạp giấy**” ở trang 32
- ➔ “**In bằng các cài đặt dễ dàng**” ở trang 54

Điều Chỉnh Màu In

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong công việc in. Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.



PhotoEnhance tạo ra hình ảnh sắc nét hơn và màu sắc sống động hơn bằng cách tự động điều chỉnh độ tương phản, độ bão hòa và độ sáng của dữ liệu hình ảnh gốc.

Lưu ý:

PhotoEnhance điều chỉnh màu bằng cách phân tích vị trí của chủ thể. Vì vậy, nếu bạn thay đổi vị trí của chủ thể bằng cách thu nhỏ, phóng to, cắt hoặc xoay hình ảnh, màu có thể thay đổi không theo ý muốn. Việc chọn cài đặt không có đường viền cũng làm thay đổi vị trí của chủ thể, dẫn đến sự thay đổi về màu sắc. Nếu ảnh bị mất điểm lấy nét, tông màu cũng có thể không tự nhiên. Nếu màu bị thay đổi hoặc trở nên không tự nhiên, hãy in ảnh ở chế độ không phải **PhotoEnhance**.

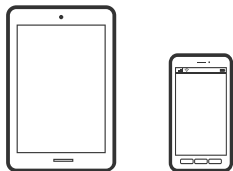
1. Chọn **Khớp Màu** từ menu bật lên và sau đó chọn **EPSON Color Controls**.
2. Chọn **Color Options** từ menu bật lên và sau đó chọn một trong các tùy chọn sẵn có.
3. Nhấp vào mũi tên bên cạnh **Cài đặt nâng cao** và chọn các cài đặt thích hợp.
4. Đặt các mục khác nếu cần.
5. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “**Nạp giấy**” ở trang 32
- ➔ “**In bằng các cài đặt dễ dàng**” ở trang 54

In tài liệu từ thiết bị thông minh (iOS)

Bạn có thể in tài liệu từ thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng.



In tài liệu bằng Epson Smart Panel

Lưu ý:

Thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị.

1. Thiết lập máy in của bạn để in không dây.
2. Nếu Epson Smart Panel chưa được cài đặt, hãy cài đặt ứng dụng.
“Ứng dụng vận hành máy in dễ dàng từ thiết bị thông minh (Epson Smart Panel)” ở trang 250
3. Kết nối thiết bị thông minh của bạn với bộ định tuyến không dây.
4. Khởi động Epson Smart Panel.
5. Chọn menu tài liệu in trên màn hình chính.
6. Chọn tài liệu bạn muốn in.
7. Bắt đầu in.

In tài liệu bằng AirPrint

AirPrint cho phép in không dây ngay lập tức từ iPhone, iPad, iPod touch và Mac mà không cần cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.



Lưu ý:

Nếu bạn tắt thông báo cấu hình giấy trên bảng điều khiển của máy in, bạn không thể sử dụng AirPrint. Xem hướng dẫn bên dưới để bật thông báo nếu cần thiết.

1. Thiết lập máy in của bạn để in không dây. Xem liên kết bên dưới.
<http://epson.sn>
2. Kết nối thiết bị Apple với cùng mạng không dây mà máy in đang sử dụng.
3. In từ thiết bị đến máy in của bạn.

Lưu ý:

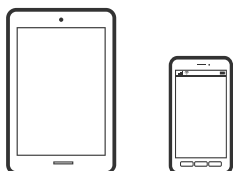
Để biết chi tiết, hãy xem trang AirPrint trên trang web của Apple.

Thông tin liên quan

➔ “Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (iOS)” ở trang 155

In tài liệu từ thiết bị thông minh (Android)

Bạn có thể in tài liệu từ thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng.



In tài liệu bằng Epson Smart Panel

Lưu ý:

Thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị.

1. Thiết lập máy in của bạn để in không dây.
2. Nếu Epson Smart Panel chưa được cài đặt, hãy cài đặt ứng dụng.
“Ứng dụng vận hành máy in để dàng từ thiết bị thông minh (Epson Smart Panel)” ở trang 250
3. Kết nối thiết bị thông minh của bạn với bộ định tuyến không dây.
4. Khởi động Epson Smart Panel.
5. Chọn menu tài liệu in trên màn hình chính.
6. Chọn tài liệu bạn muốn in.
7. Bắt đầu in.

In tài liệu bằng Epson Print Enabler

Bạn có thể in không dây tài liệu, email, ảnh và trang web ngay từ điện thoại hoặc máy tính bảng Android (Android phiên bản 4.4 trở lên). Với một vài lần nhấn, thiết bị Android của bạn sẽ phát hiện máy in Epson đã kết nối với cùng mạng không dây.

Lưu ý:

Thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị.

1. Thiết lập máy in của bạn để in không dây. Xem liên kết bên dưới.
<http://epson.sn>
2. Cài đặt trình bổ sung Epson Print Enabler từ Google Play.
3. Kết nối thiết bị Android với cùng mạng không dây mà máy in đang sử dụng.
4. Vào **Cài đặt** trên thiết bị Android, chọn **In**, sau đó bật Epson Print Enabler.

5. Từ ứng dụng Android như Chrome, nhấn vào biểu tượng menu và in bất cứ nội dung gì trên màn hình.

Lưu ý:

Nếu không thấy máy in của bạn, nhấn vào **Tất cả máy in** và chọn máy in của bạn.

In bằng Mopria Print Service

Mopria Print Service cho phép in không dây ngay lập tức từ điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng Android.



1. Cài đặt Mopria Print Service từ Google Play.
2. Nạp giấy vào máy in.
3. Thiết lập máy in của bạn để in không dây. Xem liên kết bên dưới.
<http://epson.sn>
4. Kết nối thiết bị Android với cùng mạng không dây mà máy in đang sử dụng.
5. In từ thiết bị đến máy in của bạn.

Lưu ý:

Để biết thêm chi tiết, truy cập trang web Mopria tại <https://mopria.org>.

Thông tin liên quan

➔ “Nạp giấy” ở trang 32

In trên phong bì

In trên phong bì từ máy tính (Windows)

1. Nạp phong bì vào máy in.
“Nạp giấy” ở trang 32
2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
4. Chọn kích thước phong bì tại **Cỡ tài liệu** trên tab **Chính**, sau đó chọn **Bì thư** tại **Loại giấy**.
5. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
6. Nhấp vào **In**.

In trên phong bì từ máy tính (Mac OS)

1. Nạp phong bì vào máy in.
“Nạp giấy” ở trang 32
2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.
4. Chọn kích thước cho cài đặt **Cỡ giấy**.
5. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.
6. Chọn **Bì thư** cho cài đặt **Loại phương tiện**.
7. Đặt các mục khác nếu cần.
8. Nhấp vào **In**.

In trang web

In trang web từ máy tính

Epson Photo+ cho phép bạn hiển thị các trang web, cắt vùng đã định, sau đó chỉnh sửa và in chúng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

In trang web từ thiết bị thông minh

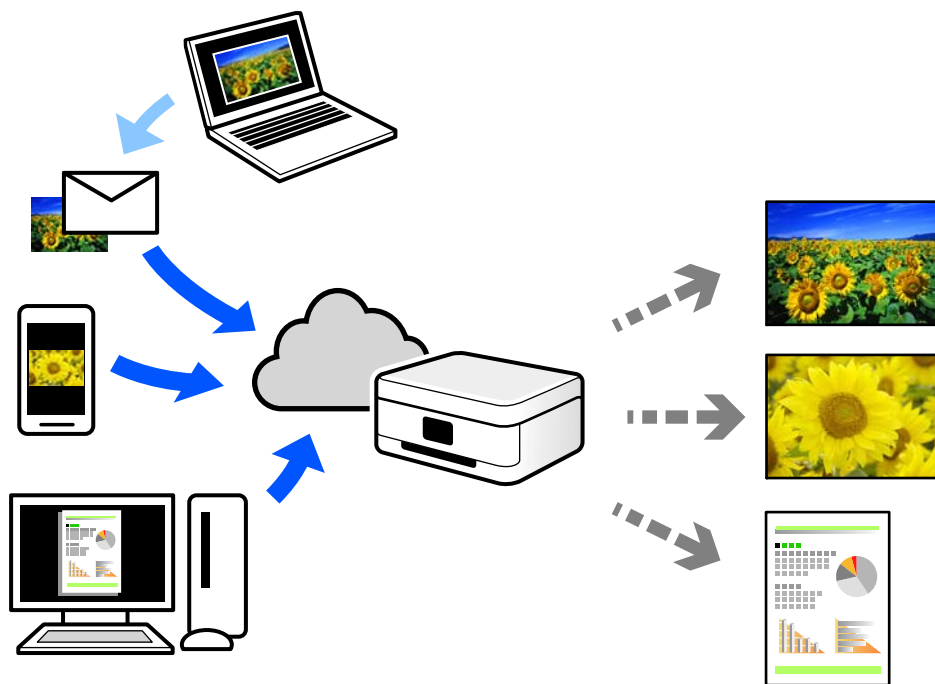
Lưu ý:

Thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị.

1. Thiết lập máy in của bạn để in không dây.
2. Nếu Epson Smart Panel chưa được cài đặt, hãy cài đặt ứng dụng.
“Ứng dụng vận hành máy in dễ dàng từ thiết bị thông minh (Epson Smart Panel)” ở trang 250
3. Kết nối thiết bị thông minh với cùng mạng không dây với máy in của bạn.
4. Mở trang web bạn muốn in trong ứng dụng trình duyệt web.
5. Nhấn **Chia sẻ** trên menu của ứng dụng trình duyệt web.
6. Chọn **Smart Panel**.
7. Nhấn **In**.

In bằng dịch vụ đám mây

Với việc sử dụng dịch vụ Epson Connect có trên Internet, bạn có thể in từ điện thoại thông minh, máy tính bảng, PC hoặc máy tính xách tay bất kỳ lúc nào và gần như từ bất cứ nơi nào. Để sử dụng dịch vụ này, bạn cần đăng ký người dùng và máy in trong Epson Connect.



Các tính năng này sẵn có trên Internet như sau.

☐ Email Print

Khi gửi email cùng tệp đính kèm như tài liệu hoặc hình ảnh tới một địa chỉ email được gán cho máy tính, bạn có thể in email và tệp đính kèm đó từ vị trí ở xa như máy in nhà riêng hoặc văn phòng.

☐ Epson iPrint

Ứng dụng này dành cho iOS và Android, và cho phép bạn in hoặc quét từ điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể in tài liệu, hình ảnh và trang web bằng cách gửi chúng trực tiếp tới máy in trên cùng mạng LAN không dây.

☐ Remote Print Driver

Đây là trình điều khiển dùng chung được Trình điều khiển in từ xa hỗ trợ. Khi in bằng máy in ở vị trí ở xa, bạn có thể in bằng cách thay đổi máy in trên cửa sổ ứng dụng thông thường.

Xem trang web Epson Connect để biết chi tiết cách thiết lập hoặc in.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Đăng ký Dịch vụ kết nối Epson từ bảng điều khiển

Làm theo các bước bên dưới để đăng ký máy in.

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển.

2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt dịch vụ web** > **Dịch vụ Epson Connect** > **Hủy đăng ký** để in tờ đăng ký.
3. Làm theo hướng dẫn trên tờ đăng ký để đăng ký máy in.

Sao chép

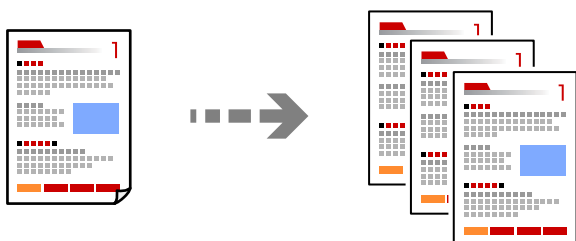
Các phương pháp sao chép khả dụng.	67
Tùy chọn menu cơ bản cho sao chép.	71
Tùy chọn menu nâng cao cho sao chép.	72

Các phương pháp sao chụp khả dụng

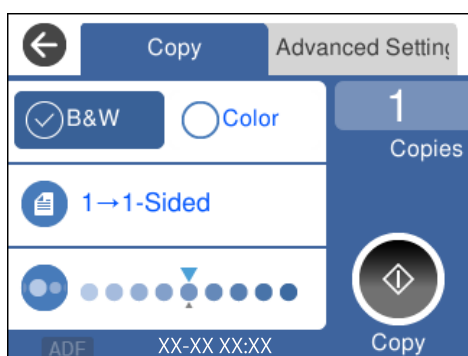
Đặt bản gốc lên kính máy quét hoặc ADF, sau đó chọn menu **Sao chụp** trên màn hình chính.

Sao chụp bản gốc

Bạn có thể sao chụp màu hoặc đơn sắc bản gốc có kích thước cố định hoặc kích thước tùy chỉnh.



1. Nạp giấy vào máy in.
“Nạp giấy” ở trang 32
2. Đặt bản gốc vào.
Nếu bạn muốn quét nhiều bản gốc, hãy đặt tất cả bản gốc lên ADF.
“Đặt bản gốc” ở trang 34
3. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
4. Chọn tab **Sao chụp**, sau đó chọn **Đen trắng** hoặc **Màu**.



5. Nhấn .

Sao chụp trên 2 mặt

Sao chụp nhiều bản gốc lên cả hai mặt của giấy.



1. Đặt tất cả các bản gốc mặt ngửa lên trong ADF.

[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)



Quan trọng:

Nếu bạn muốn sao chụp bản gốc không được ADF hỗ trợ, hãy sử dụng kính máy quét.

[“Bản gốc không được ADF hỗ trợ” ở trang 35](#)

Lưu ý:

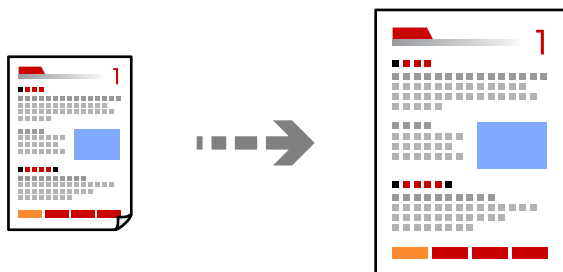
Bạn cũng có thể đặt bản gốc lên kính máy quét.

[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
3. Chọn tab **Sao chụp**, sau đó chọn  (2 mặt) > 1>2 mặt.
4. Chỉ định hướng bản gốc và vị trí đóng sách, sau đó chọn **Tốt**.
5. Nhấn .

Sao chụp phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể sao chụp bản gốc ở mức độ phóng đại chỉ định.

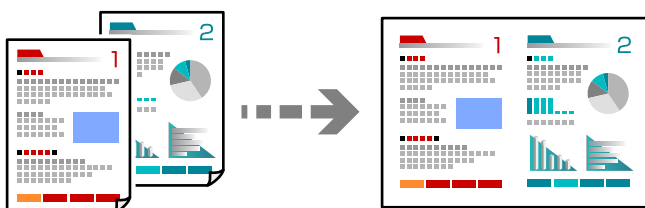


1. Đặt bản gốc vào.
Nếu bạn muốn sao chụp nhiều bản gốc, hãy đặt tất cả các bản gốc lên ADF.
[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)
2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.

3. Chọn tab **Cài đặt nâng cao**, chọn **Thu phóng**.
4. Chỉ định mức độ phóng to hoặc thu nhỏ, sau đó chọn **Tốt**.
5. Nhấn  trên tab **Sao chụp**.

Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ

Bạn có thể sao chụp nhiều bản gốc vào một tờ giấy duy nhất.

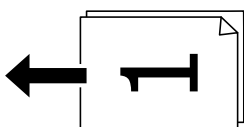


1. Đặt tất cả các bản gốc mặt ngửa lên trong ADF.

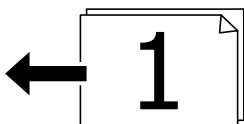
[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

Đặt chúng theo hướng được thể hiện trong hình minh họa.

☐ Bản gốc chiều dọc



☐ Bản gốc chiều ngang



Quan trọng:

Nếu bạn muốn sao chụp bản gốc không được ADF hỗ trợ, hãy sử dụng kính máy quét.

[“Bản gốc không được ADF hỗ trợ” ở trang 35](#)

Lưu ý:

Bạn cũng có thể đặt bản gốc lên kính máy quét.

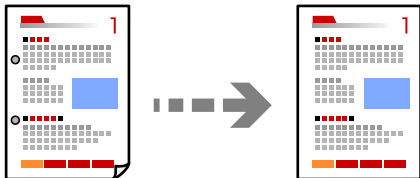
[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
3. Chọn tab **Cài đặt nâng cao**, sau đó chọn **Nhiều trang > 2 trg trên một mặt**.
4. Chỉ định thứ tự bố trí và hướng bản gốc, sau đó chọn **Tốt**.

5. Nhấn  trên tab **Sao chụp**.

Sao chụp bản gốc với chất lượng tốt

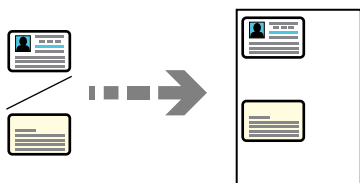
Bạn có thể sao chụp bản gốc mà không có bóng mờ và hình đục lỗ.



1. Đặt bản gốc vào.
Nếu bạn muốn quét nhiều bản gốc, hãy đặt tất cả bản gốc lên ADF.
[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)
2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
3. Chọn tab **Cài đặt nâng cao**, chọn **Xóa bóng mờ** hoặc **Xóa các lỗ đục**, sau đó bật cài đặt.
4. Nhấn  trên tab **Sao chụp**.

Sao chụp thẻ ID

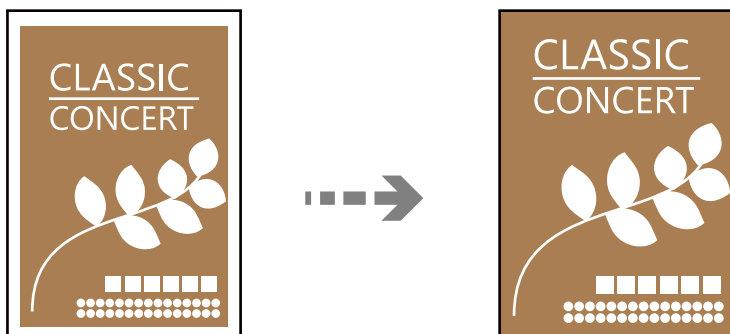
Quét cả hai mặt của chứng minh thư và sao chụp vào một mặt giấy.



1. Đặt bản gốc lên kính máy quét.
[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)
2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
3. Chọn tab **Cài đặt nâng cao**, sau đó bật **Sao chụp Thẻ ID**.
4. Nhấn  trên tab **Sao chụp**.

Sao chụp không có lề

Sao chụp không có lề quanh các mép giấy. Hình được phóng to một ít để xóa lề khỏi các mép giấy.



1. Đặt bản gốc lên kính máy quét.
“Đặt bản gốc” ở trang 34
2. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.
3. Chọn tab **Cài đặt nâng cao**, sau đó bật **Sao chụp không viền**.
4. Chỉ định **Phóng to**.
5. Nhấn  trên tab **Sao chụp**.

Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Đen trắng:

Sao chụp bản gốc ở chế độ đen trắng (đơn sắc).

Màu:

Sao chụp bản gốc ở chế độ màu.

(2 mặt):

Chọn bố trí in 2 mặt.

☐ 1→1 mặt

Sao chụp một mặt bản gốc trên một mặt giấy.

☐ 1>2 mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên cả hai mặt của một tờ giấy riêng. Chọn hướng của bản gốc và vị trí đóng sách của giấy.

(Mật độ):

Tăng mức mật độ khi kết quả sao chụp bị mờ. Giảm mức mật độ khi mực bị nhòe.

Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Cài đặt giấy:

Chọn kích thước giấy và loại giấy bạn đã nạp.

Thu phóng:

Cấu hình tỷ lệ phóng to hoặc thu nhỏ. Nếu bạn muốn thu nhỏ hoặc phóng to bản gốc theo tỷ lệ % cụ thể, hãy chọn giá trị và sau đó nhập tỷ lệ % trong phạm vi từ 25 đến 400%.

☐ Kích cỡ thực

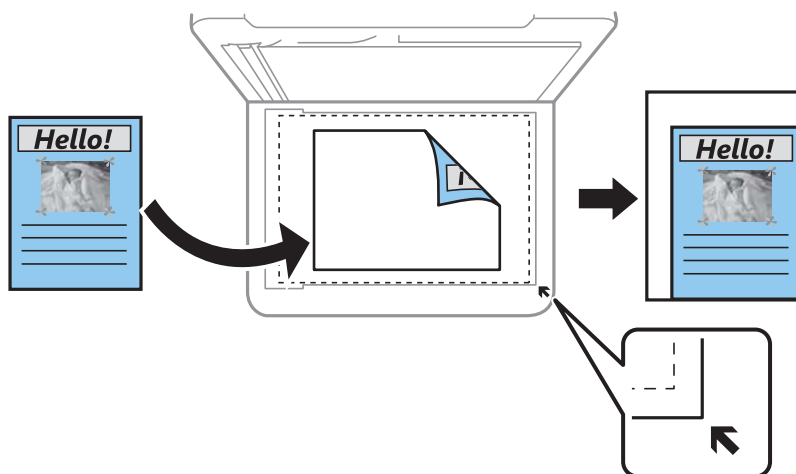
Sao chụp ở mức độ thu phóng 100 %.

☐ A4→A5 và khổ giấy khác

Tự động phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc để vừa với khổ giấy cụ thể.

☐ Tư khớp tr

Phát hiện khu vực quét và tự động phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc để vừa với khổ giấy bạn đã chọn. Khi có lề trắng xung quanh bản gốc, lề trắng từ dấu góc của kính máy quét được phát hiện là khu vực quét nhưng lề ở phía đối diện có thể bị cắt.



Kích cỡ tài liệu:

Chọn khổ của bản gốc. Khi sao chụp bản gốc có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn kích thước gần với bản gốc nhất.

Nhiều trang:

Chọn bố trí bản sao.

☐ Trang đơn

Sao chụp bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng.

☐ 2 trg trên một mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng với kiểu bố trí 2 trang/tờ. Chọn thứ tự bố trí và hướng của bản gốc.

Chất lượng:

Chọn chất lượng cho sao chụp. Chọn **Cao** cho phép in chất lượng cao hơn nhưng tốc độ in có thể chậm hơn.

Định hướng tài liệu:

Chọn hướng của bản gốc.

Xóa bóng mờ:

Xóa bóng xuất hiện quanh bản sao chụp khi sao chụp giấy dày hoặc xuất hiện ở giữa bản sao chụp khi sao chụp sách.

Xóa các lỗ đục:

Xóa các lỗ liên kết khi sao chụp.

Sao chụp Thẻ ID:

Quét cả hai mặt của chứng minh thư và sao chụp vào một mặt giấy.

Sao chụp không viền:

Sao chụp không có lề quanh các mép giấy. Hình được phóng to một ít để xóa lề khỏi các mép giấy. Chọn mức độ phóng to trong cài đặt **Phóng to**.

Xóa tất cả mọi cài đặt:

Đặt lại cài đặt sao chép về giá trị mặc định.

Quét ảnh

Thông tin cơ bản về chức năng quét.	75
Quét bản gốc vào máy tính.	78
Quét bản gốc lên dịch vụ đám mây.	79
Quét bằng WSD.	81
Quét bản gốc vào thiết bị thông minh.	83
Quét nâng cao.	83

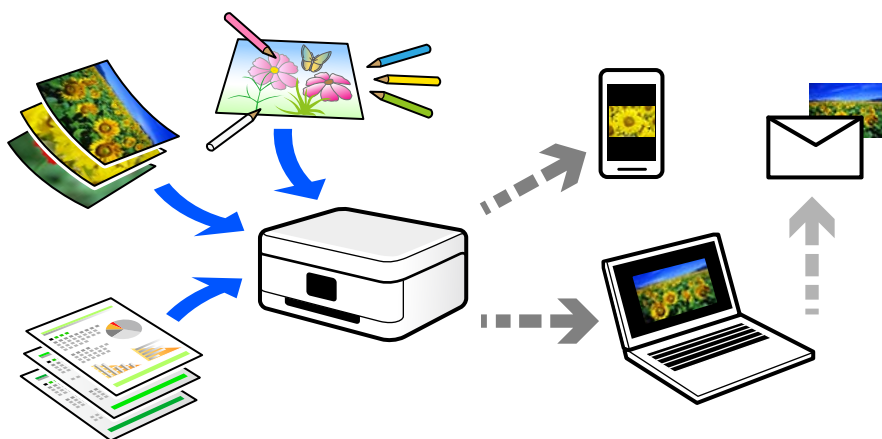
Thông tin cơ bản về chức năng quét

“Quét” là gì?

“Quét” là quá trình chuyển đổi thông tin quang của dữ liệu giấy (như tài liệu, mẫu tạp chí, ảnh, hình minh họa viết tay, v.v.) thành dữ liệu hình ảnh kỹ thuật số.

Bạn có thể lưu dữ liệu quét dưới dạng hình ảnh kỹ thuật số như JPEG hoặc PDF.

Sau đó, bạn có thể in hình ảnh, gửi qua email, v.v.



Các cách sử dụng chức năng quét

Bạn có thể sử dụng chức năng quét theo nhiều cách khác nhau để làm cho cuộc sống của bạn thuận tiện hơn.

- ☐ Bằng cách quét tài liệu giấy và chuyển thành dữ liệu số, bạn có thể đọc tài liệu trên máy tính hoặc thiết bị thông minh.
- ☐ Bằng cách quét vé hoặc tờ rơi vào dữ liệu kỹ thuật số, bạn có thể loại bỏ bản gốc và giảm sự lộn xộn.
- ☐ Bằng cách quét các tài liệu quan trọng, bạn có thể sao lưu chúng lên dịch vụ đám mây hoặc phương tiện lưu trữ khác, để phòng trường hợp chúng bị mất.
- ☐ Bạn có thể gửi ảnh hoặc tài liệu quét cho bạn bè qua email.
- ☐ Bằng cách quét các hình minh họa vẽ tay, v.v., bạn có thể chia sẻ chúng trên mạng xã hội với chất lượng cao hơn nhiều so với chỉ chụp ảnh trên thiết bị thông minh.
- ☐ Bằng cách quét các trang yêu thích từ báo hoặc tạp chí, bạn có thể lưu chúng và loại bỏ bản gốc.

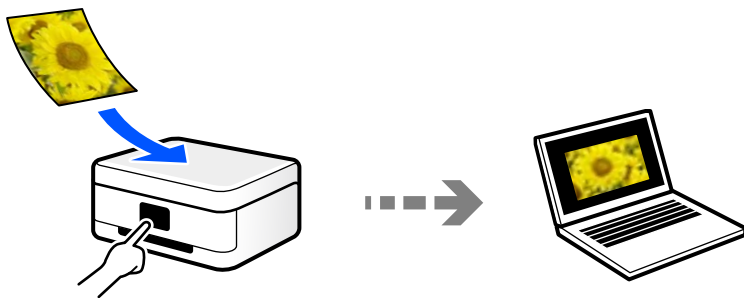
Các phương pháp quét có sẵn

Bạn có thể sử dụng bất kỳ phương pháp nào sau đây để quét bằng máy in này.

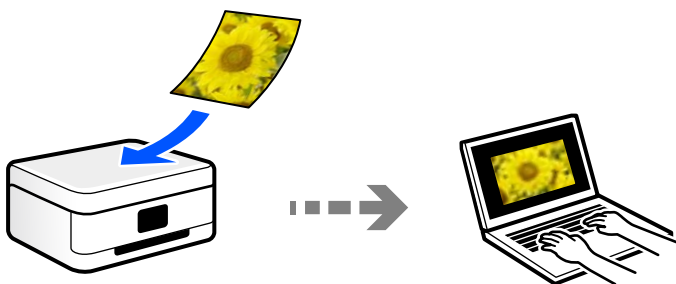
Quét vào máy tính

Có hai phương pháp quét bản gốc vào máy tính; quét bằng bảng điều khiển của máy in và quét từ máy tính.

Bạn có thể quét dễ dàng từ bảng điều khiển.

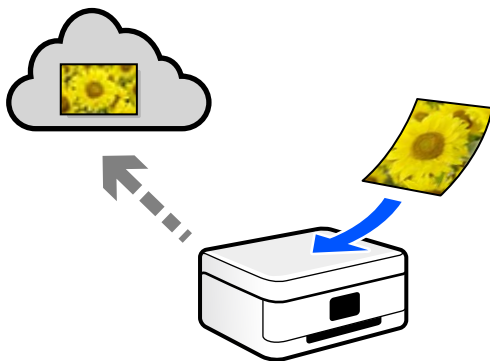


Sử dụng ứng dụng quét Epson ScanSmart để quét từ máy tính. Bạn có thể chỉnh sửa hình ảnh sau khi quét.



Gửi đến dịch vụ đám mây

Bạn có thể gửi hình ảnh quét từ bảng điều khiển của máy in đến dịch vụ đám mây đã được đăng ký trước.



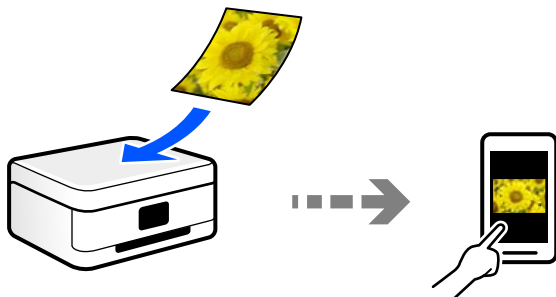
Quét bằng WSD

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in bằng tính năng WSD.

Nếu sử dụng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thực hiện cài đặt WSD trên máy tính trước khi quét.

Quét trực tiếp từ thiết bị thông minh

Bạn có thể lưu hình ảnh quét trực tiếp vào thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng thông qua ứng dụng Epson Smart Panel trên thiết bị thông minh.



Các định dạng tệp được khuyến nghị phù hợp với mục đích của bạn

Nói chung, định dạng JPEG phù hợp với ảnh, còn định dạng PDF phù hợp với tài liệu.

Xem các mô tả sau đây để chọn định dạng tốt nhất cho những gì bạn muốn làm.

Định dạng tệp	Mô tả
JPEG (.jpg)	Định dạng tệp cho phép bạn nén dữ liệu sẽ được lưu. Nếu tỷ lệ nén cao, chất lượng hình ảnh sẽ giảm và bạn không thể chuyển đổi hình ảnh trở lại chất lượng ban đầu. Đây là định dạng hình ảnh tiêu chuẩn cho máy ảnh kỹ thuật số. Định dạng này phù hợp với hình ảnh có nhiều màu.
PDF (.pdf)	Định dạng tệp chung có thể sử dụng trên các hệ điều hành khác nhau và cung cấp cùng một mức độ hiển thị trên màn hình và kết quả in. Ngoài ra, bạn có thể lưu nhiều trang thành một tệp. Bạn có thể xem tệp PDF bằng phần mềm đọc PDF chuyên dụng hoặc trong trình duyệt web.

Các độ phân giải được khuyến nghị phù hợp với mục đích của bạn

Độ phân giải cho biết số điểm ảnh (vùng nhỏ nhất của hình ảnh) cho mỗi inch (25,4 mm) và được đo bằng dpi (số điểm trên mỗi inch). Ưu điểm của việc tăng độ phân giải là các chi tiết trong ảnh trở nên mịn hơn. Tuy nhiên, việc này cũng có thể có những nhược điểm sau.

- ☐ Kích thước tệp trở nên lớn
(Khi bạn tăng gấp đôi độ phân giải, kích thước tệp sẽ lớn hơn khoảng bốn lần.)
- ☐ Quét, lưu và đọc hình ảnh mất nhiều thời gian
- ☐ Gửi và nhận email hoặc fax mất nhiều thời gian
- ☐ Hình ảnh trở nên quá lớn và không vừa với màn hình hoặc in trên giấy

Xem bảng và đặt độ phân giải phù hợp với mục đích của hình ảnh quét.

Mục đích	Độ phân giải (Tham khảo)
Hiển thị trên máy tính Gửi bằng email	Lên đến 200 dpi
In bằng máy in Gửi qua fax	200 đến 300 dpi

Quét bản gốc vào máy tính

Có hai phương pháp quét bản gốc vào máy tính; quét bằng bảng điều khiển của máy in và quét từ máy tính.

Quét từ bảng điều khiển

Lưu ý:

Để sử dụng tính năng này, đảm bảo rằng bạn đã cài đặt các ứng dụng sau trên máy tính.

- ☐ Epson ScanSmart (Windows 7 hoặc mới hơn, hoặc OS X El Capitan hoặc mới hơn)
- ☐ Epson Event Manager (Windows Vista/Windows XP, hoặc OS X Yosemite/OS X Mavericks/OS X Mountain Lion/Mac OS X v10.7.x/Mac OS X v10.6.8)
- ☐ Epson Scan 2 (ứng dụng bắt buộc phải dùng tính năng máy quét)

Xem phần sau để kiểm tra các ứng dụng đã cài đặt.

Windows 10: nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows** — **Panel điều khiển** — **Chương trình** — **Chương trình và tính năng**.

Windows 8.1/Windows 8: chọn **Bàn làm việc** — **Cài đặt** — **Panel điều khiển** — **Chương trình** — **Chương trình và tính năng**.

Windows 7/Windows Vista: Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Panel điều khiển** — **Chương trình** — **Chương trình và tính năng**.

Windows XP: Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Panel điều khiển** — **Thêm hoặc xóa chương trình**.

Mac OS: chọn **Truy cập** > **Ứng dụng** > **Epson Software**.

1. Đặt bản gốc vào.
“Đặt bản gốc” ở trang 34
2. Chọn **Scan** > **Máy tính** trên bảng điều khiển.
3. Chọn máy tính nơi cần lưu hình quét.
 - ☐ Nếu màn hình **Chọn máy tính** được hiển thị, chọn máy tính từ màn hình.
 - ☐ Nếu màn hình **Scan sang Máy tính** được hiển thị và máy tính đã được chọn, đảm bảo rằng máy tính đã chọn là chính xác. Nếu bạn muốn thay đổi máy tính, chọn , sau đó chọn máy tính khác.
4. Chọn  để chọn cách lưu hình ảnh đã quét vào máy tính.
 - ☐ Xem trước trên máy tính (Windows 7 hoặc mới hơn, hoặc OS X El Capitan hoặc mới hơn): xem trước hình ảnh quét trên máy tính trước khi lưu hình ảnh.
 - ☐ Lưu dạng JPEG: lưu hình ảnh đã quét ở định dạng JPEG.

- ☐ Lưu làm PDF: lưu hình ảnh đã quét ở định dạng PDF.

5. Nhấn .

Khi sử dụng Windows 7 hoặc mới hơn, hoặc OS X El Capitan hoặc mới hơn: Epson ScanSmart tự động khởi động trên máy tính và quá trình quét bắt đầu.

Lưu ý:

Xem *trợ giúp Epson ScanSmart* để biết thông tin sử dụng chi tiết cho phần mềm. Nhấp vào **Trợ giúp** trên màn hình Epson ScanSmart để mở trợ giúp.

Quét từ máy tính

Bạn có thể quét từ máy tính bằng Epson ScanSmart.

Ứng dụng này cho phép bạn quét tài liệu và ảnh dễ dàng, sau đó lưu hình ảnh quét theo các bước đơn giản.

1. Đặt bản gốc vào.

[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

2. Khởi động Epson ScanSmart.

- ☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson ScanSmart**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình > Epson Software > Epson ScanSmart**.

- ☐ Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson ScanSmart**.

3. Khi màn hình Epson ScanSmart hiển thị, làm theo hướng dẫn trên màn hình để quét.

Lưu ý:

Nhấp vào **Trợ giúp** để xem thông tin hoạt động chi tiết.

Quét bản gốc lên dịch vụ đám mây

Trước khi sử dụng tính năng này, hãy thực hiện cài đặt bằng Epson Connect. Xem trang web cổng thông tin của Epson Connect để biết chi tiết.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

1. Đặt bản gốc vào.

[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

2. Chọn **Scan > Đám mây** trên bảng điều khiển.

3. Chọn  trên đầu màn hình và sau đó chọn đích đến.
4. Thực hiện cài đặt quét.
“Tùy chọn menu cơ bản để quét lên đám mây” ở trang 80
“Tùy chọn menu nâng cao để quét lên đám mây” ở trang 80
5. Nhấn .

Tùy chọn menu cơ bản để quét lên đám mây

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Đen trắng/Màu

Chọn quét đơn sắc hay màu.

Định dạng tệp:

Chọn định dạng để lưu hình ảnh đã quét.

Khi bạn muốn lưu dưới dạng PDF, chọn lưu tất cả bản gốc thành một tệp (nhiều trang) hay lưu riêng từng bản gốc (một trang).

Tùy chọn menu nâng cao để quét lên đám mây

Lưu ý:

Các mục có thể không khả dụng tùy vào các cài đặt khác bạn thực hiện.

Vùng quét:

Chọn vùng quét. Để cắt khoảng trắng xung quanh văn bản hoặc hình ảnh khi quét, hãy chọn **Cắt tự động**. Để quét ở vùng tối đa của kính máy quét, chọn **Vùng tối đa**.

☐ Định hướng tài liệu:

Chọn hướng bản gốc.

Loại tài liệu:

Chọn kiểu của bản gốc.

Mật độ:

Chọn độ tương phản của hình ảnh đã quét.

Xóa bóng mờ:

Xóa bóng của bản gốc xuất hiện trong hình ảnh đã quét.

☐ Xung quanh:

Xóa bóng ở mép bản gốc.

☐ Giữa:

Xóa bóng của lề liên kết của tập sách nhỏ.

Xóa các lỗi đọc:

Xóa lỗi đọc xuất hiện trong hình ảnh đã quét. Bạn có thể chỉ định khu vực cần xóa lỗi đọc bằng cách nhập một giá trị vào hộp ở bên phải.

☐ Vị trí xóa:

Chọn vị trí cần xóa lỗi đọc.

☐ Định hướng tài liệu:

Chọn hướng bản gốc.

Xóa tất cả mọi cài đặt

Đặt lại cài đặt quét về giá trị mặc định.

Quét bằng WSD

Lưu ý:

- ☐ Tính năng này chỉ có sẵn đối với máy tính chạy Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista.
- ☐ Nếu đang dùng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thiết lập máy tính trước bằng tính năng này.
“Thiết lập cổng WSD” ở trang 81

1. Đặt bản gốc vào.
“Đặt bản gốc” ở trang 34
2. Chọn **Scan > WSD** trên bảng điều khiển.
3. Chọn máy tính.
4. Nhấn .

Thiết lập cổng WSD

Phần này giải thích cách thiết lập cổng WSD cho Windows 7/Windows Vista.

Lưu ý:

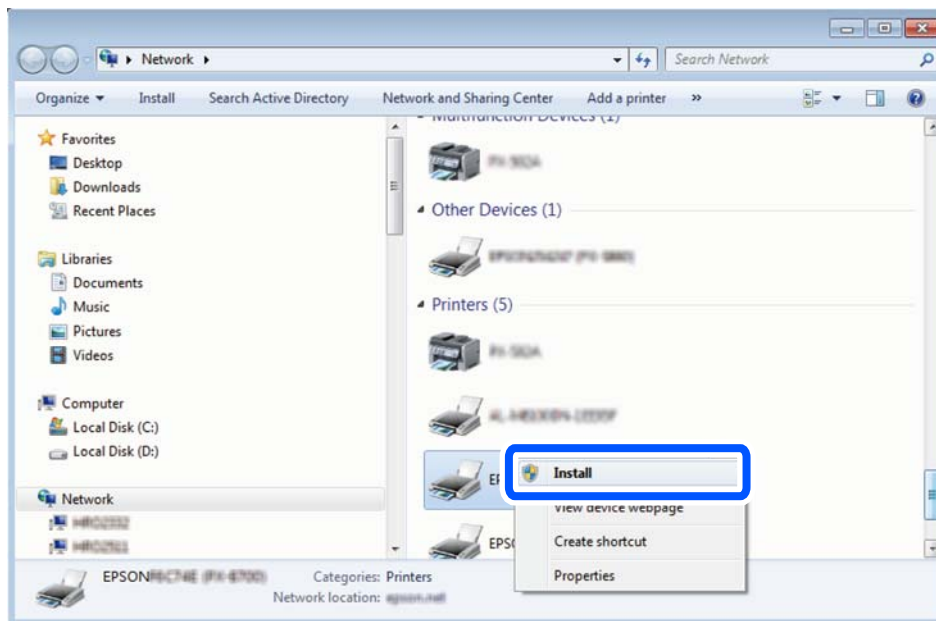
Đối với Windows 10/Windows 8.1/Windows 8, cổng WSD được thiết lập tự động.

Phần sau cần thiết để thiết lập cổng WSD.

- ☐ Máy tính và máy in được kết nối với mạng.
- ☐ Trình điều khiển máy in được cài đặt trên máy tính.

1. Bật máy in.
2. Nhấp vào bắt đầu và sau đó nhấp vào **Mạng** trên máy tính.
3. Nhấp chuột phải vào máy in và sau đó nhấp vào **Cài đặt**.
Nhấp vào **Tiếp tục** khi màn hình **Kiểm soát tài khoản người dùng** được hiển thị.

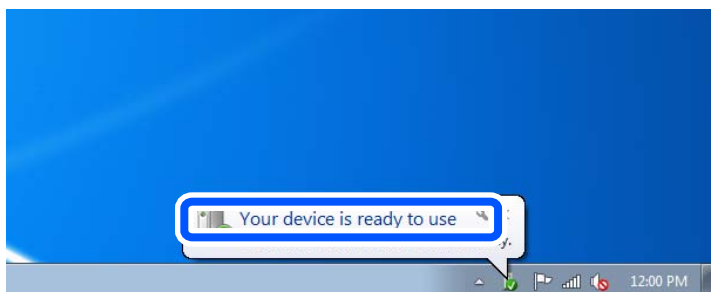
Nhấp vào **Gỡ cài đặt** và bắt đầu lại nếu màn hình **Gỡ cài đặt** được hiển thị.



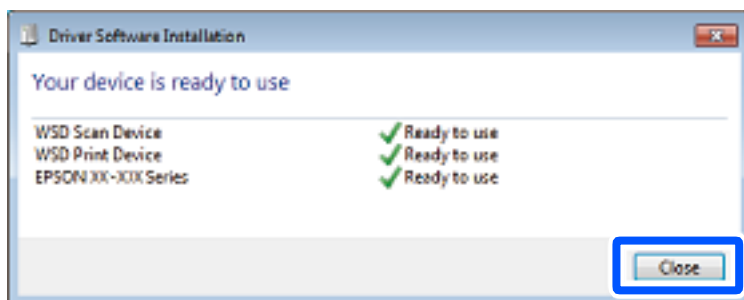
Lưu ý:

Tên máy in mà bạn đặt trên mạng và tên model (EPSON XXXXXX (XX-XXXX)) được hiển thị trên màn hình mạng. Bạn có thể kiểm tra tên máy in được đặt trên mạng từ bảng điều khiển của máy in hoặc bằng cách in tờ tình trạng mạng.

4. Nhấp vào **Thiết bị** của bạn đã sẵn sàng sử dụng.



5. Xem thông báo và sau đó nhấp vào **Đóng**.



6. Mở màn hình **Thiết bị và Máy in**.

Windows 7

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**) > **Thiết bị và Máy in**.

❑ Windows Vista

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** > **Máy in**.

7. Kiểm tra xem biểu tượng có tên máy in trên mạng có được hiển thị không.
Chọn tên máy in khi sử dụng với WSD.

Quét bản gốc vào thiết bị thông minh

Lưu ý:

Trước khi quét, hãy cài đặt Epson Smart Panel trên thiết bị thông minh của bạn.

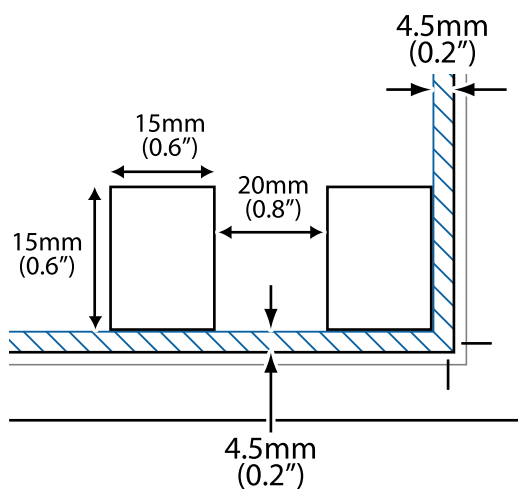
1. Đặt bản gốc vào.
“Đặt bản gốc” ở trang 34
2. Bắt đầu Epson Smart Panel trên thiết bị thông minh của bạn.
3. Chọn menu quét trên màn hình chính.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để quét và lưu hình ảnh.

Quét nâng cao

Quét nhiều ảnh cùng lúc

Với Epson ScanSmart, bạn có thể quét nhiều ảnh cùng lúc và lưu riêng từng ảnh.

1. Đặt ảnh lên kính máy quét. Đặt chúng cách xa 4,5 mm (0,2 in.) so với các cạnh ngang và dọc của kính máy quét, và đặt chúng cách nhau ít nhất 20 mm (0,8 in.).



Lưu ý:

Ảnh phải lớn hơn 15×15 mm (0,6×0,6 in.).

2. Khởi động Epson ScanSmart.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson ScanSmart**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình > Epson Software > Epson ScanSmart**.

☐ Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson ScanSmart**.

3. Khi màn hình Epson ScanSmart hiển thị, làm theo hướng dẫn trên màn hình để quét.

Ảnh quét được lưu thành các hình ảnh riêng rẽ.

Fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax.	86
Tổng quan về các tính năng fax của máy in này.	86
Gửi fax bằng bảng máy in.	89
Nhận fax trên máy in.	92
Tùy chọn menu cho fax.	95
Tùy chọn menu cho Hộp thư đến.	98
Sử dụng các tính năng fax khác.	100
Gửi fax từ máy tính.	100
Nhận fax trên máy tính.	104

Trước khi sử dụng các tính năng fax

Kiểm tra các mục sau trước khi bắt đầu sử dụng các tính năng fax.

- ☐ Máy in và đường điện thoại, và (nếu đang được sử dụng) máy điện thoại được kết nối đúng cách
- ☐ Cài đặt fax cơ bản (Thuật sĩ cài đặt fax) đã hoàn thành
- ☐ Các Cài đặt fax cần thiết khác đã hoàn thành

Xem “Thông tin liên quan” bên dưới để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 288
- ➔ “Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 291
- ➔ “Thực hiện cài đặt cho các tính năng fax của máy in theo mục đích sử dụng” ở trang 293
- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261
- ➔ “Cài đặt gửi” ở trang 263
- ➔ “Sử dụng các tính năng fax” ở trang 287
- ➔ “Đăng ký danh bạ” ở trang 285
- ➔ “Cài đặt người dùng” ở trang 268

Tổng quan về các tính năng fax của máy in này

Tính năng: Gửi fax

Các phương thức gửi

- ☐ Gửi tự động

Khi bạn quét bản gốc bằng cách nhấn  (**Gửi**), máy in quay số người nhận và gửi fax.

“Gửi fax bằng bảng máy in” ở trang 89

- ☐ Gửi thủ công

Khi bạn thực hiện kiểm tra thủ công trên kết nối đường dây bằng cách quay số người nhận, hãy nhấn  (**Gửi**) để bắt đầu gửi fax trực tiếp.

“Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 90

Chỉ định người nhận khi gửi fax

Bạn có thể nhập thông tin người nhận bằng **Bàn phím**, **Danh bạ** và **Gần đây**.

“Người nhận” ở trang 95

“Đăng ký danh bạ” ở trang 285

Cài đặt quét khi gửi fax

Bạn có thể chọn các mục như **Độ phân giải** hoặc **Kích thước bản gốc (Mặt kính)** khi gửi fax.

“Cài đặt quét:” ở trang 96

[“Gửi fax từ máy tính” ở trang 100](#)

Nhận bằng PC-FAX

Bạn có thể nhận fax trên máy tính.

[“Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính” ở trang 295](#)

[“Phần mềm cho fax” ở trang 251](#)

[“Nhận fax trên máy tính” ở trang 104](#)

Tính năng: các báo cáo fax khác nhau

Bạn có thể kiểm tra trạng thái các bản fax đã gửi và đã nhận trong báo cáo.

XX-XXXXXXXX

EPSON
EXCEED YOUR VISION

Fax Communication Log

PAGE: 001/001
XXXX XX XX XX'XX PM

Name : XXXX
Fax : XXXX XX XXXX

Date	Time	Type	ID	Duration	Pages	Result
XX.XX	XX:XXPM	Send	XX XXXX XXXX	00:00	000/001	No Answer
XX.XX	XX:XXPM	Receive		00:37	001	OK
XX.XX	XX:XXAM	Send	XXX XXX XXXX			OK

[“Cài đặt báo cáo” ở trang 266](#)

[“Cài đặt gửi fax:” ở trang 96](#)

[“Nhật ký truyền gửi:” ở trang 98](#)

[“Báo cáo fax:” ở trang 98](#)

Tính năng: Bảo mật khi gửi và nhận Fax

Bạn có thể sử dụng nhiều tính năng bảo mật như **Giới hạn gọi điện trực tiếp** để tránh gửi đến điểm đích sai, hoặc **Tự xóa hết dữ liệu sao lưu** để tránh rò rỉ thông tin. Bạn có thể đặt mật khẩu cho hộp thư đến trong máy in.

[“Cài đặt bảo mật” ở trang 266](#)

[“Lưu vào hộp thư đến:” ở trang 264](#)

Tính năng: Các tính năng hữu ích khác

Chặn fax rác

Bạn có thể từ chối fax rác.

[“Fax từ chối:” ở trang 263](#)

Nhận fax sau khi quay số

Sau khi quay số đến máy fax khác, bạn có thể nhận tài liệu từ máy fax đó.

[“Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại” ở trang 94](#)

[“Nhận hồi vòng:” ở trang 98](#)

Gửi fax bằng bảng máy in

Bạn có thể gửi fax bằng cách nhập số fax cho những người nhận trên bảng điều khiển của máy in.

Lưu ý:

Khi gửi fax đơn sắc, bạn có thể xem trước hình quét trên màn hình LCD trước khi gửi.

1. Đặt bản gốc vào.

Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền; tuy nhiên tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ còn lại, bạn có thể không thể gửi fax ngay cả với ít hơn 100 trang.

[“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

2. Chọn **Fax** trên bảng điều khiển máy in.

3. Chỉ định người nhận.

[“Chọn người nhận” ở trang 89](#)

4. Chọn tab **Cài đặt fax**, sau đó thực hiện các cài đặt cần thiết.

[“Cài đặt fax” ở trang 96](#)

5. Nhấn  để gửi fax.

Lưu ý:

☐ Nếu số fax bận hoặc có sự cố nào đó, máy in sẽ tự động quay số lại sau một phút.

☐ Để hủy gửi, nhấn .

☐ Thời gian để gửi fax màu lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Trong khi máy in đang gửi fax màu, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

Chọn người nhận

Bạn có thể chỉ định người nhận trên tab **Người nhận** để gửi fax bằng các phương thức sau.

Nhập số fax theo cách thủ công

Chọn **Bàn phím**, nhập số fax trên màn hình được hiển thị, sau đó chọn **Đ.ý**.

- Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây khi quay số), nhập dấu gạch ngang (-).

- Nếu bạn đã thiết lập mã truy cập ra bên ngoài trong **Loại dòng**, nhập “#” (dấu thăng) thay vì mã truy cập ra bên ngoài thực sự ở đầu số fax.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể nhập theo cách thủ công số fax, **Giới hạn gọi điện trực tiếp** trong **Cài đặt bảo mật** được thiết lập là **Bật**. Chọn người nhận fax từ danh sách liên hệ hoặc lịch sử gửi fax.

Chọn người nhận từ danh bạ

Chọn **Danh bạ** và chọn người nhận bạn muốn gửi. Nếu người nhận bạn muốn gửi đến vẫn chưa được đăng ký trong **Danh bạ**, chọn **Thêm mục nhập** và đăng ký.

Chọn người nhận từ lịch sử fax đã gửi

Chọn **Gần đây**, sau đó chọn người nhận.

Lưu ý:

Để xóa người nhận bạn đã nhập, hãy hiển thị danh sách người nhận bằng cách nhấn vào trường số fax hoặc số người nhận trên màn hình LCD, chọn người nhận từ danh sách, sau đó chọn **Xóa**.

Thông tin liên quan

➔ “Đăng ký danh bạ” ở trang 285

Các cách gửi fax khác nhau

Gửi fax sau khi kiểm tra hình ảnh quét

Bạn có thể xem trước hình ảnh quét trên màn hình LCD trước khi gửi fax. (Chỉ fax đơn sắc)

1. Đặt bản gốc vào.

“Đặt bản gốc” ở trang 34

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

3. Chỉ định người nhận.

“Chọn người nhận” ở trang 89

4. Chọn tab **Cài đặt fax**, sau đó thực hiện các cài đặt cần thiết.

“Cài đặt fax” ở trang 96

5. Chọn **Xem trước** trên màn hình fax trên cùng để quét, kiểm tra hình ảnh tài liệu đã quét.

-     : Di chuyển màn hình theo hướng các mũi tên.

-   : Thu nhỏ hoặc phóng to.

-   : Chuyển sang trang trước hoặc trang kế tiếp.

Lưu ý:

☐ Khi đã bật **Gửi trực tiếp**, bạn không thể xem trước.

☐ Nếu bạn không thao tác trên màn hình xem trước trong thời gian đã đặt trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt gửi > Thời gian hiển thị xem trước fax**, fax được tự động gửi đi.

☐ Chất lượng hình của fax đã gửi có thể khác với những gì bạn đã xem trước tùy vào khả năng của máy người nhận.

6. Chọn **Bắt đầu gửi**. Nếu không, chọn **Hủy**

Lưu ý:

Chất lượng hình của fax đã gửi có thể khác với những gì bạn đã xem trước tùy vào khả năng của máy người nhận.

Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài

Bạn có thể gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối khi bạn muốn nói chuyện qua điện thoại trước khi gửi fax, hoặc khi máy fax của người nhận không tự động chuyển sang chế độ fax.

1. Nhắc ống nghe điện thoại đã kết nối rồi gọi đến số fax của người nhận bằng điện thoại.

Lưu ý:

Khi người nhận trả lời điện thoại, bạn có thể nói chuyện với người nhận.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
3. Thực hiện các cài đặt cần thiết trên **Cài đặt fax**.

[“Cài đặt fax” ở trang 96](#)

4. Khi bạn nghe thấy âm báo fax, nhấn  và sau đó nhắc tai nghe điện thoại.

Lưu ý:

Khi quay đến một số bằng điện thoại kết nối, thời gian để gửi fax lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Khi gửi fax, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt fax” ở trang 96](#)

Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)

Khi gửi fax đơn sắc, tài liệu quét được lưu trữ tạm thời trong bộ nhớ của máy in. Vì vậy, việc gửi quá nhiều trang có thể khiến máy in hết bộ nhớ và dừng việc gửi fax. Bạn có tránh điều này bằng cách bật tính năng **Gửi trực tiếp**, tuy nhiên thời gian gửi fax sẽ lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Bạn có thể sử dụng tính năng này khi chỉ có một người nhận.

Truy cập menu

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Fax > Cài đặt fax Gửi trực tiếp.

Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)

Bạn có thể thiết lập gửi fax vào một thời gian đã định. Chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi thời gian gửi được chỉ định.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chỉ định người nhận.
[“Chọn người nhận” ở trang 89](#)
3. Chọn tab **Cài đặt fax** và sau đó chọn **Gửi fax sau**.
4. Nhấn vào trường **Gửi fax sau** để đặt thành **Bật**.
5. Chọn trường **Thời gian**, nhập thời gian bạn muốn gửi fax, sau đó chọn **Đ.ý**.
6. Chọn **Tốt** để áp dụng cài đặt.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương pháp gửi nếu cần.

7. Gửi fax.

Lưu ý:

*Bạn không thể gửi fax khác cho tới khi fax đã được gửi vào thời gian đã định. Nếu muốn gửi fax khác, bạn cần phải hủy fax đã lên lịch bằng cách chọn **Fax** trên màn hình chính và sau đó xóa fax đó.*

Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))

Gửi fax bằng cách đặt từng lần lượt từng bản gốc, hoặc bằng cách đặt các bản gốc theo kích thước, bạn có thể gửi chúng thành một tài liệu có kích thước của bản gốc.

Nếu bạn đặt các bản gốc có kích thước khác nhau vào ADF, mọi bản gốc sẽ được gửi theo kích thước lớn nhất trong số đó. Để gửi bản gốc ở kích thước gốc, không đặt các bản gốc có kích thước hỗn hợp.

1. Đặt mẽ bản gốc đầu tiên có cùng kích thước.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

3. Chỉ định người nhận.

“Chọn người nhận” ở trang 89

4. Chọn tab **Cài đặt fax**, sau đó nhấn **Quét liên tục (ADF)** để thiết lập tùy chọn này thành **Bật**.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương pháp gửi nếu cần.

5. Nhấn **◇ (Gửi)** trên tab **Người nhận**.

6. Khi hoàn thành việc quét bộ bản gốc đầu tiên và một thông báo được hiển thị trên bảng điều khiển yêu cầu bạn quét bộ bản gốc tiếp theo, chọn **Có**, thiết lập các bản gốc tiếp theo, và sau đó chọn **Bắt đầu quét**.

Lưu ý:

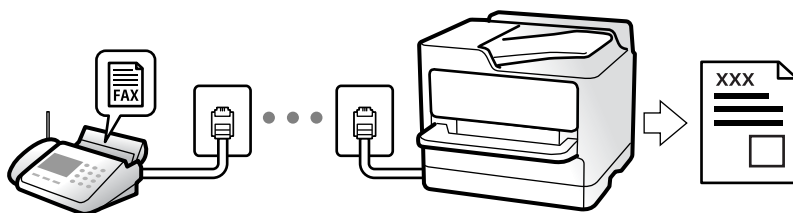
*Nếu bạn không thao tác trên máy in trong thời gian đã đặt trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt gửi > Thời gian chờ Bản gốc tiếp theo** sau khi bạn được nhắc đặt bản gốc tiếp theo, máy in sẽ ngừng lưu trữ và bắt đầu gửi tài liệu.*

Nhận fax trên máy in

Nếu máy in được kết nối với đường điện thoại và các cài đặt cơ bản đã được hoàn thành bằng cách sử dụng Thuật sĩ cài đặt fax, bạn có thể nhận fax.

Bạn có thể lưu các bản fax đã nhận, kiểm tra chúng trên màn hình máy in và in khi cần.

Các bản fax đã nhận được in trong cài đặt ban đầu của máy in.



Khi bạn muốn kiểm tra trạng thái của cài đặt fax, hãy in **D.sách cài đặt fax** bằng cách chọn **Fax** >  (Xem thêm) > **Báo cáo fax** > **D.sách cài đặt fax**.

Nhận fax gửi đến

Có hai tùy chọn trong **Chế độ nhận**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 93
- ➔ “Sử dụng chế độ Tự động” ở trang 93

Sử dụng chế độ Thủ công

Chế độ này chủ yếu để thực hiện cuộc gọi điện thoại, nhưng cũng dành cho fax.

Nhận fax

Khi điện thoại đổ chuông, bạn có thể trả lời chuông theo cách thủ công bằng cách nhấn ống nghe.

- ☐ Khi bạn nghe thấy tín hiệu fax (baud):

Chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in, chọn **Gửi/Nhận > Nhận**, sau đó nhấn **◇**. Tiếp theo gác ống nghe điện thoại.

- ☐ Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại:

Bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

Nhận fax bằng cách chỉ sử dụng điện thoại kết nối

Khi **Nhận từ xa** được thiết lập, bạn có thể nhận fax bằng cách đơn giản là nhập **Bật mã**.

Khi điện thoại đổ chuông, hãy nhấn ống nghe điện thoại. Khi bạn nghe thấy âm fax (baud), quay **Bật mã** hai chữ số, sau đó gác ống nghe điện thoại.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhận từ xa:” ở trang 263

Sử dụng chế độ Tự động

Chế độ này cho phép bạn sử dụng đường điện thoại cho các mục đích sử dụng sau.

- ☐ Sử dụng đường điện thoại chỉ cho fax (không cần máy điện thoại bên ngoài)
- ☐ Sử dụng đường điện thoại chủ yếu cho fax và đôi khi để gọi điện thoại

Nhận fax không có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in tự động chuyển sang nhận fax khi có đủ số lần đổ chuông bạn đặt trong **Đổ chuông trả lời**.

Nhận fax có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in có thiết bị điện thoại bên ngoài hoạt động như sau.

- ☐ Khi máy trả lời trả lời khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:
 - Nếu chuông đổ là cho fax: Máy in tự động chuyển sang nhận fax.
 - Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: Máy trả lời có thể nhận cuộc gọi thoại và ghi lại tin nhắn thoại.

☐ Khi bạn nhắc ống nghe điện thoại khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:

- Nếu chuông là cho fax: Giữ đường điện thoại cho đến khi máy in tự động bắt đầu nhận fax bằng cách hiển thị **Đang kết nối** trên bảng điều khiển của máy in. Khi máy in bắt đầu nhận fax, bạn có thể gác máy. Để bắt đầu nhận fax ngay lập tức, hãy sử dụng các bước tương tự như đối với **Thủ công**. Chọn **Fax** trên bảng điều khiển của máy in, rồi chọn **Gửi/Nhận** > **Nhận**. Tiếp theo, nhấn **◇**, và sau đó gác ống nghe điện thoại.

- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: Bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

☐ Khi chuông ngừng đổ và máy in tự động chuyển sang nhận fax:

- Nếu chuông đổ là cho fax: Máy in bắt đầu nhận fax.

- Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: Bạn không thể trả lời điện thoại. Yêu cầu người này gọi lại cho bạn.

Lưu ý:

Thiết lập số lần đổ chuông để trả lời cho máy trả lời đến một giá trị thấp hơn giá trị được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**. Nếu không, máy trả lời không thể nhận các cuộc gọi thoại để ghi lại tin nhắn thoại. Để biết chi tiết về cách thiết lập máy trả lời, xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với máy trả lời.

Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax.

Nhận fax bằng cách yêu cầu (Nhận hỏi vòng)

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax. Sử dụng tính năng này để nhận tài liệu từ một dịch vụ thông tin fax. Tuy nhiên, nếu dịch vụ thông tin fax có tính năng hướng dẫn thoại mà bạn cần thực hiện theo để nhận tài liệu thì bạn không thể sử dụng tính năng này.

Lưu ý:

Để nhận tài liệu từ dịch vụ thông tin fax sử dụng hướng dẫn bằng âm thanh, chỉ cần quay số đến số fax bằng điện thoại kết nối và sử dụng điện thoại và máy in theo hướng dẫn bằng âm thanh.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Nhấn  (Xem thêm).
3. Nhấn **Nhận hỏi vòng** để đặt cài đặt này thành **Bật**, sau đó nhấn **Đóng**.
4. Nhập số fax.

Lưu ý:

Khi **Cài đặt bảo mật** trong **Giới hạn gọi điện trực tiếp** được đặt thành **Bật**, bạn chỉ có thể chọn người nhận fax từ danh bạ hoặc lịch sử fax đã gửi. Bạn không thể tự nhập số fax.

5. Nhấn **◇**.

Xem fax đã nhận được lưu trong máy in trên màn hình LCD

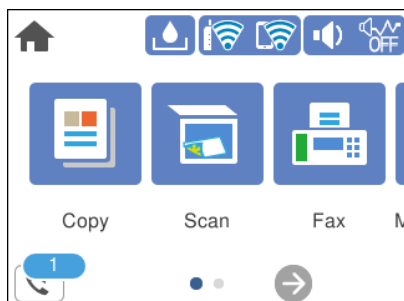
Nếu bạn thiết lập để lưu các bản fax đã nhận trong máy in, bạn có thể xem nội dung và in nếu cần.

“Thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận” ở trang 294

1. Nhấn  trên màn hình chính.

Lưu ý:

Khi có tài liệu đã nhận nhưng chưa được đọc thì số tài liệu chưa đọc sẽ hiển thị trên  trên màn hình chính.



2. Nhấn **Mở Hộp thư đến (XX chưa đọc)**.
3. Nếu hộp thư đến được bảo vệ bằng mật khẩu, hãy nhập mật khẩu hộp thư đến.
4. Chọn fax bạn muốn xem từ danh sách.

Nội dung của fax sẽ hiển thị.

- ☐     : di chuyển màn hình theo hướng các mũi tên.
 - ☐   : thu nhỏ hoặc phóng to.
 - ☐  : xoay hình sang phải với một góc 90 độ.
 - ☐   : chuyển sang trang trước hoặc trang kế tiếp.
 - ☐ Để ẩn biểu tượng thao tác, hãy nhấn vào vị trí bất kỳ trên màn hình xem trước trừ các biểu tượng. Nhấn lại để hiển thị biểu tượng.
5. Chọn in hay xóa tài liệu bạn đã xem, sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.



Quan trọng:

Nếu máy in hết bộ nhớ, chức năng nhận và gửi fax sẽ bị tắt. Xóa các tài liệu bạn đã đọc hoặc in.

Tùy chọn menu cho fax

Người nhận

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Fax > **Người nhận**

Bàn phím:

Tự nhập số fax.

Danh bạ:

Chọn một người nhận từ danh bạ. Bạn cũng có thể thêm hoặc sửa người liên hệ.

Gắn đây:

Chọn một người nhận từ lịch sử fax đã gửi. Bạn cũng có thể thêm người nhận vào danh bạ.

Thông tin liên quan

➔ [“Chọn người nhận” ở trang 89](#)

Cài đặt fax

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Fax > Cài đặt fax

Cài đặt quét:

Độ phân giải:

Chọn độ phân giải cho fax gửi đi. Nếu bạn chọn độ phân giải cao hơn, kích thước dữ liệu trở nên lớn hơn và bạn sẽ mất thời gian gửi fax.

Mật độ:

Đặt mật độ cho fax gửi đi. + làm mật độ tối hơn và - làm mật độ sáng hơn.

Xóa nền:

Phát hiện màu giấy (màu nền) của tài liệu gốc và loại bỏ hoặc làm nhạt màu. Có thể không loại bỏ hoặc làm nhạt màu được tùy thuộc vào độ tối và sự sống động của màu sắc

Độ sắc nét:

Tăng hoặc giảm đường viền của hình ảnh. + cải thiện độ sắc nét và - làm lệch tiêu độ sắc nét.

Quét liên tục (ADF):

Gửi fax bằng cách đặt từng lần lượt từng bản gốc, hoặc bằng cách đặt các bản gốc theo kích thước, bạn có thể gửi chúng thành một tài liệu có kích thước của bản gốc. Xem thông tin liên quan bên dưới về chủ đề này.

Kích thước bản gốc (Mặt kính):

Chọn kích thước và hướng của bản gốc mà bạn đã đặt lên kính máy scan.

Chế độ màu:

Chọn quét màu hay đơn sắc.

Cài đặt gửi fax:

Gửi trực tiếp:

Gửi bản fax đơn sắc trong khi quét bản gốc. Vì các bản gốc được quét không được lưu tạm thời trong bộ nhớ của máy in ngay cả khi gửi một số lượng lớn các trang, bạn có thể tránh

được lỗi máy in do thiếu bộ nhớ. Lưu ý rằng việc gửi fax khi có sử dụng tính năng này sẽ lâu hơn so với khi không sử dụng tính năng này. Xem thông tin liên quan bên dưới về chủ đề này.

Bạn không thể sử dụng tính năng này khi gửi fax đến nhiều người nhận.

Gửi fax sau:

Gửi fax vào một thời điểm bạn chỉ định. Bạn chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi sử dụng tùy chọn này. Xem thông tin liên quan bên dưới về chủ đề này.

Thêm thông tin người gửi:

☐ Thêm thông tin người gửi

Chọn vị trí bạn muốn đưa thông tin đầu trang (tên và số fax của người gửi) vào fax đang gửi đi hoặc vị trí bạn không muốn đưa thông tin vào.

- **Tắt:** Gửi fax không có thông tin đầu trang.

- **Bên ngoài hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang trong lề trắng bên trên của bản fax. Tùy chọn này giúp đầu trang không bị chồng chéo vào hình ảnh đã quét. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được có thể được in thành hai trang tùy thuộc vào khổ của bản gốc.

- **Bên trong hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang thấp hơn đỉnh của hình ảnh đã quét khoảng 7 mm. Đầu trang có thể chồng chéo với hình ảnh. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được sẽ không bị chia thành hai tài liệu.

☐ Dòng đầu trang fax

Chọn tiêu đề cho người nhận. Để sử dụng tính năng này, bạn cần đăng ký trước nhiều đầu trang.

☐ Thông tin bổ sung

Chọn thông tin bạn muốn thêm. Bạn có thể chọn một tùy chọn từ **Số điện thoại của bạn** và **Danh sách đích**.

Báo cáo truyền gửi:

In báo cáo truyền dữ liệu sau khi gửi fax.

In lỗi xảy ra chỉ in báo cáo khi xảy ra lỗi.

Khi **Đính kèm hình ảnh vào báo cáo** đã được đặt trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo**, các bản fax có lỗi cũng được in cùng với báo cáo.

Xóa tất cả mọi cài đặt:

Khôi phục tất cả các cài đặt trong **Cài đặt quét** và **Cài đặt gửi fax** về giá trị mặc định.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))” ở trang 92
- ➔ “Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)” ở trang 91
- ➔ “Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)” ở trang 91

Xem thêm

Chọn  trong Fax trên màn hình chính sẽ hiển thị menu **Xem thêm**.

Nhật ký truyền gửi:

Bạn có thể kiểm tra lịch sử các công việc fax đã gửi hoặc nhận.

Báo cáo fax:

Truyền tải gần nhất:

In báo cáo cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận thông qua tính năng fax theo yêu cầu.

Nhật ký fax:

In báo cáo truyền fax. Bạn có thể thiết lập tự động in báo cáo này bằng menu sau đây.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo > In tự động nhật ký fax

D.sách cài đặt fax:

In các thiết lập fax hiện tại.

Dấu vết giao thức:

In báo cáo chi tiết cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận.

Nhận hồi vòng:

Khi tùy chọn này được đặt là **Bật** và bạn gọi đến số fax của người gửi, bạn có thể nhận tài liệu từ máy fax của người gửi. Xem thông tin liên quan bên dưới để biết chi tiết về cách nhận fax sử dụng **Nhận hồi vòng**.

Khi bạn rời khỏi menu Fax, cài đặt sẽ quay lại giá trị **Tắt** (mặc định).

Hộp thư đến:

Truy cập  (Hộp thư đến) trên màn hình chính.

In lại fax đã nhận:

In lại các bản fax đã nhận trong máy in.

Cài đặt fax:

Truy cập **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax**. Truy cập menu cài đặt với vai trò là người quản trị.

Thông tin liên quan

➔ [“Nhận fax bằng cách yêu cầu \(Nhận hồi vòng\)” ở trang 94](#)

Tùy chọn menu cho Hộp thư đến



Bạn có thể truy cập Hộp thư đến nơi lưu trữ các bản fax đã nhận bằng cách nhấn vào biểu tượng này. Khi có fax đã nhận nhưng chưa được đọc thì số tài liệu chưa đọc sẽ hiển thị trên .

Thông tin liên quan

➔ [“Thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận” ở trang 294](#)

Mở Hộp thư đến (XX chưa đọc)

 (Menu Hộp thư đến)

Cài đặt

Lưu vào hộp thư đến:

Lưu fax đã nhận vào Hộp thư đến của máy in. Bạn có thể lưu đến 100 tài liệu. Lưu ý rằng có thể không lưu được 100 tài liệu tùy thuộc điều kiện sử dụng, như kích thước tệp của tài liệu được lưu và việc sử dụng cùng lúc nhiều tính năng lưu fax.

Mặc dù máy in không tự động in fax đã nhận, bạn có thể xem fax trên màn hình của máy in và chỉ in những bản fax bạn cần.

Tùy chọn khi bộ nhớ đầy:

Bạn có thể chọn thao tác để in fax đã nhận hoặc từ chối nhận fax khi bộ nhớ Hộp thư đến đầy.

Cài đặt mật khẩu hộp thư đến:

Mật khẩu giúp bảo vệ Hộp thư đến nhằm hạn chế người dùng xem fax nhận được. Chọn **Thay đổi** để đổi mật khẩu và chọn **Cài lại** để hủy bảo vệ bằng mật khẩu. Khi thay đổi hoặc cài lại mật khẩu, bạn cần mật khẩu hiện tại.

Bạn không thể thiết lập mật khẩu khi **Tùy chọn khi bộ nhớ đầy** đã được thiết lập thành **Nhận và in fax**.

In tất cả:

Chọn chức năng này sẽ in tất cả các bản fax đã nhận trong hộp thư đến.

Xóa tất cả:

Chọn chức năng này sẽ xóa tất cả các bản fax đã nhận trong hộp thư đến.

Hộp thư đến (Danh sách)

Bạn có lưu tối đa 100 tài liệu trong hộp thư đến.

màn hình xem trước

- ☐   : Thu nhỏ hoặc phóng to.
- ☐  : Xoay hình sang phải với một góc 90 độ.
- ☐     : Di chuyển màn hình theo hướng các mũi tên.
- ☐   : Chuyển sang trang trước hoặc trang kế tiếp.

Để ẩn biểu tượng thao tác, hãy nhấn vào vị trí bất kỳ trên màn hình xem trước trừ các biểu tượng. Nhấn lại để hiển thị biểu tượng.

Xóa:

Xóa tài liệu bạn đang xem trước.

Tiếp tục in:

In tài liệu bạn đang xem trước. Bạn có thể thực hiện các cài đặt như **2 mặt** trước khi bắt đầu in.



(Menu xem trước)

Chi tiết:

Hiển thị thông tin cho tài liệu đã chọn, như ngày giờ đã lưu và tổng số trang.

Sử dụng các tính năng fax khác

In báo cáo fax theo cách thủ công

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Nhấn  (Xem thêm).
3. Chọn **Báo cáo fax**.
4. Chọn báo cáo mà bạn muốn in và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Lưu ý:

Bạn có thể thay đổi định dạng báo cáo. Từ màn hình trang chủ, chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt báo cáo** và sau đó thay đổi các thiết lập **Định kèm hình ảnh vào báo cáo** hoặc **Định dạng báo cáo**.

Gửi fax từ máy tính

Bạn có thể gửi fax từ máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX.

Lưu ý:

- ☐ Kiểm tra xem FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX của máy in đã được cài đặt trước khi sử dụng tính năng này chưa.

“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)” ở trang 251

“Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX)” ở trang 252

- ☐ Nếu FAX Utility chưa được cài đặt, hãy cài đặt FAX Utility bằng EPSON Software Updater (ứng dụng dùng để cập nhật phần mềm).

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows)

Bằng cách chọn fax của máy in từ menu **In** của một ứng dụng như Microsoft Word hoặc Excel, bạn có thể chuyển trực tiếp các dữ liệu như tài liệu, bản vẽ và bảng đã tạo với tờ bìa.

Lưu ý:

Phân giải thích sau sử dụng Microsoft Word làm ví dụ. Hoạt động thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn sử dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Sử dụng một ứng dụng, tạo tài liệu để truyền qua fax.

2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.

Cửa sổ **In** của ứng dụng xuất hiện.

3. Chọn **XXXXX (FAX)** (XXXXX là tên máy in) trong **Máy in**, sau đó kiểm tra cài đặt để gửi fax.

☐ Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Fax có thể không được truyền đúng cách nếu bạn chỉ định **2** trở lên.

☐ Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền fax.

4. Nhấp **Thuộc tính máy in** hoặc **Thuộc tính** nếu bạn muốn chỉ định **Paper Size, Orientation, Color, Image Quality**, hoặc **Character Density**.

Để biết chi tiết, xem mục trợ giúp về trình điều khiển PC-FAX.

5. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

*Khi sử dụng FAX Utility trong lần đầu tiên, một cửa sổ đăng ký thông tin của bạn được hiển thị. Nhập thông tin cần thiết và sau đó nhấp vào **OK**.*

Màn hình **Recipient Settings** của FAX Utility được hiển thị.

6. Khi bạn muốn gửi các tài liệu khác trong cùng một lần truyền fax, hãy chọn hộp kiểm **Add documents to send**.

Màn hình để thêm tài liệu được hiển thị khi bạn nhấp vào **Tiếp theo** trong bước 9.

7. Chọn hộp kiểm **Attach a cover sheet** nếu cần.

8. Chỉ định người nhận.

☐ Chọn người nhận (tên, số fax, v.v.) từ **PC-FAX Phone Book**:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, thực hiện các bước bên dưới.

❶ Nhấp vào thẻ **PC-FAX Phone Book**.

❷ Chọn người nhận từ danh sách và nhấp vào **Add**.

☐ Chọn người nhận (tên, số fax, v.v) danh bạ trên máy in:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ trên máy in, thực hiện các bước bên dưới.

❶ Nhấp vào thẻ **Contacts on Printer**.

❷ Chọn các liên hệ từ danh sách và nhấp vào **Add** để tiếp tục đến cửa sổ **Add to Recipient**.

❸ Chọn các liên hệ từ danh sách được hiển thị, và sau đó nhấp vào **Edit**.

❹ Thêm dữ liệu cá nhân như **Company/Corp.** và **Title** theo yêu cầu và sau đó nhấp vào **OK** để quay lại cửa sổ **Add to Recipient**.

❺ Nếu cần, chọn hộp kiểm **Register in the PC-FAX Phone Book** để lưu các liên hệ vào **PC-FAX Phone Book**.

❻ Nhấp vào **OK**.

- ☐ Chỉ định người nhận (tên, số fax, v.v) trực tiếp:

Thực hiện các bước bên dưới.

- ❶ Nhấp vào thẻ **Manual Dial**.
- ❷ Nhập thông tin cần thiết.
- ❸ Nhấp vào **Add**.

Ngoài ra, khi nhấp vào **Save to Phone Book**, bạn có thể lưu người nhận vào danh sách trong thẻ **PC-FAX Phone Book**.

Lưu ý:

- ☐ Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết thông tin có liên quan bên dưới.
- ☐ Nếu bạn đã chọn **Enter fax number twice** trong **Optional Settings** trên màn hình chính FAX Utility, bạn cần phải nhập lại cùng số này khi bạn nhấp **Add** hoặc **Tiếp theo**.

Người nhận được thêm vào **Recipient List** hiển thị trong phần trên của cửa sổ.

9. Nhấp vào **Tiếp theo**.

- ☐ Khi bạn đã chọn hộp kiểm **Add documents to send**, làm theo các bước dưới đây để thêm tài liệu trong cửa sổ **Document Merging**.
 - ❶ Mở tài liệu bạn muốn thêm và sau đó chọn cùng máy in (tên fax) trong cửa sổ **In**. Tài liệu được thêm vào danh sách **Document List to Merge**.
 - ❷ Nhấp vào **Xem trước** để kiểm tra tài liệu hợp nhất.
 - ❸ Nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

Các cài đặt **Image Quality** và **Color** bạn đã chọn cho tài liệu đầu tiên được áp dụng cho các tài liệu khác.

- ☐ Khi bạn đã chọn hộp kiểm **Attach a cover sheet**, hãy chỉ định nội dung của trang bìa trong cửa sổ **Cover Sheet Settings**.
 - ❶ Chọn trang bìa từ các mẫu trong danh sách **Cover Sheet**. Lưu ý rằng không có chức năng để tạo tờ bìa gốc hoặc để thêm tờ bìa gốc vào danh sách.
 - ❷ Nhập **Subject** và **Message**.
 - ❸ Nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

Đặt các tùy chọn sau nếu cần trong **Cover Sheet Settings**.

- ☐ Nhấp vào **Cover Sheet Formatting** nếu bạn muốn thay đổi thứ tự các mục trên tờ bìa. Bạn có thể chọn kích thước tờ bìa **Paper Size**. Bạn cũng có thể chọn tờ bìa ở một kích thước khác cho tài liệu được truyền.
- ☐ Nhấp vào **Font** nếu bạn muốn thay đổi phông chữ được sử dụng cho văn bản trên tờ bìa.
- ☐ Nhấp vào **Sender Settings** nếu bạn muốn thay đổi thông tin người gửi.
- ☐ Nhấp vào **Detailed Preview** nếu bạn muốn kiểm tra tờ bìa với chủ đề và thông điệp bạn đã nhập.

10. Kiểm tra nội dung truyền và nhấp vào **Send**.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền. Nhấp vào **Preview** để xem trước tờ bìa và tài liệu sẽ truyền.

Khi bắt đầu truyền, một cửa sổ hiển thị trạng thái truyền sẽ xuất hiện.

Lưu ý:

- ☐ Để dừng truyền tải, hãy chọn dữ liệu và nhấp **Hủy** . Bạn cũng có thể hủy bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.
- ☐ Nếu xảy ra lỗi trong khi truyền, cửa sổ **Communication error** xuất hiện. Kiểm tra thông tin lỗi và truyền lại.
- ☐ Màn hình Fax Status Monitor (màn hình được đề cập ở trên nơi bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền) không được hiển thị nếu Display Fax Status Monitor During Transmission không được chọn trong màn hình **Optional Settings** của màn hình chính FAX Utility.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS)

Bằng cách chọn một máy in có khả năng gửi fax từ menu **In** của một ứng dụng có bán trên thị trường, bạn có thể gửi dữ liệu như các tài liệu, bản vẽ và bảng, bạn đã tạo.

Lưu ý:

Giải thích sau sử dụng Text Edit, một ứng dụng Mac OS chuẩn làm ví dụ.

1. Tạo tài liệu bạn muốn gửi qua fax trong một ứng dụng.
2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.
Cửa sổ **In** của ứng dụng hiển thị.
3. Chọn máy in (tên fax) của bạn trong **Tên**, nhấp vào ▼ để hiển thị cài đặt chi tiết, kiểm tra cài đặt in, sau đó nhấp vào **OK**.
4. Thực hiện các cài đặt cho từng mục.
 - ☐ Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Ngay cả khi bạn chỉ định **2** trở lên, chỉ 1 bản sao được gửi.
 - ☐ Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền fax.

Lưu ý:

Kích cỡ trang của tài liệu bạn có thể gửi giống với khổ giấy bạn có thể fax từ máy in.

5. Chọn Fax Settings từ menu bật lên, sau đó thực hiện cài đặt cho từng mục.
Xem trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX để biết giải thích cho từng mục cài đặt.

Nhấp vào  ở dưới cùng bên trái của cửa sổ để mở trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX.

6. Chọn menu Recipient Settings, sau đó chỉ định người nhận.

- ☐ Chỉ định trực tiếp một người nhận (tên, số fax, v.v):

Nhấp vào mục **Add**, nhập thông tin cần thiết, sau đó nhấp vào . Người nhận được thêm vào Recipient List hiển thị trong phần trên của cửa sổ.

Nếu bạn đã chọn “Enter fax number twice” trong cài đặt trình điều khiển PC-FAX, bạn cần nhập lại cùng số khi bạn nhấp vào .

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

- ☐ Chọn một người nhận (tên, số fax, v.v) từ danh bạ:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, hãy nhấp vào . Chọn người nhận từ danh sách, sau đó nhấp vào **Add > OK**.

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

7. Kiểm tra các cài đặt người nhận, sau đó nhấp vào **Fax**.

Quá trình gửi bắt đầu.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền.

Lưu ý:

- ☐ Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in trong Dock, màn hình kiểm tra trạng thái truyền hiển thị. Để dừng gửi, nhấp vào dữ liệu, sau đó nhấp vào **Delete**.
- ☐ Nếu lỗi xảy ra trong khi truyền, thông báo **Sending failed** hiển thị. Kiểm tra bản ghi truyền trên màn hình **Fax Transmission Record**.
- ☐ Các tài liệu có khổ giấy kết hợp có thể không được gửi đúng cách.

Thông tin liên quan

➡ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261

Nhận fax trên máy tính

Máy in có thể nhận và lưu fax ở định dạng PDF trên máy tính kết nối với máy in. Sử dụng FAX Utility (ứng dụng) để thực hiện cài đặt.

Để biết chi tiết cách vận hành FAX Utility, xem Basic Operations trong trợ giúp FAX Utility (hiển thị trên cửa sổ chính). Nếu màn hình nhập mật khẩu được hiển thị trên màn hình máy tính khi bạn đang thực hiện cài đặt, hãy nhập mật khẩu. Nếu bạn không biết mật khẩu, hãy liên hệ với người quản trị.

Lưu ý:

- ❑ Kiểm tra xem FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX của máy in đã được cài đặt chưa và cài đặt FAX Utility đã được thực hiện trước khi sử dụng tính năng này chưa.

[“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 251](#)

[“Ứng dụng để gửi fax \(Trình điều khiển PC-FAX\)” ở trang 252](#)

- ❑ Nếu FAX Utility chưa được cài đặt, hãy cài đặt FAX Utility bằng EPSON Software Updater (ứng dụng dùng để cập nhật phần mềm).



Quan trọng:

- ❑ Để nhận fax trên máy tính, **Chế độ nhận** trên bảng điều khiển của máy in phải được thiết lập là **Tự động**. Liên hệ với người quản trị để biết thông tin về trạng thái cài đặt máy in. Để thực hiện cài đặt trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Chế độ nhận**.
- ❑ Máy tính được đặt để nhận fax nên luôn luôn bật. Các tài liệu nhận được sẽ được lưu tạm vào bộ nhớ máy in trước khi chúng được lưu vào máy tính. Nếu bạn tắt máy tính, bộ nhớ của máy in có thể bị đầy bởi vì nó không thể gửi tài liệu tới máy tính.
- ❑ Số lượng tài liệu đã lưu tạm thời vào bộ nhớ của máy in được hiển thị trên  trên bảng điều khiển của máy in.
- ❑ Để đọc các bản fax đã nhận, bạn cần phải cài đặt một trình xem PDF như Adobe Reader trong máy tính.

Thông tin liên quan

➔ [“Nhận fax trên máy tính” ở trang 104](#)

Kiểm tra fax mới (Windows)

Bằng cách thiết lập một máy tính để lưu các bản fax mà máy in đã nhận, bạn có thể kiểm tra tình trạng xử lý của các bản fax đã nhận và có hay không có bất kỳ bản fax mới nào sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ Windows. Bằng cách thiết lập máy tính để hiển thị thông báo khi nhận được các bản fax mới, một màn hình thông báo xuất hiện gần khay hệ thống Windows và bạn có thể kiểm tra các bản fax mới.

Lưu ý:

- ❑ Dữ liệu fax đã nhận được lưu vào máy tính sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ máy in.
- ❑ Bạn cần Adobe Reader để xem các bản fax đã nhận được lưu dưới dạng tệp PDF.

Sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ (Windows)

Bạn có thể kiểm tra các bản fax mới và trạng thái hoạt động bằng cách sử dụng biểu tượng fax hiển thị trên thanh tác vụ Windows.

1. Kiểm tra biểu tượng.

- ❑  : Đang chờ.
- ❑  : Kiểm tra fax mới.
- ❑  : Nhập fax mới đã xong.

2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng, sau đó nhấp vào **View Receiving Fax Record**.

Màn hình **Receiving Fax Record** được hiển thị.

3. Kiểm tra ngày và người gửi trong danh sách, sau đó mở tệp đã nhận ở dạng PDF.

Lưu ý:

- ☐ Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.
YYYYMMDDHHMMSS_xxxxxxxxxx_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)
- ☐ Bạn cũng có thể mở thư mục fax đã nhận trực tiếp khi nhấp chuột phải vào biểu tượng. Để biết chi tiết, xem **Optional Settings** trong FAX Utility và trợ giúp của ứng dụng (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Trong khi biểu tượng fax chỉ ra rằng nó đang chờ, bạn có thể kiểm tra các bản fax mới ngay lập tức bằng cách chọn **Check new faxes now**.

Sử dụng cửa sổ thông báo (Windows)

Khi bạn đặt thông báo cho bạn về các bản fax mới, một cửa sổ thông báo hiển thị gần thanh tác vụ cho mỗi bản fax.

1. Kiểm tra màn hình thông báo hiển thị trên màn hình máy tính của bạn.

Lưu ý:

Màn hình thông báo biến mất nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Bạn có thể thay đổi cài đặt thông báo như thời gian hiển thị.

2. Nhấp vào bất kỳ vị trí trong màn hình thông báo, ngoại trừ nút .

Màn hình **Receiving Fax Record** được hiển thị.

3. Kiểm tra ngày và người gửi trong danh sách, sau đó mở tệp đã nhận ở dạng PDF.

Lưu ý:

- ☐ Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.
YYYYMMDDHHMMSS_xxxxxxxxxx_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)
- ☐ Bạn cũng có thể mở thư mục fax đã nhận trực tiếp khi nhấp chuột phải vào biểu tượng. Để biết chi tiết, xem **Optional Settings** trong FAX Utility và trợ giúp của ứng dụng (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Kiểm tra fax mới (Mac OS)

Bạn có thể kiểm tra fax mới bằng một trong các phương pháp sau. Phương pháp này chỉ khả dụng trên máy tính được đặt thành **"Save" (save faxes on this computer)**.

- ☐ Mở thư mục fax đã nhận (được chỉ định trong **Received Fax Output Settings**.)
- ☐ Mở Fax Receive Monitor và nhấp vào **Check new faxes now**.
- ☐ Thông báo cho biết fax mới đã được nhận

Chọn **Notify me of new faxes via a dock icon** trong **Fax Receive Monitor > Preferences** trong FAX Utility, biểu tượng màn hình nhận fax trên Để cấm nhấp để thông báo cho bạn rằng các bản fax mới đã đến.

Mở thư mục fax đã nhận từ màn hình fax đã nhận (Mac OS)

Bạn có thể mở thư mục lưu trữ từ máy tính được chỉ định để nhận fax khi chọn **"Save"** (save faxes on this computer).

1. Nhấp vào biểu tượng màn hình fax đã nhận trên Dock để mở **Fax Receive Monitor**.
2. Chọn máy in và nhấp vào **Open folder** hoặc nhấp đúp vào tên máy in.
3. Kiểm tra ngày và người gửi trong tên tệp, sau đó mở tệp PDF.

Lưu ý:

Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_XXXXXXXXXX_nnnnn (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

Thông tin được gửi từ người gửi hiển thị như là số của người gửi. Số này có thể không hiển thị tùy thuộc vào người gửi.

Hủy tính năng lưu các bản fax đến vào máy tính

Bạn có thể hủy việc lưu các bản fax vào máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility.

Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Lưu ý:

- ☐ Nếu còn bất kỳ bản fax nào vẫn chưa được lưu vào máy tính, bạn không thể hủy tính năng lưu bản fax vào máy tính.
- ☐ Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên máy in. Liên hệ với người quản trị để biết thông tin về cách hủy cài đặt lưu các bản fax nhận được ra máy tính.

Thông tin liên quan

➔ [“Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để không nhận fax” ở trang 296](#)

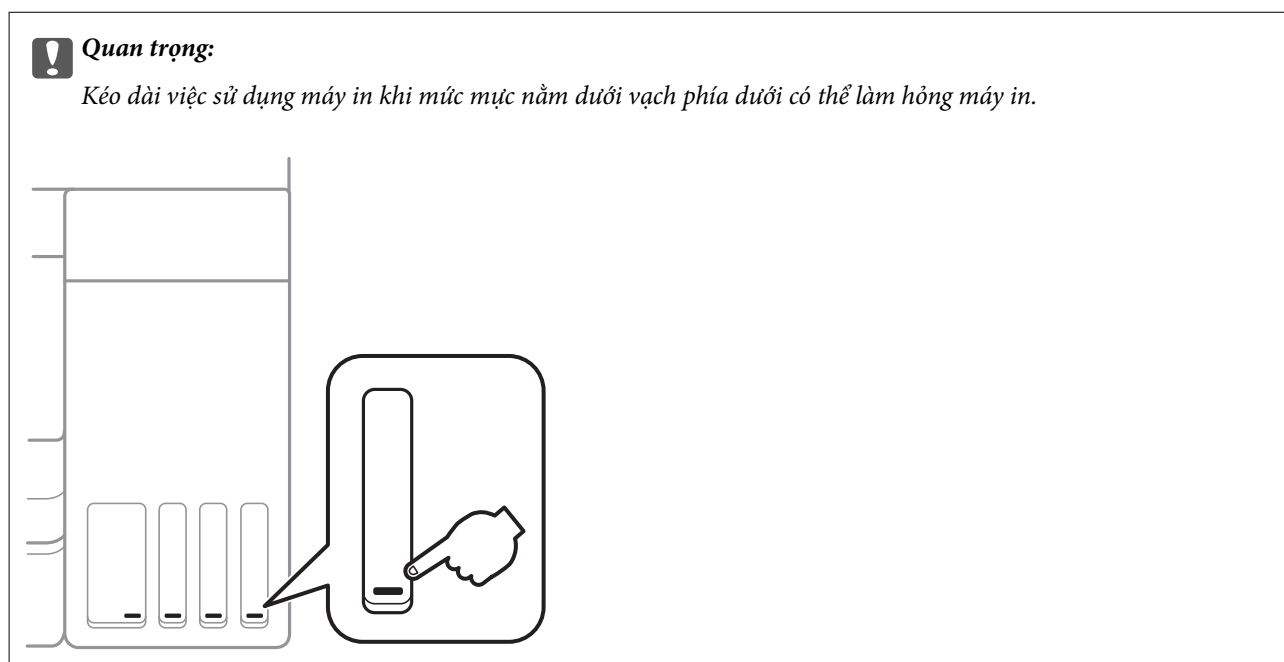
Bảo trì máy in

Kiểm tra tình trạng vật tư tiêu hao.	109
Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy.	109
Cải thiện chất lượng in, sao chụp, quét và fax.	112
Vệ sinh máy in.	123
Làm sạch mực bị tràn.	123
Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in.	123
Tiết kiệm điện.	124
Cài đặt hoặc gỡ các ứng dụng riêng rẽ.	124
Vận chuyển và bảo quản máy in.	130

Kiểm tra tình trạng vật tư tiêu hao

Bạn có thể kiểm tra thời gian hoạt động gần đúng của hộp bảo trì tại bảng điều khiển của máy in. Chọn  trên màn hình chính.

Để xác nhận lượng mực thực tế còn lại, hãy kiểm tra bằng mắt thường mức mực trong tất cả các hộp mực của máy in.



Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra mức mực gần đúng và thời gian hoạt động gần đúng của hộp bảo trì từ màn hình trạng thái trên trình điều khiển máy in.

☐ Windows

Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên tab **Bảo dưỡng**.

Nếu **EPSON Status Monitor 3** bị tắt, hãy nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

☐ Mac OS

Menu Apple > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét**, **In & Fax**) > Epson(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **EPSON Status Monitor**

Thông tin liên quan

➔ [“Nạp lại mực cho hộp mực” ở trang 193](#)

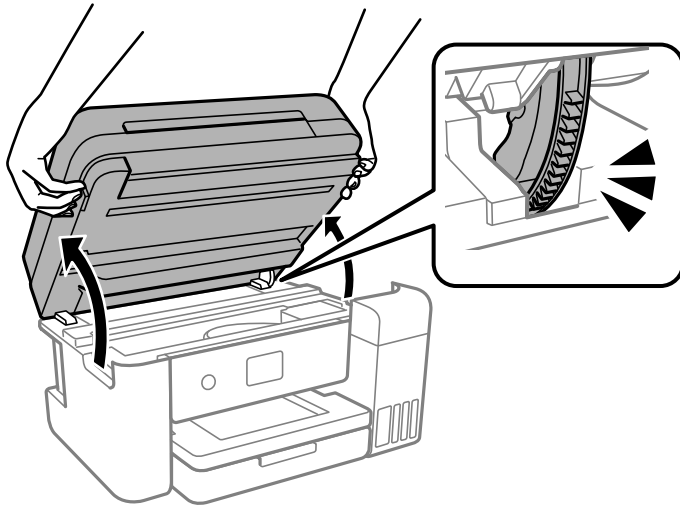
➔ [“Thay thế hộp bảo trì” ở trang 199](#)

Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy

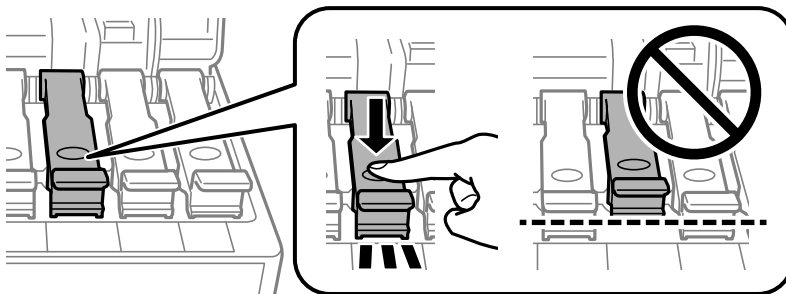
Khi giấy từ hộp đựng giấy được nạp không đúng, hãy vệ sinh trực lần bên trong.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .

2. Rút dây nguồn và sau đó ngắt kết nối dây nguồn.
3. Đóng nắp tài liệu nếu nắp đang mở.
4. Mở bộ phận máy quét bằng cả hai tay cho đến khi bộ phận vào vị trí khóa.



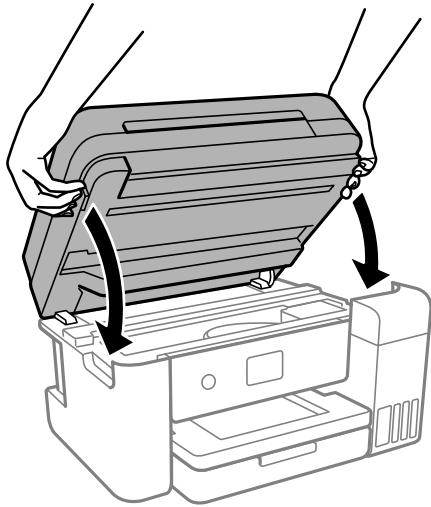
5. Đảm bảo rằng nút đẩy hộp mực đóng chặt.



Quan trọng:

Nếu không đóng chặt nút đẩy hộp mực, mực có bị rò rỉ.

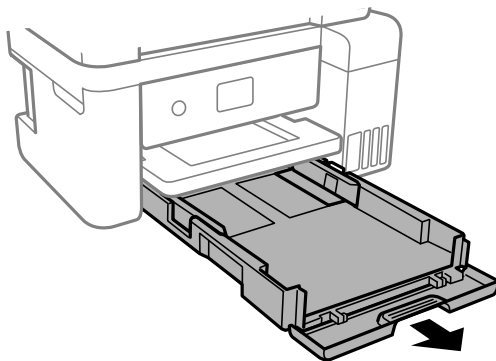
6. Đóng bộ phận máy quét.



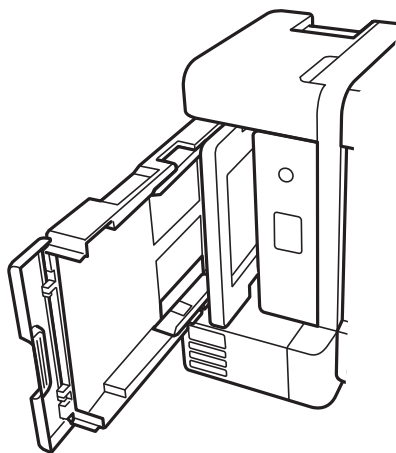
Lưu ý:

Bộ phận máy quét được thiết kế để đóng từ từ và có một chút lực kháng để phòng kẹp ngón tay. Tiếp tục đóng ngay cả khi bạn cảm thấy lực kháng cự.

7. Trượt học đựng giấy ra, rồi lấy giấy ra ngoài.



8. Đặt máy in nằm ngang với hộp mực của máy in ở dưới cùng.





Chú ý:

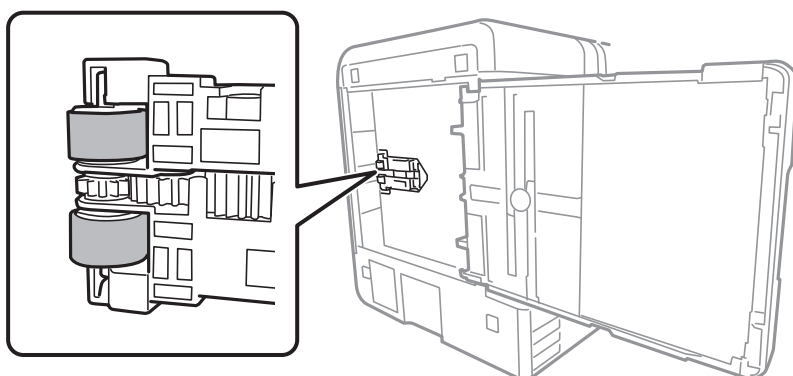
Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi đặt máy in. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

Không để máy in đứng lâu.

9. Nhúng khăn mềm vào nước, vắt kiệt nước, sau đó lau trực lần trong khi xoay bằng khăn.



10. Đưa máy in về vị trí thông thường và sau đó lắp hộp đựng giấy.
11. Kết nối dây nguồn.

Cải thiện chất lượng in, sao chụp, quét và fax

Kiểm tra và vệ sinh đầu in

Nếu các kim phun bị tắc, bản in trở nên mờ nhạt, có dải băng rõ ràng hoặc xuất hiện màu không mong muốn. Nếu kim phun bị tắc nghiêm trọng, máy sẽ in ra trang giấy trống. Khi chất lượng in giảm đi, trước tiên hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun để kiểm tra xem kim phun có bị tắc không. Nếu kim phun bị tắc, hãy làm sạch đầu in.



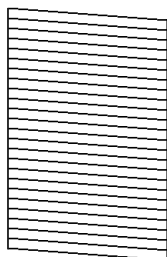
Quan trọng:

- ☐ Không mở bộ phận máy quét hoặc tắt máy in trong khi làm sạch đầu in. Nếu quá trình làm sạch đầu in không hoàn thành, bạn không thể in.
- ☐ Máy sẽ tiêu thụ mực khi làm sạch đầu in và không nên thực hiện việc này nhiều hơn cần thiết.
- ☐ Khi mực thấp, bạn không thể làm sạch đầu in.
- ☐ Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in 3 lần, hãy đợi ít nhất 12 giờ không in, sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Bạn nên tắt máy in bằng nút . Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy chạy Vệ Sinh Tăng Cường.
- ☐ Để tránh đầu in bị khô, không rút phích cắm điện của máy in khi nguồn vẫn đang bật.

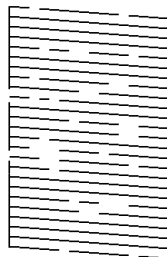
1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.

2. Chọn **Kiểm tra kim phun đầu in**.
3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và in mẫu kiểm tra kim phun.
4. Kiểm tra mẫu in để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.

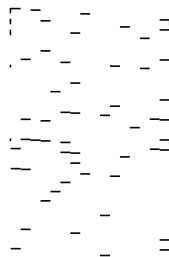
A) OK



B) NG



C) NG



☐ A:

Tất cả các đường thẳng đều được in ra. Chọn . Không cần thêm bước nào khác.

☐ B hoặc gần với B

Một số kim phun bị tắc. Chọn , sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để làm sạch đầu in. Khi quá trình làm sạch kết thúc, mẫu kiểm tra kim phun được in tự động.

☐ C hoặc gần với C

Nếu hầu hết các đường bị thiếu hoặc không được in, tình trạng này cho thấy hầu hết các kim phun đều bị tắc. Chọn  để thoát tính năng kiểm tra kim phun, sau đó chạy Vệ Sinh Tăng Cường. Để biết chi tiết, xem "Thông tin liên quan" bên dưới.

5. Lặp lại quá trình làm sạch và in mẫu cho đến khi tất cả các dòng đều được in ra hoàn chỉnh.



Quan trọng:

Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in 3 lần, hãy đợi ít nhất 12 giờ không in, sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Bạn nên tắt máy in bằng nút . Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy chạy Vệ Sinh Tăng Cường.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra và làm sạch đầu in từ trình điều khiển máy in.

☐ Windows

Nhấp vào **Kiểm tra kim phun đầu in** trên tab **Bảo dưỡng**.

☐ Mac OS

Menu Apple > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét**, **In & Fax**) > Epson(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **Kiểm tra kim phun đầu in**

Thông tin liên quan

➔ "**Chạy Vệ Sinh Tăng Cường**" ở trang 114

Chạy Vệ Sinh Tăng Cường

Tiện ích **Vệ Sinh Tăng Cường** cho phép bạn thay toàn bộ mực bên trong ống mực. Trong những trường hợp sau, bạn có thể cần phải sử dụng tính năng này để cải thiện chất lượng in.

- ☐ Bạn đã in hoặc thực hiện vệ sinh đầu in khi mức mực quá thấp không nhìn thấy được trong các cửa sổ hộp mực.
- ☐ Bạn đã thực hiện kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in 3 lần, sau đó đợi ít nhất 12 giờ không in, nhưng chất lượng in vẫn không cải thiện.

Trước khi chạy tính năng này, hãy đọc các hướng dẫn sau.



Quan trọng:

Đảm bảo có đủ mực trong hộp mực.

Kiểm tra bằng mắt thường tất cả các hộp mực để đảm bảo mực đầy ít nhất một phần ba. Mức mực thấp trong khi Vệ Sinh Tăng Cường có thể làm hỏng hóc sản phẩm.



Quan trọng:

Khoảng thời gian 12 giờ là cần thiết giữa mỗi lần Vệ Sinh Tăng Cường.

Thông thường, một lần Vệ Sinh Tăng Cường sẽ khắc phục được vấn đề chất lượng in trong vòng 12 giờ. Do đó, để tránh sử dụng mực không cần thiết, bạn phải đợi 12 giờ trước khi thử lại.



Quan trọng:

Cần phải thay hộp bảo trì.

Mực sẽ tích đọng vào trong hộp bảo trì. Nếu mực đầy, bạn phải chuẩn bị và lắp hộp bảo trì thay thế để tiếp tục in.

Lưu ý:

Khi mức mực hoặc không gian trống trong hộp bảo trì không đủ để Vệ Sinh Tăng Cường, bạn không thể chạy tính năng này. Ngay cả trong trường hợp này, các mức mực và không gian trống để in có thể vẫn còn.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Vệ Sinh Tăng Cường**.
3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để chạy tính năng Vệ Sinh Tăng Cường.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể chạy tính năng này, hãy giải quyết các vấn đề được hiển thị trên màn hình. Tiếp theo, làm theo quy trình này từ bước 1 để chạy lại tính năng này.

4. Sau khi chạy tính năng này, thực hiện kiểm tra kim phun để đảm bảo kim phun không bị tắc.

Để biết chi tiết cách chạy kiểm tra kim phun, xem liên kết thông tin liên quan bên dưới.



Quan trọng:

Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi chạy Vệ Sinh Tăng Cường, hãy đợi ít nhất 12 giờ không in, sau đó in lại mẫu kiểm tra kim phun. Chạy lại Làm sạch đầu in hoặc Vệ Sinh Tăng Cường tùy thuộc vào mẫu đã in. Nếu chất lượng vẫn không cải thiện, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể chạy chức năng làm sạch mạnh từ trình điều khiển máy in.

☐ Windows

Nhấp vào **Vệ Sinh Tăng Cường** trên tab **Bảo dưỡng**.

☐ Mac OS

Menu Apple > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét**, **In & Fax**) > Epson(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **Vệ sinh bằng điện**

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112](#)

Ngăn ngừa tắc kim phun

Luôn sử dụng nút nguồn khi bật và tắt máy in.

Kiểm tra đèn nguồn đã tắt trước khi ngắt kết nối dây điện.

Mực có thể tự khô nếu không có nắp đậy. Cũng như việc lắp nắp bút máy hoặc bút đầu để ngăn không cho bút bị khô, hãy đảm bảo rằng đầu in được đậy nắp đúng cách để ngăn ngừa tình trạng mực bị khô.

Khi rút phích cắm dây điện hoặc xảy ra tình trạng mất điện khi máy in đang hoạt động, đầu in có thể không được đậy nắp đúng cách. Nếu vẫn để đầu in như vậy, đầu in sẽ bị khô khiến cho kim phun (cửa ra của mực) bị tắc.

Trong trường hợp này, bật máy in và tắt lại ngay khi có thể để đậy nắp đầu in.

Căn chỉnh Đầu In

Nếu bạn thấy các đường dọc bị lệch nhau hoặc ảnh bị mờ, hãy căn chỉnh đầu in.

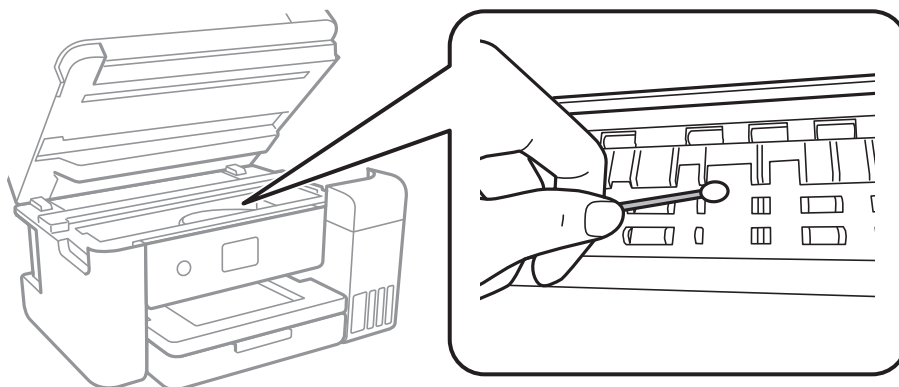
1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **căn chỉnh đầu in**.
3. Chọn một trong các menu căn chỉnh.
 - ☐ Các đường dọc bị lệch hoặc bản in bị mờ: chọn **Căn chỉnh dọc**.
 - ☐ Xuất hiện các dải ngang với tuần suất thường xuyên: chọn **Căn chỉnh chiều ngang**.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và in mẫu căn chỉnh.

Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bắn

Khi bản in ra có vết bắn hoặc bị mòn, hãy vệ sinh các trục lăn bên trong.

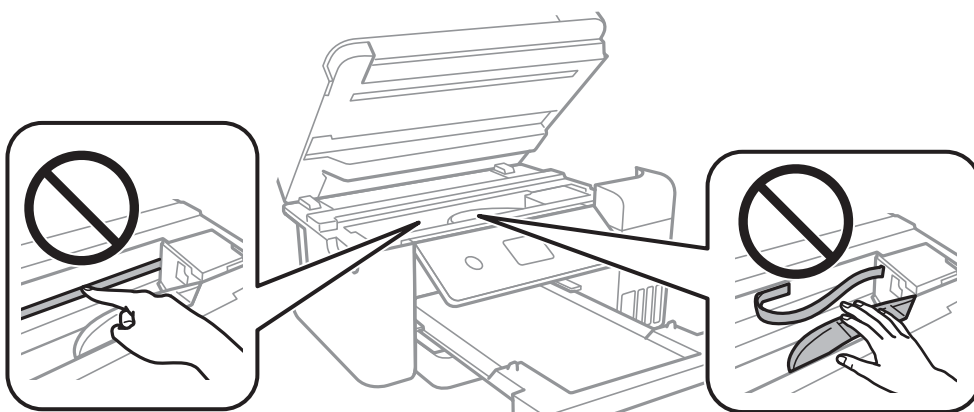
1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Làm sạch dẫn hướng giấy**.
3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và làm sạch đường dẫn giấy.
4. Lặp lại quy trình này cho đến khi giấy không còn vết mực bắn nữa.

5. Khi không thể khắc phục vấn đề sau khi làm sạch đường dẫn giấy, phần bên trong máy in được hiển thị trong minh họa bị bẩn. Tắt máy in, sau đó lau mực bằng tăm bông.



! Quan trọng:

- ☐ Không sử dụng giấy ăn để vệ sinh bên trong máy in. Xơ giấy có thể làm tắc các kim phun của đầu in.
- ☐ Không chạm vào dây cáp det màu trắng, phim mờ và các ống mực bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



Vệ sinh Kính Máy Scan

Khi các bản sao hoặc ảnh quét có vết bẩn, hãy vệ sinh kính máy scan.

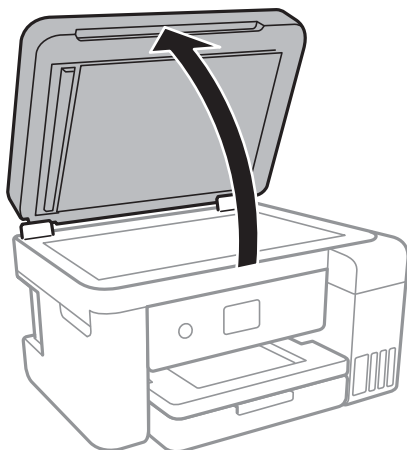
! Chú ý:

Cẩn thận không để kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.

! Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

1. Mở nắp tài liệu.



2. Sử dụng vải mềm, khô và sạch để làm sạch bề mặt kính máy scan.



Quan trọng:

- ☐ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ nào khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ☐ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ☐ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

Làm sạch ADF

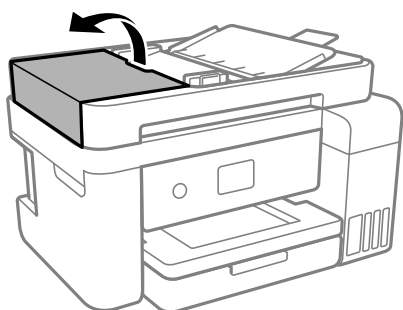
Khi các hình ảnh sao chép hoặc quét từ ADF có vết bẩn hoặc bản gốc không được nạp vào ADF chính xác, hãy làm sạch ADF.



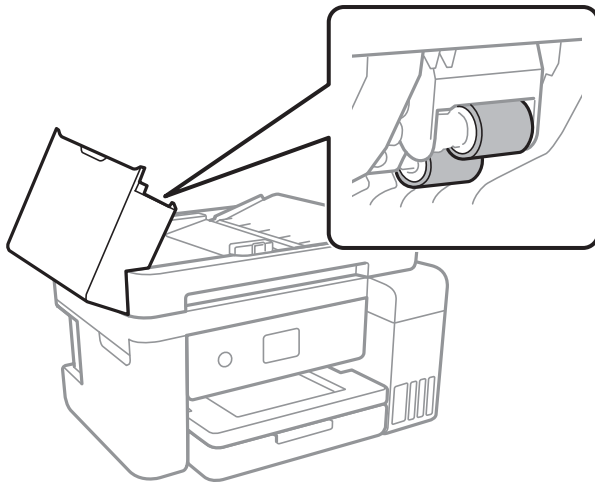
Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

1. Mở nắp ADF.



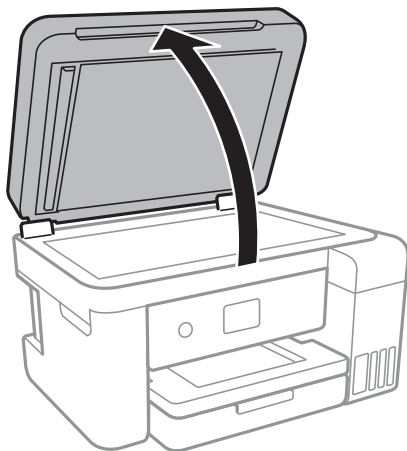
2. Sử dụng vải mềm, ẩm để làm sạch trực lăn và phần bên trong của ADF.



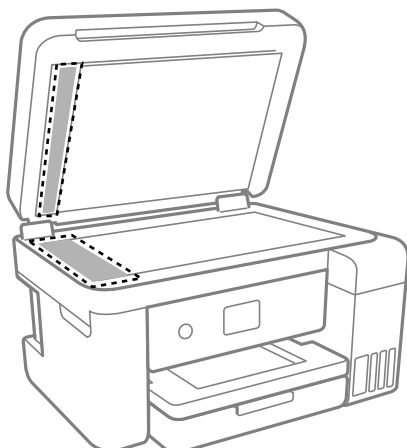
Quan trọng:

Dùng vải khô có thể làm hỏng bề mặt của trục lăn. Sử dụng ADF sau khi trục lăn đã khô.

3. Đóng nắp ADF, và sau đó mở tài liệu.



4. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.

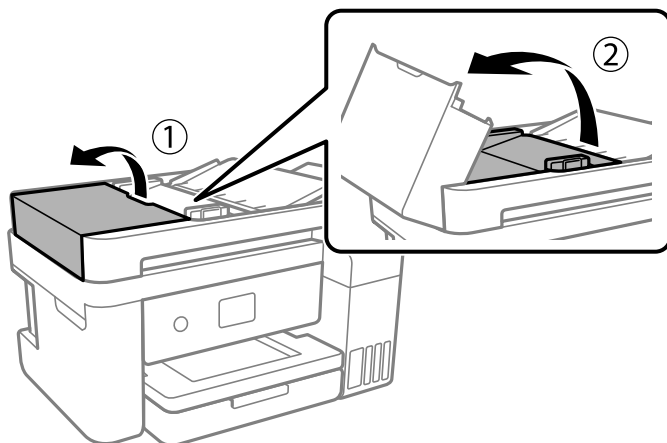




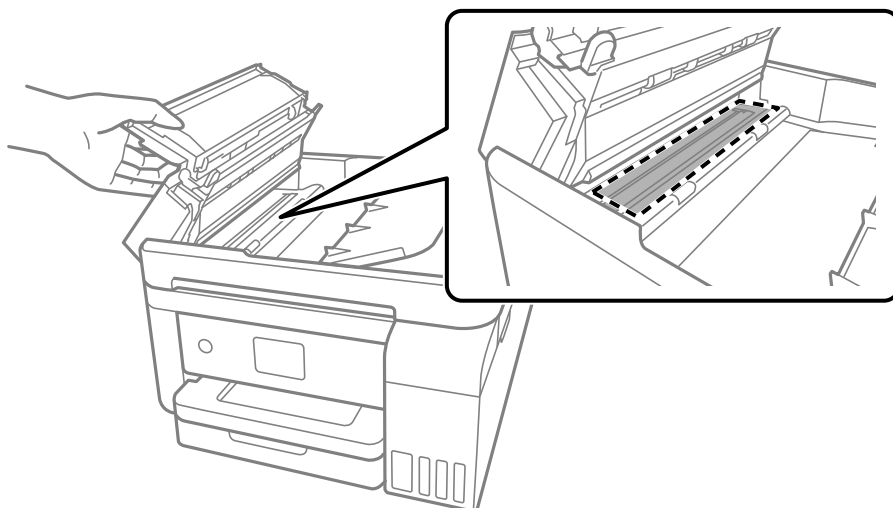
Quan trọng:

- ☐ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ☐ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ☐ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

5. Nếu không thể xóa vấn đề, tắt máy in bằng cách nhấn nút , mở nắp ADF và nâng khay đầu vào ADF lên.



6. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



Vệ sinh phim mờ

Khi bản in không được cải thiện sau khi căn chỉnh đầu in hoặc vệ sinh đường dẫn giấy, phim mờ bên trong máy in có thể bị bẩn.

Cần có:

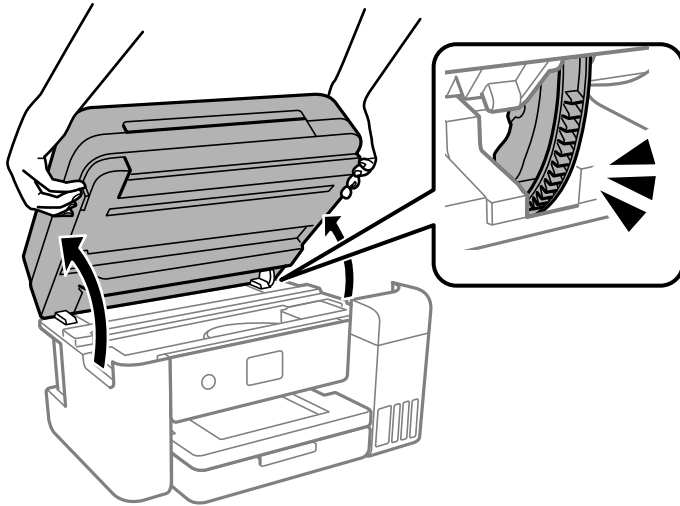
- ☐ Tăm bông (vải cái)
- ☐ Nước có pha vài giọt chất tẩy rửa (2 đến 3 giọt chất tẩy rửa trong 1/4 cốc nước máy)
- ☐ Đèn để kiểm tra vết bẩn



Quan trọng:

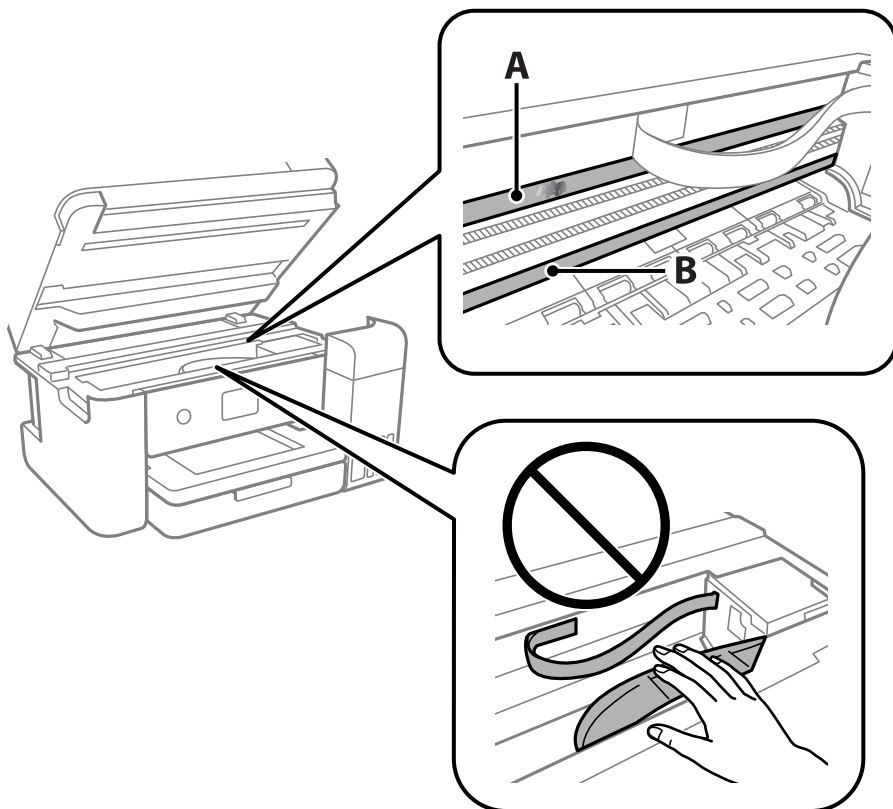
Không sử dụng chất lỏng làm sạch khác với nước cùng một vài giọt chất tẩy rửa.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Đóng nắp tài liệu nếu nắp đang mở.
3. Mở bộ phận máy quét bằng cả hai tay cho đến khi bộ phận vào vị trí khóa.



4. Kiểm tra xem phim mờ có bị bẩn không. Vết bẩn dễ nhìn thấy hơn nếu bạn sử dụng đèn.

Nếu có các vết bẩn (chẳng hạn như dấu vân tay hoặc dầu mỡ) trên phim mờ (A), hãy chuyển sang bước tiếp theo.



A: phim mờ

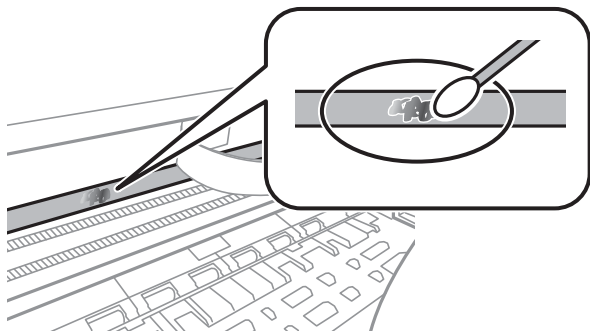
B: ray



Quan trọng:

Cẩn thận không chạm vào ray (B). Nếu không, bạn có thể không in được. Không lau sạch dầu mỡ trên ray vì điều này cần thiết cho các hoạt động.

5. Làm ẩm tấm bông bằng nước hòa với vài giọt chất tẩy rửa để không làm nhỏ giọt nước và sau đó lau phần bị bẩn.





Quan trọng:

Nhẹ nhàng lau sạch vết bẩn. Nếu bạn ấn quá mạnh tấm bông lên phim, lò xo của phim có thể bị lệch khỏi vị trí và máy in có thể bị hỏng hóc.

6. Sử dụng tấm bông khô và mới để lau phim.



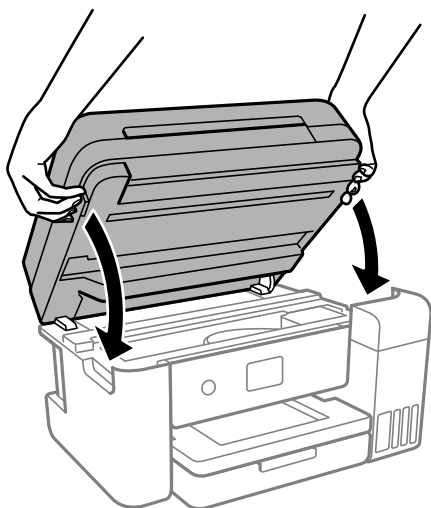
Quan trọng:

Không để sợi bông bám lên phim.

Lưu ý:

Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thường xuyên thay mới tấm bông.

7. Lặp lại các bước 5 và 6 cho đến khi phim không còn vết bẩn.
8. Kiểm tra bằng mắt thường để đảm bảo phim không bị bẩn.
9. Đóng bộ phận máy quét.

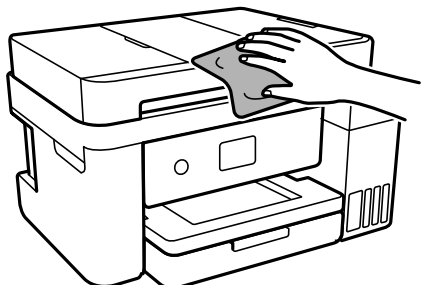


Lưu ý:

Bộ phận máy quét được thiết kế để đóng từ từ và có một chút lực kháng để phòng kẹp ngón tay. Tiếp tục đóng ngay cả khi bạn cảm thấy lực kháng cự.

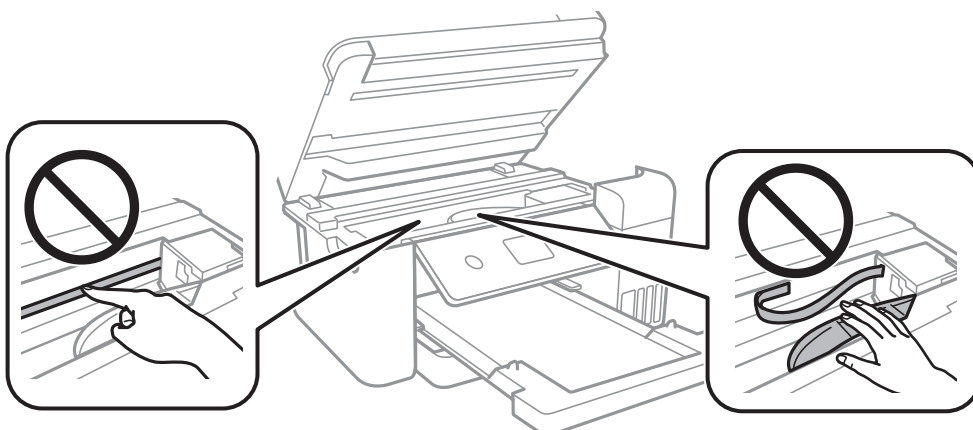
Vệ sinh máy in

Nếu các thành phần và vỏ dính bụi bẩn, hãy tắt máy in và làm sạch bằng vải mềm và sạch đã làm ẩm bằng nước. Nếu không thể loại bỏ vết bẩn, hãy thử thêm một lượng nhỏ chất tẩy rửa nhẹ vào khăn ẩm.



Quan trọng:

- ☐ Cần thận không để nước vào cơ cấu máy in hoặc bất kỳ thành phần điện nào. Nếu không, máy in có thể bị hỏng.
- ☐ Không sử dụng cồn hoặc dung môi pha loãng sơn để làm sạch các thành phần và vỏ. Những hóa chất này có thể làm hỏng chúng.
- ☐ Không chạm vào các bộ phận hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



Làm sạch mực bị tràn

Nếu mực bị tràn, hãy làm sạch theo những cách sau.

- ☐ Nếu mực dính vào khu vực xung quanh hộp, hãy lau bằng một khăn sạch, không có sợi vải hoặc tấm bông.
- ☐ Nếu mực tràn ra bàn hoặc sàn nhà, hãy lau sạch ngay. Khi mực khô, rất khó tẩy vết bẩn. Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thấm mực bằng khăn khô, sau đó lau sạch bằng khăn ẩm.
- ☐ Nếu mực dính vào tay bạn, hãy rửa tay bằng nước và xà phòng.

Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in

Bạn có thể kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in. Thông tin này được in cùng với mẫu kiểm tra kim phun.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Kiểm tra kim phun đầu in**.
3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và in mẫu kiểm tra kim phun.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra tổng số giấy đã nạp tại trình điều khiển máy in.

☐ **Windows**

*Nhấp vào **Máy in** và **thông tin tùy chọn** trên tab **Bảo dưỡng**.*

☐ **Mac OS**

*Menu Apple > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét, In & Fax**) > Epson(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **Printer and Option Information***

Tiết kiệm điện

Máy in vào chế độ ngủ hoặc tắt tự động nếu không có thao tác nào được thực hiện trong một khoảng thời gian đã cài. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Tiết kiệm điện (Bảng điều khiển)

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt cơ bản**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

Lưu ý:

*Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Bộ hẹn giờ tắt** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.*

- ☐ Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Cài đặt tắt nguồn** > **Tắt nguồn nếu không hoạt động** hoặc **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**, và sau đó thực hiện các cài đặt.
- ☐ Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Bộ hẹn giờ tắt** rồi thực hiện các cài đặt.

Cài đặt hoặc gỡ các ứng dụng riêng rẽ

Kết nối máy tính với mạng và cài đặt phiên bản các ứng dụng mới nhất từ trang web. Đăng nhập vào máy tính với vai trò là quản trị viên. Nhập mật khẩu quản trị viên nếu máy tính hỏi bạn.

Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ

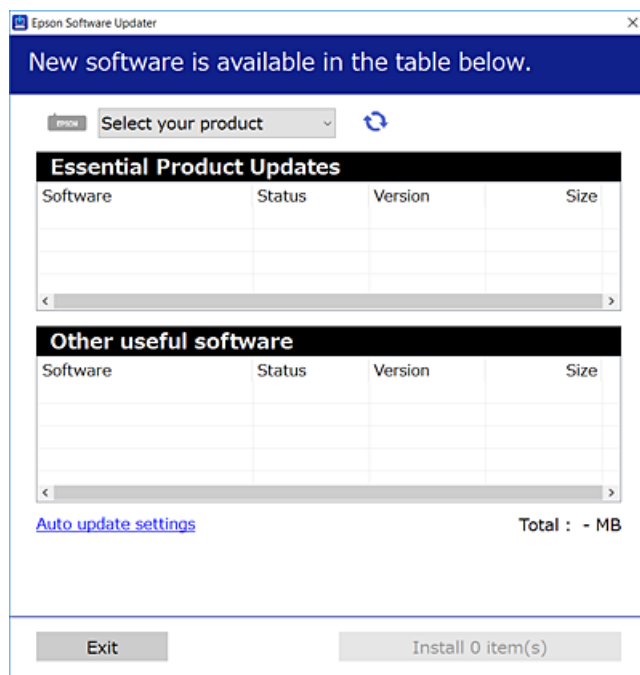
Lưu ý:

Khi cài đặt lại một ứng dụng, trước tiên bạn cần gỡ cài đặt ứng dụng.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính có thể kết nối, và máy in được kết nối với Internet.

2. Khởi động EPSON Software Updater.

Ảnh chụp màn hình là ví dụ về Windows.



3. Đối với Windows, chọn máy in của bạn, sau đó nhấp vào  để kiểm tra các ứng dụng có sẵn mới nhất.
4. Chọn ứng dụng bạn muốn cài đặt hoặc cập nhật, sau đó nhấp vào nút cài đặt.



Quan trọng:

Không tắt hoặc rút phích cắm của máy in khi cập nhật vẫn chưa hoàn thành. Làm như vậy có thể dẫn đến sự cố cho máy in.

Lưu ý:

- ☐ Bạn có thể tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.
<http://www.epson.com>
- ☐ Nếu sử dụng hệ điều hành Windows Server, bạn không thể sử dụng Epson Software Updater. Tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

Thông tin liên quan

- ➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 255
- ➔ “Gỡ cài đặt ứng dụng” ở trang 127

Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn chưa bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

Chọn **Bảng điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và fax)** và sau đó thực hiện thao tác sau để mở cửa sổ thuộc tính máy chủ in.

- ❑ Windows Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Server 2019/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào biểu tượng máy in và sau đó nhấp vào **Thuộc tính máy chủ in** ở đầu cửa sổ.

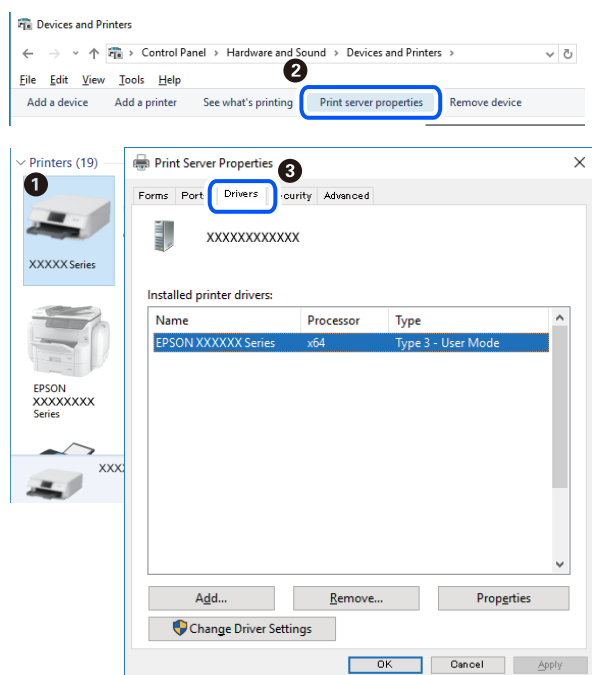
- ❑ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp chuột phải vào thư mục **Máy in** và sau đó nhấp vào **Chạy với tư cách quản trị viên** > **Thuộc tính máy chủ**.

- ❑ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Từ menu **Tệp**, chọn **Thuộc tính máy chủ**.

Nhấp vào tab **Trình điều khiển**. Nếu tên máy in của bạn hiển thị trong danh sách, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



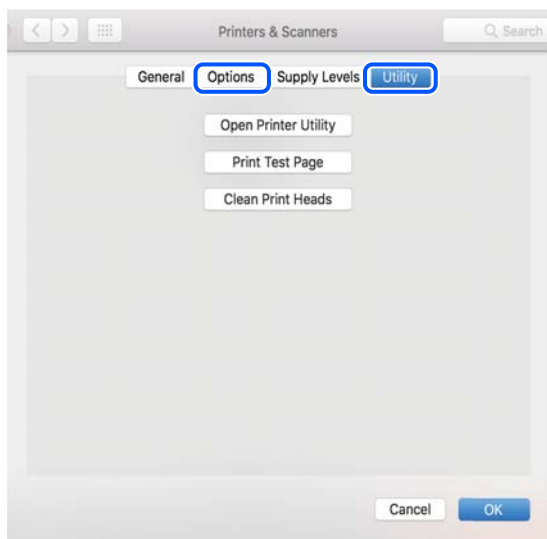
Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124

Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Mac OS

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn chưa bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn và Cung ứng** và nếu tab **Tùy chọn** và tab **Tiện ích** hiển thị trên cửa sổ, nghĩa là trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124](#)

Thêm máy in (Chỉ dành cho Mac OS)

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**).
2. Nhấp vào +, sau đó chọn **Thêm Máy in hoặc Máy quét Khác**.
3. Chọn máy in của bạn, sau đó chọn máy in của bạn từ **Sử dụng**.
4. Nhấp vào **Thêm**.

Lưu ý:

Nếu máy in của bạn không có trong danh sách, hãy kiểm tra xem bạn đã bật và kết nối máy in đúng cách với máy tính chưa.

Gỡ cài đặt ứng dụng

Đăng nhập vào máy tính với vai trò là quản trị viên. Nhập mật khẩu quản trị viên nếu máy tính hỏi bạn.

Gỡ cài đặt ứng dụng — Windows

1. Nhấn nút  để tắt máy in.
2. Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.

3. Mở **Panel điều khiển**:

- ☐ Windows 10/Windows Server 2019/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển**.

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển**.

4. Mở **Gỡ cài đặt chương trình** (hoặc **Thêm hoặc Xóa chương trình**):

- ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2019/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008

Chọn **Gỡ cài đặt chương trình** trong **Chương trình**.

- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào **Thêm hoặc Xóa chương trình**.

5. Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt.

Bạn không thể gỡ cài đặt trình điều khiển máy in nếu có bất kỳ lệnh in nào. Xóa hoặc chờ để được in các lệnh trước khi gỡ cài đặt.

6. Gỡ cài đặt các ứng dụng:

- ☐ Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Vista/Windows Server 2019/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008

Nhấp vào **Gỡ cài đặt/Thay đổi** hoặc **Gỡ cài đặt**.

- ☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào **Thay đổi/Xóa** hoặc **Xóa**.

Lưu ý:

Nếu cửa sổ **Kiểm soát tài khoản người dùng** hiển thị, nhấp vào **Tiếp tục**.

7. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Gỡ cài đặt ứng dụng — Mac OS

1. Tải xuống Uninstaller bằng EPSON Software Updater.

Sau khi đã tải xuống Uninstaller, bạn không cần tải xuống lần nữa mỗi khi bạn gỡ cài đặt ứng dụng.

2. Nhấn nút để tắt máy in.

3. Để gỡ cài đặt trình điều khiển máy in hoặc trình điều khiển PC-FAX, chọn **Tùy chọn Hệ thống** từ Apple menu > **Máy in & Máy quét** (hoặc **In & Quét**, **In & Fax**) và sau đó xóa máy in khỏi danh sách các máy in đã kích hoạt.

4. Thoát tất cả các ứng dụng đang chạy.

5. Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Uninstaller**.

6. Chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó nhấp vào **Uninstall**.



Quan trọng:

Uninstaller xóa toàn bộ các trình điều khiển cho máy in Epson inkjet trên máy tính. Nếu bạn sử dụng nhiều máy in Epson inkjet và bạn chỉ muốn xóa một số trình điều khiển, trước tiên hãy xóa tất cả và sau đó cài đặt lại trình điều khiển máy in cần thiết.

Lưu ý:

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt trong danh sách ứng dụng, bạn không thể gỡ cài đặt bằng Uninstaller. Trong trường hợp này, chọn **Truy cập** > **Ứng dụng** > **Epson Software**, chọn ứng dụng bạn muốn gỡ cài đặt và sau đó kéo ứng dụng vào biểu tượng thùng rác.

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 255

Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển

Bạn có thể khắc phục các vấn đề nhất định và cải thiện hoặc thêm các chức năng bằng cách cập nhật các ứng dụng và phần mềm điều khiển. Đảm bảo rằng bạn sử dụng phiên bản mới nhất của các ứng dụng và phần mềm điều khiển.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính được kết nối với nhau, và máy tính được kết nối với Internet.
2. Bắt đầu EPSON Software Updater và cập nhật các ứng dụng và phần mềm điều khiển.



Quan trọng:

Không tắt máy tính hoặc máy in cho tới khi quá trình cập nhật hoàn tất; nếu không, máy in có thể trục trặc.

Lưu ý:

Nếu bạn không tìm thấy ứng dụng bạn cập nhật trong danh sách, bạn không thể cập nhật bằng EPSON Software Updater. Kiểm tra các phiên bản mới nhất cho các ứng dụng từ trang web Epson tại địa phương của bạn.

<http://www.epson.com>

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 255

Cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển

Nếu máy in có thể kết nối Internet, bạn có thể cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển. Bạn cũng có thể đặt máy in thường xuyên kiểm tra bản cập nhật chương trình cơ sở và thông báo cho bạn nếu có.

Thông tin liên quan

➔ “Cập nhật firmware” ở trang 269

Vận chuyển và bảo quản máy in

Khi bạn cần bảo quản máy in hoặc vận chuyển máy in để di chuyển hoặc sửa chữa, thực hiện theo các bước dưới đây để đóng gói máy in.

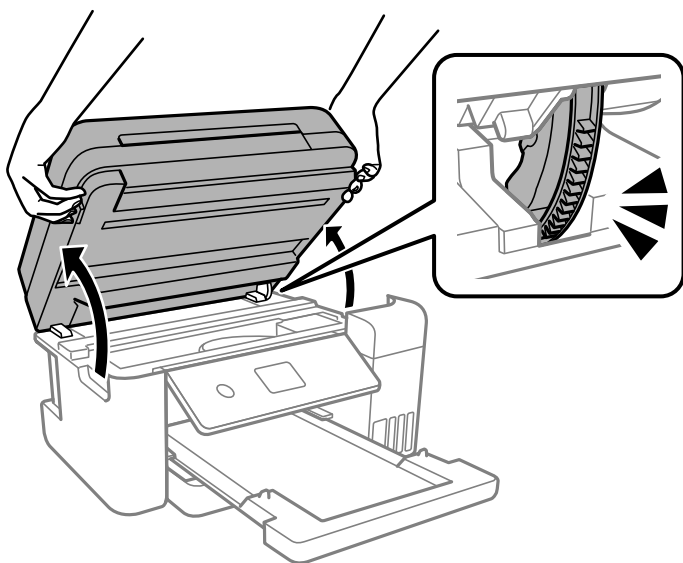
1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Đảm bảo rằng đèn nguồn tắt, sau đó rút dây nguồn.



Quan trọng:

Rút phích cắm điện khi đèn nguồn tắt. Nếu không, đầu in không quay lại vị trí gốc, khiến cho mực bị khô và có thể không in được.

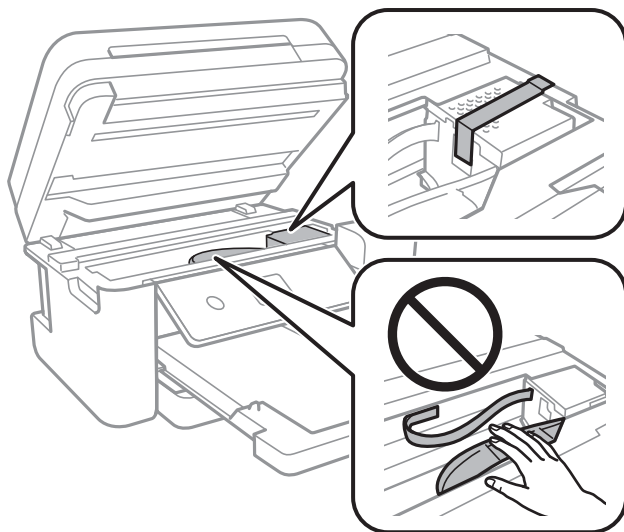
3. Ngắt kết nối tất cả các dây cáp như dây nguồn và cáp USB.
4. Lấy toàn bộ giấy ra khỏi máy in.
5. Đảm bảo rằng không còn bản gốc nào trong máy in.
6. Đóng nắp tài liệu nếu nắp đang mở.
7. Mở bộ phận máy quét bằng cả hai tay cho đến khi bộ phận vào vị trí khóa.



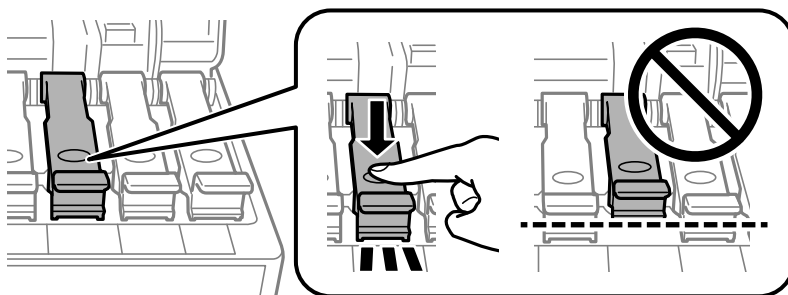
Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.

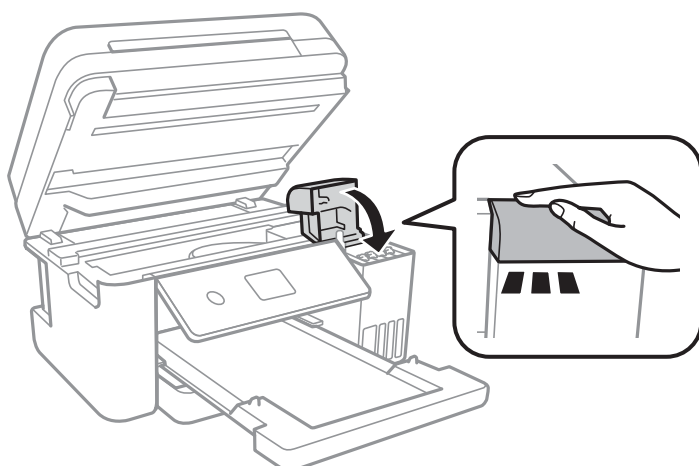
8. Dùng băng dính dán chặt đầu in vào vỏ.



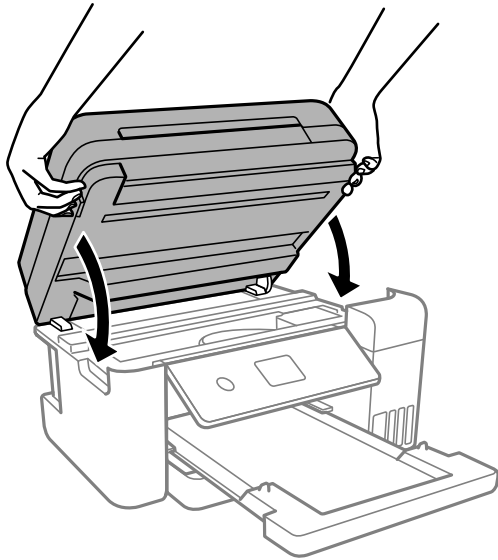
9. Đảm bảo lắp chặt nắp đẩy vào hộp mực.



10. Đóng chặt nắp hộp mực.



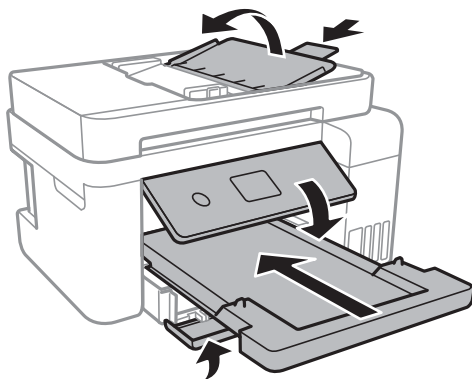
11. Đóng bộ phận máy quét.



Lưu ý:

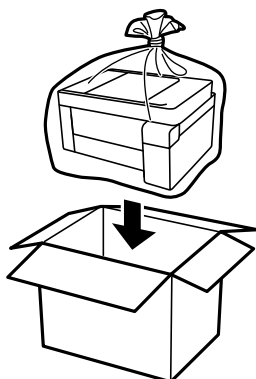
Bộ phận máy quét được thiết kế để đóng từ từ và có một chút lực kháng để phòng kẹp ngón tay. Tiếp tục đóng ngay cả khi bạn cảm thấy lực kháng cự.

12. Chuẩn bị đóng gói máy in như được trình bày dưới đây.



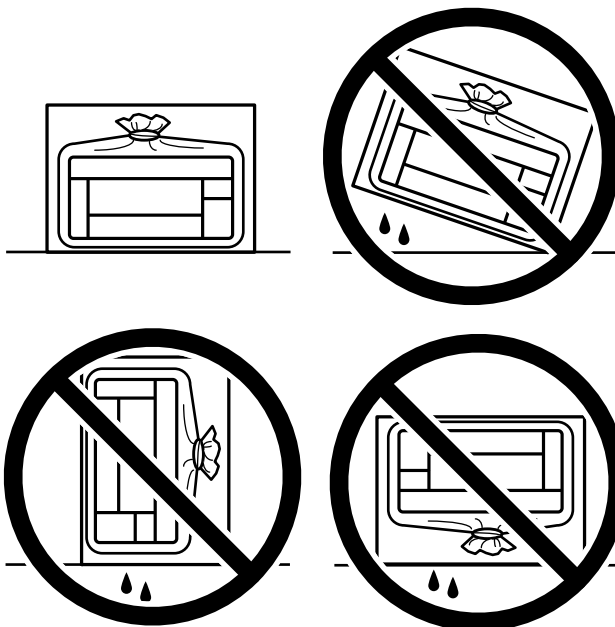
13. Đặt máy in vào túi nhựa và đóng gấp lại.

14. Đóng gói máy in trong thùng đựng bằng các vật liệu bảo vệ.



! Quan trọng:

- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, đặt máy in vào túi nhựa và đóng gấp lại. Tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.



- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển lọ mực, không nghiêng lọ mực và không để lọ mực phải chịu tác động hoặc thay đổi nhiệt độ. Nếu không, mực có thể rò rỉ ngay cả khi nắp trên lọ mực được đóng chặt. Hãy nhớ để lọ mực thẳng đứng khi siết chặt nắp và áp dụng biện pháp để ngăn không cho mực bị rò rỉ khi vận chuyển lọ mực, ví dụ khi đặt lọ vào túi xách.
- ❑ Không đặt lọ mực in đã mở vào trong hộp cùng với máy in.



Khi bạn sử dụng lại máy in, đảm bảo rằng bạn gỡ bỏ băng dính giữ chặt đầu in. Nếu chất lượng in suy giảm trong lần in tiếp theo, hãy làm sạch và căn chỉnh đầu in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112
- ➔ “Căn chỉnh Đầu In” ở trang 115

Giải quyết vấn đề

Máy in không hoạt động như mong muốn.	135
Thông báo hiển thị trên màn hình LCD.	185
Giấy bị kẹt.	186
Đã đến lúc nạp lại mực cho hộp mực.	192
Đã đến lúc thay thế hộp bảo trì.	199
Chất lượng in, sao chụp, quét và fax kém.	200
Không thể khắc phục sự cố.	220

Máy in không hoạt động như mong muốn

Máy in không bật hoặc tắt

Nguồn điện không bật

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạn cắm dây nguồn vào ổ điện không đúng cách.

Giải pháp

Đảm bảo rằng dây điện được cắm chắc chắn.

■ Bạn nhấn nút chưa đủ lâu.

Giải pháp

Giữ nút  lâu hơn một chút.

Nguồn điện không tắt

■ Bạn nhấn nút chưa đủ lâu.

Giải pháp

Giữ nút  lâu hơn một chút. Nếu bạn vẫn không thể tắt máy in, hãy rút dây điện. Để tránh đầu in bị khô, bật lại máy in và tắt máy bằng cách nhấn nút .

Tắt Nguồn Tự Động

■ Tính năng Cài đặt tắt nguồn hoặc Bộ hẹn giờ tắt bật.

Giải pháp

- ☐ Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt cơ bản** > **Cài đặt tắt nguồn**, và sau đó tắt cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.
- ☐ Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt cơ bản**, sau đó tắt Cài đặt **Bộ hẹn giờ tắt**.

Lưu ý:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Bộ hẹn giờ tắt** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.

Giấy nạp không đúng cách

Không có bộ nạp giấy

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Vị trí lắp đặt không thích hợp.

Giải pháp

Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.

➔ “Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 276

■ Sử dụng giấy không được hỗ trợ.

Giải pháp

Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

➔ “Các loại giấy không khả dụng” ở trang 245

■ Xử lý giấy không phù hợp.

Giải pháp

Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.

➔ “Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 30

■ Quá nhiều tờ được nạp vào máy in.

Giải pháp

Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

■ Cài đặt giấy trên máy in không chính xác.

Giải pháp

Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.

➔ “Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30

■ Giấy bị trượt khi bụi giấy dính vào trục lăn.

Giải pháp

Vệ sinh trục lăn.

➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy” ở trang 109

Giấy nạp vào bị nghiêng

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Vị trí lắp đặt không thích hợp.

Giải pháp

Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.

➔ “Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 276

■ Sử dụng giấy không được hỗ trợ.

Giải pháp

Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

➔ “Các loại giấy không khả dụng” ở trang 245

■ Xử lý giấy không phù hợp.

Giải pháp

Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.

➔ “Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 30

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.

➔ “Nạp giấy” ở trang 32

■ Quá nhiều tờ được nạp vào máy in.

Giải pháp

Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

■ Cài đặt giấy trên máy in không chính xác.

Giải pháp

Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.

➔ “Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30

■ Giấy bị trượt khi bụi giấy dính vào trục lăn.

Giải pháp

Vệ sinh trục lăn.

➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy” ở trang 109

Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Vị trí lắp đặt không thích hợp.

Giải pháp

Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.

➔ “Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 276

■ Sử dụng giấy không được hỗ trợ.

Giải pháp

Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

➔ “Các loại giấy không khả dụng” ở trang 245

■ Xử lý giấy không phù hợp.

Giải pháp

Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.

➔ “Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 30

■ Giấy ướt hoặc ẩm.

Giải pháp

Nạp giấy mới.

■ Tĩnh điện khiến các tờ giấy dính vào nhau.

Giải pháp

Quạt giấy trước khi nạp. Nếu giấy vẫn không nạp, hãy nạp một tờ giấy mỗi lần.

■ Quá nhiều tờ được nạp vào máy in.

Giải pháp

Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.

➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243

■ Cài đặt giấy trên máy in không chính xác.

Giải pháp

Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.

➔ “Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30

■ Giấy bị trượt khi bụi giấy dính vào trục lăn.

Giải pháp

Vệ sinh trục lăn.

➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy” ở trang 109

■ Nhiều tờ giấy được nạp cùng lúc trong quá trình in 2 mặt thủ công.

Giải pháp

Loại bỏ toàn bộ giấy được nạp vào nguồn giấy trước khi nạp lại giấy.

Giấy được đẩy ra trong khi in

■ Phần in sẵn có đầu đề không được chọn là loại giấy.

Giải pháp

Khi bạn nạp giấy tiêu đề thư (giấy trên đó có thông tin như tên người gửi hoặc tên công ty được in sẵn tại phần đầu trang), chọn **Phần in sẵn có đầu đề** là cài đặt kiểu giấy.

Bản gốc không nạp vào ADF

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bản gốc không được hỗ trợ bởi ADF đang được sử dụng.

Giải pháp

Sử dụng bản gốc được ADF hỗ trợ.

➔ [“Thông số kỹ thuật ADF” ở trang 271](#)

■ Bản gốc được đưa vào không chuẩn.

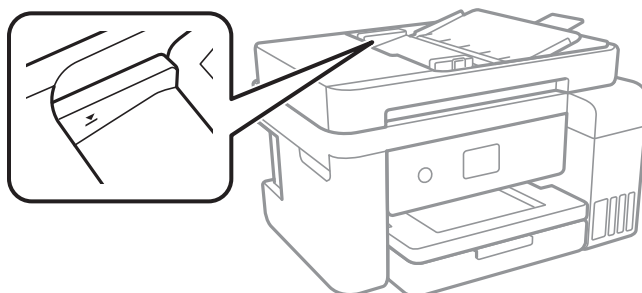
Giải pháp

Đưa bản gốc vào theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh của ADF đến mép của bản gốc.

■ Đưa quá nhiều bản gốc vào ADF.

Giải pháp

Không đưa vào các bản gốc cao hơn vạch có chỉ dẫn biểu tượng tam giác trên ADF.



■ Bản gốc bị trượt khi bụi giấy dính vào trục lăn.

Giải pháp

Làm sạch phần bên trong ADF.

➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 117](#)

■ Bản gốc không được phát hiện.

Giải pháp

Trên màn hình sao chụp hoặc quét hoặc fax, hãy kiểm tra xem biểu tượng ADF có bật không. Nếu không, hãy đặt lại bản gốc.

Không in được

Không thể in từ Windows

Đảm bảo rằng máy tính và máy in đã kết nối đúng cách.

Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra trạng thái kết nối

Sử dụng Epson Printer Connection Checker để kiểm tra trạng thái kết nối cho máy tính và máy in. Bạn có thể giải quyết vấn đề tùy thuộc vào kết quả kiểm tra.

1. Nhấp đúp vào biểu tượng **Epson Printer Connection Checker** trên màn hình nền.

Epson Printer Connection Checker sẽ khởi động.

Nếu không có biểu tượng trên màn hình nền, hãy làm theo các phương pháp dưới đây để khởi động Epson Printer Connection Checker.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson Printer Connection Checker**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình > Epson Software > Epson Printer Connection Checker**.

2. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để kiểm tra.

Lưu ý:

Nếu tên máy in không hiển thị, hãy cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng.

[“Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 125](#)

Khi đã xác định được vấn đề, hãy làm theo giải pháp được hiển thị trên màn hình.

Khi không thể giải quyết vấn đề, hãy kiểm tra các mục sau theo tình huống của bạn.

- ☐ Không nhận ra máy in qua kết nối mạng

[“Không thể kết nối với mạng” ở trang 140](#)

- ☐ Không nhận ra máy in qua kết nối USB

[“Máy in không thể kết nối bằng USB \(Windows\)” ở trang 143](#)

- ☐ Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác in.

[“Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối \(Windows\)” ở trang 144](#)

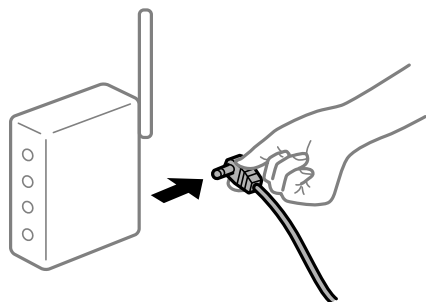
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ [“Khi thay thế bộ định tuyến không dây” ở trang 224](#)

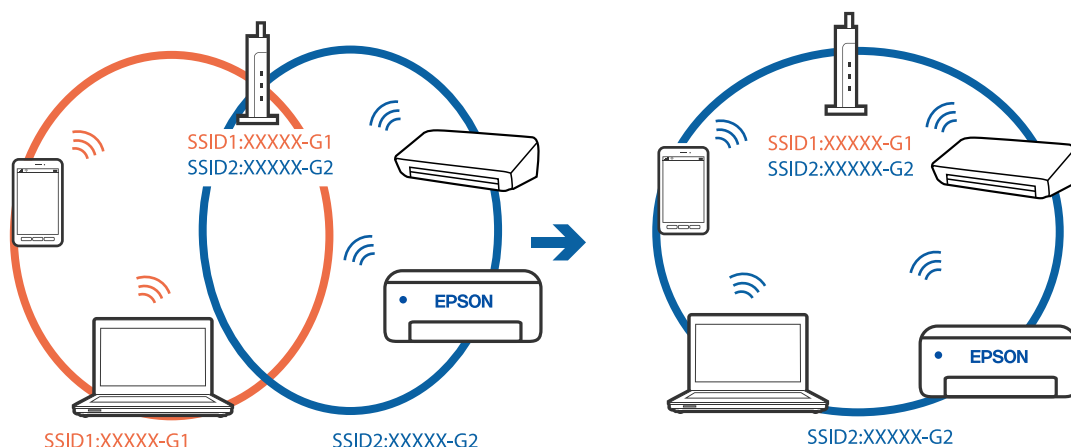
Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

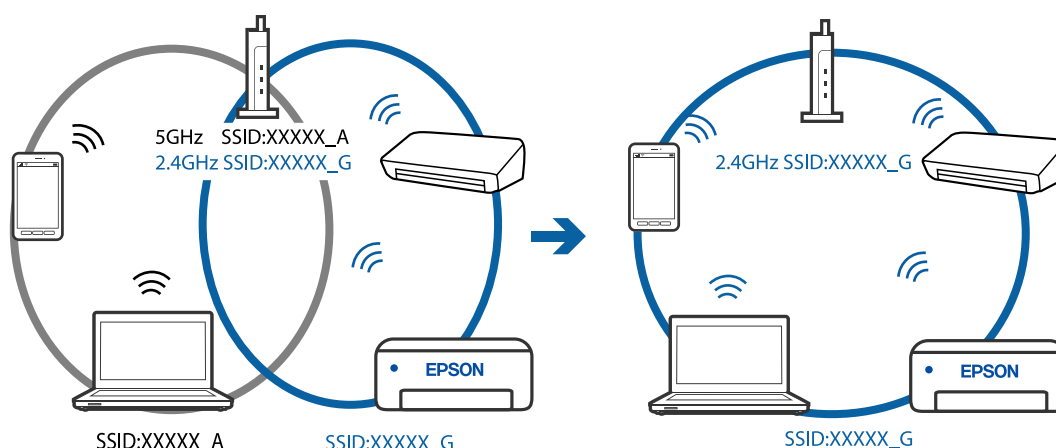
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ☐ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- ☐ Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- ☐ Không thể kết nối với máy in.
- ☐ Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

1. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
2. Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
3. Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
4. Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
[“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)
5. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
6. Trên máy tính, truy cập Web Config.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.
[“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)
7. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
8. Chọn **Network Settings > Wired LAN**.
9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
10. Nhấp vào **Next**.
11. Nhấp vào **OK**.
12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.
14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.
Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Máy in không thể kết nối bằng USB (Windows)

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạn cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm điện.

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ Có vấn đề với trung tâm USB.

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (Windows)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

Có vấn đề với phần mềm hoặc dữ liệu.

Giải pháp

- ☐ Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng (EPSON XXXXX). Nếu không lắp trình điều khiển máy in Epson chính hãng, các chức năng khả dụng bị hạn chế. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng.
- ☐ Nếu bạn in một hình ảnh có kích cỡ dữ liệu lớn, máy tính có thể bị hết bộ nhớ. Hãy in ảnh ở độ phân giải thấp hơn hoặc kích cỡ nhỏ hơn.
- ☐ Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy thử gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy in.
- ☐ Bạn có thể giải quyết sự cố bằng cách cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất. Để kiểm tra trạng thái phần mềm, hãy sử dụng công cụ cập nhật phần mềm.

➔ “Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 125

➔ “Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Mac OS” ở trang 126

➔ “Cài đặt hoặc gỡ các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124

➔ “Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển” ở trang 129

Có vấn đề với trạng thái của máy in.

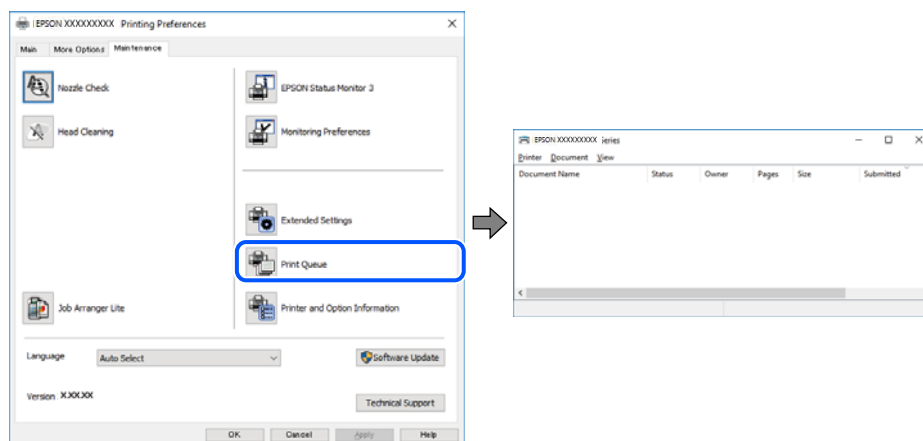
Giải pháp

Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in và sau đó kiểm tra trạng thái của máy in. Nếu **EPSON Status Monitor 3** bị tắt, hãy nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Vẫn có lệnh in đang chờ in.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in. Nếu dữ liệu không cần thiết vẫn còn, hãy chọn **Hủy tất cả tài liệu** từ menu **Máy in**.

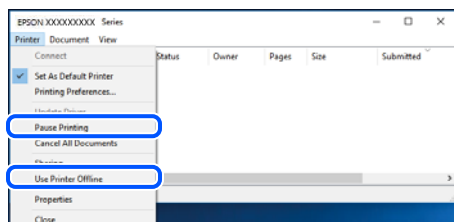


Máy in đang chờ xử lý hoặc ngoại tuyến.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.

Nếu máy in ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý, hãy xóa cài đặt ngoại tuyến hoặc chờ xử lý từ menu **Máy in**.



Máy in không được chọn là máy in mặc định.

Giải pháp

Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy in trong **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** (hoặc **Máy in, Máy in và fax**) và nhấp vào **Đặt làm máy in mặc định**.

Lưu ý:

Nếu có nhiều biểu tượng máy in, xem phần sau để chọn đúng máy in.

Ví dụ)

Kết nối USB: EPSON Sê ri XXXX

Kết nối mạng: EPSON Sê ri XXXX (mạng)

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển máy in nhiều lần, các bản sao của trình điều khiển máy in có thể được tạo ra. Nếu các bản sao như "EPSON Sê ri XXXX (bản sao 1)" được tạo, nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển đã sao chép và sau đó nhấp vào **Xóa thiết bị**.

Cổng máy in không được đặt chính xác.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.

Đảm bảo rằng cổng máy in được đặt chính xác như hiển thị bên dưới trong **Thuộc tính** > **Cổng** tại menu **Máy in**.

Kết nối USB: USBXXX, Kết nối mạng: EpsonNet Print Port

Đột nhiên máy in không thể in qua kết nối mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

Môi trường mạng đã thay đổi.

Giải pháp

Khi bạn đã thay đổi môi trường mạng, chẳng hạn như bộ định tuyến không dây hoặc nhà cung cấp dịch vụ, hãy thực hiện lại cài đặt mạng cho máy in.

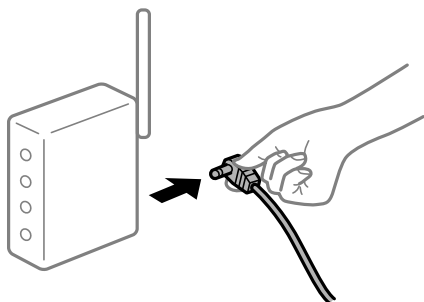
Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

➔ [“Đặt lại kết nối mạng” ở trang 224](#)

Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



Máy in không được kết nối với mạng.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Kiểm tra kết nối** và sau đó in báo cáo kết nối mạng. Nếu báo cáo cho biết rằng kết nối mạng không thành công thì kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

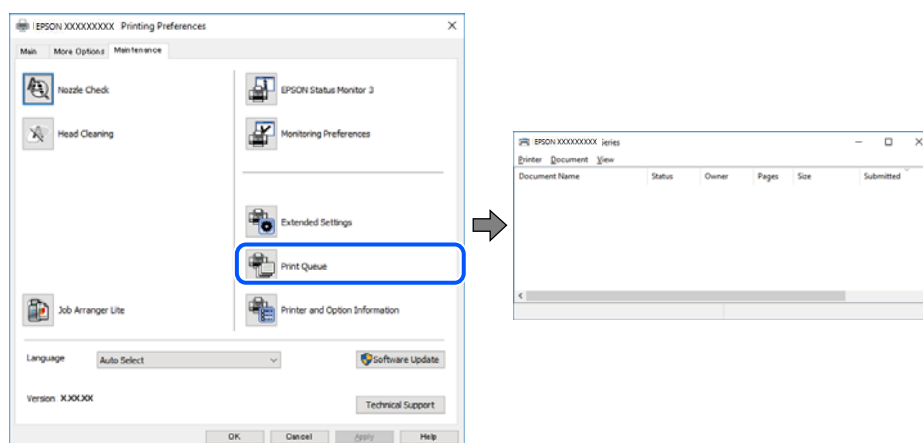
Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

Vẫn có lệnh in đang chờ in.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in. Nếu dữ liệu không cần thiết vẫn còn, hãy chọn **Hủy tất cả tài liệu** từ menu **Máy in**.

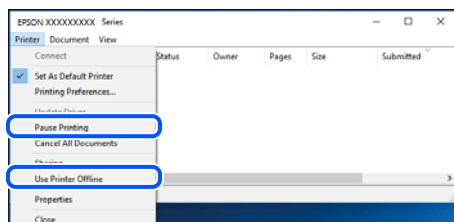


Máy in đang chờ xử lý hoặc ngoại tuyến.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.

Nếu máy in ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý, hãy xóa cài đặt ngoại tuyến hoặc chờ xử lý từ menu **Máy in**.



Máy in không được chọn là máy in mặc định.

Giải pháp

Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy in trong **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** (hoặc **Máy in, Máy in và fax**) và nhấp vào **Đặt làm máy in mặc định**.

Lưu ý:

Nếu có nhiều biểu tượng máy in, xem phần sau để chọn đúng máy in.

Ví dụ)

Kết nối USB: EPSON Sê ri XXXX

Kết nối mạng: EPSON Sê ri XXXX (mạng)

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển máy in nhiều lần, các bản sao của trình điều khiển máy in có thể được tạo ra. Nếu các bản sao như "EPSON Sê ri XXXX (bản sao 1)" được tạo, nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển đã sao chép và sau đó nhấp vào **Xóa thiết bị**.

Cổng máy in không được đặt chính xác.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.

Đảm bảo rằng cổng máy in được đặt chính xác như hiển thị bên dưới trong **Thuộc tính** > **Cổng** tại menu **Máy in**.

Kết nối USB: USBXXX, Kết nối mạng: EpsonNet Print Port

Không thể in từ Mac OS

Đảm bảo rằng máy tính và máy in đã kết nối đúng cách.

Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra trạng thái kết nối

Sử dụng EPSON Status Monitor để kiểm tra trạng thái kết nối cho máy tính và máy in.

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in.

2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.

3. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Khi các mục còn lại được hiển thị, kết nối đã được thiết lập thành công giữa máy tính và máy in.

Kiểm tra các mục sau nếu kết nối chưa được thiết lập.

☐ Không nhận ra máy in qua kết nối mạng

[“Không thể kết nối với mạng” ở trang 148](#)

☐ Không nhận ra máy in qua kết nối USB

[“Máy in không thể kết nối bằng USB \(Mac OS\)” ở trang 151](#)

Kiểm tra các mục sau nếu kết nối đã được thiết lập.

☐ Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác in.

[“Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối \(Mac OS\)” ở trang 151](#)

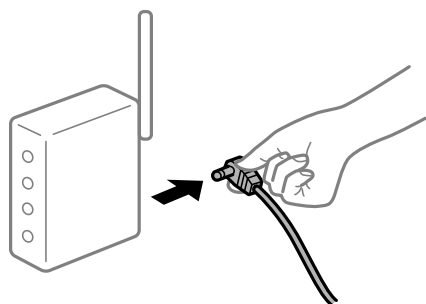
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



■ Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

■ Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ [“Khi thay thế bộ định tuyến không dây” ở trang 224](#)

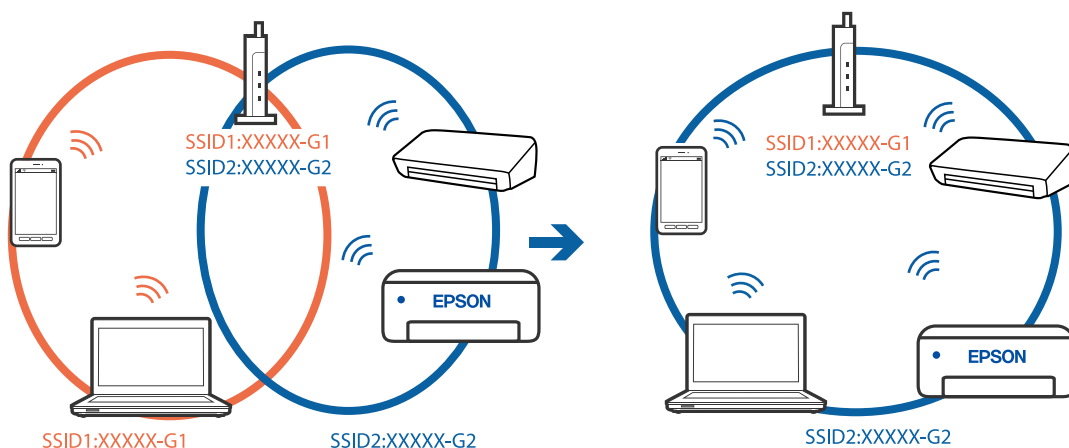
Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

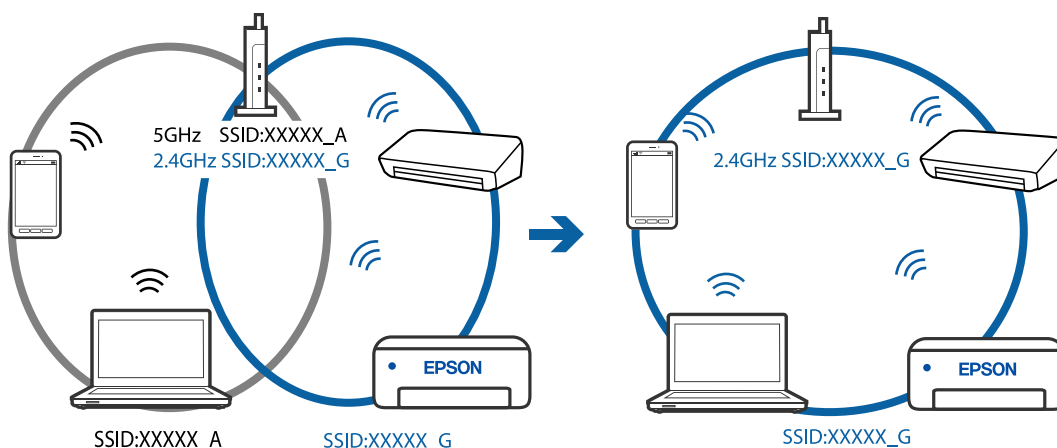
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

■ Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

■ Thiết bị kết nối với cổng USB 3.0 gây nhiễu tần số sóng vô tuyến.

Giải pháp

Khi bạn kết nối thiết bị với cổng USB 3.0 trên máy Mac, có thể xảy ra nhiễu tần số radio. Hãy thử các cách sau nếu bạn không thể kết nối với mạng LAN (Wi-Fi) không dây hoặc nếu hoạt động trở nên không ổn định.

- ☐ Đặt thiết bị được kết nối với cổng USB 3.0 cách xa máy tính.

■ Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- ☐ Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- ☐ Không thể kết nối với máy in.
- ☐ Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

1. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
2. Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
3. Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
4. Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
[“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)
5. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
6. Trên máy tính, truy cập Web Config.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.
[“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)
7. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải của sổ.
8. Chọn **Network Settings** > **Wired LAN**.

9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
 10. Nhấp vào **Next**.
 11. Nhấp vào **OK**.
 12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
 13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.
 14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.
- Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Máy in không thể kết nối bằng USB (Mac OS)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạn cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm điện.

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ Có vấn đề với trung tâm USB.

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (Mac OS)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Có vấn đề với phần mềm hoặc dữ liệu.

Giải pháp

- ☐ Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng (EPSON XXXXX). Nếu không lắp trình điều khiển máy in Epson chính hãng, các chức năng khả dụng bị hạn chế. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng.
- ☐ Nếu bạn in một hình ảnh có kích cỡ dữ liệu lớn, máy tính có thể bị hết bộ nhớ. Hãy in ảnh ở độ phân giải thấp hơn hoặc kích cỡ nhỏ hơn.
- ☐ Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy thử gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy in.
- ☐ Bạn có thể giải quyết sự cố bằng cách cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất. Để kiểm tra trạng thái phần mềm, hãy sử dụng công cụ cập nhật phần mềm.

➔ [“Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 125](#)

- ➔ “Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Mac OS” ở trang 126
- ➔ “Cài đặt hoặc gỡ các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124
- ➔ “Cập nhật ứng dụng và phần mềm điều khiển” ở trang 129

■ Có vấn đề với trạng thái của máy in.

Giải pháp

Đảm bảo trạng thái của máy in không phải là **Dừng**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** trên menu **Apple** > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó nhấp đúp vào máy in. Nếu máy in đang tạm dừng, nhấp **Tiếp tục**.

■ Hạn chế tính năng người dùng đang bật cho máy in.

Giải pháp

Máy in không thể in khi tính năng giới hạn người dùng được bật. Liên hệ với quản trị viên máy in của bạn.

Đột nhiên máy in không thể in qua kết nối mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Môi trường mạng đã thay đổi.

Giải pháp

Khi bạn đã thay đổi môi trường mạng, chẳng hạn như bộ định tuyến không dây hoặc nhà cung cấp dịch vụ, hãy thực hiện lại cài đặt mạng cho máy in.

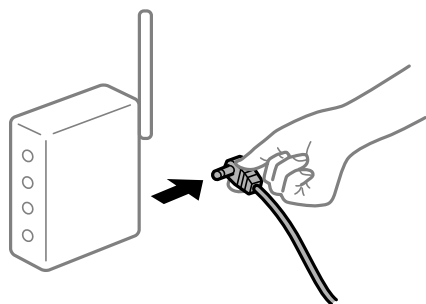
Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

- ➔ “Đặt lại kết nối mạng” ở trang 224

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



■ Máy in không được kết nối với mạng.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Kiểm tra kết nối** và sau đó in báo cáo kết nối mạng. Nếu báo cáo cho biết rằng kết nối mạng không thành công thì kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

■ Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

Menu Cài đặt in không được hiển thị.

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Trình điều khiển máy in Epson chưa được cài đặt đúng cách

Giải pháp

Nếu menu **Cài đặt in** không hiển thị trên macOS Catalina (10.15) hoặc mới hơn, macOS High Sierra (10.13), macOS Sierra (10.12), OS X El Capitan (10.11), OS X Yosemite (10.10), OS X Mavericks (10.9), OS X Mountain Lion (10.8), bạn chưa cài đặt đúng cách trình điều khiển máy in Epson. Bật lại menu sau.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), loại bỏ máy in, sau đó thêm lại máy in. Xem nội dung sau để thêm máy in.

[“Thêm máy in \(Chỉ dành cho Mac OS\)” ở trang 127](#)

macOS Mojave (10.14) không thể truy cập **Cài đặt in** trong các ứng dụng do Apple tạo ra như TextEdit.

Không thể in từ thiết bị thông minh

Đảm bảo rằng thiết bị thông minh và máy in đã kết nối đúng cách.

Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra kết nối với thiết bị thông minh

Sử dụng Epson Smart Panel để kiểm tra trạng thái kết nối giữa thiết bị thông minh và máy in.

Mở Epson Smart Panel. Nếu bạn không thể kết nối với máy in, nhấn vào [+] ở đầu màn hình để đặt lại.

Nếu bạn không sử dụng Epson Smart Panel, hãy xem liên kết bên dưới.

<http://epson.sn>

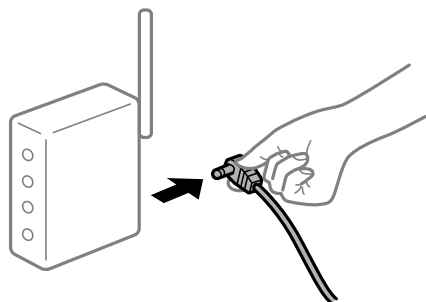
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ [“Khi thay thế bộ định tuyến không dây” ở trang 224](#)

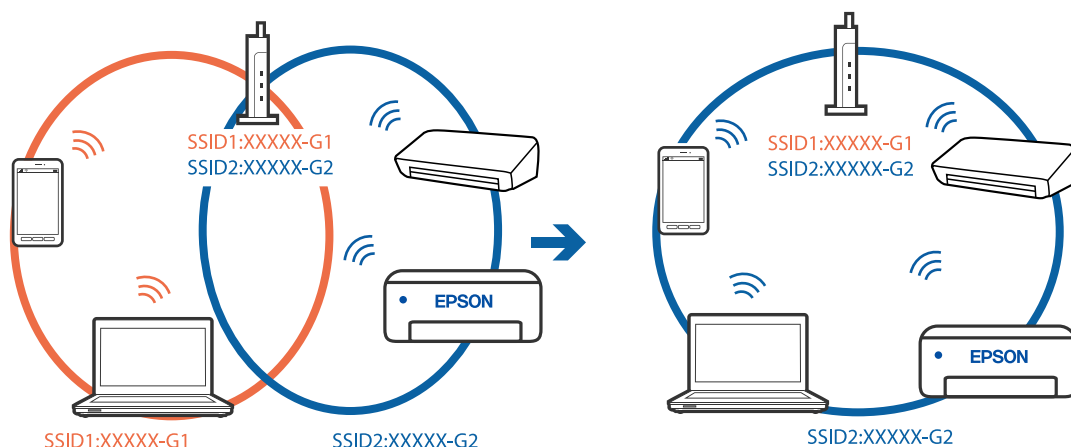
Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

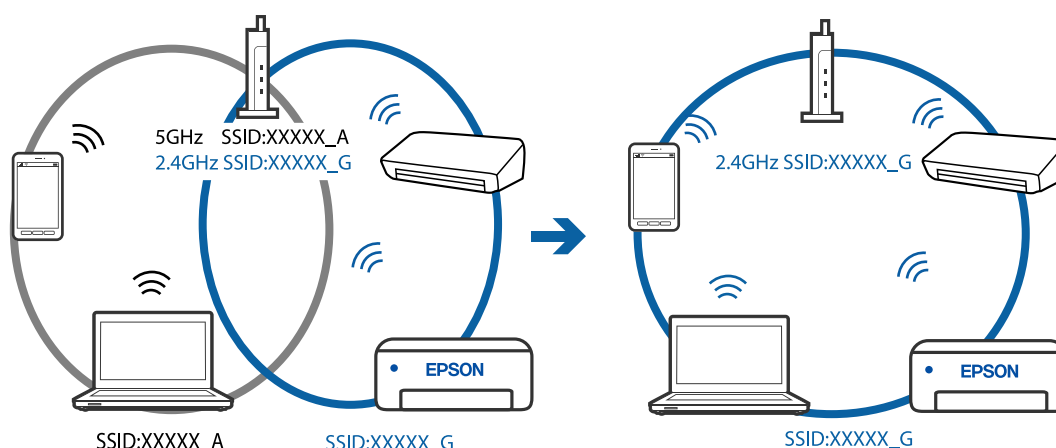
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

☐ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

Có vấn đề với cài đặt mạng trên thiết bị thông minh.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ thiết bị thông minh của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của thiết bị thông minh là chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì thiết bị thông minh có vấn đề.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu đi kèm thiết bị thông minh để biết chi tiết.

Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (iOS)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

Tự động hiển thị thiết lập giấy đang tắt.

Giải pháp

Bật **Tự động hiển thị thiết lập giấy** trong menu sau.

Cài đặt > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt nguồn giấy** > **Tự động hiển thị thiết lập giấy**

AirPrint được tắt.

Giải pháp

Bật cài đặt AirPrint trên Web Config.

➔ [“Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in \(Web Config\)” ở trang 253](#)

Đột nhiên máy in không thể in qua kết nối mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

Môi trường mạng đã thay đổi.

Giải pháp

Khi bạn đã thay đổi môi trường mạng, chẳng hạn như bộ định tuyến không dây hoặc nhà cung cấp dịch vụ, hãy thực hiện lại cài đặt mạng cho máy in.

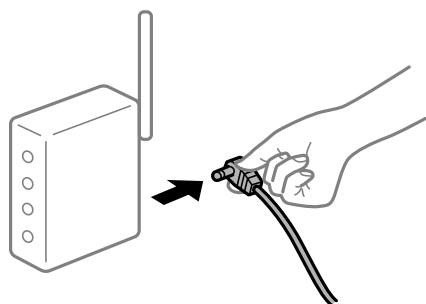
Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

➔ [“Đặt lại kết nối mạng” ở trang 224](#)

Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



Máy in không được kết nối với mạng.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Kiểm tra kết nối** và sau đó in báo cáo kết nối mạng. Nếu báo cáo cho biết rằng kết nối mạng không thành công thì kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

Có vấn đề với cài đặt mạng trên thiết bị thông minh.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ thiết bị thông minh của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của thiết bị thông minh là chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì thiết bị thông minh có vấn đề.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu đi kèm thiết bị thông minh để biết chi tiết.

Chức năng in fax đã nhận đang tắt trong cài đặt hiện tại.

Nếu **Lưu vào máy tính** được đặt thành **Có**, hãy đổi cài đặt thành **Có và in**. Hoặc tắt **Lưu vào hộp thư đến** và **Lưu vào máy tính** cho phép thực hiện việc in.

Bạn có thể tìm **Lưu vào hộp thư đến** và **Lưu vào máy tính** trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Đầu ra fax**.

Không thể bắt đầu quét

Không thể bắt đầu quét từ Windows

Đảm bảo rằng máy tính và máy in đã kết nối đúng cách.

Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra trạng thái kết nối

Sử dụng Epson Printer Connection Checker để kiểm tra trạng thái kết nối cho máy tính và máy in. Bạn có thể giải quyết vấn đề tùy thuộc vào kết quả kiểm tra.

1. Nhấp đúp vào biểu tượng **Epson Printer Connection Checker** trên màn hình nền.

Epson Printer Connection Checker sẽ khởi động.

Nếu không có biểu tượng trên màn hình nền, hãy làm theo các phương pháp dưới đây để khởi động Epson Printer Connection Checker.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson Printer Connection Checker**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình > Epson Software > Epson Printer Connection Checker**.

2. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để kiểm tra.

Lưu ý:

Nếu tên máy in không hiển thị, hãy cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng.

[“Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 125](#)

Khi đã xác định được vấn đề, hãy làm theo giải pháp được hiển thị trên màn hình.

Khi không thể giải quyết vấn đề, hãy kiểm tra các mục sau theo tình huống của bạn.

- ☐ Không nhận ra máy in qua kết nối mạng

[“Không thể kết nối với mạng” ở trang 158](#)

- ☐ Không nhận ra máy in qua kết nối USB

[“Máy in không thể kết nối bằng USB \(Windows\)” ở trang 143](#)

- ☐ Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác quét.

[“Không thể quét ngay cả khi đã thiết lập kết nối chính xác \(Windows\)” ở trang 161](#)

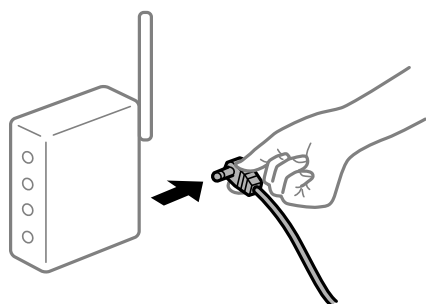
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



■ Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

■ Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ [“Khi thay thế bộ định tuyến không dây” ở trang 224](#)

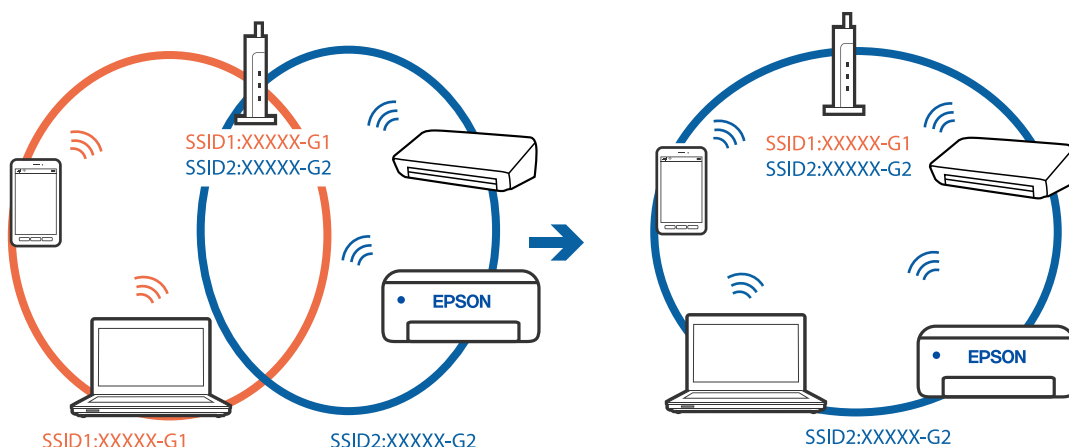
■ Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

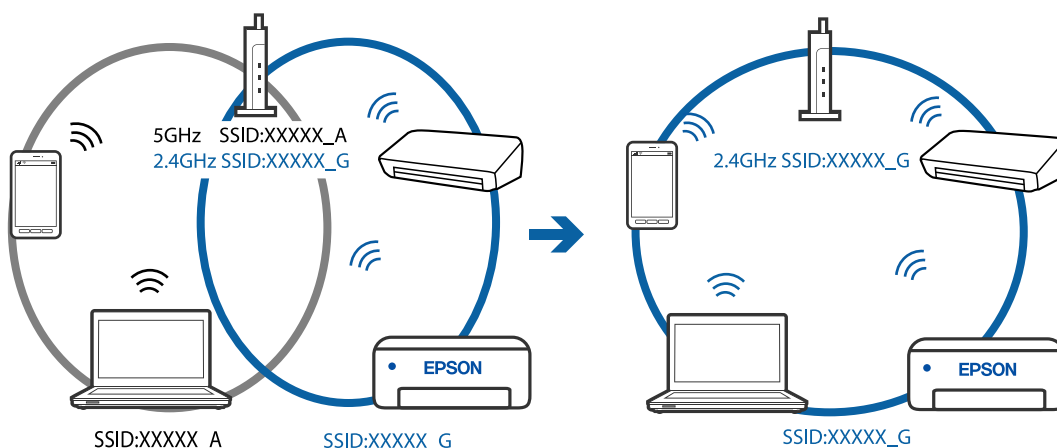
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

■ Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

■ Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- ☐ Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- ☐ Không thể kết nối với máy in.
- ☐ Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

1. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
 2. Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
 3. Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
 4. Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
[“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)
 5. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
 6. Trên máy tính, truy cập Web Config.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.
[“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)
 7. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
 8. Chọn **Network Settings > Wired LAN**.
 9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
 10. Nhấp vào **Next**.
 11. Nhấp vào **OK**.
 12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
 13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.
 14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.
- Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Máy in không thể kết nối bằng USB (Windows)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ **Bạn cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm điện.**

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ **Có vấn đề với trung tâm USB.**

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ **Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.**

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Không thể quét ngay cả khi đã thiết lập kết nối chính xác (Windows)

■ **Quét ở độ phân giải cao qua mạng.**

Giải pháp

Thử quét ở độ phân giải thấp hơn.

Không thể bắt đầu quét từ Mac OS

Đảm bảo rằng máy tính và máy in đã kết nối đúng cách.

Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra trạng thái kết nối

Sử dụng EPSON Status Monitor để kiểm tra trạng thái kết nối cho máy tính và máy in.

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
3. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Khi các mục còn lại được hiển thị, kết nối đã được thiết lập thành công giữa máy tính và máy in.

Kiểm tra các mục sau nếu kết nối chưa được thiết lập.

☐ Không nhận ra máy in qua kết nối mạng
“[Không thể kết nối với mạng](#)” ở trang 162

☐ Không nhận ra máy in qua kết nối USB
“[Máy in không thể kết nối bằng USB \(Mac OS\)](#)” ở trang 151

Kiểm tra các mục sau nếu kết nối đã được thiết lập.

- ☐ Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác quét.

[“Không thể quét ngay cả khi đã thiết lập kết nối chính xác \(Mac OS\)” ở trang 165](#)

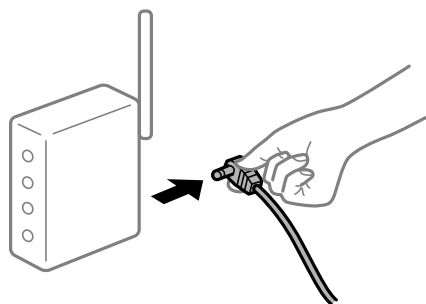
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



■ Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

■ Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ [“Khi thay thế bộ định tuyến không dây” ở trang 224](#)

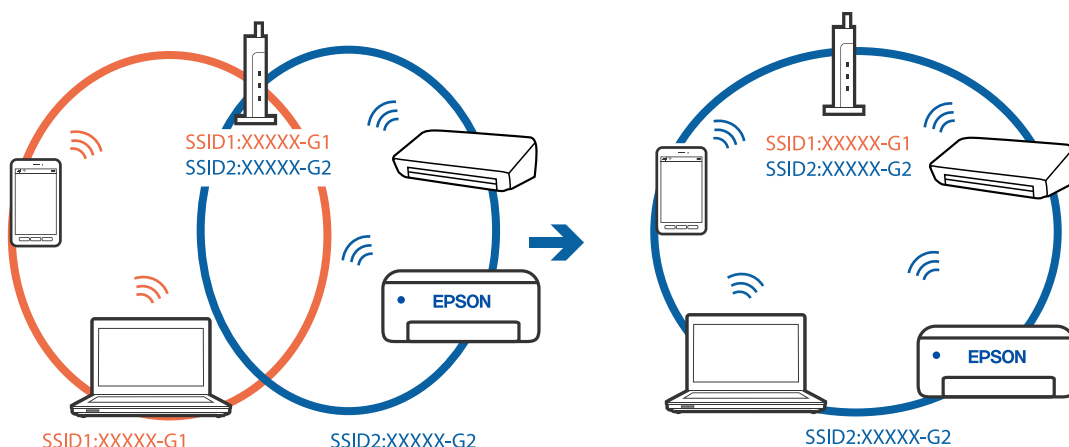
■ Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

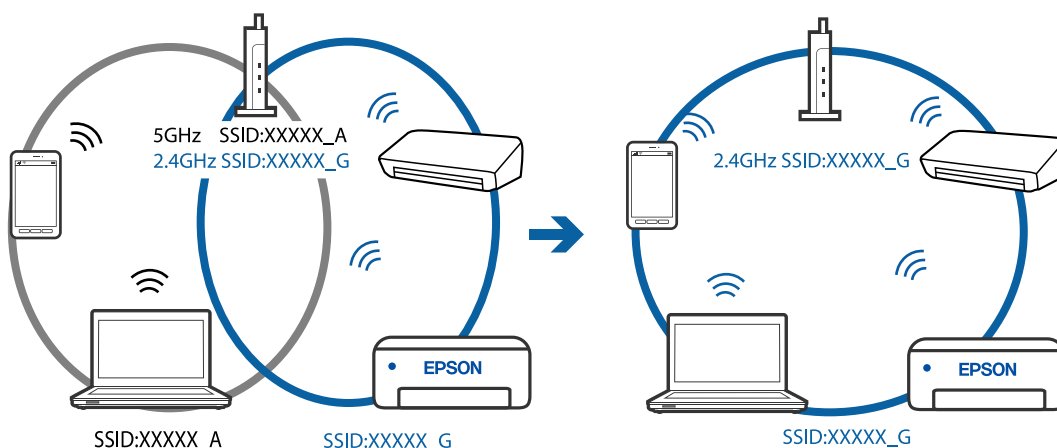
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

■ Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

■ Thiết bị kết nối với cổng USB 3.0 gây nhiễu tần số sóng vô tuyến.

Giải pháp

Khi bạn kết nối thiết bị với cổng USB 3.0 trên máy Mac, có thể xảy ra nhiễu tần số radio. Hãy thử các cách sau nếu bạn không thể kết nối với mạng LAN (Wi-Fi) không dây hoặc nếu hoạt động trở nên không ổn định.

- ☐ Đặt thiết bị được kết nối với cổng USB 3.0 cách xa máy tính.

■ Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- ☐ Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- ☐ Không thể kết nối với máy in.
- ☐ Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

1. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
2. Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
3. Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
4. Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
[“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)
5. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
6. Trên máy tính, truy cập Web Config.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.
[“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)
7. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải của sổ.
8. Chọn **Network Settings** > **Wired LAN**.
9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
10. Nhấp vào **Next**.

11. Nhấp vào **OK**.
 12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
 13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.
 14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.
- Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Máy in không thể kết nối bằng USB (Mac OS)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạn cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm điện.

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ Có vấn đề với trung tâm USB.

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Không thể quét ngay cả khi đã thiết lập kết nối chính xác (Mac OS)

■ Quét ở độ phân giải cao qua mạng.

Giải pháp

Thử quét ở độ phân giải thấp hơn.

Không thể bắt đầu quét từ thiết bị thông minh

Đảm bảo rằng thiết bị thông minh và máy in đã kết nối đúng cách.

Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra kết nối với thiết bị thông minh

Sử dụng Epson Smart Panel để kiểm tra trạng thái kết nối giữa thiết bị thông minh và máy in.

Mở Epson Smart Panel. Nếu bạn không thể kết nối với máy in, nhấn vào [+] ở đầu màn hình để đặt lại.

Nếu bạn không sử dụng Epson Smart Panel, hãy xem liên kết bên dưới.

<http://epson.sn>

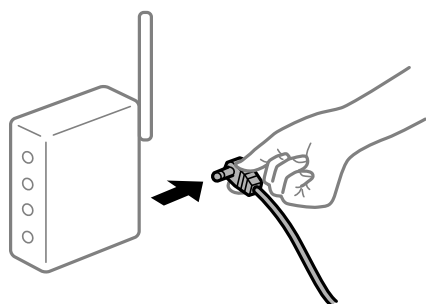
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



■ Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

■ Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ [“Khi thay thế bộ định tuyến không dây” ở trang 224](#)

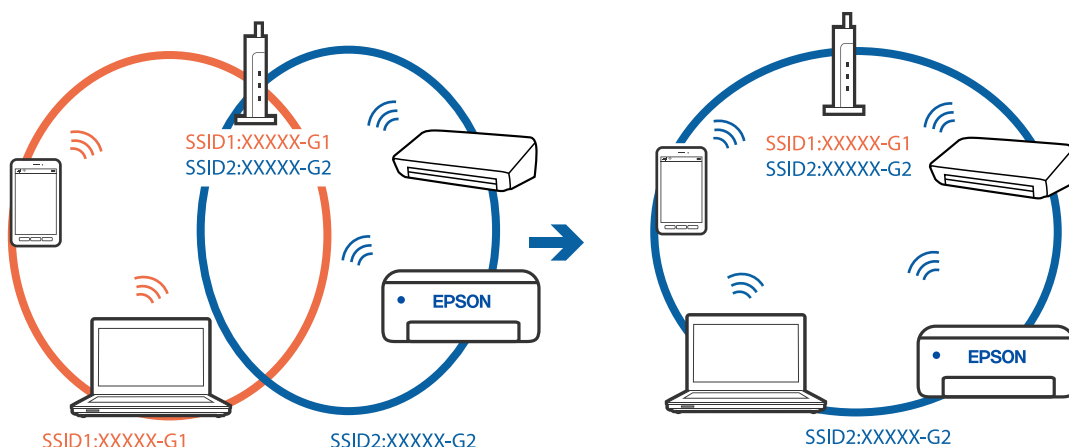
■ Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

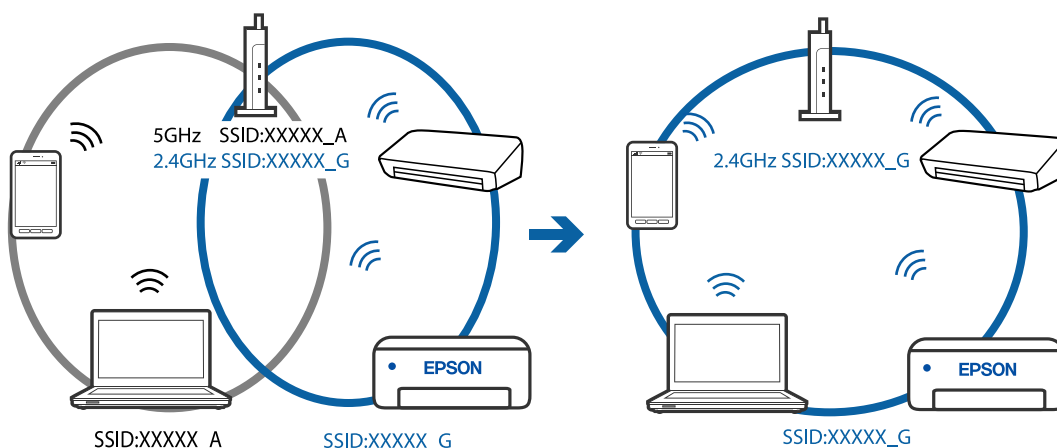
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

■ Có vấn đề với cài đặt mạng trên thiết bị thông minh.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ thiết bị thông minh của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của thiết bị thông minh là chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì thiết bị thông minh có vấn đề.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu đi kèm thiết bị thông minh để biết chi tiết.

Không thể gửi hoặc nhận fax

Không thể gửi hoặc nhận fax

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Có một số vấn đề với giắc cắm điện thoại trên tường.

Giải pháp

Kiểm tra giắc cắm điện thoại trên tường có hoạt động không bằng cách nối điện thoại với giắc và thử. Nếu bạn không thể gọi hoặc nhận cuộc gọi, hãy liên hệ với công ty viễn thông của bạn.

■ Có một số vấn đề khi kết nối với đường điện thoại.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Kiểm tra kết nối fax** trên bảng điều khiển để chạy kiểm tra kết nối fax tự động. Hãy thử các giải pháp được in ra trên báo cáo.

■ Xảy ra lỗi giao tiếp.

Giải pháp

Chọn **Chậm (9.600b/giây)** trong **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Tốc độ fax** trên bảng điều khiển.

■ Đã kết nối với đường điện thoại DSL không có bộ lọc DSL.

Giải pháp

Để kết nối với đường điện thoại DSL, bạn cần sử dụng modem DSL được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hoặc lắp đặt một bộ lọc DSL riêng vào đường điện thoại. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.

[“Kết nối với DSL hoặc ISDN” ở trang 289](#)

■ Có một số vấn đề với bộ lọc DSL khi bạn kết nối với đường dây điện thoại DSL.

Giải pháp

Nếu bạn không thể gửi hoặc nhận fax, hãy kết nối trực tiếp máy in với giắc cắm điện thoại trên tường để xem máy in có thể gửi fax không. Nếu hoạt động, vấn đề có thể do bộ lọc DSL gây ra. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.

Không thể gửi fax

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đường kết nối được đặt là PSTN tại cơ sở sử dụng Tổng đài nội bộ (PBX).

Giải pháp

Chọn **PBX** trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Loại dòng** trên bảng điều khiển.

■ Gửi fax mà không nhập mã truy cập trong môi trường có lắp đặt tổng đài.

Giải pháp

Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu mã truy cập bên ngoài để quay số ra bên ngoài, hãy đăng ký mã truy cập với máy in, và nhập # (dấu thăng) ở đầu số fax khi gửi.

■ Thông tin đầu trang cho các bản fax gửi đi không được đăng ký.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Tiêu đề** và thiết lập thông tin đầu trang. Một số máy fax tự động từ chối fax đến không chứa thông tin đầu trang.

■ ID người gọi của bạn bị chặn.

Giải pháp

Liên hệ với công ty viễn thông để bỏ chặn ID người gọi của bạn. Một số điện thoại hoặc máy fax tự động từ chối cuộc gọi ẩn danh.

■ Số fax của người nhận sai.

Giải pháp

Kiểm tra xem số của người nhận đã đăng ký trong danh bạ của bạn hay bạn đã nhập trực tiếp bằng bàn phím có chính xác không. Hoặc, kiểm tra với người nhận xem số fax có chính xác không.

■ Máy fax của người nhận chưa sẵn sàng nhận fax.

Giải pháp

Hỏi người nhận xem máy fax của người nhận đã sẵn sàng nhận fax chưa.

■ Dữ liệu đang được gửi quá lớn.

Giải pháp

Bạn có thể gửi fax ở kích thước dữ liệu nhỏ hơn bằng một trong các phương thức sau.

- ☐ Khi bạn gửi fax ở chế độ đơn sắc, hãy bật **Gửi trực tiếp** trong **Fax > Cài đặt fax > Cài đặt gửi fax**.
“Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)” ở trang 91
- ☐ Sử dụng điện thoại kết nối
“Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 90
- ☐ Tách bản gốc

Không thể nhận fax

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đăng ký dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi.

Giải pháp

Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi thì máy in không thể nhận fax. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

■ Chế độ nhận được đặt thành Thủ công trong khi điện thoại bên ngoài kết nối với máy in.

Giải pháp

Nếu điện thoại bên ngoài kết nối với máy in và đang dùng chung đường điện thoại với máy in, hãy chọn **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản**, sau đó đặt **Chế độ nhận** thành **Tự động**.

■ Bộ nhớ khả dụng của hộp thư đến không đủ.

Giải pháp

100 tổng số tài liệu đã nhận được lưu trong hộp thư đến. Xóa các tài liệu không cần thiết.

■ Máy tính sẽ lưu các bản fax đã nhận hiện không bật.

Giải pháp

Khi bạn thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận vào máy tính, hãy bật máy tính. Fax đã nhận sẽ bị xóa sau khi đã lưu vào máy tính.

■ Số fax của người gửi đã được đăng ký trong Danh sách số từ chối.

Giải pháp

Đảm bảo rằng có thể xóa số của người gửi khỏi **Danh sách số từ chối** trước khi xóa số này. Xóa khỏi **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Sửa danh sách số từ chối**. Hoặc tắt **Danh sách số từ chối** in **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Fax từ chối**. Fax được gửi từ các số chưa đăng ký trong danh sách này sẽ bị chặn khi cài đặt này bật.

■ Số fax của người gửi chưa được đăng ký trong danh bạ.

Giải pháp

Đăng ký số fax của người gửi vào danh bạ. Hoặc tắt **Danh bạ chưa đăng ký** trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Fax từ chối**. Fax được gửi từ các số chưa đăng ký trong danh sách này sẽ bị chặn.

■ Người gửi đã gửi fax không có thông tin đầu trang.

Giải pháp

Hỏi người gửi xem thông tin đầu trang đã được thiết lập trên máy fax của họ hay chưa. Hoặc tắt **Đã chặn khoảng trống tiêu đề fax** trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Fax từ chối**. Fax không có thông tin đầu trang sẽ bị chặn khi cài đặt này bật.

Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định

■ Cài đặt Tốc độ fax được đăng ký trong danh bạ là sai.

Giải pháp

Chọn người nhận từ danh bạ, sau đó chọn **Sửa > Tốc độ fax > Chậm (9.600b/giây)**.

Không thể gửi fax vào thời gian đã định

■ Ngày và giờ của máy in sai.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt cơ bản** > **Cài đặt ngày/giờ**, sau đó đặt ngày và giờ chính xác.

Fax được gửi với kích cỡ sai

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bản gốc đặt không chính xác.

Giải pháp

- ☐ Đảm bảo đặt bản gốc thích hợp theo các dấu căn chỉnh.
- ☐ Nếu thiếu cạnh hình quét, hãy di chuyển bản gốc hơi xa ra cạnh mặt kính máy quét. Bạn không thể quét vùng trong khoảng 1,5 mm (0,06 in.) từ mép của kính máy quét.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 116](#)

Máy in không in các bản fax đã nhận được

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đã có lỗi xảy ra trên máy in như kẹt giấy.

Giải pháp

Xóa lỗi máy in, sau đó yêu cầu người gửi gửi lại fax.

■ Chức năng in fax đã nhận đang tắt trong cài đặt hiện tại.

Giải pháp

Nếu **Lưu vào máy tính** được đặt thành **Có**, hãy đổi cài đặt thành **Có và in**. Hoặc tắt **Lưu vào hộp thư đến** và **Lưu vào máy tính** cho phép thực hiện việc in.

Bạn có thể tìm **Lưu vào hộp thư đến** và **Lưu vào máy tính** trong **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt nhận** > **Đầu ra fax**.

Không thể gửi và nhận fax (Windows)

Đảm bảo rằng máy tính và máy in đã kết nối đúng cách. Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra trạng thái kết nối

Sử dụng Epson Printer Connection Checker để kiểm tra trạng thái kết nối cho máy tính và máy in. Bạn có thể giải quyết vấn đề tùy thuộc vào kết quả kiểm tra.

1. Nhấp đúp vào biểu tượng **Epson Printer Connection Checker** trên màn hình nền.

Epson Printer Connection Checker sẽ khởi động.

Nếu không có biểu tượng trên màn hình nền, hãy làm theo các phương pháp dưới đây để khởi động Epson Printer Connection Checker.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software** > **Epson Printer Connection Checker**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình** > **Epson Software** > **Epson Printer Connection Checker**.

2. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để kiểm tra.

Lưu ý:

Nếu tên máy in không hiển thị, hãy cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng.

[“Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 125](#)

Khi đã xác định được vấn đề, hãy làm theo giải pháp được hiển thị trên màn hình.

Khi không thể giải quyết vấn đề, hãy kiểm tra các mục sau theo tình huống của bạn.

☐ Không nhận ra máy in qua kết nối mạng

[“Không thể kết nối với mạng” ở trang 140](#)

☐ Không nhận ra máy in qua kết nối USB

[“Máy in không thể kết nối bằng USB \(Windows\)” ở trang 143](#)

☐ Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác in.

[“Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối \(Windows\)” ở trang 144](#)

Không thể kết nối với mạng

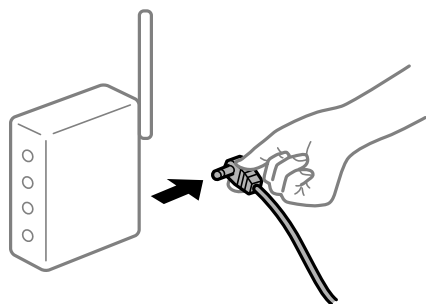
Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy

tính hoặc thiết bị thông minh gắn với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ “[Khi thay thế bộ định tuyến không dây](#)” ở trang 224

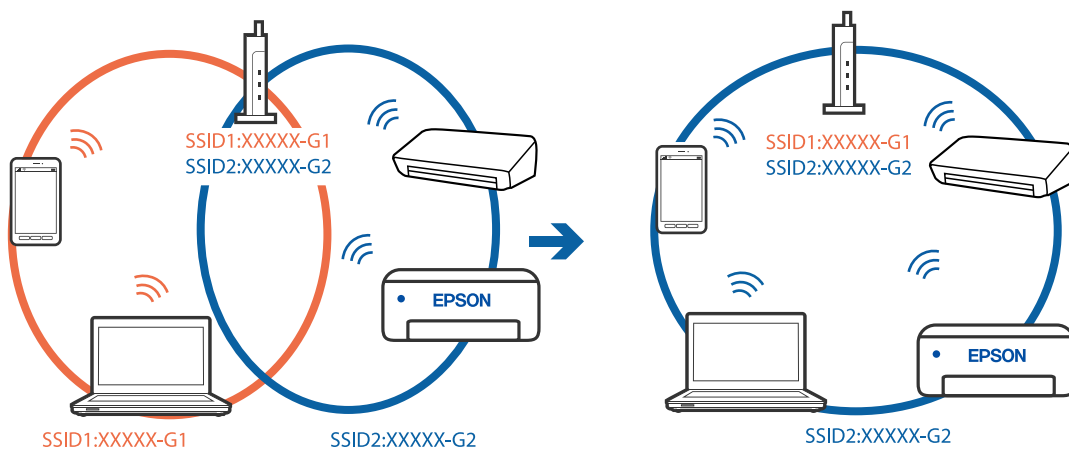
Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

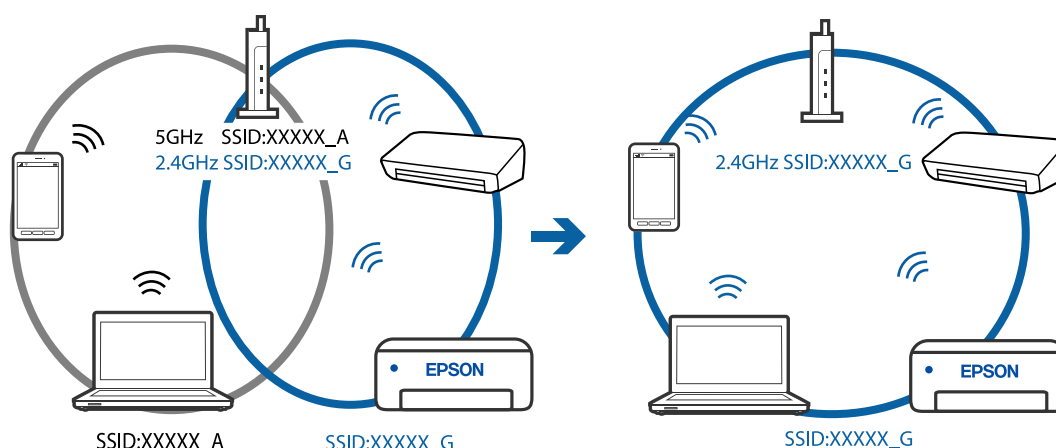
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ☐ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- ☐ Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- ☐ Không thể kết nối với máy in.
- ☐ Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

1. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
2. Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
3. Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
4. Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
[“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)
5. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
6. Trên máy tính, truy cập Web Config.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.
[“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)
7. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
8. Chọn **Network Settings > Wired LAN**.
9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
10. Nhấp vào **Next**.
11. Nhấp vào **OK**.
12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.
14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.
Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Máy in không thể kết nối bằng USB (Windows)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạn cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm điện.

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ Có vấn đề với trung tâm USB.

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Không thể gửi hoặc nhận fax ngay cả khi kết nối đã được thiết lập chính xác (Windows)

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

Phần mềm không được cài đặt.

Giải pháp

Đảm bảo rằng trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt trên máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt với FAX Utility. Thực hiện theo các bước bên dưới để kiểm tra xem đã cài đặt chưa.

Đảm bảo máy in (fax) được hiển thị trong **Thiết bị và máy in**, **Máy in**, hoặc **Máy in và phần cứng khác**. Máy in (fax) được hiển thị là "EPSON XXXXX (FAX)". Nếu máy in (fax) không được hiển thị, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại FAX Utility. Xem hướng dẫn sau để truy cập **Thiết bị và Máy in**, **Máy in** hoặc **Máy in và Phần cứng khác**.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.

☐ Windows 7

Nhấp nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.

☐ Windows Vista

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

☐ Windows XP

Nhấp nút bắt đầu và chọn **Thiết đặt > Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**.

Xác thực người dùng không thành công khi fax được gửi từ máy tính.

Giải pháp

Đặt tên người dùng và mật khẩu trong trình điều khiển máy in. Khi gửi fax từ máy tính khi chức năng bảo mật hạn chế người dùng sử dụng chức năng fax của máy in được đặt, xác thực người dùng được thực hiện với tên người dùng và mật khẩu được đặt trong trình điều khiển máy in.

Có một số vấn đề với kết nối fax và cài đặt fax.

Giải pháp

Thử các độ phân giải cho kết nối fax và cài đặt fax.

Không thể gửi và nhận fax (Mac OS)

Đảm bảo rằng máy tính và máy in đã kết nối đúng cách. Nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề này khác nhau tùy thuộc vào việc chúng có kết nối hay không.

Kiểm tra trạng thái kết nối

Sử dụng EPSON Status Monitor để kiểm tra trạng thái kết nối cho máy tính và máy in.

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét, In và fax**), sau đó chọn máy in.
2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.
3. Nhấp vào **EPSON Status Monitor**.

Khi các mục còn lại được hiển thị, kết nối đã được thiết lập thành công giữa máy tính và máy in.

Kiểm tra các mục sau nếu kết nối chưa được thiết lập.

- ☐ Không nhận ra máy in qua kết nối mạng
“Không thể kết nối với mạng” ở trang 148
- ☐ Không nhận ra máy in qua kết nối USB
“Máy in không thể kết nối bằng USB (Mac OS)” ở trang 151

Kiểm tra các mục sau nếu kết nối đã được thiết lập.

- ☐ Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác in.
“Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (Mac OS)” ở trang 151

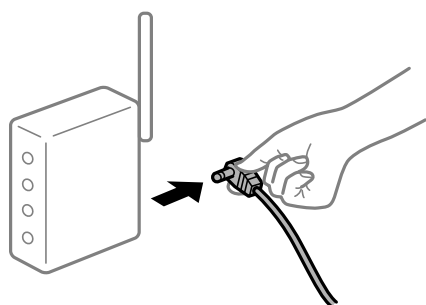
Không thể kết nối với mạng

Có thể là một trong những vấn đề sau.

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh gần với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



■ Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

➔ “[Khi thay thế bộ định tuyến không dây](#)” ở trang 224

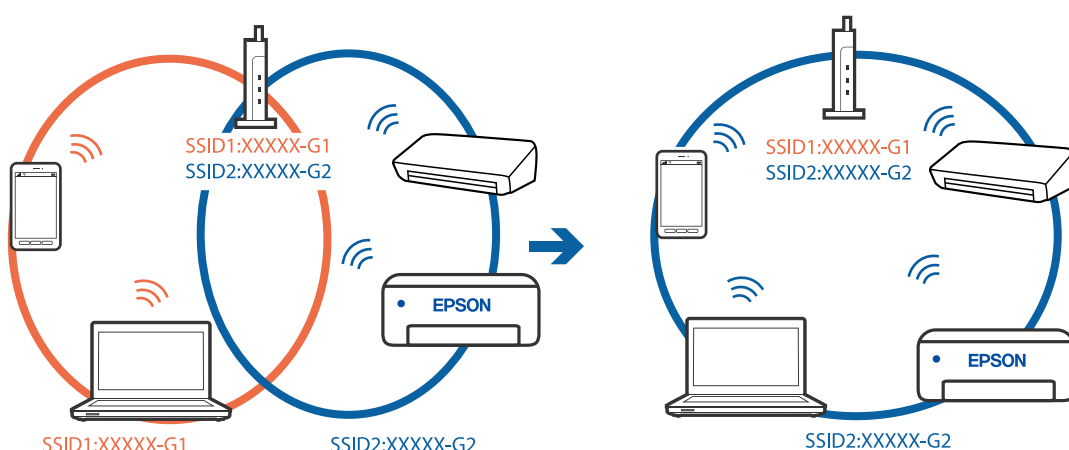
Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

Giải pháp

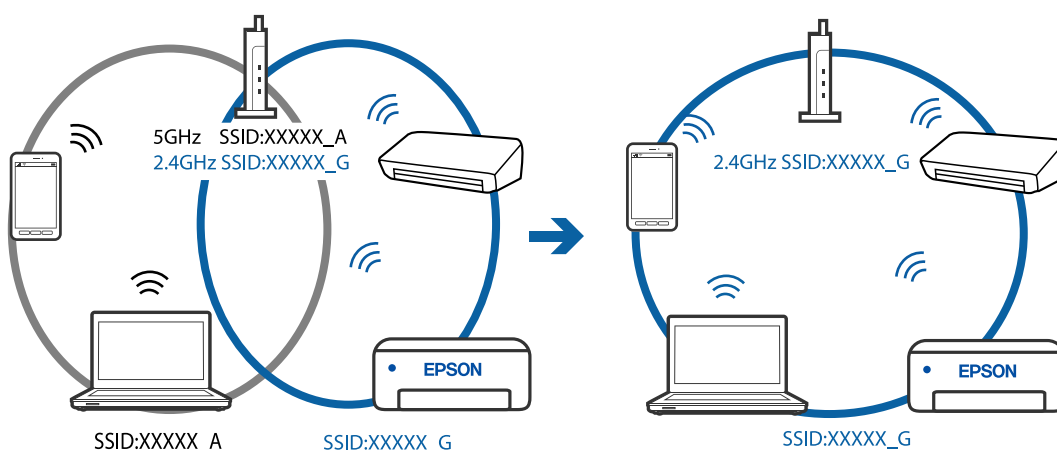
Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Nâng cao** trên bảng điều khiển của máy in, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con đã gán cho máy in.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

Có vấn đề với cài đặt mạng trên máy tính.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính của bạn để đảm bảo rằng cài đặt mạng của máy tính của bạn chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào thì máy tính gặp sự cố.

Kiểm tra kết nối mạng của máy tính. Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.

Thiết bị kết nối với cổng USB 3.0 gây nhiễu tần số sóng vô tuyến.

Giải pháp

Khi bạn kết nối thiết bị với cổng USB 3.0 trên máy Mac, có thể xảy ra nhiễu tần số radio. Hãy thử các cách sau nếu bạn không thể kết nối với mạng LAN (Wi-Fi) không dây hoặc nếu hoạt động trở nên không ổn định.

- ☐ Đặt thiết bị được kết nối với cổng USB 3.0 cách xa máy tính.

Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- ☐ Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- ☐ Không thể kết nối với máy in.
- ☐ Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

- Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
- Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
- Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
- Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
[“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)
- Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
- Trên máy tính, truy cập Web Config.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

[“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)

7. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
 8. Chọn **Network Settings > Wired LAN**.
 9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
 10. Nhấp vào **Next**.
 11. Nhấp vào **OK**.
 12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
 13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.
 14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.
- Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Máy in không thể kết nối bằng USB (Mac OS)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạn cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm điện.

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ Có vấn đề với trung tâm USB.

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Không thể gửi hoặc nhận ngay cả khi kết nối đã được thiết lập chính xác (Mac OS)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Phần mềm không được cài đặt.

Giải pháp

Đảm bảo rằng trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt trên máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt với FAX Utility. Thực hiện theo các bước bên dưới để kiểm tra xem đã cài đặt chưa.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó đảm bảo rằng máy in (fax) được hiển thị. Máy in (fax) được hiển thị là "FAX XXXX (USB)" hoặc "FAX XXXX (IP)". Nếu máy in (fax) không hiển thị, nhấp [+] rồi đăng ký máy in (fax).

■ Trình điều khiển PC-FAX tạm dừng.

Giải pháp

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó nhấp đúp vào máy in (fax). Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

■ Xác thực người dùng không thành công khi fax được gửi từ máy tính.

Giải pháp

Đặt tên người dùng và mật khẩu trong trình điều khiển máy in. Khi gửi fax từ máy tính khi chức năng bảo mật hạn chế người dùng sử dụng chức năng fax của máy in được đặt, xác thực người dùng được thực hiện với tên người dùng và mật khẩu được đặt trong trình điều khiển máy in.

■ Có một số vấn đề với kết nối fax và cài đặt fax.

Giải pháp

Thử các độ phân giải cho kết nối fax và cài đặt fax.

Không thể vận hành máy in như mong muốn

Hoạt động chậm

Tốc độ in quá chậm

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Các ứng dụng không cần thiết đang chạy.

Giải pháp

Đóng mọi ứng dụng không cần thiết trên máy tính hoặc thiết bị thông minh của bạn.

■ Chất lượng in được đặt ở mức cao.

Giải pháp

Giảm cài đặt chất lượng.

■ In hai chiều đang tắt.

Giải pháp

Bật cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Khi bật cài đặt này, đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều và tốc độ in tăng lên.

☐ Windows

Chọn **In hai chiều** trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn Bật làm cài đặt **In hai chiều**.

■ C.độ im lặng đang bật.

Giải pháp

Tắt **C.độ im lặng**. Tốc độ in chậm lại khi máy in đang chạy ở **C.độ im lặng**.

- ☐ Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó chọn **Tắt**.

- ☐ Windows

Chọn **Tắt** cho cài đặt **C.độ im lặng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

- ☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Tắt** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

Tốc độ in vô cùng chậm khi in liên tục

■ Chức năng ngăn không cho cơ cấu máy in quá nóng và bị hỏng hoạt động.

Giải pháp

Bạn có thể tiếp tục in. Để quay lại tốc độ in bình thường, hãy để máy in nghỉ trong ít nhất 30 phút. Tốc độ in không quay lại bình thường nếu tắt nguồn.

Tốc độ quét chậm

■ Quét ở độ phân giải cao.

Giải pháp

Thử quét ở độ phân giải thấp hơn.

Màn hình LCD bị tối đi

■ Máy in ở chế độ ngủ.

Giải pháp

Nhấn bất kỳ vị trí nào trên màn hình LCD để chuyển nó trở về trạng thái trước.

Âm thanh hoạt động lớn

■ C.độ im lặng đang tắt.

Giải pháp

Nếu các âm thanh hoạt động quá lớn, hãy bật **C.độ im lặng**. Bật tính năng này có thể giảm tốc độ in.

- ☐ Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó bật **Chế độ không ồn**.

- ☐ Trình điều khiển máy in Windows

Bật **C.độ im lặng** trên thẻ **Chính**.

- ☐ Trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Bật** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

Ngày và giờ không chính xác

■ Đã có lỗi xảy ra trong bộ nguồn.

Giải pháp

Sau khi có lỗi nguồn điện do sét đánh hoặc tắt nguồn trong một thời gian dài, đồng hồ có thể hiển thị thời gian không chính xác. Đặt ngày và giờ chính xác trong **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt cơ bản** > **Cài đặt ngày/giờ** trên bảng điều khiển.

Cần cập nhật chứng nhận gốc

■ Chứng nhận gốc đã hết hạn.

Giải pháp

Chạy Web Config, sau đó cập nhật chứng chỉ gốc.

Không thể hủy in từ máy tính chạy Mac OS X v10.6.8

■ Có vấn đề với cài đặt AirPrint của bạn.

Giải pháp

Chạy Web Config, sau đó chọn **Port9100** cho cài đặt **Giao thức ưu tiên hàng đầu** trong **Thiết lập AirPrint**. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), loại bỏ máy in, sau đó thêm lại máy in.

➔ [“Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in \(Web Config\)” ở trang 253](#)

Thông báo nhắc bạn cài lại mực mực sẽ hiển thị ngay cả khi bạn đã nạp lại mực

■ Bạn chưa cài lại mực mực.

Giải pháp

Sau khi nạp lại mực, hãy thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài lại mực mực.

➔ [“Lưu ý về cách cài lại mực mực” ở trang 198](#)

Mức mực hiển thị không thay đổi ngay cả khi bạn đã nạp lại mực

■ Bạn chưa cài lại mức mực.

Giải pháp

Sau khi nạp lại mực, hãy thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài lại mức mực.

➔ [“Lưu ý về cách cài lại mức mực” ở trang 198](#)

Số fax của người gửi không được hiển thị

■ Số fax của người gửi không được đặt thành máy của người gửi.

Giải pháp

Người gửi có thể chưa đặt số fax. Hãy liên hệ với người gửi.

Số fax của người gửi được hiển thị trên fax đã nhận là sai

■ Số fax của người gửi được đặt thành máy của người gửi là sai.

Giải pháp

Người gửi có thể đã đặt số fax không chính xác. Hãy liên hệ với người gửi.

Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối

■ Cáp điện thoại không được kết nối đúng cách.

Giải pháp

Kết nối điện thoại với cổng EXT. trên máy in và nhắc đầu nghe. Nếu bạn không nghe thấy tiếng quay số thông qua đầu nghe, hãy kết nối cáp điện thoại cho đúng.

Máy Trả Lời Không Thể Trả Lời Cuộc Gọi Thoại

■ Cài đặt Đồ chuông trả lời của máy in được đặt giá trị thấp hơn số hồi chuông cho máy trả lời của bạn.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Đồ chuông trả lời**, sau đó cài trị số cao hơn số hồi chuông cho máy trả lời của bạn.

Đã nhận được rất nhiều fax rác

■ Tính năng chặn fax rác của máy in chưa được thiết lập.

Giải pháp

Thực hiện cài đặt **Fax từ chối** trong **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản**.

[“Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 295](#)

Thông báo hiển thị trên màn hình LCD

Nếu có thông báo lỗi được hiển thị trên màn hình LCD, hãy làm theo hướng dẫn trên màn hình hoặc các giải pháp dưới đây để giải quyết vấn đề.

Thông báo lỗi	Giải pháp
Lỗi máy in Bật lại máy in. Xem tài liệu hướng dẫn để biết thêm chi tiết.	Gỡ bỏ giấy hoặc vật liệu bảo vệ trong máy in. Nếu thông báo lỗi vẫn hiển thị, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
Hết giấy trong XX.	Nạp giấy, sau đó lắp hộp đựng giấy vào.
Miếng thấm mực in không có đường viền của máy in sắp hết hạn sử dụng. Đây không phải là bộ phận có thể thay thế bởi người dùng. Vui lòng liên hệ Hỗ trợ của Epson.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền để thay tấm lót mực in không đường viền*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Nhấn Đ.ý để tiếp tục in.
Miếng thấm mực in không có đường viền của máy in đã hết hạn sử dụng. Đây không phải là bộ phận có thể thay thế bởi người dùng. Vui lòng liên hệ Hỗ trợ của Epson.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền để thay tấm lót mực in không đường viền*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện các thao tác ko dùng mực, chẳng hạn như quét.
Tự động hiển thị thiết lập giấy dc cài Tắt. Một số tính năng có thể ko có sẵn. Để biết c.tiết, xem tài liệu h.dẫn.	Nếu Tự động hiển thị thiết lập giấy bị tắt, bạn không thể sử dụng AirPrint.
Không phát hiện âm quay số.	Sự cố này có thể được khắc phục bằng cách chọn Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Loại dòng và sau đó chọn PBX . Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu mã truy cập bên ngoài để quay số ra bên ngoài, hãy đặt mã truy cập sau khi chọn PBX . Sử dụng # (dấu thăng) thay cho mã truy cập sự khi nhập số fax bên ngoài. Điều này giúp cho kết nối bảo mật hơn. Nếu thông báo lỗi vẫn hiển thị, hãy đặt cài đặt Phát hiện âm gọi thành tắt. Tuy nhiên, việc tắt tính năng này có thể cắt chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.
Kết hợp địa chỉ IP và mật nạ mạng con ko hợp lệ. Xem tài liệu hướng dẫn của bạn để biết chi tiết.	Nhập địa chỉ IP chính xác hoặc cổng mặc định. Liên hệ với người thiết lập mạng để được trợ giúp.
Cập nhật chứng chỉ gốc để dùng các dịch vụ đám mây.	Chạy Web Config, sau đó cập nhật chứng chỉ gốc.
Kiểm tra xem cài đặt cổng của máy in (như Địa chỉ IP) hoặc trình điều khiển máy in có chính xác theo máy tính hay không.	Nhấp vào Chuỗi in trên tab Bảo dưỡng của trình điều khiển máy in. Đảm bảo cổng máy in được chọn đúng cách trong Thuộc tính > Cổng từ menu Máy in như sau.
Kiểm tra xem cài đặt cổng hoặc trình điều khiển máy in có chính xác theo máy tính hay không. Xem tài liệu hướng dẫn của bạn để biết chi tiết.	Chọn "USBXXX" cho kết nối USB hoặc "EpsonNet Print Port" cho kết nối mạng.

Thông báo lỗi	Giải pháp
Recovery Mode Update Firmware	Máy in đã bắt đầu ở chế độ khôi phục vì việc cập nhật chương trình cơ sở đã thất bại. Làm theo các bước bên dưới để thử cập nhật lại chương trình cơ sở. 1. Kết nối máy tính và máy in bằng cáp USB. (Trong khi ở chế độ khôi phục, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.) 2. Truy cập trang web Epson tại địa phương của bạn để được hướng dẫn thêm.

* Trong một số chu trình in, một lượng mực thừa rất nhỏ có thể được thu thập trong tấm lót mực in không viền. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi tấm lót, sản phẩm được thiết kế dừng in không đường viền khi tấm lót đã đạt đến giới hạn. Liệu việc này có được yêu cầu không và thường xuyên như thế nào thay đổi tùy thuộc vào số trang mà bạn in với tùy chọn in không đường viền. Nhu cầu thay thế tấm lót không có nghĩa là máy in đã dừng vận hành theo thông số kỹ thuật của máy in. Máy in sẽ cho bạn biết khi nào tấm lót cần thay thế và điều này chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này.

Giấy bị kẹt

Kiểm tra lỗi được hiển thị trên bảng điều khiển và thực hiện theo các hướng dẫn để gỡ bỏ giấy bị kẹt, bao gồm mọi mẫu giấy bị rách. Tiếp theo, xóa thông báo lỗi.



Quan trọng:

- ☐ Gỡ bỏ giấy bị kẹt thật cẩn thận. Gỡ bỏ giấy quá mạnh tay có thể làm hỏng máy in.
- ☐ Khi gỡ bỏ giấy bị kẹt, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.

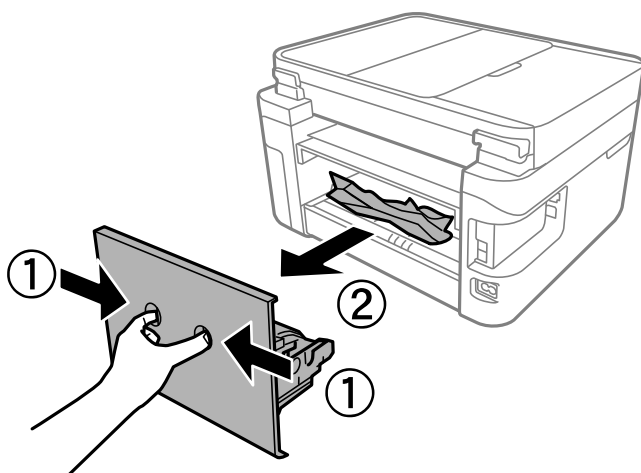
Gỡ bỏ giấy bị kẹt



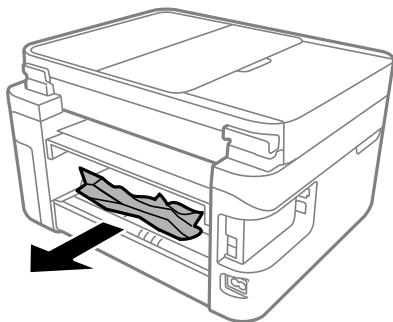
Chú ý:

- ☐ Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.
- ☐ Không chạm vào các nút trên bảng điều khiển khi tay của bạn đang ở bên trong máy in. Nếu máy in bắt đầu hoạt động thì bạn có thể bị thương. Cẩn thận không chạm vào các bộ phận nhô ra để tránh thương tích.

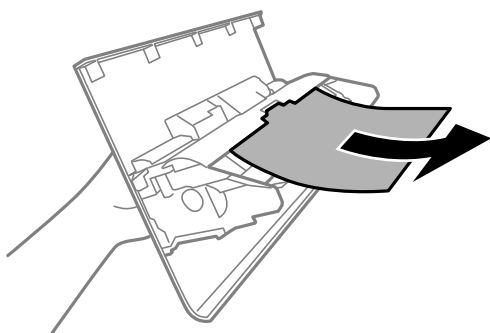
1. Tháo nắp đáy phía sau.



2. Lấy giấy bị kẹt ra.

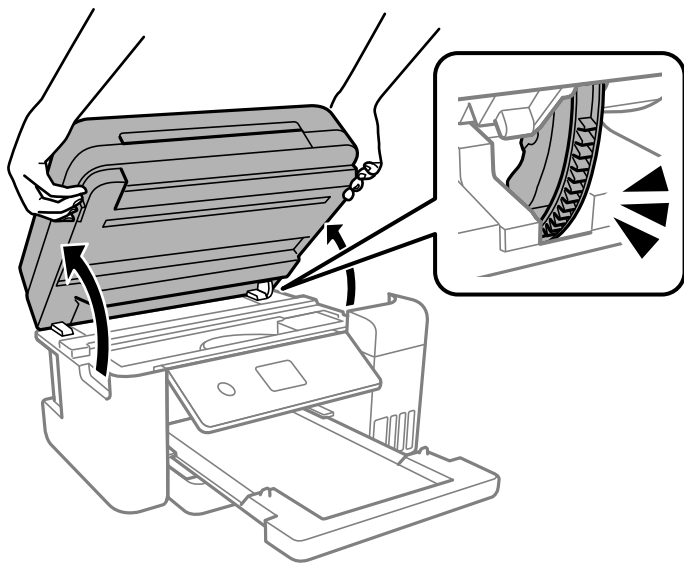


3. Gỡ giấy bị kẹt khỏi nắp đáy phía sau.

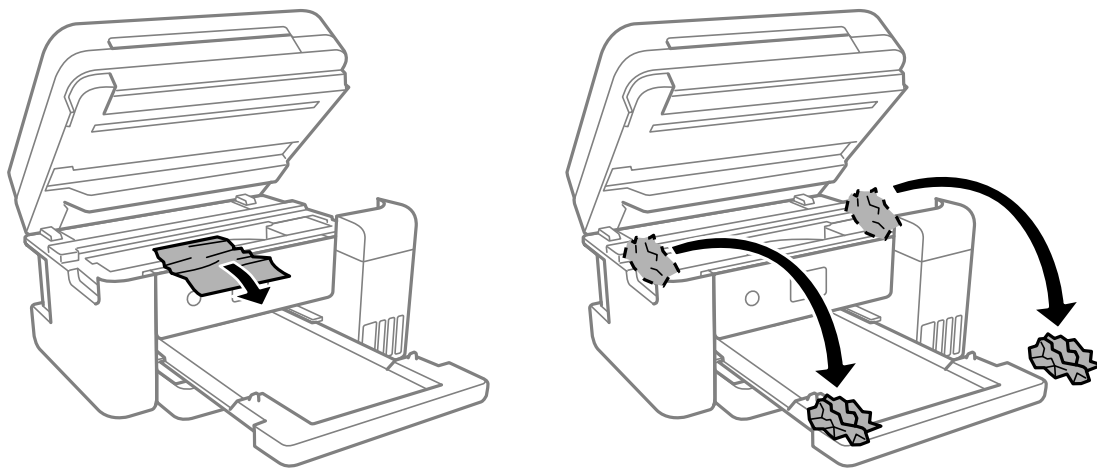


4. Lắp nắp đáy phía sau vào máy in.
5. Đóng nắp tài liệu nếu nắp đang mở.

6. Mở bộ phận máy quét bằng cả hai tay cho đến khi bộ phận vào vị trí khóa.

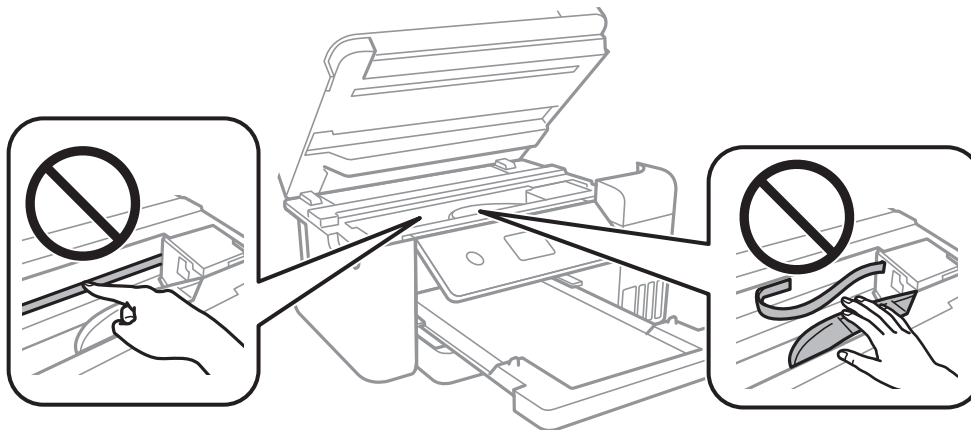


7. Lấy giấy bị kẹt ra.

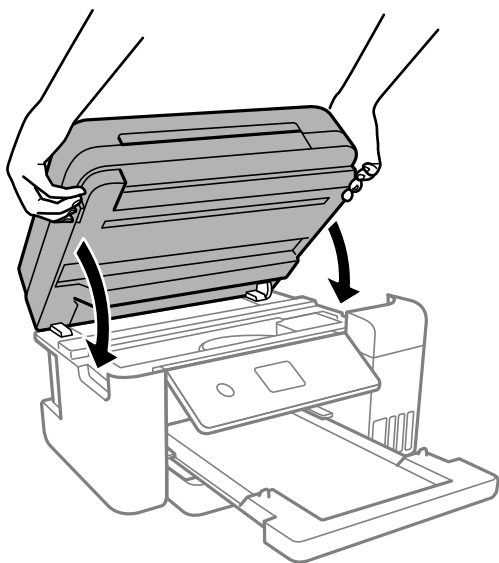


! **Quan trọng:**

Không chạm vào dây cáp det màu trắng, phim mờ và các ống mực bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



8. Đóng bộ phận máy quét.

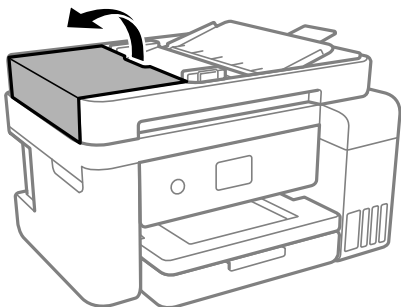


Lưu ý:

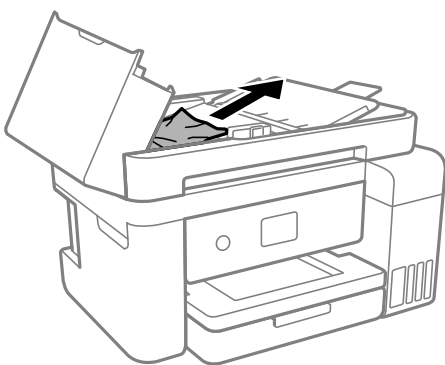
Bộ phận máy quét được thiết kế để đóng từ từ và có một chút lực kháng để phòng kẹp ngón tay. Tiếp tục đóng ngay cả khi bạn cảm thấy lực kháng cự.

Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ ADF

1. Mở nắp đáy ADF.



2. Lấy giấy bị kẹt ra.

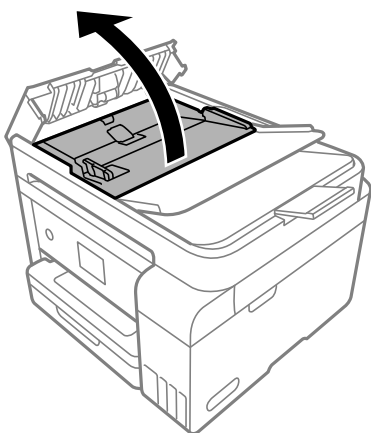


3. Nâng khay đầu vào ADF.

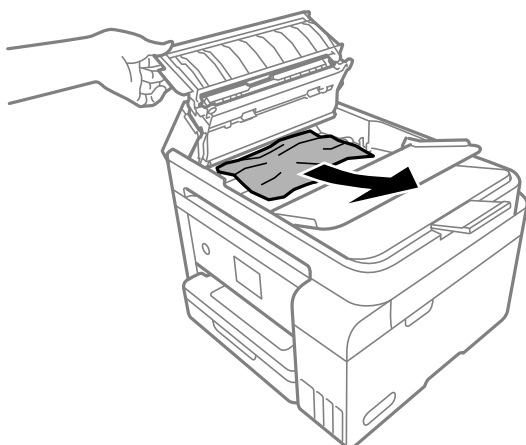


Quan trọng:

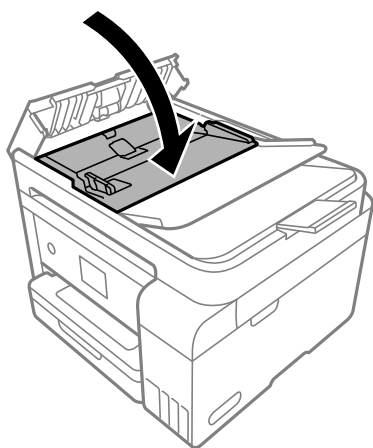
Đảm bảo rằng bạn mở nắp ADF trước khi nâng khay đầu vào ADF. Nếu không, ADF có thể bị hỏng.



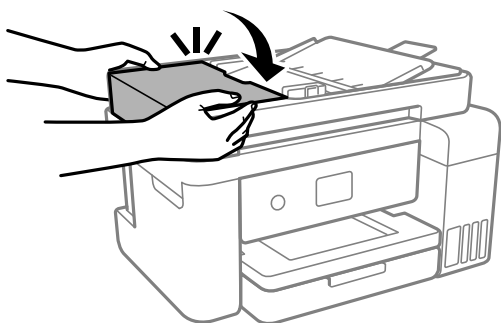
4. Lấy giấy bị kẹt ra.



5. Hạ khay đầu vào ADF.



6. Đóng nắp ADF cho đến khi nghe thấy tiếng cách.



Ngăn ngừa kẹt giấy

Kiểm tra như sau nếu kẹt giấy xảy ra thường xuyên.

- ☐ Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.

[“Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 276](#)

- ☐ Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.
“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243
- ☐ Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.
“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 30
- ☐ Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.
“Nạp giấy” ở trang 32
- ☐ Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.
- ☐ Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu bạn đã nạp nhiều tờ.
- ☐ Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.
“Danh sách loại giấy” ở trang 31
- ☐ Vệ sinh trực lẫn bên trong máy in.
“Vệ sinh đường dẫn giấy cho vấn đề nạp giấy” ở trang 109

Đã đến lúc nạp lại mực cho hộp mực

Phòng ngừa khi xử lý lọ mực

Hãy đọc các hướng dẫn sau trước khi nạp lại mực.

Thận trọng khi bảo quản mực

- ☐ Để lọ mực tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ☐ Không bảo quản lọ mực ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.
- ☐ Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- ☐ Khi bảo quản hoặc vận chuyển lọ mực, không nghiêng lọ mực và không để lọ mực phải chịu tác động hoặc thay đổi nhiệt độ. Nếu không, mực có thể rò rỉ ngay cả khi nắp trên lọ mực được đóng chặt. Hãy nhớ để lọ mực thẳng đứng khi siết chặt nắp và áp dụng biện pháp để ngăn không cho mực bị rò rỉ khi vận chuyển lọ mực, ví dụ khi đặt lọ vào túi xách.
- ☐ Sau khi đưa lọ mực vào từ nơi bảo quản lạnh, để mực ấm lên nhiệt độ phòng trong ít nhất ba giờ trước khi sử dụng.
- ☐ Không mở gói lọ mực khi bạn vẫn chưa sẵn sàng nạp mực cho hộp mực. Lọ mực được đóng gói hút chân không để duy trì độ tin cậy. Nếu bạn mở gói lọ mực trong một thời gian dài trước khi sử dụng, có thể không đạt được chất lượng in bình thường.
- ☐ Sau khi mở lọ mực, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng càng sớm càng tốt.

Thận trọng khi xử lý việc nạp lại mực

- ☐ Để đảm bảo bạn có được chất lượng in cao cấp và giúp bảo vệ đầu in, một lượng mực dự trữ an toàn còn lại trong hộp mực khi máy in của bạn cho biết cần phải nạp lại mực. Sản lượng đã tính cho bạn không bao gồm lượng dự trữ này.
- ☐ Để có được kết quả in tối ưu, không duy trì mức mực thấp trong khoảng thời gian dài.
- ☐ Sử dụng lọ mực với mã bộ phận chính xác cho máy in này.

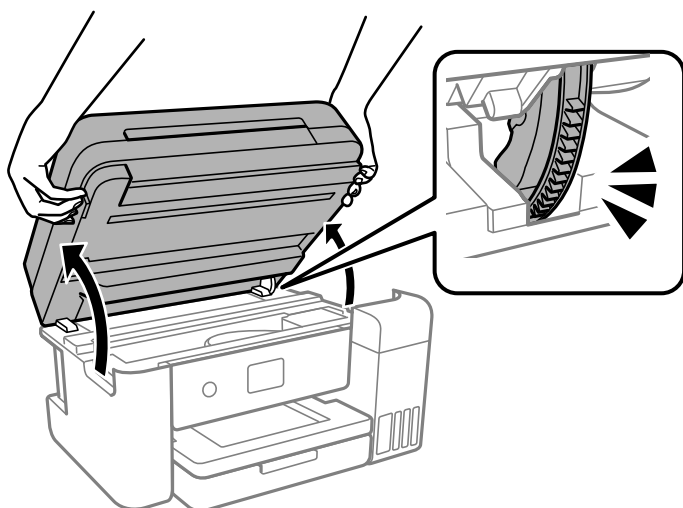
- ❑ Mực cho máy in này phải được xử lý cẩn thận. Mực có thể bắn tóe khi nạp đầy hoặc nạp lại mực cho hộp mực. Nếu mực dính vào quần áo hoặc đồ dùng của bạn, mực không thể mất đi.
- ❑ Không lắc quá mạnh hoặc ép các chai mực.
- ❑ Kéo dài việc sử dụng máy in khi mức mực nằm dưới vạch phía dưới có thể làm hỏng máy in. Nạp mực đến vạch trên của hộp mực trong khi máy in không hoạt động. Để hiển thị mức mực ước tính chính xác, hãy đặt lại mức mực sau khi nạp mực vào hộp.
- ❑ Để đạt kết quả in tối ưu, hãy nạp lại các ống mực đến vạch bên trên tối thiểu mỗi năm một lần.

Tiêu thụ mực

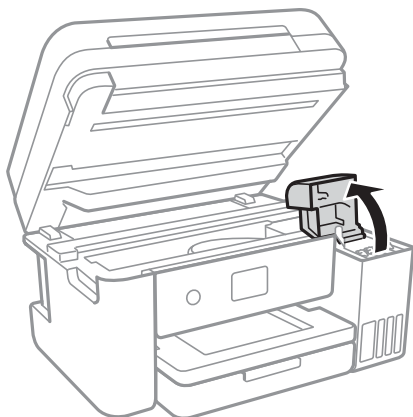
- ❑ Để duy trì hiệu suất đầu in tối ưu, một lượng mực được tiêu thụ từ tất cả các hộp mực trong quá trình vận hành bảo dưỡng, ví dụ như làm sạch đầu in. Mực cũng có thể được tiêu thụ khi bạn bật máy in.
- ❑ Khi in ở chế độ đơn sắc hoặc xám, mực màu thay vì mực đen có thể được sử dụng tùy thuộc vào loại giấy hoặc cài đặt chất lượng in. Điều này là vì một hỗn hợp mực màu được sử dụng để tạo màu đen.
- ❑ Mực trong lọ mực được cung cấp cùng với máy in được sử dụng một phần trong quá trình cài đặt ban đầu. Để tạo ra bản in có chất lượng cao, đầu in trong máy in của bạn sẽ được nạp đầy mực. Quy trình một lần này tiêu thụ một lượng mực và vì vậy các lọ này có thể in số trang ít hơn so với các lọ mực tiếp theo.
- ❑ Sản lượng đã tính có thể thay đổi tùy thuộc vào ảnh mà bạn in, loại giấy bạn sử dụng, tần suất in và điều kiện môi trường như nhiệt độ.
- ❑ Dùng mắt kiểm tra mức mực trong các ống mực thực tế. Kéo dài việc sử dụng máy in khi cạn mực có thể làm hỏng máy in. Epson đề nghị nạp hộp mực đến vạch phía trên khi máy in không hoạt động để cài lại mức mực.

Nạp lại mực cho hộp mực

1. Đóng nắp tài liệu nếu nắp đang mở.
2. Mở bộ phận máy quét bằng cả hai tay cho đến khi bộ phận vào vị trí khóa.

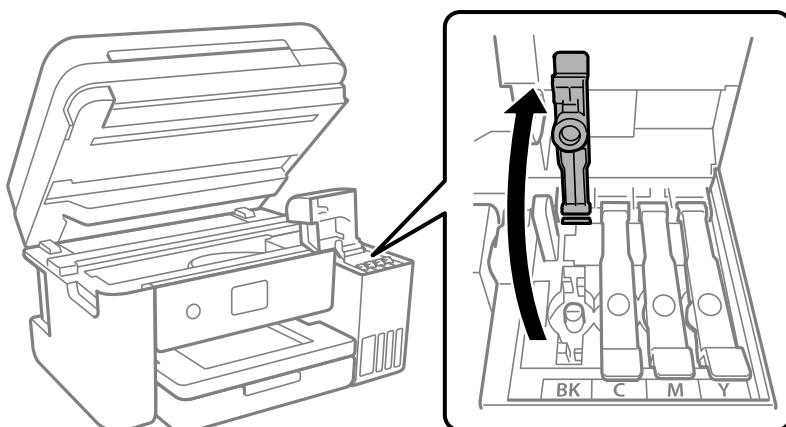


3. Đóng nắp hộp mực.



Đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa sử dụng cho việc nạp mực trên màn hình, sau đó vào màn hình tiếp theo.

4. Mở nắp hộp mực.



Quan trọng:

Đảm bảo rằng màu của hộp mực khớp với màu mực mà bạn muốn nạp lại.

5. Trong khi giữ lọ mực thẳng đứng, hãy vặn nắp từ từ để tháo ra.

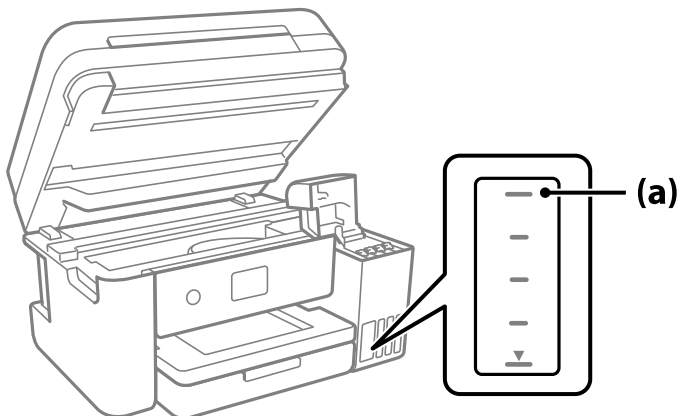




Quan trọng:

- ❑ *Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực Epson chính hãng.*
- ❑ *Cẩn thận không để mực tràn ra ngoài.*

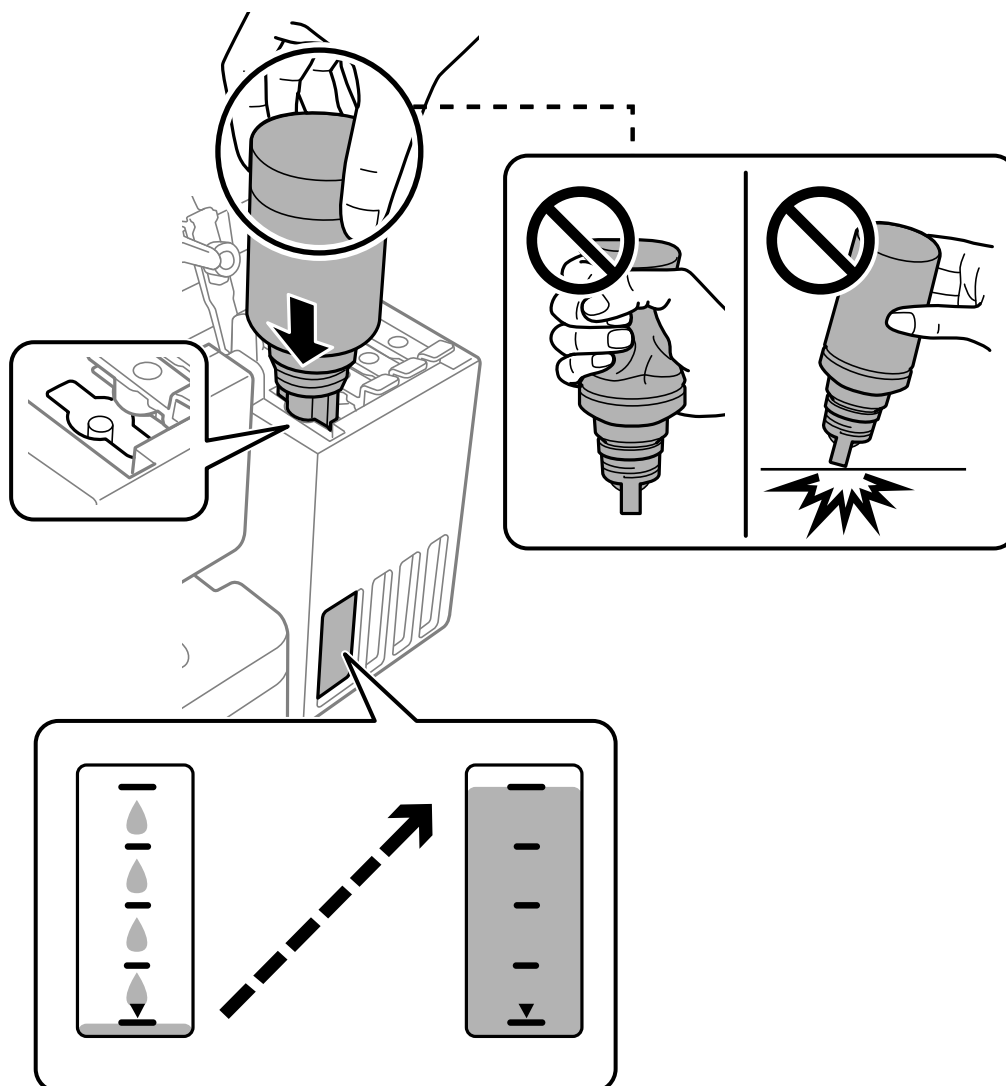
6. Kiểm tra vạch trên (a) trong hộp mực.



7. Cẩn cho đầu chai mực vào cổng nạp mực, sau đó cắm thẳng chai vào cổng để nạp mực cho đến khi mực dừng tự động ở vạch trên.

Khi bạn đưa chai mực vào cổng nạp mực có màu đúng, mực sẽ bắt đầu chảy và dòng chảy sẽ tự động dừng lại khi mực chạm đến vạch trên.

Nếu mực không bắt đầu chảy vào hộp mực, tháo chai mực và lắp lại. Tuy nhiên, không tháo và lắp lại chai mực khi mực đã chạm đến vạch trên; nếu không mực có thể bị rò rỉ.



8. Khi đã nạp mực xong, tháo chai mực.



Quan trọng:

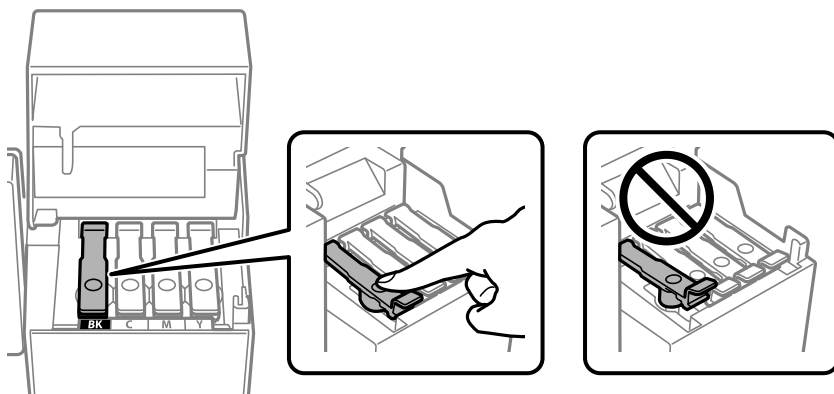
Không để lọ mực đã lắp; nếu không lọ có thể bị hỏng hoặc mực có thể rò rỉ.

Lưu ý:

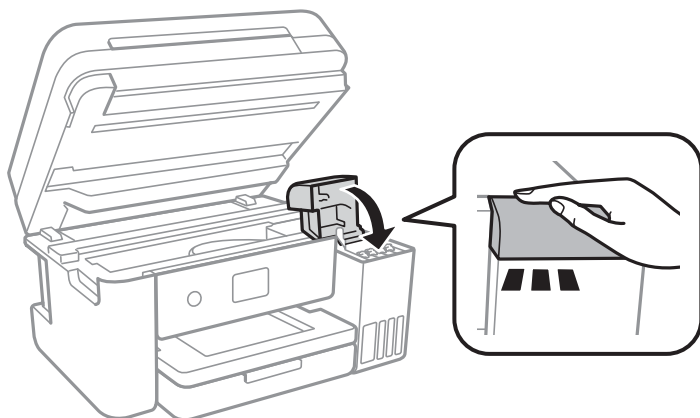
Nếu vẫn còn mực trong lọ, hãy siết chặt nắp và cất giữ lọ theo hướng thẳng đứng để sử dụng sau này.



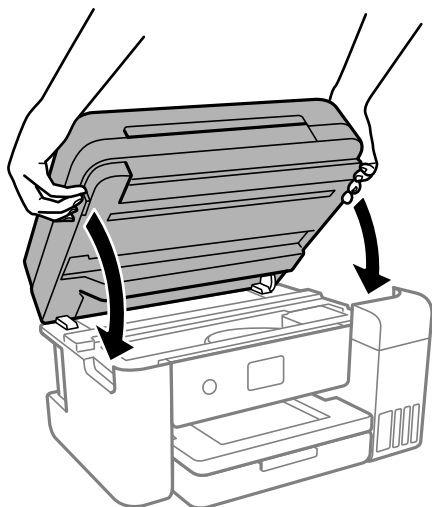
9. Đóng chặt nút đẩy hộp mực.



10. Đóng chặt nắp hộp mực.



11. Đóng bộ phận máy quét.



Lưu ý:

Bộ phận máy quét được thiết kế để đóng từ từ và có một chút lực kháng để phòng kẹp ngón tay. Tiếp tục đóng ngay cả khi bạn cảm thấy lực kháng cự.

12. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để đặt mức mực cho màu mực bạn đã nạp lại.



Quan trọng:

Ngay cả khi bạn không nạp lại mực đến vạch trên của hộp mực, bạn có thể tiếp tục sử dụng máy in. Tuy nhiên, để duy trì máy in hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hãy nạp lại hộp mực đến vạch trên và đặt lại mức mực ngay lập tức.

Thông tin liên quan

- ➔ “Mã lọ mực” ở trang 246
- ➔ “Phòng ngừa khi xử lý lọ mực” ở trang 192
- ➔ “Làm sạch mực bị tràn” ở trang 123

Lưu ý về cách cài lại mức mực

Đảm bảo cài lại mức mực sau khi nạp lại mực.

Nếu đã nạp lại hai màu mực trở lên, bạn cần chọn tất cả các màu vừa nạp lại và cài lại mức mực.

Nếu không cài lại mức mực thì mức mực hiển thị sẽ không thay đổi ngay cả khi bạn đã nạp lại mực.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra tình trạng vật tư tiêu hao” ở trang 109

Đã đến lúc thay thế hộp bảo trì

Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì

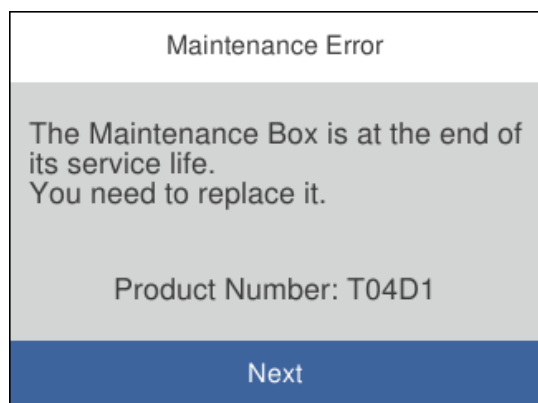
Đọc các hướng dẫn sau trước khi thay thế hộp bảo trì.

- ☐ Không chạm vào chip màu xanh lá cây ở phía bên cạnh của hộp bảo dưỡng. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động và in bình thường.
- ☐ Không được làm rơi hộp bảo dưỡng hoặc tác động mạnh lên hộp.
- ☐ Không thay hộp bảo dưỡng trong khi in; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Không tháo hộp bảo dưỡng và nắp hộp trừ khi thay thế hộp bảo dưỡng; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Khi không thể lắp lại nắp, hộp bảo dưỡng có thể không được lắp đúng cách. Tháo hộp bảo dưỡng và lắp lại.
- ☐ Không nghiêng hộp bảo dưỡng đã sử dụng sau khi đóng kín trong túi nhựa; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- ☐ Không chạm vào lỗ hở trong hộp bảo dưỡng vì bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.
- ☐ Không sử dụng lại hộp bảo dưỡng đã được tháo ra và không được lắp vào trong một thời gian dài. Mực bên trong hộp sẽ đông đặc lại và không thể hấp thu thêm mực.
- ☐ Để hộp bảo dưỡng tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- ☐ Không bảo quản hộp bảo dưỡng ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.

Thay thế hộp bảo trì

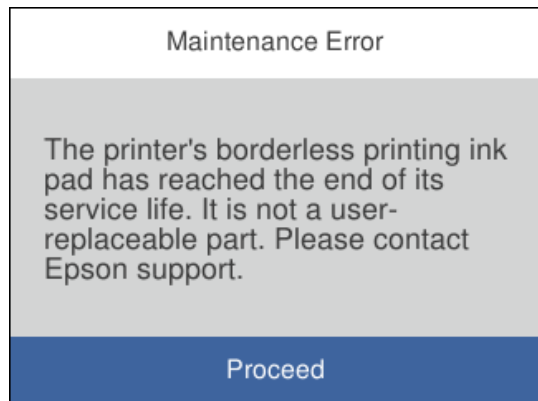
Trong một số chu trình in, một lượng rất nhỏ mực thừa có thể bị tích tụ trong hộp bảo trì. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi hộp bảo trì, máy in được thiết kế để dừng in khi khả năng hấp thu của hộp bảo trì đã đạt đến giới hạn. Liệu có cần thay hay không và tần suất thay như thế nào sẽ khác nhau tùy thuộc vào số trang bạn in, loại chất liệu mà bạn in và số chu trình làm sạch mà máy in thực hiện.

Khi thông báo hiển thị nhắc bạn thay thế hộp bảo dưỡng, hãy tham khảo hoạt ảnh hiển thị trên bảng điều khiển. Việc cần thay thế hộp không có nghĩa là máy in không còn vận hành theo thông số kỹ thuật nữa. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này. Đây là bộ phận người dùng có thể bảo trì.



Lưu ý:

- ❑ Khi hộp bảo trì đầy, bạn không thể in và làm sạch đầu in cho đến khi hộp bảo trì được thay thế để tránh rò rỉ mực. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện các thao tác không dùng mực, chẳng hạn như quét.
- ❑ Khi màn hình sau hiển thị, người dùng không thể thay thế bộ phận này. Liên hệ bộ phận hỗ trợ Epson.



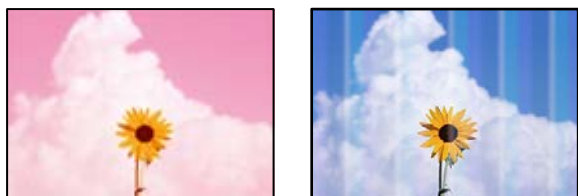
Thông tin liên quan

- ➔ [“Mã Hộp Bảo Trì” ở trang 247](#)
- ➔ [“Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì” ở trang 199](#)

Chất lượng in, sao chụp, quét và fax kém

Chất lượng in kém

Thiếu màu, dải màu hoặc màu sắc bất ngờ xuất hiện trong bản in



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

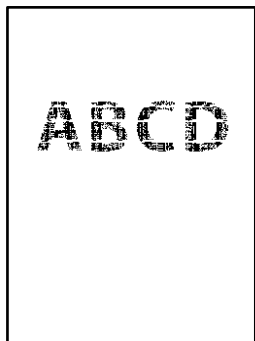
Giải pháp

- ❑ Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.
- ❑ Nếu bạn in khi mức mực quá thấp để có thể nhìn thấy trong cửa sổ hộp mực, đổ đầy lại hộp mực đến vạch trên rồi sử dụng tiện ích **Vệ Sinh Tăng Cường** để thay mực bên trong ống mực. Sau khi bạn sử dụng tiện ích, thực hiện kiểm tra kim phun để xem chất lượng in có được cải thiện không.

➔ [“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112](#)

➔ [“Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 114](#)

Chất lượng in kém với mực màu đen



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

- ❑ Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.

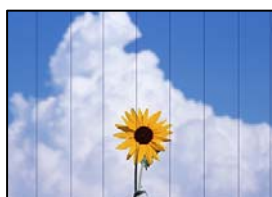
[“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112](#)

- ❑ Nếu bạn không thể giải quyết vấn đề bằng cách làm sạch đầu in, bạn có thể in ngay lập tức bằng hỗn hợp mực màu để tạo ra màu đen tổng hợp bằng cách thay đổi cài đặt trong Windows.

Nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in. Nếu chọn **Use a Mixture of Color Inks to Create Black**, bạn có thể in với chất lượng in **Chuẩn** khi **Loại giấy** là **Giấy thường**, **Phân in sẵn có đầu để** hoặc **Bì thư**.

Lưu ý rằng tính năng này không thể giải quyết vấn đề tắc kim phun. Để giải quyết vấn đề tắc kim phun, bạn nên liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson để sửa chữa.

Dải màu xuất hiện cách nhau khoảng 3.3 cm



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Cài đặt loại giấy không khớp với giấy đã nạp.

Giải pháp

Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.

➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 31](#)

■ Chất lượng in được đặt ở mức thấp.

Giải pháp

Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

☐ Windows

Chọn **Cao** từ **C.lượng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn **Nét** cho **Print Quality** tại menu **Cài đặt in** của hộp thoại máy in.

Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **căn chỉnh đầu in** > **Căn chỉnh chiều ngang** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Bản in bị mờ, có dải dọc hoặc bị lệch



enthalten alle
Aufdruck. W
5008 "Regel

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **căn chỉnh đầu in** > **Căn chỉnh dọc** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Cài đặt in hai chiều đang bật.

Giải pháp

Nếu chất lượng in không cải thiện ngay cả sau khi căn chỉnh đầu in, hãy tắt cài đặt hai chiều.

Trong khi in hai chiều (hoặc tốc độ cao), đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều, và các đường dọc có thể bị lệch. Tốc độ in có thể chậm đi khi tắt cài đặt này nhưng chất lượng in được cải thiện.

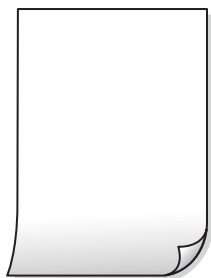
☐ Windows

Bỏ chọn **In hai chiều** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Tắt** làm cài đặt **In hai chiều**.

Bản in đi ra ở dạng giấy trống



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

Thực hiện kiểm tra kim phun, sau đó thử Vệ Sinh Tăng Cường nếu các kim phun đầu in bị tắc.

➔ [“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112](#)

➔ [“Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 114](#)

■ Cài đặt in và khổ giấy đã nạp vào máy in khác nhau.

Giải pháp

Thay đổi cài đặt in theo khổ giấy đã nạp vào máy in. Nạp giấy vào máy in khớp với cài đặt in.

■ Nhiều tờ giấy được nạp vào máy in cùng một lúc.

Giải pháp

Xem phần sau để ngăn ngừa việc nạp nhiều tờ giấy vào máy in cùng một lúc.

➔ [“Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần” ở trang 137](#)

Giấy bị bẩn hoặc mòn



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Khi có dải ngang (vuông góc với hướng in) xuất hiện hoặc phần đầu hoặc cuối giấy bị nhòe mực, hãy nạp giấy theo đúng hướng và trượt các thanh dẫn hướng cạnh đến các mép giấy.

➔ [“Nạp giấy” ở trang 32](#)

■ Đường dẫn giấy bị bẩn.

Giải pháp

Khi dải dọc (chiều ngang so với hướng in) xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.

➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 115](#)

■ Giấy bị cuộn.

Giải pháp

Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.

■ Đầu in chà xát lên bề mặt giấy.

Giải pháp

Khi in trên giấy dày, đầu in gần với bề mặt in và giấy có thể bị rà mòn. Trong trường hợp này, hãy bật cài đặt giảm rà mòn. Nếu bạn bật cài đặt này, chất lượng in có thể giảm hoặc tốc độ in có thể chậm lại.

Windows

Nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, sau đó chọn **Giấy hạt mịn**.

■ Mặt sau của giấy được in trước khi mặt đã in khô.

Giải pháp

Khi in 2 mặt theo cách thủ công, đảm bảo rằng mực khô hoàn toàn trước khi nạp lại giấy.

■ Khi in 2 mặt tự động, mật độ in quá cao và thời gian sấy quá ngắn.

Giải pháp

Khi dùng tính năng in 2 mặt tự động và in dữ liệu mật độ cao như hình ảnh và ảnh đồ họa, hãy cài mật độ in sang thấp hơn và cài thời gian khô mực sang lâu hơn.

➔ [“In 2 mặt” ở trang 39](#)

➔ [“In 2 mặt” ở trang 56](#)

Ảnh chụp đã in bị dính



■ Bản in đã được thực hiện trên mặt giấy ảnh không đúng.

Giải pháp

Đảm bảo bạn đang in trên mặt có thể in. Khi in trên mặt sai của giấy ảnh, bạn cần vệ sinh đường dẫn giấy.

➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 115](#)

Hình hoặc ảnh chụp được in bằng màu sắc không mong muốn



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.

■ Chỉnh sửa màu đã được áp dụng.

Giải pháp

Khi in từ trình điều khiển máy in Windows, cài đặt điều chỉnh ảnh tự động của Epson được áp dụng theo mặc định tùy vào loại giấy. Thử thay đổi cài đặt.

Trên tab **Tùy chọn khác**, chọn **Tùy biến** trong **Hiệu chỉnh màu**, sau đó nhấp vào **Nâng cao**. Thay đổi cài đặt **Hiệu chỉnh cảnh** từ **Tự động** sang bất kỳ tùy chọn nào khác. Nếu việc thay đổi cài đặt này không giúp khắc phục sự cố, hãy sử dụng bất kỳ phương thức sửa màu nào khác ngoài **PhotoEnhance** trong **Quản lý màu**.

➔ [“Điều Chỉnh Màu In” ở trang 52](#)

Không thể in không có lề



■ Tùy chọn không lề không được đặt trong cài đặt in.

Giải pháp

Thực hiện cài đặt không lề trong cài đặt in. Nếu bạn chọn loại giấy không hỗ trợ in không lề, bạn không thể chọn **Ko viền**. Chọn loại giấy hỗ trợ in không lề.

☐ Windows

Chọn **Ko viền** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

☐ Mac OS

Chọn kích thước giấy không lề tại **Cỡ giấy**.

➔ [“Giấy in không đường viền” ở trang 244](#)

Mép của ảnh bị cắt trong quá trình in không đường viền



■ Vì hình ảnh được phóng to lên một chút, vùng nhô ra được cắt đi.

Giải pháp

Chọn cài đặt phóng to ít hơn.

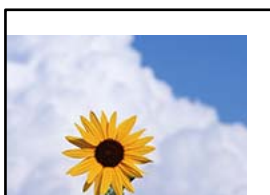
☐ Windows

Nhấp vào **Cài đặt** bên cạnh hộp kiểm **Ko viền** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, sau đó thay đổi cài đặt.

☐ Mac OS

Thay đổi cài đặt **Mở rộng** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.

➔ [“Nạp giấy” ở trang 32](#)

■ Kích thước của giấy được đặt không chính xác.

Giải pháp

Chọn cài đặt kích thước giấy thích hợp.

■ Cài đặt lề trong phần mềm ứng dụng không nằm trong vùng in.

Giải pháp

Điều chỉnh cài đặt lề trong ứng dụng sao cho nội dung in lên vùng có thể in được.

➔ [“Khu vực có thể in” ở trang 270](#)

☐ Mac OS

Xóa thiết lập **Mirror Image** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Mẫu kiểu che mờ trên bản in



■ Hình ảnh hoặc ảnh có độ phân giải thấp đã được in.

Giải pháp

Khi in hình ảnh hoặc ảnh, hãy in bằng dữ liệu có độ phân giải cao. Hình ảnh trên các trang web thường có độ phân giải thấp mặc dù nhìn chúng vẫn đẹp trên màn hình, vì vậy chất lượng in có thể suy giảm.

Chất lượng sao chụp kém

Thiếu màu, dải màu hoặc màu sắc bất ngờ xuất hiện trong các bản sao chụp



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

- ☐ Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.
- ☐ Nếu bạn in khi mức mực quá thấp để có thể nhìn thấy trong cửa sổ hộp mực, đổ đầy lại hộp mực đến vạch trên rồi sử dụng tiện ích **Vệ Sinh Tăng Cường** để thay mực bên trong ống mực. Sau khi bạn sử dụng tiện ích, thực hiện kiểm tra kim phun để xem chất lượng in có được cải thiện không.

➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112

➔ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 114

Dải màu xuất hiện cách nhau khoảng 3.3 cm



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Cài đặt loại giấy không khớp với giấy đã nạp.

Giải pháp

Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.

➔ [“Danh sách loại giấy” ở trang 31](#)

■ Chất lượng in được đặt ở mức thấp.

Giải pháp

Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Chọn **Cao** trong **Chất lượng**.

■ Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **căn chỉnh đầu in** > **Căn chỉnh chiều ngang** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Bản sao bị mờ, có dải dọc hoặc bị lệch



enthalten alle
Aufdruck. W
J 5008 "Regel

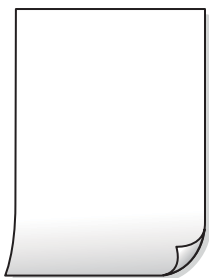
Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **căn chỉnh đầu in** > **Căn chỉnh dọc** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Bản in đi ra ở dạng giấy trống



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

Thực hiện kiểm tra kim phun, sau đó thử Vệ Sinh Tăng Cường nếu các kim phun đầu in bị tắc.

➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112

➔ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 114

■ Cài đặt in và kích thước giấy đã nạp vào máy in khác nhau.

Giải pháp

Thay đổi cài đặt in theo kích thước giấy đã nạp vào khay giấy. Nạp giấy vào khay giấy phù hợp với cài đặt in.

■ Nhiều tờ giấy được nạp vào máy in cùng một lúc.

Giải pháp

Xem phần sau để ngăn ngừa việc nạp nhiều tờ giấy vào máy in cùng một lúc.

➔ “Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần” ở trang 137

Giấy bị bẩn hoặc mòn



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Khi có dải ngang (vuông góc với hướng in) xuất hiện hoặc phần đầu hoặc cuối giấy bị nhòe mực, hãy nạp giấy theo đúng hướng và trượt các thanh dẫn hướng cạnh đến các mép giấy.

➔ “Nạp giấy” ở trang 32

■ Đường dẫn giấy bị bẩn.

Giải pháp

Khi dải dọc (chiều ngang so với hướng in) xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.

➔ [“Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 115](#)

■ Giấy bị cuộn.

Giải pháp

Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.

Không thể sao chụp không có lề



■ Tùy chọn không lề không được đặt trong cài đặt in.

Giải pháp

Chọn **Sao chụp** > **Cài đặt nâng cao** > **Sao chụp không viền**, sau đó bật cài đặt. Nếu bạn chọn loại giấy không hỗ trợ in không lề, bạn không thể bật cài đặt không lề. Chọn loại giấy hỗ trợ in không lề.

➔ [“Giấy in không đường viền” ở trang 244](#)

Các cạnh của hình ảnh bị cắt trong khi sao chụp không lề



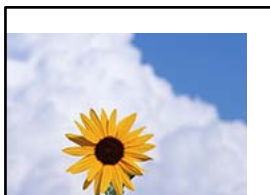
■ Vì hình ảnh được phóng to lên một chút, vùng nhô ra được cắt đi.

Giải pháp

Chọn cài đặt phóng to ít hơn.

Chọn **Sao chụp** > **Cài đặt nâng cao** > **Sao chụp không viền** > **Phóng to** trên bảng điều khiển, sau đó thay đổi cài đặt.

Vị trí, kích thước hoặc lề của bản in không chính xác



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.

➔ “Nạp giấy” ở trang 32

■ Kích thước của giấy được đặt không chính xác.

Giải pháp

Chọn cài đặt kích thước giấy thích hợp.

■ Bản gốc đặt không chính xác.

Giải pháp

- ☐ Đảm bảo đặt bản gốc thích hợp theo các dấu căn chỉnh.
- ☐ Nếu thiếu cạnh hình quét, hãy di chuyển bản gốc hơi xa ra cạnh mặt kính máy quét. Bạn không thể quét vùng trong khoảng 1,5 mm (0,06 in.) từ mép của kính máy quét.

➔ “Đặt bản gốc” ở trang 34

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên kính máy quét.

Giải pháp

Khi đặt bản gốc lên kính máy quét, loại bỏ mọi bụi bẩn bám vào bản gốc và làm sạch kính máy quét. Nếu có bụi hoặc vết bẩn trên kính, khu vực sao chép có thể mở rộng để bao gồm bụi hoặc vết bẩn, dẫn đến vị trí sao chép không đúng hoặc ảnh nhỏ.

➔ “Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 116

Màu không đều, vết bẩn, vết chấm hoặc đường thẳng xuất hiện trên hình ảnh đã sao chép



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đường dẫn giấy bẩn.

Giải pháp

Nạp và đẩy giấy ra nhưng không in để làm sạch đường dẫn giấy.

➔ “[Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn](#)” ở trang 115

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ “[Vệ sinh Kính Máy Scan](#)” ở trang 116

■ Có bụi hoặc bẩn trên ADF hoặc bản gốc.

Giải pháp

Vệ sinh ADF và loại bỏ bụi bẩn bám trên bản gốc.

➔ “[Làm sạch ADF](#)” ở trang 117

■ Bận ấn quá mạnh để ép bản gốc.

Giải pháp

Nếu bạn ấn quá mạnh, hiện tượng mờ, vết bẩn và đốm có thể xảy ra.

Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu.

➔ “[Đặt bản gốc](#)” ở trang 34

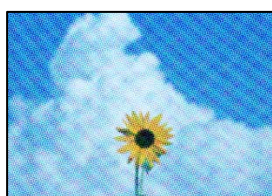
■ Cài đặt mật độ sao chụp quá cao.

Giải pháp

Hãy giảm cài đặt mật độ sao chụp.

➔ “[Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp](#)” ở trang 71

Mẫu vân sóng (gạch chéo) xuất hiện trong hình ảnh quét



■ Nếu bản gốc là một tài liệu in như tạp chí hoặc catalog, mẫu moiré dạng chấm xuất hiện.

Giải pháp

Thay đổi cài đặt thu nhỏ và phóng to. Nếu mẫu moiré vẫn xuất hiện, hãy đặt bản gốc ở một góc hơi khác.

➔ “[Tùy chọn menu nâng cao cho sao chụp](#)” ở trang 72

Ảnh của mặt ngược lại của bản gốc xuất hiện trong ảnh sao chụp



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Khi quét bản gốc mỏng, máy quét có thể quét hình ảnh ở mặt sau cùng lúc.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét và sau đó đặt một mảnh giấy đen lên trên.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

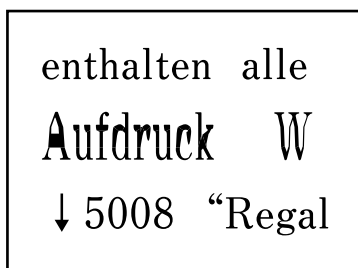
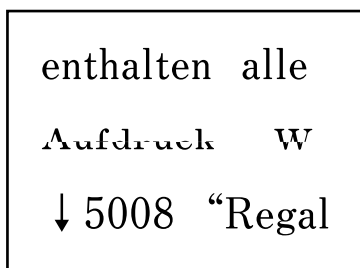
■ Cài đặt mật độ sao chụp quá cao.

Giải pháp

Hãy giảm cài đặt mật độ sao chụp.

➔ [“Tùy chọn menu cơ bản cho sao chụp” ở trang 71](#)

Văn bản hoặc hình đã sao chụp từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn



■ Một số bản gốc không thể quét chính xác từ ADF.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét.

Chọn , sau đó chọn **Cách làm** > **Đặt các bản gốc** > **Kính máy quét**. Chọn **Kết thúc** để đóng màn hình hình động.

Các vấn đề với ảnh quét

Màu không đồng, có vết bẩn, đốm, v.v. xuất hiện khi quét từ kính máy quét



■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 116](#)

■ Bấm quá mạnh để ép bản gốc.

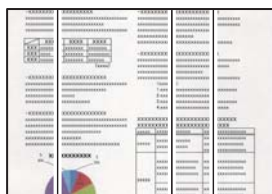
Giải pháp

Nếu bạn ấn quá mạnh, hiện tượng mờ, vết bẩn và đốm có thể xảy ra.

Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

Những đường thẳng xuất hiện khi quét từ ADF



■ Có bụi hoặc bẩn trên ADF hoặc bản gốc.

Giải pháp

Vệ sinh ADF và loại bỏ bụi bẩn bám trên bản gốc.

➔ [“Làm sạch ADF” ở trang 117](#)

Có sự xê dịch trên nền của hình ảnh quét



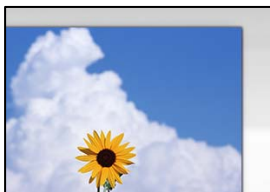
Khi quét bản gốc mỏng, máy quét có thể quét hình ảnh ở mặt sau cùng lúc.

Giải pháp

Khi quét từ kính máy quét, hãy đặt giấy đen hoặc một miếng lót bàn lên trên bản gốc.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

Không thể quét vùng thích hợp trên mặt kính máy quét



Bản gốc đặt không chính xác.

Giải pháp

- ☐ Đảm bảo đặt bản gốc thích hợp theo các dấu căn chỉnh.
- ☐ Nếu thiếu cạnh hình quét, hãy di chuyển bản gốc hơi xa ra cạnh mặt kính máy quét. Bạn không thể quét vùng trong khoảng 1,5 mm (0,06 in.) từ mép của kính máy quét.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

Có bụi hoặc vết bẩn trên kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ mọi loại rác và bụi bẩn trên kính máy quét và nắp tài liệu. Nếu có mọi loại rác hoặc bụi bẩn nào xung quanh bản gốc, khoảng quét sẽ mở rộng để bao gồm nó.

➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 116](#)

Khi quét nhiều bản gốc bằng Epson ScanSmart, không có đủ khoảng cách giữa các bản gốc.

Giải pháp

Khi đặt nhiều bản gốc lên mặt kính của máy quét, hãy đảm bảo rằng có một khoảng hở ít nhất là 20 mm (0,8 in.) giữa các bản gốc.

Không thể giải quyết vấn đề trong hình ảnh đã quét

Kiểm tra phần sau nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và chưa giải quyết được vấn đề.

Có vấn đề với cài đặt phần mềm quét.

Giải pháp

Sử dụng Epson Scan 2 Utility để khởi tạo cài đặt cho phần mềm máy quét.

Lưu ý:

Epson Scan 2 Utility là ứng dụng đi cùng với phần mềm máy quét.

1. Bắt đầu Epson Scan 2 Utility.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EPSON > Epson Scan 2 Utility**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình hoặc Chương trình > EPSON > Epson Scan 2 > Epson Scan 2 Utility**.

☐ Mac OS

Chọn **Thực hiện > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2 Utility**.

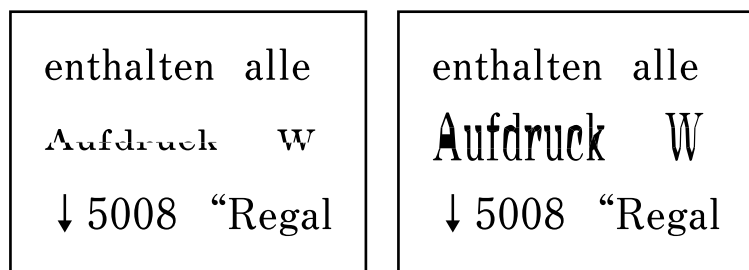
2. Chọn thẻ **Khác**.

3. Nhấp vào **Cài lại**.

Nếu việc khởi tạo không giải quyết được vấn đề, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại phần mềm máy quét.

➔ “Cài đặt hoặc gỡ các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124

Văn bản hoặc hình đã quét từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn



■ Một số bản gốc không thể quét chính xác từ ADF.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét.

Chọn **(?)**, sau đó chọn **Cách làm > Đặt các bản gốc > Kính máy quét**. Chọn **Kết thúc** để đóng màn hình hình động.

Bản fax gửi đi có chất lượng kém

Chất lượng của bản fax gửi đi kém



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ “[Vệ sinh Kính Máy Scan](#)” ở trang 116

■ Bấm ấn quá mạnh để ép bản gốc.

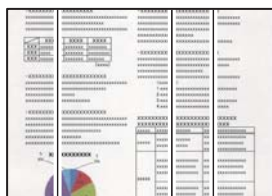
Giải pháp

Nếu bạn ấn quá mạnh, hiện tượng mờ, vết bẩn và đốm có thể xảy ra.

Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu.

➔ “[Đặt bản gốc](#)” ở trang 34

Những đường thẳng xuất hiện khi gửi fax từ ADF



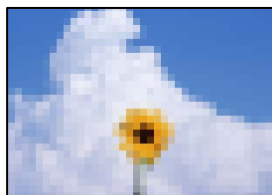
■ Có bụi hoặc bẩn trên ADF hoặc bản gốc.

Giải pháp

Vệ sinh ADF và loại bỏ bụi bẩn bám trên bản gốc.

➔ “[Làm sạch ADF](#)” ở trang 117

Hình ảnh của bản fax gửi đi có chất lượng kém



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Độ phân giải được đặt ở mức thấp.

Giải pháp

Nếu bạn không biết hiệu suất của máy fax của người gửi, hãy đặt như sau trước khi gửi fax.

☐ Chọn **Fax** > **Cài đặt fax** và sau đó chọn cài đặt **Độ phân giải** để đặt hình ảnh chất lượng cao nhất.

- ❑ Chọn **Fax** > **Cài đặt fax** và sau đó bật **Gửi trực tiếp**.

Lưu ý rằng nếu bạn đặt **Độ phân giải** là **Ảnh chụp** nhưng bạn gửi fax mà không bật **Gửi trực tiếp**, bản fax có thể được gửi ở độ phân giải thấp hơn.

■ Cài đặt ECM đang tắt.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** và bật cài đặt **ECM** trên bảng điều khiển. Cài đặt này có thể xóa các lỗi xảy ra do vấn đề kết nối. Lưu ý rằng tốc độ gửi và nhận fax có thể chậm hơn so với khi ECM tắt.

Ảnh đảo ngược hai bên của bản gốc xuất hiện trong bản fax gửi đi



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Khi quét bản gốc mỏng, máy quét có thể quét hình ảnh ở mặt sau cùng lúc.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét và sau đó đặt một mảnh giấy đen lên trên.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 34](#)

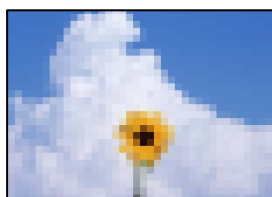
■ Cài đặt mật độ có giá trị cao khi gửi fax.

Giải pháp

Chọn **Fax** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt quét** > **Mật độ**, sau đó giảm cài đặt này.

Fax đã nhận có chất lượng kém

Hình ảnh của fax đã nhận có chất lượng kém



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Cài đặt ECM đang tắt.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt máy in** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** và bật cài đặt ECM trên bảng điều khiển. Cài đặt này có thể xóa các lỗi xảy ra do vấn đề kết nối. Lưu ý rằng tốc độ gửi và nhận fax có thể chậm hơn so với khi ECM tắt.

■ Cài đặt chất lượng hình ảnh là thấp trên máy fax của người gửi.

Giải pháp

Yêu cầu người gửi fax với chất lượng cao hơn.

Không thể khắc phục sự cố

Nếu bạn vẫn không thể giải quyết vấn đề sau khi thử tất cả các giải pháp, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson. Nếu bạn không thể giải quyết vấn đề về in hoặc sao chụp, hãy xem thông tin liên quan sau đây.

Thông tin liên quan

➔ [“Không thể giải quyết vấn đề in hoặc sao chụp” ở trang 220](#)

Không thể giải quyết vấn đề in hoặc sao chụp

Hãy thử các vấn đề sau để bắt đầu từ đầu cho đến khi bạn giải quyết được vấn đề.

- ❑ Đảm bảo rằng loại giấy đã nạp vào máy in và loại giấy đã đặt trên máy in với cài đặt loại giấy trong trình điều khiển máy in khớp với nhau.

[“Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30](#)

- ❑ Sử dụng cài đặt chất lượng cao trên bảng điều khiển hoặc trong trình điều khiển máy in.

- ❑ Căn chỉnh đầu in.

[“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 115](#)

- ❑ Chạy kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.

Nếu có các đoạn bị thiếu trong mẫu kiểm tra kim phun, kim phun có thể bị tắc. Lặp lại luân phiên làm sạch đầu in và kiểm tra kim phun 3 lần và kiểm tra xem đã hết tắc chưa.

Lưu ý rằng việc làm sạch đầu in sẽ sử dụng một chút mực.

[“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112](#)

- ❑ Tắt máy in, đợi ít nhất 12 giờ, sau đó kiểm tra xem đã hết tắt chưa.

Nếu vấn đề là do bị tắc, để máy in trong một thời gian không in có thể giải quyết được vấn đề.

Bạn có thể kiểm tra các mực sau khi máy in đang tắt.

- ❑ Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng chai mực Epson chính hãng không.

Hãy tìm cách sử dụng lọ mực Epson chính hãng. Việc sử dụng lọ mực không chính hãng có thể làm giảm chất lượng in.

- ❑ Kiểm tra xem phim mờ có bị bẩn không.

Nếu có vết bẩn trên phim mờ, cẩn thận lau sạch vết bẩn.

[“Vệ sinh phim mờ” ở trang 119](#)

- ❑ Đảm bảo rằng không còn mảnh giấy nào bên trong máy in.

Khi bạn gỡ giấy ra, không để tay hoặc giấy chạm vào phim mờ.

- ❑ Kiểm tra giấy.

Kiểm tra xem giấy có bị cuộn lại hoặc được nạp vào với mặt in hướng lên trên hay không.

[“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 30](#)

[“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243](#)

[“Các loại giấy không khả dụng” ở trang 245](#)

- ❑ Nếu bạn tắt máy in, hãy đợi ít nhất 12 giờ, và nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy chạy Vệ Sinh Tăng Cường.

[“Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 114](#)

Nếu bạn không thể giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các giải pháp trên, bạn có thể cần yêu cầu sửa chữa. Liên hệ bộ phận hỗ trợ Epson.

Thông tin liên quan

➔ [“Trước khi liên hệ với Epson” ở trang 300](#)

➔ [“Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson” ở trang 300](#)

Thêm hoặc thay thế máy tính hoặc thiết bị

Kết nối với máy in đã kết nối với mạng.	223
Đặt lại kết nối mạng.	224
Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct).	230
Kiểm tra tình trạng kết nối mạng.	234

Kết nối với máy in đã kết nối với mạng

Khi máy in đã kết nối với mạng, bạn có thể kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với máy in qua mạng.

Sử dụng máy in mạng từ máy tính thứ hai

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình cài đặt để kết nối máy in với máy tính. Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

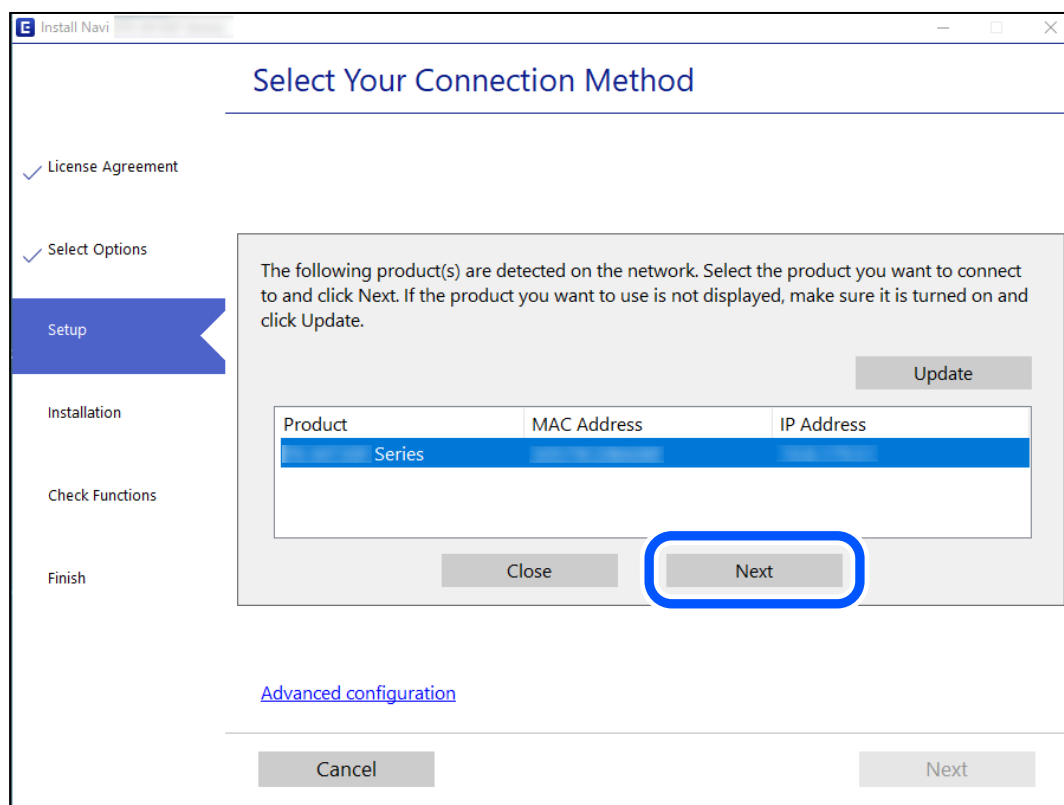
<https://epson.sn>

☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Chọn máy in

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho đến khi màn hình sau được hiển thị, chọn tên máy in bạn muốn kết nối, sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Sử dụng máy in mạng từ thiết bị thông minh

Bạn có kết nối thiết bị thông minh với máy in bằng một trong các phương thức sau.

Kết nối qua bộ định tuyến không dây

Kết nối thiết bị thông minh với cùng mạng Wi-Fi (SSID) với máy in.

Xem phần sau đây để biết thêm chi tiết.

[“Thực hiện cài đặt để kết nối với thiết bị thông minh” ở trang 224](#)

Kết nối qua Wi-Fi Direct

Kết nối thiết bị thông minh với máy in trực tiếp mà không cần bộ định tuyến không dây.

Xem phần sau đây để biết thêm chi tiết.

[“Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in \(Wi-Fi Direct\)” ở trang 230](#)

Đặt lại kết nối mạng

Phần này giải thích cách thực hiện cài đặt kết nối mạng và thay đổi phương thức kết nối khi thay thế bộ định tuyến không dây hoặc máy tính.

Khi thay thế bộ định tuyến không dây

Khi bạn thay thế bộ định tuyến không dây, hãy thực hiện cài đặt cho kết nối giữa máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in.

Bạn cần thực hiện các cài đặt này nếu bạn thay đổi nhà cung cấp dịch vụ Internet, v.v.

Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình cài đặt để kết nối máy in với máy tính. Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<https://epson.sn>

☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Thực hiện cài đặt để kết nối với thiết bị thông minh

Bạn có thể sử dụng máy in từ thiết bị thông minh khi kết nối máy in với cùng một mạng Wi-Fi (SSID) như thiết bị thông minh. Để sử dụng máy in từ thiết bị thông minh, hãy thiết lập từ trang web sau. Truy cập trang web từ thiết bị thông minh mà bạn muốn kết nối với máy in.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

Khi thay đổi máy tính

Khi thay đổi máy tính, hãy thực hiện cài đặt kết nối giữa máy tính và máy in.

Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình cài đặt để kết nối máy in với máy tính. Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<https://epson.sn>

☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thay đổi phương thức kết nối với máy tính

Phần này giải thích cách thay đổi phương thức kết nối khi máy tính và máy in đã kết nối với nhau.

Thay đổi kết nối mạng từ Ethernet sang Wi-Fi

Thay đổi kết nối Ethernet sang kết nối Wi-Fi tại bảng điều khiển của máy in. Cách thay đổi kết nối về cơ bản giống như cài đặt kết nối Wi-Fi.

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển” ở trang 226

Thay đổi kết nối mạng từ Wi-Fi sang Ethernet

Thực hiện theo các bước bên dưới để thay đổi từ kết nối Wi-Fi sang kết nối Ethernet.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Thiết lập LAN có dây**.
3. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thay đổi từ USB sang kết nối mạng

Sử dụng trình cài đặt và thiết lập lại theo phương thức kết nối khác.

☐ Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<https://epson.sn>

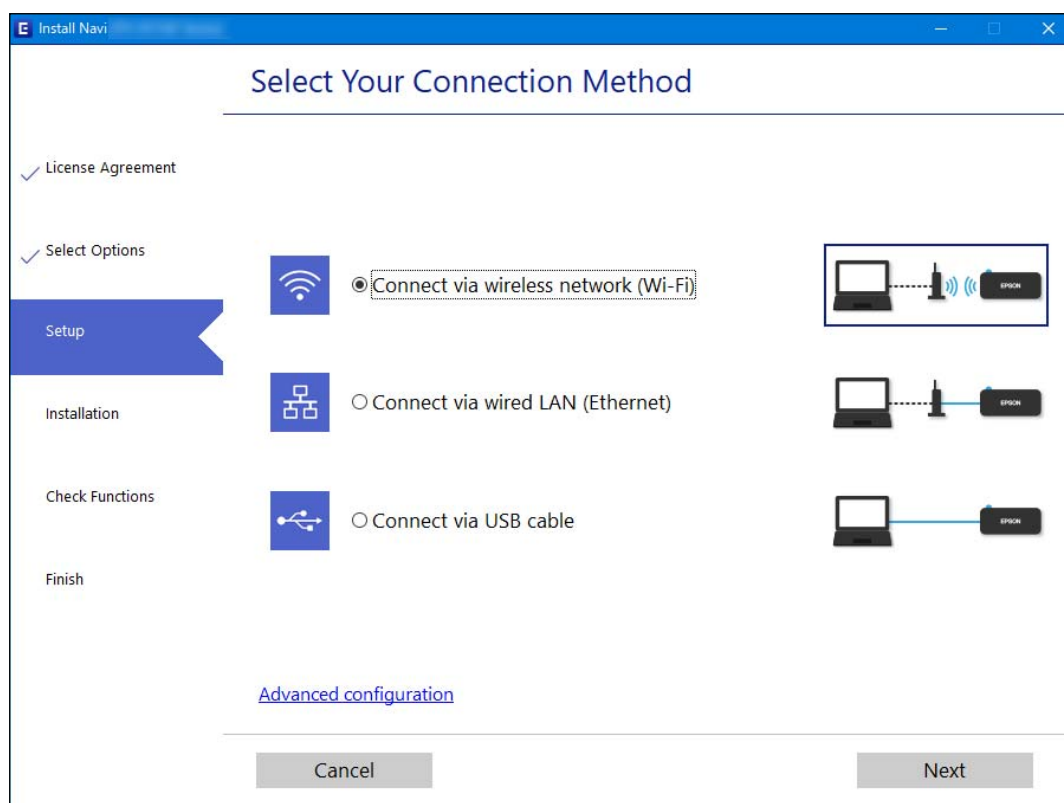
- ☐ Thiết lập bằng đĩa phần mềm (chỉ dành cho kiểu máy đi kèm đĩa phần mềm và người dùng máy tính Windows có ổ đĩa).

Đưa đĩa phần mềm vào máy tính và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Chọn thay đổi phương thức kết nối

Làm theo hướng dẫn trên màn hình cho tới khi màn hình sau hiển thị.

Chọn kết nối mạng bạn muốn sử dụng, **Kết nối qua mạng không dây (Wi-Fi)** hoặc **Kết nối qua mạng LAN có dây (Ethernet)**, sau đó nhấp vào **Kế tiếp**.



Lưu ý:

Phương pháp kết nối được hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào mẫu máy.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển

Bạn có thể thực hiện cài đặt mạng từ bảng điều khiển của máy in theo nhiều cách. Chọn phương thức kết nối phù hợp với môi trường và điều kiện mà bạn đang sử dụng.

Nếu biết thông tin của bộ định tuyến không dây như SSID và mật khẩu, bạn có thể thực hiện cài đặt theo cách thủ công.

Nếu bộ định tuyến không dây hỗ trợ WPS, bạn có thể thực hiện cài đặt bằng cách sử dụng thiết lập nút ấn.

Sau khi kết nối máy in với mạng, hãy kết nối máy in từ thiết bị mà bạn muốn sử dụng (máy tính, thiết bị thông minh, máy tính bảng, v.v.)

Thông tin liên quan

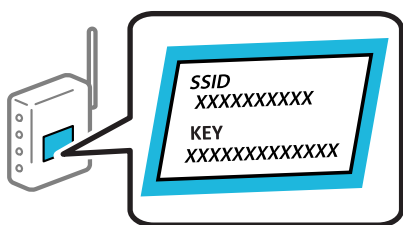
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu” ở trang 227
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)” ở trang 228
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 229

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu

Bạn có thể thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhập thông tin cần thiết để kết nối với bộ định tuyến không dây từ bảng điều khiển của máy in. Để thiết lập bằng phương pháp này, bạn cần SSID và mật khẩu cho bộ định tuyến không dây.

Lưu ý:

Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây có cài đặt mặc định, SSID và mật khẩu có ở trên nhãn. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy xem tài liệu đi kèm với bộ định tuyến không dây.



1. Nhấn  trên màn hình chính.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, chọn **Bộ định tuyến**.

3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.

Nếu đã thiết lập kết nối mạng, chi tiết về kết nối sẽ được hiển thị. Nhấn **Đổi cài đặt** để thay đổi cài đặt.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, nhấn **Đổi sang kết nối Wi-Fi.**, sau đó chọn **Có** sau khi xem thông báo.

4. Chọn **Trình hướng dẫn thiết lập Wi-Fi**.

5. Chọn SSID cho bộ định tuyến không dây.

Lưu ý:

☐ Nếu SSID mà bạn muốn kết nối không được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in, hãy nhấn **Tìm kiếm lại** để cập nhật danh sách. Nếu SSID này vẫn không hiển thị, nhấn **Nhập thủ công** và sau đó nhập SSID trực tiếp.

☐ Nếu bạn không biết tên mạng (SSID), hãy kiểm tra xem thông tin có được ghi trên nhãn của bộ định tuyến không dây hay không. Nếu bạn đang dùng bộ định tuyến không dây với cài đặt mặc định, hãy dùng SSID in trên nhãn. Nếu bạn không tìm thấy bất kỳ thông tin nào, hãy xem tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.

6. Nhấn **Nhập mật khẩu** và sau đó nhập mật khẩu.

Lưu ý:

☐ Mật khẩu phân biệt chữ hoa chữ thường.

☐ Nếu bạn không biết mật khẩu, hãy kiểm tra xem thông tin có được ghi trên nhãn của bộ định tuyến không dây hay không. Trên nhãn, mật khẩu có thể được ghi là “Network Key”, “Wireless Password”, v.v. Nếu bạn đang dùng bộ định tuyến không dây với cài đặt mặc định, hãy dùng mật khẩu in trên nhãn.

7. Khi đã thiết lập xong, nhấn **OK**.
8. Kiểm tra cài đặt và sau đó nhấn **Bắt đầu vào thiết lập**.
9. Đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau khoảng thời gian cụ thể.

Lưu ý:

Nếu bạn không kết nối được, hãy nạp giấy thường A4, sau đó chọn **In Báo cáo kiểm tra** để in báo cáo kết nối.

10. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhập các ký tự” ở trang 27
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 234

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)

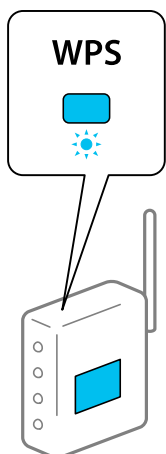
Bạn có thể tự động thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây. Nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, bạn có thể thiết lập bằng cách sử dụng phương thức này.

- ☐ Bộ định tuyến không dây tương thích với WPS (Thiết lập bảo mật Wi-Fi).
- ☐ Kết nối Wi-Fi hiện tại đã được thiết lập bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây.



1. Nhấn  trên màn hình chính.
2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.
Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, chọn **Bộ định tuyến**.
3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.
Nếu đã thiết lập kết nối mạng, chi tiết về kết nối sẽ được hiển thị. Nhấn **Đổi cài đặt** để thay đổi cài đặt.
Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, nhấn **Đổi sang kết nối Wi-Fi.**, sau đó chọn **Có** sau khi xem thông báo.
4. Chọn **Thiết lập nút nhấn (WPS)**.

5. Nhấn giữ nút [WPS] trên bộ định tuyến không dây cho đến khi đèn báo mật nhấp nháy.



Nếu bạn không biết vị trí của nút [WPS] hoặc không có nút nào trên bộ định tuyến không dây, hãy xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết.

6. Nhấn **Bắt đầu vào thiết lập** trên máy in.

7. Đóng màn hình.

Màn hình tự động đóng sau khoảng thời gian cụ thể.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, di chuyển thiết bị này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối mạng và kiểm tra giải pháp.

8. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 234](#)

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)

Bạn có thể tự động kết nối với bộ định tuyến không dây bằng mã PIN. Bạn có thể sử dụng phương thức này để thiết lập nếu bộ định tuyến không dây có khả năng WPS (Thiết lập Wi-Fi được bảo vệ). Sử dụng máy tính để nhập mã PIN vào bộ định tuyến không dây.



1. Nhấn  trên màn hình chính.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, chọn **Bộ định tuyến**.

3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.

Nếu đã thiết lập kết nối mạng, chi tiết về kết nối sẽ được hiển thị. Nhấn **Đổi cài đặt** để thay đổi cài đặt.

Nếu máy in đã được kết nối qua Ethernet, nhấn **Đổi sang kết nối Wi-Fi**, sau đó chọn **Có** sau khi xem thông báo.

4. Chọn **Chức năng khác** > **Thiết lập mã PIN (WPS)**.

- Sử dụng máy tính của bạn để nhập mã PIN (số có tám chữ số) được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in vào bộ định tuyến không dây trong vòng hai phút.

Lưu ý:

Xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết về cách nhập mã PIN.

- Nhấn **Bắt đầu thiết lập** trên bảng điều khiển của máy in.

- Đóng màn hình.

Màn hình tự động đóng sau khoảng thời gian cụ thể.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, di chuyển thiết bị này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối và kiểm tra giải pháp.

- Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thông tin liên quan

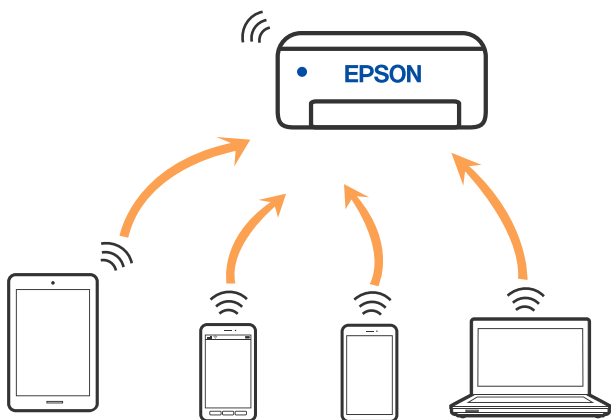
➔ [“Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 234](#)

Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct)

Wi-Fi Direct (AP đơn giản) cho phép bạn kết nối trực tiếp một thiết bị thông minh với máy in mà không cần bộ định tuyến không dây và in từ thiết bị thông minh.

Giới thiệu về Wi-Fi Direct

Sử dụng phương thức kết nối này khi bạn không sử dụng Wi-Fi ở nhà riêng và ở cơ quan hoặc khi bạn muốn kết nối trực tiếp máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh. Ở chế độ này, máy in đóng vai trò là bộ định tuyến không dây và bạn có thể kết nối thiết bị với máy in mà không phải sử dụng bộ định tuyến không dây chuẩn. Tuy nhiên, các thiết bị được kết nối trực tiếp với máy in không thể giao tiếp với nhau thông qua máy in.



Có thể kết nối máy in bằng kết nối Wi-Fi hoặc Ethernet và Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đồng thời. Tuy nhiên, nếu bạn bắt đầu kết nối mạng bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khi máy in được kết nối bằng Wi-Fi, Wi-Fi bị ngắt kết nối tạm thời.

Kết nối với thiết bị qua Wi-Fi Direct

Phương thức này cho phép bạn kết nối máy in trực tiếp với thiết bị mà không cần bộ định tuyến không dây.

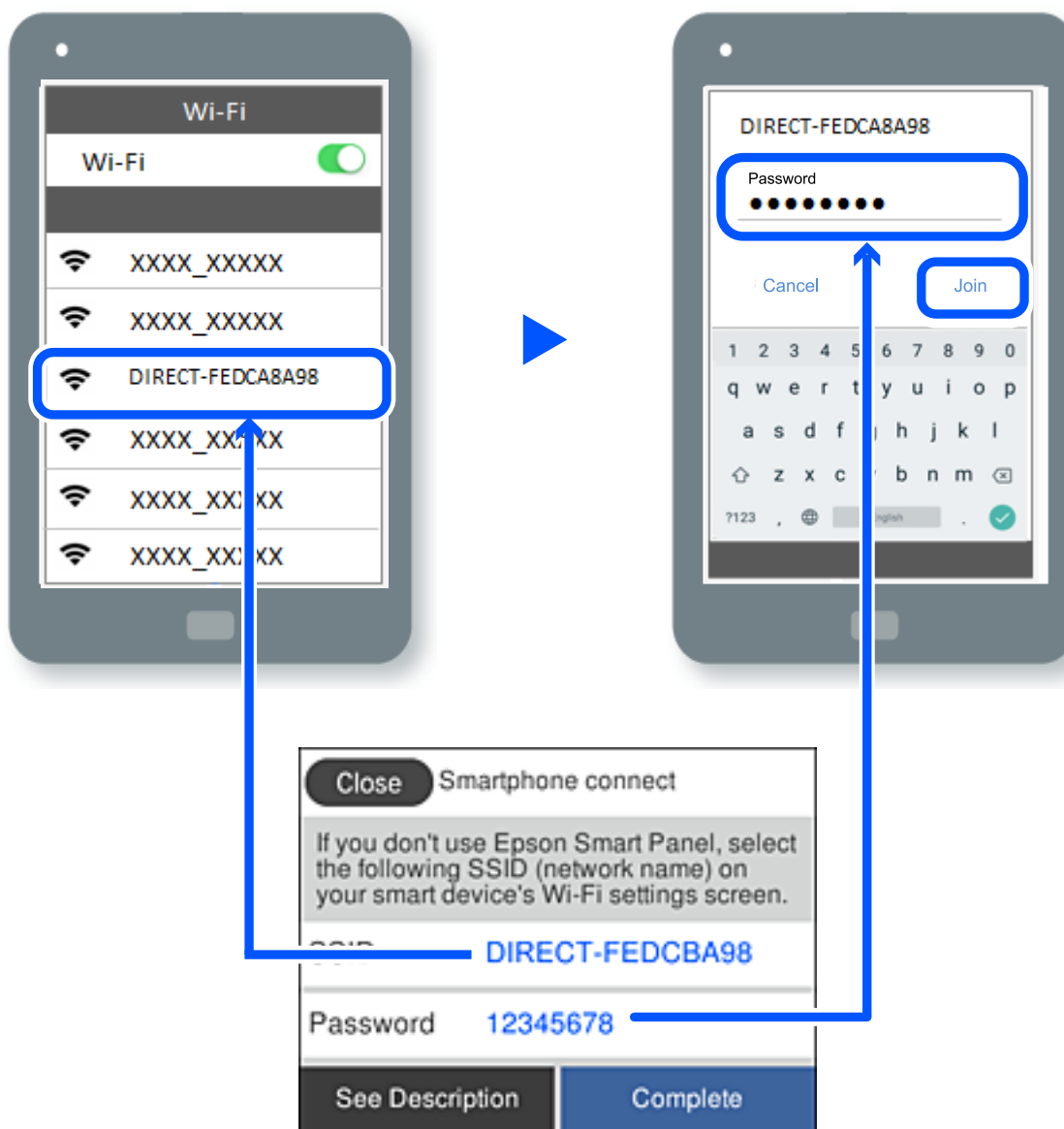
Lưu ý:

Với người dùng iOS hoặc Android, bạn có thể thiết lập thuận tiện tại Epson Smart Panel.

Bạn chỉ cần thực hiện những cài đặt này một lần cho máy in và thiết bị bạn muốn kết nối. Trừ khi bạn tắt Wi-Fi Direct hoặc khôi phục cài đặt mạng về mặc định, bạn không cần thực hiện lại những cài đặt này.

1. Nhấn  trên màn hình chính.
2. Nhấn **Wi-Fi Direct**.
3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.
4. Chọn **Cách thức khác**.
5. Chọn **Thiết bị HĐH khác**.

6. Trên màn hình Wi-Fi của thiết bị, chọn SSID hiển thị trên bảng điều khiển máy in và nhập mật khẩu.



7. Trên màn hình ứng dụng in cho thiết bị, chọn máy in mà bạn muốn kết nối.

8. Trên bảng điều khiển máy in, chọn **Hoàn tất**.

Với thiết bị đã kết nối với máy in từ trước, chọn tên mạng (SSID) trên màn hình Wi-Fi của thiết bị để kết nối lại với mạng.

Lưu ý:

Nếu bạn đang dùng thiết bị iOS, bạn cũng có thể kết nối bằng cách quét mã QR bằng camera iOS tiêu chuẩn. Xem liên kết bên dưới <http://epson.sn>.

Ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Lưu ý:

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bị tắt, tất cả máy tính và thiết bị thông minh được kết nối với máy in trong kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đều bị ngắt. Nếu bạn muốn ngắt kết nối thiết bị cụ thể, hãy ngắt kết nối khỏi thiết bị thay vì máy in.

1. Nhấn  trên màn hình chính.
2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
Thông tin Wi-Fi Direct hiển thị.
3. Nhấn **Bắt đầu thiết lập**.
4. Nhấn  .
5. Chọn **Tắt Wi-Fi Direct**.
6. Nhấn vào **Tắt cài đặt**.
7. Khi thông báo hoàn tất hiển thị, hãy đóng màn hình.
Màn hình tự động đóng sau khoảng thời gian cụ thể.
8. Đóng màn hình **Cài đặt kết nối mạng**.

Thay đổi cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) như SSID

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bật, bạn có thể thay đổi cài đặt tại  > **Wi-Fi Direct** > **Bắt đầu thiết lập** >  , sau đó các mục menu sau đây sẽ hiển thị.

Đổi tên mạng

Đổi tên mạng Wi-Fi Direct (AP đơn giản) (SSID) được sử dụng để kết nối với máy in thành tên tùy ý. Bạn có thể thiết lập tên mạng (SSID) gồm các ký tự ASCII được hiển thị trên bàn phím phần mềm trên bảng điều khiển. Bạn có thể nhập tối đa 22 ký tự.

Khi đổi tên mạng (SSID), tất cả các thiết bị đã kết nối sẽ ngắt kết nối. Sử dụng tên mạng (SSID) mới nếu bạn muốn kết nối lại thiết bị.

Đổi mật khẩu

Đổi mật khẩu của Wi-Fi Direct (AP đơn giản) để kết nối với máy in thành giá trị tùy ý. Bạn có thể thiết lập mật khẩu gồm các ký tự ASCII được hiển thị trên bàn phím phần mềm trên bảng điều khiển. Bạn có thể nhập từ 8 đến 22 ký tự.

Khi đổi mật khẩu, tất cả các thiết bị kết nối sẽ ngắt kết nối. Sử dụng mật khẩu mới nếu bạn muốn kết nối lại thiết bị.

Tắt Wi-Fi Direct

Tắt cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) của máy in. Khi tắt cài đặt này, tất cả các thiết bị đã kết nối với máy in bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) sẽ ngắt kết nối.

Phục hồi cài đặt mặc định

Phục hồi toàn bộ cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) về mặc định.

Thông tin kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) của thiết bị thông minh đã lưu vào máy in sẽ bị xóa.

Kiểm tra tình trạng kết nối mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng theo cách sau.

Thông tin liên quan

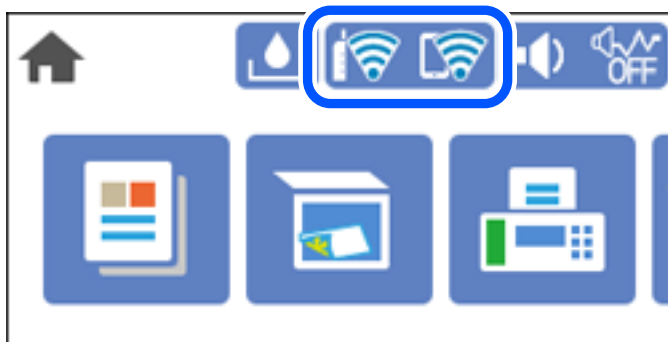
- ➔ “Kiểm tra trạng thái kết nối mạng từ bảng điều khiển” ở trang 234
- ➔ “In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235

Kiểm tra trạng thái kết nối mạng từ bảng điều khiển

Bạn có thể kiểm tra trạng thái kết nối mạng thông qua biểu tượng mạng hoặc thông tin mạng trên bảng điều khiển của máy in.

Kiểm tra trạng thái kết nối mạng thông qua biểu tượng mạng

Bạn có thể kiểm tra tình trạng kết nối mạng và cường độ sóng vô tuyến bằng cách sử dụng biểu tượng mạng trên màn hình chính của máy in.



Hiển thị thông tin mạng chi tiết trên bảng điều khiển

Khi máy in của bạn được kết nối với mạng, bạn cũng có thể xem thông tin liên quan đến mạng khác bằng cách chọn menu mạng mà bạn muốn kiểm tra.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Tình trạng mạng**.
3. Để kiểm tra thông tin, hãy chọn các menu mà bạn muốn kiểm tra.
 - ☐ Trạng thái LAN có dây/Wi-Fi
Hiển thị thông tin mạng (tên thiết bị, kết nối, cường độ tín hiệu, v.v.) dành cho kết nối Ethernet hoặc Wi-Fi.
 - ☐ Trạng thái Wi-Fi Direct
Hiển thị Wi-Fi Direct bật hay tắt và SSID, mật khẩu, v.v. cho kết nối Wi-Fi Direct.
 - ☐ In tờ tình trạng
In tờ tình trạng mạng. Thông tin cho Ethernet, Wi-Fi, Wi-Fi Direct, v.v. được in trên hai trang trở lên.

In báo cáo kết nối mạng

Bạn có thể in báo cáo kết nối mạng để kiểm tra trạng thái giữa máy in và bộ định tuyến không dây.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**.

Bắt đầu kiểm tra kết nối.

3. Chọn **In Báo cáo kiểm tra**.

4. In báo cáo kết nối mạng.

Nếu đã xảy ra lỗi, hãy kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng

Kiểm tra thông báo và mã lỗi trên báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp.

Check Network Connection

Check Result: FAIL

Error code: (E-2)

See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect. If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.

If your problems persist, see your documentation for help and networking tips.

Checked Items	
Wireless Network Name (SSID) Check	FAIL
Communication Mode Check	Unchecked
Security Mode Check	Unchecked
MAC Address Filtering Check	Unchecked
Security Key/Password Check	Unchecked
IP Address Check	Unchecked
Detailed IP Setup Check	Unchecked

Network Status

Printer Name	EPSON XXXXXX
Printer Model	XX-XXX Series
IP Address	169.254.137.8
Subnet Mask	255.255.0.0
Default Gateway	
Network Name (SSID)	EpsonNet
Security	None
Signal Strength	Poor
MAC Address	F8:D0:27:40:C0:AC

a. Mã lỗi

b. Thông báo về Môi trường mạng

Thông tin liên quan

- ➔ “E-1” ở trang 236
- ➔ “E-2, E-3, E-7” ở trang 236
- ➔ “E-5” ở trang 237
- ➔ “E-6” ở trang 237
- ➔ “E-8” ở trang 238
- ➔ “E-9” ở trang 238
- ➔ “E-10” ở trang 238
- ➔ “E-11” ở trang 239
- ➔ “E-12” ở trang 239
- ➔ “E-13” ở trang 240
- ➔ “Thông báo về Môi trường mạng” ở trang 240

E-1

Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo cáp Ethernet được kết nối chắc chắn với máy in, hub hoặc thiết bị mạng khác.
- ☐ Đảm bảo hub hoặc thiết bị mạng khác được bật.
- ☐ Nếu bạn muốn kết nối máy in qua Wi-Fi, hãy thực hiện lại cài đặt Wi-Fi cho máy in vì cài đặt này đã bị tắt.

E-2, E-3, E-7

Giải pháp:

- ☐ Đảm bảo bạn đã bật bộ định tuyến không dây.
- ☐ Xác nhận rằng máy tính hoặc thiết bị của bạn đã được kết nối thích hợp với bộ định tuyến không dây.
- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Đặt máy in gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng.
- ☐ Nếu bạn đã tự nhập SSID, kiểm tra xem nó có đúng không. Kiểm tra SSID từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu bộ định tuyến không dây có nhiều SSID, hãy chọn SSID đang hiển thị. Khi SSID đang sử dụng tần số không tương thích thì máy in sẽ không hiển thị nó.
- ☐ Nếu đang sử dụng cài đặt nút nhấn để thiết lập kết nối mạng, đảm bảo bộ định tuyến không dây của bạn có hỗ trợ WPS. Bạn không thể sử dụng cài đặt nút nhấn nếu bộ định tuyến không dây của bạn không hỗ trợ WPS.
- ☐ Đảm bảo SSID của bạn chỉ sử dụng các ký tự ASCII (ký tự và biểu tượng chữ và số). Máy in không thể hiển thị SSID chứa các ký tự không phải ASCII.
- ☐ Đảm bảo bạn đã biết SSID và mật khẩu trước khi kết nối bộ định tuyến không dây. Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây với các cài đặt mặc định thì SSID và mật khẩu sẽ được in trên nhãn của nó. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ người phụ trách thiết lập bộ định tuyến không dây, hoặc tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
- ☐ Nếu bạn đang kết nối với SSID được tạo bằng thiết bị thông minh tethering (phát mạng di động), hãy kiểm tra SSID và mật khẩu trong tài liệu hướng dẫn kèm theo thiết bị thông minh đó.

- ☐ Nếu kết nối Wi-Fi của bạn bị ngắt đột ngột, hãy kiểm tra các tình trạng sau. Nếu gặp phải bất kỳ tình trạng nào sau đây, hãy thiết lập lại cài đặt mạng bằng cách tải về và chạy phần mềm từ trang web sau.

<http://epson.sn> > **Thiết lập**

- ☐ Một thiết bị thông minh khác đã được thêm vào mạng qua cài đặt nút nhấn.
- ☐ Mạng Wi-Fi đã được thiết lập bằng bất kỳ phương thức nào khác thay vì thiết lập nút nhấn.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 225
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển” ở trang 226

E-5

Giải pháp:

Đảm bảo loại bảo mật của bộ định tuyến không dây được đặt thành một trong các loại sau. Nếu không phải, hãy thay đổi loại bảo mật trên bộ định tuyến không dây rồi đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

- ☐ WEP-64 bit (40 bit)
- ☐ WEP-128 bit (104 bit)
- ☐ WPA PSK (TKIP/AES)*
- ☐ WPA2 PSK (TKIP/AES)*
- ☐ WPA (TKIP/AES)
- ☐ WPA2 (TKIP/AES)
- ☐ WPA3-SAE (AES)

* WPA PSK còn được gọi là WPA Cá nhân. WPA2 PSK còn được gọi là WPA2 Cá nhân.

E-6

Giải pháp:

- ☐ Kiểm tra xem chức năng lọc địa chỉ MAC có bị tắt hay không. Nếu đã bật, hãy đăng ký địa chỉ MAC của máy in để nó không bị lọc. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để biết thêm chi tiết. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ MAC từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- ☐ Nếu bộ định tuyến không dây của bạn đang sử dụng cách xác thực chia sẻ với bảo mật WEP, đảm bảo khoá và chỉ mục xác thực là chính xác.
- ☐ Nếu số lượng thiết bị có thể kết nối trên bộ định tuyến không dây ít hơn số lượng thiết bị mạng mà bạn muốn kết nối, hãy thực hiện cài đặt trên bộ định tuyến không dây để tăng số lượng thiết bị có thể kết nối. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 225

E-8

Giải pháp:

- ☐ Bật DHCP trên bộ định tuyến không dây nếu cài đặt Lấy địa chỉ IP của máy in được đặt là Tự động.
- ☐ Nếu cài đặt Lấy địa chỉ IP được đặt thành Thủ công, địa chỉ IP bạn đặt thủ công không hợp lệ do nằm ngoài phạm vi (ví dụ: 0.0.0.0). Đặt địa chỉ IP hợp lệ tại bảng điều khiển của máy in.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt mạng” ở trang 259

E-9

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị chưa.
- ☐ Bạn có thể truy cập Internet và các máy tính hoặc thiết bị mạng khác trên cùng mạng từ những thiết bị bạn muốn kết nối với máy in hay không.

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng sau khi xác nhận các tình trạng ở trên, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại. Sau đó, thiết lập lại cài đặt mạng bằng cách tải về và chạy trình cài đặt từ trang web sau.

<http://epson.sn> > Thiết lập

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 225

E-10

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- ☐ Các thiết bị khác trên mạng được bật.
- ☐ Địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng kết nối mặc định) chính xác nếu bạn đã đặt Lấy địa chỉ IP của máy in thành Thủ công.

Đặt lại địa chỉ mạng nếu các địa chỉ này không chính xác. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Nếu DHCP đang bật, hãy thay đổi cài đặt Lấy địa chỉ IP của máy in thành Tự động. Nếu bạn muốn đặt địa chỉ IP theo cách thủ công, hãy kiểm tra địa chỉ IP của máy in tại mục **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng, sau đó chọn Thủ công trên màn hình cài đặt mạng. Đặt mặt nạ mạng con thành [255.255.255.0].

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt mạng” ở trang 259

E-11

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Địa chỉ cổng vào mặc định phải chính xác nếu bạn cài Thiết lập TCP/IP sang Thủ công.
- ☐ Thiết bị được cài làm cổng vào mặc định đã được bật hay chưa.

Đã cài đúng địa chỉ cổng vào mặc định hay chưa. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ cổng vào mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt mạng” ở trang 259

E-12

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Đã bật các thiết bị khác trên mạng hay chưa.
- ☐ Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) phải chính xác nếu bạn đang tự nhập chúng.
- ☐ Địa chỉ mạng cho các thiết bị khác (mặt nạ mạng phụ và cổng vào mặc định) đã giống nhau chưa.
- ☐ Địa chỉ IP không xung đột với các thiết bị khác.

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng sau khi xác nhận các tình trạng ở trên, hãy thử các cách sau.

- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Thực hiện lại cài đặt mạng bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy nó từ trang web sau.
<http://epson.sn> > **Thiết lập**
- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu đăng ký nhiều mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu đăng ký đầu tiên đã được cài trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt mạng” ở trang 259

➔ “Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 225

E-13

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- ☐ Các thiết bị mạng như bộ định tuyến không dây, cổng nối và bộ định tuyến đã được bật chưa.
- ☐ Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng chưa được thực hiện bằng thủ công. (Nếu Thiết lập TCP/IP của máy in được cài đặt tự động trong khi Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng khác được thực hiện thủ công thì mạng của máy in có thể khác với mạng dùng cho các thiết bị khác.)

Nếu nó vẫn không hoạt động sau khi kiểm tra các mục trên, hãy thử các thao tác dưới đây.

- ☐ Tắt bộ định tuyến không dây. Chờ khoảng 10 giây rồi bật lại.
- ☐ Thực hiện cài đặt mạng trên máy tính dùng cùng mạng với máy in bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy nó từ trang web sau.
<http://epson.sn> > **Thiết lập**
- ☐ Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu đăng ký nhiều mật khẩu, hãy kiểm tra xem mật khẩu đăng ký đầu tiên đã được cài trên máy in chưa.

Thông báo về Môi trường mạng

Thông báo	Giải pháp
The Wi-Fi environment needs to be improved. Turn the wireless router off and then turn it on. If the connection does not improve, see the documentation for the wireless router.	Sau khi di chuyển máy in đến gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng thì hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Nếu thiết bị vẫn không kết nối, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
*No more devices can be connected. Disconnect one of the connected devices if you want to add another one.	Máy tính và các thiết bị thông minh có thể kết nối đồng thời sẽ được kết nối đầy đủ qua kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). Để thêm một máy tính hoặc thiết bị thông minh khác, hãy ngắt kết nối một trong các thiết bị đã kết nối hoặc kết nối với mạng kia trước. Bạn có thể xác nhận số lượng thiết bị không dây có thể kết nối đồng thời và số lượng thiết bị đã kết nối bằng cách kiểm tra tờ trạng thái mạng hoặc bằng điều khiển máy in.
The same SSID as Wi-Fi Direct exists in the environment. Change the Wi-Fi Direct SSID if you cannot connect a smart device to the printer.	Trên bảng điều khiển máy in, hãy vào màn hình Thiết lập Wi-Fi Direct và chọn menu để thay đổi cài đặt. Bạn có thể đổi tên mạng theo DIRECT-XX-. Nhập trong phạm vi 22 ký tự.

In tờ tình trạng mạng

Bạn có thể kiểm tra thông in mạng chi tiết bằng cách in ra.

- Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
- Chọn **Cài đặt máy in** > **Cài đặt mạng** > **Tình trạng mạng**.
- Chọn **In tờ tình trạng**.

4. Kiểm tra thông báo và sau đó in tờ tình trạng mạng.

Kiểm tra mạng của máy tính (Chỉ với Windows)

Sử dụng dấu nhắc lệnh để kiểm tra trạng thái kết nối của máy tính và đường dẫn kết nối đến máy in. Việc này sẽ giúp bạn giải quyết các vấn đề.

☐ Lệnh ipconfig

Hiển thị trạng thái kết nối của giao diện mạng hiện đang được sử dụng trên máy tính.

Bằng cách so sánh thông tin cài đặt với giao tiếp thực tế, bạn có thể kiểm tra xem kết nối có chính xác không. Trong trường hợp có nhiều máy chủ DHCP trên cùng một mạng, bạn có thể tìm ra địa chỉ thực tế được gán cho máy tính, máy chủ DNS được giới thiệu, v.v.

☐ Cú pháp: ipconfig /all

☐ Ví dụ:

```

Administrator: Command Prompt
c:\>ipconfig /all

Windows IP Configuration

Host Name . . . . . : WIN2012R2
Primary Dns Suffix . . . . . : pubs.net
Node Type . . . . . : Hybrid
IP Routing Enabled. . . . . : No
WINS Proxy Enabled. . . . . : No
DNS Suffix Search List. . . . . : pubs.net

Ethernet adapter Ethernet:

Connection-specific DNS Suffix . : 
Description . . . . . : Gigabit Network Connection
Physical Address. . . . . : xx-xx-xx-xx-xx-xx
DHCP Enabled. . . . . : No
Autoconfiguration Enabled . . . . : Yes
Link-local IPv6 Address . . . . . : fe80::38fb:7546:18a8:d20e%14(Preferred)
IPv4 Address. . . . . : 192.168.111.10(Preferred)
Subnet Mask . . . . . : 255.255.255.0
Default Gateway . . . . . : 192.168.111.1
DHCPv6 IAID . . . . . : 283142549
DHCPv6 Client DUID. . . . . : 00-01-00-01-20-40-2F-45-00-1D-73-6A-44-08
DNS Servers . . . . . : 192.168.111.2
NetBIOS over Tcpip. . . . . : Enabled

Tunnel adapter isatap.<00000000-ABCD-EFGH-IJK-LMNPQRSTUUV>:

Media State . . . . . : Media disconnected
Connection-specific DNS Suffix . : 
Description . . . . . : Microsoft ISATAP Adapter #2
Physical Address. . . . . : 00-00-00-00-00-00-E0
DHCP Enabled. . . . . : No
Autoconfiguration Enabled . . . . : Yes

c:\>_

```

☐ Lệnh pathping

Bạn có thể xác nhận danh sách các bộ định tuyến đi qua máy chủ đích và định tuyến của giao tiếp.

☐ Cú pháp: pathping xxx.xxx.xxx.xxx

☐ Ví dụ: pathping 192.0.2.222

```

Administrator: Command Prompt
c:\>pathping 192.168.111.20

Tracing route to EPSONAB12AB [192.168.111.20]
over a maximum of 30 hops:
  0  WIN2012R2.pubs.net [192.168.111.10]
  1  EPSONAB12AB [192.168.111.20]

Computing statistics for 25 seconds...
Hop  RTT      Source to Here  This Node/Link  Address
  0                               0/ 100 = 0%    WIN2012R2.pubs.net [192.168.111.10]
  1  38ms      0/ 100 = 0%    0/ 100 = 0%    EPSONAB12AB [192.168.111.20]

Trace complete.

c:\>_

```

Thông tin sản phẩm

Thông tin giấy.	243
Thông tin sản phẩm vật tư tiêu hao.	246
Thông tin về phần mềm.	247
Danh sách menu cài đặt.	255
Thông số kỹ thuật của sản phẩm.	270
Thông tin pháp lý.	277

Thông tin giấy

Các loại giấy sẵn có và các khả năng

Giấy Epson chính hãng

Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng để đảm bảo có được bản in có chất lượng cao.

Lưu ý:

- ❑ Khả năng sẵn có của giấy thay đổi theo địa điểm. Để biết thông tin mới nhất về khả năng sẵn có của giấy tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ❑ Xem phần sau để biết thông tin về các loại giấy có sẵn để in không lể và 2 mặt.
“Giấy in không đường viền” ở trang 244
“Giấy in 2 mặt” ở trang 245
- ❑ Khi in bằng giấy Epson chính hãng với kích thước do người dùng xác định, chỉ cài đặt chất lượng in **Chuẩn** hoặc **Normal** là khả dụng. Dù một số trình điều khiển máy in cho phép bạn chọn chất lượng in tốt hơn, nhưng các bản in vẫn được in bằng **Chuẩn** hoặc **Normal**.

Giấy thích hợp cho việc in tài liệu

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Bright White Ink Jet Paper	A4	200

Giấy thích hợp cho việc in tài liệu và ảnh

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Photo Quality Ink Jet Paper	A4	100
Epson Double-sided Photo Quality Ink Jet Paper	A4	80
Epson Matte Paper-Heavyweight	A4	20
Epson Double-Sided Matte Paper	A4	1

Giấy thích hợp cho việc in ảnh

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Ultra Glossy Photo Paper	A4, 13x18 cm (5x7 in.), 10x15 cm (4x6 in.)	20
Epson Premium Glossy Photo Paper	A4, 13x18 cm (5x7 in.), khổ rộng 16:9 (102x181 mm), 10x15 cm (4x6 in.)	20
Epson Premium Semigloss Photo Paper	A4, 13x18 cm (5x7 in.), 10x15 cm (4x6 in.)	20
Epson Photo Paper Glossy	A4, 13x18 cm (5x7 in.), 10x15 cm (4x6 in.)	20

Nhiều kiểu giấy khác

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Photo Quality Self Adhesive Sheets	A4	1

Giấy có bán sẵn

Lưu ý:

Xem phần sau để biết thông tin về các loại giấy có sẵn để in không lể và 2 mặt.

[“Giấy in không đường viền” ở trang 244](#)

[“Giấy in 2 mặt” ở trang 245](#)

Giấy thường

Giấy thường bao gồm giấy sao chụp và giấy tiêu đề thư^{*1}.

Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Letter, A4, B5, A5, A6, B6, 16K (195×270 mm)	250
Legal, Indian-Legal, 8,5×13 in.	50
Người dùng xác định ^{*2} (mm) 89×127 đến 215,9×1200	1

*1 Giấy trên đó có thông tin như tên người gửi và tên công ty được in sẵn tại phần đầu trang. Phải có khoảng lể từ 3 mm trở lên ở đầu trang giấy. In 2 mặt và in không viền không có sẵn với giấy tiêu đề thư.

*2 Chỉ có thể in từ máy tính.

Phong bì

Kích cỡ	Khả năng nạp (Phong bì)
Phong bì số 10, Phong bì DL, Phong bì C6	10

Giấy in không đường viền

Giấy Epson chính hãng

- ☐ Epson Bright White Ink Jet Paper
- ☐ Epson Photo Quality Ink Jet Paper
- ☐ Epson Double-sided Photo Quality Ink Jet Paper
- ☐ Epson Matte Paper-Heavyweight
- ☐ Epson Double-Sided Matte Paper
- ☐ Epson Ultra Glossy Photo Paper
- ☐ Epson Premium Glossy Photo Paper

☐ Epson Premium Semigloss Photo Paper

☐ Epson Photo Paper Glossy

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243](#)

Giấy có bán sẵn

Giấy thường, giấy sao chép (Letter, A4)

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243](#)

Giấy in 2 mặt

Giấy Epson chính hãng

☐ Epson Bright White Ink Jet Paper

☐ Epson Double-sided Photo Quality Ink Jet Paper (Chỉ in 2 mặt thủ công.)

☐ Epson Double-Sided Matte Paper (Chỉ in 2 mặt thủ công.)

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243](#)

Giấy có bán sẵn

☐ Giấy thường, Giấy sao chụp*

* Giấy Letter, A4, B5, 16K và kích thước do người dùng định nghĩa (182×257 đến 215,9×297 mm) hỗ trợ in 2 mặt tự động.

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 243](#)

Các loại giấy không khả dụng

Không sử dụng các loại giấy sau. Sử dụng những loại giấy này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.

☐ Giấy bị nhăn

☐ Giấy bị rách hoặc bị cắt

☐ Giấy bị gấp lại

☐ Giấy bị ẩm

☐ Giấy quá dày hoặc quá mỏng

☐ Giấy có nhãn dán

Không sử dụng các loại phong bì sau. Sử dụng các loại phong bì này có thể làm kẹt giấy và nhòe mực trên bản in.

- ☐ Phong bì bị cuộn lại hoặc gấp lại
 - ☐ Phong bì có bề mặt dính trên nắp hoặc phong bì có khung nhìn xuyên qua
 - ☐ Phong bì quá mỏng
- Chúng có thể bị cuộn lại trong khi in.

Thông tin sản phẩm vật tư tiêu hao

Mã lọ mực

Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực Epson chính hãng.

Sau đây là các mã cho các loại lọ mực Epson chính hãng.



Quan trọng:

- ☐ Chính sách bảo hành Epson không bao gồm thiệt hại do dùng mực khác với quy định, bao gồm các loại mực Epson chính hãng nhưng không được thiết kế để dùng cho máy in này hoặc bất kỳ loại mực nào thuộc bên thứ ba.
- ☐ Các sản phẩm khác không phải do Epson sản xuất có thể gây hư hỏng không thuộc phạm vi bảo hành của Epson và trong một số trường hợp có thể gây ra hiện tượng máy in hoạt động thất thường.

Lưu ý:

- ☐ Mã bình mực có thể khác nhau tùy theo địa điểm. Để biết mã chính xác ở khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ☐ Mặc dù lọ mực có thể chứa các vật liệu tái chế, điều này không ảnh hưởng đến chức năng và hiệu suất của máy in.
- ☐ Thông số kỹ thuật và hình dáng của lọ mực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước nhằm cải tiến tốt hơn.

Dành cho châu Âu

Sản phẩm	BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thẫm)	Y: Yellow (Vàng)
ET-4850/ET-4856	102	102	102	102
L6290 Series	101	101	101	101
ET-4850U	120	120	120	120

Lưu ý:

Truy cập trang web sau để biết thông tin về dung lượng lọ mực của Epson.

<http://www.epson.eu/pageyield>

For Australia and New Zealand

BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thẫm)	Y: Yellow (Vàng)
502	502	502	502

Dành cho châu Á

BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thắm)	Y: Yellow (Vàng)
001	001	001	001

Mã Hộp Bảo Trì

Người dùng có thể mua và thay thế hộp bảo trì.

Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp bảo dưỡng Epson chính hãng.

Sau đây là mã cho hộp bảo trì Epson chính hãng.

T04D1



Quan trọng:

Sau khi đã lắp hộp bảo dưỡng vào máy in thì không thể dùng hộp đó với máy in khác.

Thông tin về phần mềm

Phần này giới thiệu các dịch vụ mạng và sản phẩm phần mềm có sẵn cho máy in của bạn từ trang web Epson.

Phần mềm để in

Ứng dụng để in từ máy tính (Trình điều khiển máy in cho Windows)

Trình điều khiển máy in điều khiển máy in theo các lệnh từ một ứng dụng. Đặt các thiết lập trên trình điều khiển máy in mang đến kết quả in tốt nhất. Bạn cũng có thể kiểm tra trạng thái của máy in hoặc giữ máy in ở điều kiện hoạt động cao nhất thông qua tiện ích trình điều khiển máy in.

Lưu ý:

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ của trình điều khiển máy in. Chọn ngôn ngữ bạn muốn sử dụng từ thiết lập **Ngôn ngữ** trên thẻ **Bảo dưỡng**.

Truy cập trình điều khiển máy in từ các ứng dụng

Để đặt các thiết lập chỉ áp dụng cho ứng dụng bạn đang sử dụng, hãy truy cập từ ứng dụng đó.

Chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn và sau đó nhấp vào **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính**.

Lưu ý:

Các thao tác sẽ khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển

Để đặt các thiết lập được áp dụng cho tất cả các ứng dụng, hãy truy cập từ bảng điều khiển.

☐ Windows 10/Windows Server 2019/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

☐ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in và Phần cứng khác > Máy in và Fax**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

Truy cập trình điều khiển máy in từ biểu tượng máy in trên thanh tác vụ

Biểu tượng máy in trên thanh tác vụ của màn hình nền là biểu tượng lối tắt cho phép bạn truy cập nhanh trình điều khiển máy in.

Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in và chọn **Cài đặt máy in**, bạn có thể truy cập cùng cửa sổ các thiết lập máy in như cửa sổ được hiển thị từ bảng điều khiển. Nếu bạn nhấp đúp vào biểu tượng này, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in.

Lưu ý:

Nếu biểu tượng máy in không được hiển thị trên thanh tác vụ, truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Ưu tiên giám sát trên thẻ Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Đăng ký biểu tượng phím tắt với thanh công cụ**.

Bắt đầu tiện ích

Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in. Nhấp vào thẻ **Bảo dưỡng**.

Đặt các thiết lập vận hành cho trình điều khiển máy in Windows

Bạn có thể đặt các thiết lập như bật **EPSON Status Monitor 3**.

1. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
2. Nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng**.
3. Đặt các thiết lập thích hợp và sau đó nhấp **Đ.ý**.

Xem trợ giúp trực tuyến để biết giải thích cho từng mục thiết lập.

Thông tin liên quan

➡ [“Ứng dụng để in từ máy tính \(Trình điều khiển máy in cho Windows\)” ở trang 247](#)

Ứng dụng để in từ máy tính (Trình điều khiển máy in cho Mac OS)

Trình điều khiển máy in điều khiển máy in theo các lệnh từ một ứng dụng. Đặt các thiết lập trên trình điều khiển máy in mang đến kết quả in tốt nhất. Bạn cũng có thể kiểm tra trạng thái của máy in hoặc giữ máy in ở điều kiện hoạt động cao nhất thông qua tiện ích trình điều khiển máy in.

Truy cập trình điều khiển máy in từ các ứng dụng

Nhấp **Thiết lập trang** hoặc **In** trên menu **Tệp** từ ứng dụng của bạn. Nếu cần, nhấp vào **Hiển thị Chi tiết** (hoặc ▼) để mở rộng cửa sổ in.

Lưu ý:

Tùy vào ứng dụng đang dùng, **Thiết lập trang** có thể không hiển thị trong menu **Tệp**, và các thao tác hiển thị màn hình in có thể khác nhau. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

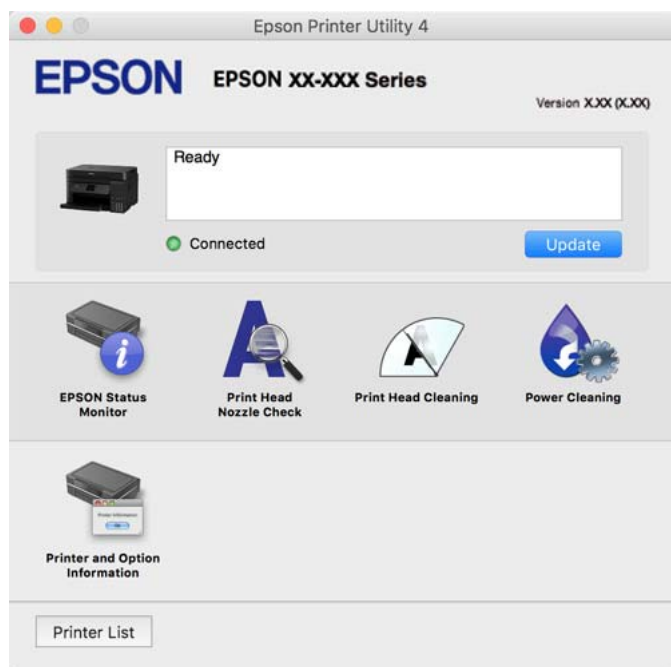
Bắt đầu tiện ích

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.

Hướng dẫn cho Trình điều khiển máy in Mac OS

Epson Printer Utility

Bạn có thể chạy tính năng bảo dưỡng như kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in, và bằng cách bắt đầu **EPSON Status Monitor**, bạn có thể kiểm tra trạng thái máy in và thông tin lỗi.



Truy cập cửa sổ cài đặt hoạt động cho trình điều khiển máy in Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**).

Ứng dụng để in nhanh và vui nhộn từ máy tính (Epson Photo+)

Epson Photo+ là một ứng dụng cho phép bạn dễ dàng in hình ảnh với nhiều bố cục khác nhau. Bạn cũng có thể thực hiện chỉnh sửa hình ảnh và điều chỉnh vị trí trong khi xem bản xem trước của tài liệu. Bạn cũng có thể trang trí hình ảnh bằng cách thêm văn bản và nhãn bất cứ nơi nào bạn thích. Khi in trên giấy ảnh Epson chính hãng, hiệu suất mực có thể đạt mức tối đa, tạo ra một bản in hoàn thiện đẹp với màu sắc tuyệt vời.

Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Để sử dụng ứng dụng này, cần phải cài đặt trình điều khiển máy in cho máy in này.

Bắt đầu trên Windows

- ☐ Windows 10

Bấm vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson Photo+**.

- ☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- ☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả các chương trình** hoặc **Chương trình > Epson Software > Epson Photo+**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Photo+**.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124](#)

Ứng dụng vận hành máy in dễ dàng từ thiết bị thông minh (Epson Smart Panel)

Epson Smart Panel là ứng dụng cho phép bạn thực hiện các thao tác máy in dễ dàng bao gồm in, sao chụp hoặc quét từ một thiết bị thông minh, như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể kết nối máy in và thiết bị thông minh qua mạng không dây, kiểm tra mức mực & trạng thái máy in và kiểm tra các giải pháp nếu xảy ra lỗi. Bạn cũng có thể sao chụp tài liệu dễ dàng bằng cách đăng ký bản sao chụp ưa thích.

Tìm kiếm và cài đặt Epson Smart Panel từ App Store hoặc Google Play.



Ứng dụng để in dễ dàng từ ứng dụng Android (Epson Print Enabler)

Epson Print Enabler là ứng dụng cho phép bạn in tài liệu, email, ảnh và trang web theo cách không dây ngay từ điện thoại hoặc máy tính bảng Android (Android v4.4 trở lên). Với một vài lần nhấn, thiết bị Android của bạn sẽ phát hiện máy in Epson đã kết nối với cùng mạng không dây.

Tìm kiếm và cài đặt Epson Print Enabler từ Google Play.

Phần mềm để quét

Ứng dụng để quét từ máy tính (Epson ScanSmart)

Ứng dụng này cho phép bạn quét tài liệu và ảnh dễ dàng, sau đó lưu hình ảnh quét theo các bước đơn giản. Xem trợ giúp Epson ScanSmart để biết chi tiết về việc sử dụng các tính năng.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software > Epson ScanSmart**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình > Epson Software > Epson ScanSmart**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson ScanSmart**.

Phần mềm cho fax

Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)

FAX Utility là ứng dụng cho phép bạn cấu hình hàng loạt các thiết lập để gửi fax từ máy tính. Bạn có thể tạo hoặc sửa danh bạ được sử dụng khi gửi fax, cấu hình lưu fax đã nhận ở định dạng PDF trên máy tính, v.v. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

☐ Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in trước khi cài đặt FAX Utility.

☐ Đảm bảo rằng FAX Utility đã được cài đặt. Xem "Bắt đầu trên Windows" hoặc "Bắt đầu trên Mac OS" bên dưới để kiểm tra xem ứng dụng đã được cài đặt chưa.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Epson Software > FAX Utility**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả các Chương trình (hoặc Chương trình) > Epson Software > FAX Utility**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét, In và fax**), sau đó chọn máy in (FAX). Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Tiện ích > Mở tiện ích máy in**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax từ máy tính” ở trang 100
- ➔ “Nhận fax trên máy tính” ở trang 104

Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX)

Trình điều khiển PC-FAX là ứng dụng cho phép bạn gửi tài liệu được tạo ra trên một ứng dụng riêng dưới dạng fax trực tiếp từ máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt khi bạn cài đặt FAX Utility. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

- ☐ Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- ☐ Kiểm tra xem trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt chưa. Xem “Truy cập từ Windows” hoặc “Truy cập từ Mac OS” bên dưới.
- ☐ Thao tác vận hành khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn đã sử dụng để tạo tài liệu. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Truy cập từ Windows

Trong ứng dụng, chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) và sau đó nhấp vào **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính**.

Truy cập từ Mac OS

Trong ứng dụng, chọn **In** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) là thiết lập **Máy in** và sau đó chọn **Fax Settings** hoặc **Recipient Settings** từ menu bật lên.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi fax từ máy tính” ở trang 100

Phần mềm tạo gói

Application for Creating Driver Packages (EpsonNet SetupManager)

EpsonNet SetupManager là phần mềm tạo gói cài đặt máy in đơn giản, chẳng hạn như cài đặt trình điều khiển máy in, cài đặt EPSON Status Monitor và tạo cổng máy in. Phần mềm này cho phép quản trị viên tạo các gói phần mềm độc đáo và phân phối cho các nhóm người dùng.

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web Epson khu vực của bạn.

<http://www.epson.com>

Phần mềm để thực hiện cài đặt

Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config)

Web Config là ứng dụng chạy trên trình duyệt, như Microsoft Edge và Safari, trên máy tính hoặc thiết bị thông minh. Bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in hoặc thay đổi các cài đặt dịch vụ mạng và máy in. Để sử dụng Web Config, kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị với cùng mạng.

Các trình duyệt sau được hỗ trợ. Sử dụng phiên bản mới nhất.

Microsoft Edge, Internet Explorer, Firefox, Chrome, Safari

Lưu ý:

Bạn có thể được yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên trong khi thực hiện thao tác trên Web Config. Xem thông tin liên quan bên dưới để biết thêm chi tiết.

Thông tin liên quan

➔ [“Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên” ở trang 16](#)

Chạy Web Config trên Trình duyệt web

1. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in.

Chọn biểu tượng mạng trên màn hình chính của máy in, sau đó chọn phương thức kết nối hiện hoạt để xác nhận địa chỉ IP của máy in.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra địa chỉ IP bằng cách in báo cáo kết nối mạng.

2. Khởi chạy trình duyệt Web từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

Định dạng:

IPv4: `http://địa chỉ IP của máy in/`

IPv6: `http://[địa chỉ IP của máy in]/`

Ví dụ:

IPv4: `http://192.168.100.201/`

IPv6: `http://[2001:db8::1000:1]/`

Lưu ý:

Sử dụng thiết bị thông minh, bạn cũng có thể chạy Web Config từ màn hình thông tin sản phẩm của Epson Smart Panel.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Thông tin liên quan

➔ [“In báo cáo kết nối mạng” ở trang 235](#)

Chạy Web Config trên Windows

Khi kết nối máy tính với máy in bằng cách sử dụng WSD, hãy làm theo các bước bên dưới để chạy Web Config.

1. Mở danh sách in trên máy tính.

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu và sau đó chọn **Hệ thống Windows > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Chọn **Bàn làm việc > Thiết đặt > Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**).

☐ Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

☐ Windows Vista

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển > Máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh**.

2. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Thuộc tính**.

3. Chọn thẻ **Dịch vụ Web** và nhấp vào URL.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Chạy Web Config trên Mac OS

1. Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét, In và fax**), sau đó chọn máy in.

2. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Hiển thị Trang web Máy in**.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Ứng dụng thiết lập thiết bị trên mạng (EpsonNet Config)

EpsonNet Config là ứng dụng cho phép bạn thiết lập địa chỉ giao tiếp mạng và giao thức. Xem hướng dẫn vận hành cho EpsonNet Config hoặc trợ giúp của ứng dụng để biết thêm chi tiết.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10/Windows Server 2019/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EpsonNet > EpsonNet Config**.

☐ Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả chương trình hoặc Chương trình > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config**.

Bắt đầu trên Mac OS

Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > EpsonNet > EpsonNet Config SE > EpsonNet Config.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124](#)

Phần mềm cập nhật

Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)

Epson Software Updater là ứng dụng cài đặt phần mềm mới và cập nhật chương trình cơ sở qua Internet. Nếu bạn muốn kiểm tra thông tin cập nhật thường xuyên, bạn có thể đặt khoảng thời gian kiểm tra cập nhật trong Cài đặt Tự động cập nhật của Epson Software Updater.

Lưu ý:

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

Bắt đầu trên Windows

☐ Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EPSON Software > Epson Software Updater**.

☐ Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

☐ Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình (hoặc Chương trình) > EPSON Software > Epson Software Updater**.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể bắt đầu Epson Software Updater bằng cách nhấp vào biểu tượng máy in trên thanh tác vụ trên màn hình nền, và sau đó chọn **Cập nhật phần mềm**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Software Updater**.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 124](#)

Danh sách menu cài đặt

Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính của máy in để thực hiện các cài đặt khác nhau.

Cài đặt máy in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in

Cài đặt cơ bản

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt cơ bản

Độ sáng màn hình LCD:

Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD.

Âm thanh:

Điều chỉnh âm lượng.

☐ Tắt âm

Chọn **Bật** để tắt tiếng những âm thanh như âm thanh do **Nhấn nút** phát ra.

☐ Chế độ bình thường

Chọn âm lượng như **Nhấn nút**.

☐ Chế độ không ồn

Chọn âm lượng như **Nhấn nút** ở **Chế độ không ồn**.

Hẹn giờ chờ:

Điều chỉnh khoảng thời gian chuyển sang chế độ ngủ (chế độ tiết kiệm năng lượng) khi máy in không thực hiện bất kỳ thao tác nào. Màn hình LCD chuyển thành màu đen khi quá thời gian đã thiết lập này.

Bộ hẹn giờ tắt:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Cài đặt tắt nguồn** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Cài đặt tắt nguồn:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Bộ hẹn giờ tắt** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

☐ Tắt nguồn nếu không hoạt động

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

☐ Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối

Chọn cài đặt này để tắt máy in sau một khoảng thời gian nhất định khi bạn ngắt kết nối tất cả các cổng kể cả cổng LINE. Tính năng này có thể không khả dụng tùy vào khu vực của bạn.

Truy cập trang web sau đây để biết về khoảng thời gian nhất định.

<https://www.epson.eu/energy-consumption>

Cài đặt ngày/giờ:

☐ Ngày/giờ

Nhập ngày và giờ hiện tại.

☐ Giờ mùa hè

Chọn thiết lập thời gian mùa hè được áp dụng cho khu vực của bạn.

☐ Chênh lệch giờ

Nhập sự khác biệt thời gian giữa thời gian địa phương và UTC (Coordinated Universal Time — Thời gian phối hợp chung).

Quốc gia/Vùng:

Chọn quốc gia hoặc khu vực mà bạn đang sử dụng máy in. Nếu bạn thay đổi quốc gia hoặc khu vực, cài đặt fax của bạn sẽ trở về cài đặt mặc định và bạn phải chọn lại cài đặt.

Ngôn ngữ/Language:

Chọn ngôn ngữ được sử dụng trên màn hình LCD.

Hình nền:

Thay đổi màu nền của màn hình chính.

Thời gian chờ hoạt động:

Chọn **Bật** để quay lại màn hình ban đầu khi không có thao tác nào được thực hiện trong thời gian đã chỉ định.

Bàn phím:

Thay đổi bố cục bàn phím trên màn hình LCD.

Thông tin liên quan

➔ “Tiết kiệm điện” ở trang 124

➔ “Nhập các ký tự” ở trang 27

Cài đặt máy in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt máy in

Cài đặt nguồn giấy:

Cài đặt giấy:

Chọn kích cỡ giấy và kiểu giấy bạn đã nạp vào nguồn giấy. Bạn có thể thực hiện **Cài đặt giấy yêu thích** trong kích cỡ giấy và loại giấy.

Chuyển đổi tự động A4/Thư:

Chọn **Bật** để nạp giấy từ nguồn giấy được cài làm khổ A4 khi không có nguồn giấy được cài làm khổ Thư, hoặc nạp từ nguồn giấy được cài làm khổ Thư khi không có nguồn giấy được cài làm khổ A4.

Thông báo lỗi:

Chọn **Bật** để hiển thị thông báo lỗi khi loại hoặc khổ giấy đã chọn không khớp với giấy đã nạp.

Tự động hiển thị thiết lập giấy:

Chọn **Bật** để hiển thị màn hình **Cài đặt giấy** khi nạp giấy vào hộc đựng giấy. Nếu bạn tắt tính năng này, bạn không thể in từ iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng AirPrint.

Cài đặt in chung:

Những cài đặt in này được áp dụng khi bạn in bằng thiết bị bên ngoài mà không sử dụng trình điều khiển máy in. Các cài đặt độ xê dịch được áp dụng khi bạn in bằng trình điều khiển máy in.

Bù trên:

Chỉnh lề giấy trên.

Bù trái:

Chỉnh lề giấy trái.

Bù trên ở mặt sau:

Chỉnh lề giấy trên cho mặt sau của trang khi in 2 mặt.

Bù trái ở mặt sau:

Chỉnh lề giấy trái cho mặt sau của trang khi thực hiện in 2 mặt.

Kiểm tra độ rộng giấy:

Chọn **Bật** để kiểm tra chiều rộng của giấy trước khi in. Tùy chọn này giúp không in ra ngoài các mép giấy khi cài đặt kích thước giấy không đúng, nhưng có thể làm giảm tốc độ in.

Bỏ qua trang trống:

Bỏ qua các trang trống khi tự động in dữ liệu.

Bộ thoát lỗi tự động:

Chọn thao tác cần thực hiện khi xảy ra lỗi in 2 mặt hoặc lỗi đẩy bộ nhớ.

☐ **Bật**

Hiển thị cảnh báo và in ở chế độ một mặt khi xảy ra lỗi in 2 mặt hoặc chỉ in những thứ máy in có thể xử lý khi xảy ra lỗi bộ nhớ đầy.

☐ **Tắt**

Hiển thị thông báo lỗi và hủy in.

Chế độ không ồn:

Chọn **Bật** để giảm tiếng ồn trong khi in. Tuy nhiên, điều này có thể làm giảm tốc độ in. Tùy vào loại giấy và cài đặt chất lượng in bạn đã chọn, có thể không có sự khác biệt ở mức ồn của máy in.

Thời gian khô mực:

Chọn thời gian khô mực mà bạn muốn sử dụng khi thực hiện in 2 mặt. Máy in sẽ in mặt kia sau khi in một mặt. Nếu bản in bị bẩn, hãy tăng cài đặt thời gian.

Kết nối PC qua USB:

Chọn **Bật** để cho phép máy tính truy cập máy in khi được kết nối bằng USB. Khi chọn **Tắt**, những tác vụ in và quét không được gửi qua kết nối mạng sẽ bị hạn chế.

Thông tin liên quan

➔ “[Nạp giấy](#)” ở trang 32

Cài đặt mạng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt mạng

Thiết lập Wi-Fi:

Thiết lập hoặc thay đổi cài đặt mạng không dây. Chọn phương thức kết nối từ bên dưới và sau đó làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.

Wi-Fi (Khuyến dùng):

- ☐ Trình hướng dẫn thiết lập Wi-Fi
- ☐ Thiết lập nút nhấn (WPS)
- ☐ Chức năng khác
 - ☐ Thiết lập mã PIN (WPS)
 - ☐ Tự động kết nối Wi-Fi
 - ☐ Tắt Wi-Fi

Bạn có thể khắc phục các vấn đề mạng bằng cách tắt thiết lập Wi-Fi hoặc đặt lại thiết lập

Wi-Fi. Chọn  > **Wi-Fi (Khuyến dùng)** > **Đổi cài đặt** > **Chức năng khác** > **Tắt Wi-Fi** > **Bắt đầu vào thiết lập**.

Wi-Fi Direct:

- ☐ iOS
- ☐ Thiết bị HĐH khác
- ☐ Menu
 - ☐ Đổi tên mạng
 - ☐ Đổi mật khẩu
 - ☐ Tắt Wi-Fi Direct
 - ☐ Phục hồi cài đặt mặc định

Thiết lập LAN có dây:

Thiết lập hoặc thay đổi kết nối mạng bằng cáp LAN và bộ định tuyến. Khi sử dụng phương thức này, kết nối Wi-Fi sẽ bị tắt.

Tình trạng mạng:

Hiển thị hoặc in các cài đặt mạng hiện tại.

- ☐ Trạng thái LAN có dây/Wi-Fi
- ☐ Trạng thái Wi-Fi Direct
- ☐ In tờ tình trạng

Kiểm tra kết nối:

Kiểm tra kết nối mạng hiện tại và in báo cáo. Nếu có bất kỳ vấn đề nào với kết nối, hãy xem báo cáo để giải quyết vấn đề.

Nâng cao:

Thực hiện các cài đặt chi tiết sau.

- ☐ Tên thiết bị
- ☐ TCP/IP
- ☐ Máy chủ ủy nhiệm
- ☐ Địa chỉ IPv6
- ☐ Tốc độ liên kết và In song công

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển” ở trang 226
- ➔ “Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct)” ở trang 230
- ➔ “Kiểm tra tình trạng kết nối mạng” ở trang 234

Cài đặt dịch vụ web

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt dịch vụ web

Dịch vụ Epson Connect:

Hiển thị xem máy in đã được đăng ký và kết nối với Epson Connect hay chưa.

Bạn có thể đăng ký dịch vụ bằng cách chọn **Đăng ký** và làm theo hướng dẫn.

Khi đã đăng ký, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau.

- ☐ Tạm dừng/Tiếp tục lại
- ☐ Hủy đăng ký

Để biết chi tiết, hãy xem trang web sau.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Thông tin liên quan

- ➔ “In bằng dịch vụ đám mây” ở trang 64

Cài đặt fax

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra kết nối fax” ở trang 261
- ➔ “Thuật sĩ cài đặt fax” ở trang 261
- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261
- ➔ “Cài đặt gửi” ở trang 263
- ➔ “Cài đặt nhận” ở trang 264
- ➔ “Cài đặt báo cáo” ở trang 266
- ➔ “Cài đặt bảo mật” ở trang 266

Kiểm tra kết nối fax

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Kiểm tra kết nối fax

Chọn **Kiểm tra kết nối fax** sẽ kiểm tra xem máy in có kết nối với đường điện thoại và sẵn sàng truyền fax không. Bạn có thể in kết quả kiểm tra trên giấy thường kích thước A4.

Thuật sĩ cài đặt fax

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Thuật sĩ cài đặt fax

Lưu ý:

Bạn không thể hiển thị menu này trên màn hình Web Config.

Chọn **Thuật sĩ cài đặt fax** sẽ thực hiện các cài đặt fax cơ bản. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261
- ➔ “Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 291

Cài đặt cơ bản

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản

Tốc độ fax:

Chọn tốc độ truyền fax. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng **Chậm (9.600b/giây)** khi lỗi truyền tin xảy ra thường xuyên, khi gửi/nhận fax đến/từ nước ngoài hoặc khi bạn sử dụng dịch vụ điện thoại IP (VoIP).

ECM:

Tự động sửa lỗi trong khi truyền fax (Chế độ sửa lỗi), chủ yếu là do nhiễu trên đường điện thoại gây ra. Nếu tính năng này tắt, bạn không thể gửi hoặc nhận tài liệu màu.

Phát hiện âm gọi:

Phát hiện âm quay số trước khi bắt đầu quay số. Nếu máy in kết nối với PBX (Tổng đài nội bộ) hoặc đường điện thoại kỹ thuật số, máy in có thể gặp lỗi khi bắt đầu quay số. Trong trường hợp này, đổi thiết lập **Loại dòng** thành **PBX**. Nếu việc thay đổi cài đặt này không giúp khắc phục sự cố, hãy tắt tính năng này đi. Tuy nhiên, việc tắt tính năng này có thể cắt chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.

Chế độ gọi:

Chọn kiểu hệ thống điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in. Khi được đặt là **Rung động**, bạn có thể tạm thời chuyển từ chế độ xung sang chế độ âm bằng cách bấm * ("T" được nhập vào) khi nhập số trên màn hình fax ở trên cùng. Cài đặt này có thể không hiển thị tùy vào khu vực hoặc quốc gia của bạn.

Loại dòng:

Chọn kiểu đường điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in.

Khi sử dụng máy in trong môi trường có sử dụng số máy lẻ và yêu cầu phải có mã truy cập ra bên ngoài, chẳng hạn như 0 và 9, để gọi ra được đường điện thoại bên ngoài, hãy chọn **PBX**. Đối với môi trường sử dụng modem DSL hoặc bộ điều hợp thiết bị đầu cuối, việc cài đặt sang **PBX** cũng được khuyến dùng.

Mã truy cập

Chọn **Dùng**, sau đó đăng ký mã truy cập ra bên ngoài như 0 hoặc 9. Sau đó, khi gửi fax đến số fax bên ngoài, hãy nhập # (dấu thăng) thay vì mã thực. # (dấu thăng) cũng được sử dụng trong **Danh bạ** làm mã truy cập ra bên ngoài. Nếu mã truy cập ra bên ngoài như 0 hoặc 9 được đặt trong một liên hệ, bạn không thể gửi fax đến liên hệ đó. Trong trường hợp này, đặt **Mã truy cập** thành **Đừng dùng**, nếu không, bạn phải thay đổi mã trong **Danh bạ** thành #.

Tiêu đề:

Nhập tên người gửi và số fax của bạn. Thông tin này xuất hiện dưới dạng đầu trang của fax gửi đi.

- ☐ Số điện thoại của bạn: Bạn có thể nhập lên đến 20 ký tự 0-9 + hoặc khoảng trắng.
- ☐ Dòng đầu trang fax: Bạn có thể đăng ký lên đến 21 tên người gửi nếu cần. Bạn có thể nhập lên đến 40 ký tự cho từng tên người gửi.

Chế độ nhận:

Chọn chế độ nhận. Để biết chi tiết, hãy xem thông tin liên quan bên dưới.

DRD:

Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ nhạc chuông đặc biệt từ công ty điện thoại, chọn mẫu nhạc chuông cần dùng cho fax gửi đến. Dịch vụ nhạc chuông đặc biệt được cung cấp bởi nhiều công ty điện thoại (tên dịch vụ sẽ khác nhau tùy theo công ty) cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường dây điện thoại. Mỗi số sẽ được gán cho một kiểu nhạc chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Tùy thuộc vào khu vực, tùy chọn này có thể đã **Bật** hoặc **Tắt**.

Đổ chuông trả lời:

Chọn số lần đổ chuông phải xuất hiện trước khi máy in tự động nhận fax.

Nhận từ xa:

Nhận từ xa

Khi bạn trả lời cuộc gọi fax đến trên điện thoại kết nối với máy in, bạn có thể bắt đầu nhận fax bằng cách nhập mã thông qua điện thoại.

Bật mã

Đặt mã bắt đầu của **Nhận từ xa**. Nhập hai ký tự bằng 0–9, *, #.

Fax từ chối:

Fax từ chối

Chọn tùy chọn để từ chối fax rác.

- ☐ Danh sách số từ chối: Nếu số điện thoại của bên kia nằm trong danh sách số từ chối, hãy thiết lập có từ chối fax đến không.
- ☐ Đã chặn khoảng trống tiêu đề fax: Nếu số điện thoại của bên kia bị chặn, hãy thiết lập có từ chối nhận fax không.
- ☐ Danh bạ chưa đăng ký: Nếu số điện thoại của bên kia không nằm trong danh bạ, hãy thiết lập có từ chối nhận fax không.

Sửa danh sách số từ chối

Bạn có thể đăng ký lên đến 30 số fax để từ chối fax và cuộc gọi. Nhập lên đến 20 ký tự 0–9, *, #, hoặc khoảng trắng.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 291](#)
- ➔ [“Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 293](#)
- ➔ [“Nhận fax gửi đến” ở trang 93](#)
- ➔ [“Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 295](#)

Cài đặt gửi

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt gửi

Thời gian chờ Bản gốc tiếp theo:

Đặt thời gian đợi bản gốc tiếp theo. Máy in bắt đầu gửi fax sau khi hết thời gian này.

Thời gian hiển thị xem trước fax:

Bạn có thể xem trước tài liệu quét trong một thời gian đã đặt trước khi gửi tài liệu. Máy in bắt đầu gửi fax sau khi hết thời gian này.

Cài đặt nhận

Thông tin liên quan

➡ “Đầu ra fax” ở trang 264

➡ “Cài đặt in” ở trang 264

Đầu ra fax

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Đầu ra fax

Lưu vào hộp thư đến:

Lưu vào hộp thư đến:

Lưu fax đã nhận vào Hộp thư đến của máy in. Bạn có thể lưu đến 100 tài liệu. Lưu ý rằng có thể không lưu được 100 tài liệu tùy thuộc điều kiện sử dụng, như kích thước tệp của tài liệu được lưu và việc sử dụng cùng lúc nhiều tính năng lưu fax.

Mặc dù máy in không tự động in fax đã nhận, bạn có thể xem fax trên màn hình của máy in và chỉ in những bản fax bạn cần.

Tùy chọn khi bộ nhớ đầy:

Bạn có thể chọn thao tác để in fax đã nhận hoặc từ chối nhận fax khi bộ nhớ Hộp thư đến đầy.

Cài đặt mật khẩu hộp thư đến:

Mật khẩu giúp bảo vệ Hộp thư đến nhằm hạn chế người dùng xem fax nhận được. Chọn **Thay đổi** để đổi mật khẩu và chọn **Cài lại** để hủy bảo vệ bằng mật khẩu. Khi thay đổi hoặc cài lại mật khẩu, bạn cần mật khẩu hiện tại.

Bạn không thể thiết lập mật khẩu khi **Tùy chọn khi bộ nhớ đầy** đã được thiết lập thành **Nhận và in fax**.

Lưu vào máy tính:

Lưu fax đã nhận thành tệp PDF trên máy tính đã kết nối với máy in. Bạn chỉ có thể đặt tùy chọn này là **Có** thông qua FAX Utility (ứng dụng). Bạn không thể bật tùy chọn này từ bảng điều khiển của máy in. Cài đặt trước FAX Utility trên máy tính. Sau khi đặt tùy chọn này là **Có**, bạn có thể thay đổi tùy chọn này thành **Có và in** từ bảng điều khiển của máy in.

Thông tin liên quan

➡ “Thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận” ở trang 294

Cài đặt in

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Cài đặt in

Giảm tự động:

In fax đã nhận với tài liệu kích thước lớn được thu nhỏ cho vừa với giấy trong nguồn giấy. Việc thu nhỏ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào dữ liệu đã nhận. Nếu tính năng này tắt, các tài liệu lớn được in ở kích cỡ ban đầu trên nhiều tờ hoặc trang thứ hai trắng có thể bị đẩy ra.

Cài đặt tách trang:

In fax đã nhận với việc chia trang khi kích thước của tài liệu nhận được lớn hơn kích thước giấy được nạp vào máy in.

Xoay tự động:

Xoay các bản fax nhận được ở dạng tài liệu kích thước A5, hướng nằm ngang để in trên giấy kích thước A5. Cài đặt này cũng được áp dụng khi cài đặt kích thước giấy cho ít nhất một nguồn giấy được sử dụng để in fax được thiết lập là A5.

Khi chọn **Tắt**, các bản fax đã nhận ở kích thước A5 theo hướng nằm ngang, có cùng chiều rộng với tài liệu chiều dọc A4, được coi là bản fax kích thước A4 và được in như vậy.

Kiểm tra cài đặt kích thước giấy trong **Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt máy in > Cài đặt nguồn giấy**.

Thêm thông tin nhận:

In thông tin nhận trên fax đã nhận, ngay cả khi người gửi không đặt thông tin đầu trang. Thông tin nhận bao gồm ngày và giờ nhận được, ID người gửi, ID nhận và số trang (chẳng hạn như "P1"). Khi bật **Cài đặt tách trang**, số chia trang cũng được bao gồm.

2 mặt:

In nhiều trang fax đã nhận trên cả hai mặt giấy.

Định giờ bắt đầu in:

Chọn các tùy chọn để bắt đầu in fax đã nhận.

- ☐ **Đã nhận tất cả các trang:** Việc in bắt đầu sau khi nhận được tất cả các trang. Để bắt đầu in từ trang đầu tiên hay trang cuối cùng tùy thuộc vào cài đặt của tính năng **Chống đối chiếu**. Xem giải thích cho **Chống đối chiếu**.
- ☐ **Đã nhận trang đầu:** Bắt đầu in khi nhận được trang đầu tiên, sau đó in theo thứ tự các trang nhận được. Nếu máy in không thể bắt đầu in, như khi đang in công việc khác, máy in sẽ bắt đầu in các trang đã nhận được dưới dạng một mẻ khi đã sẵn sàng.

Chống đối chiếu:

Vì trang đầu tiên được in cuối cùng (đưa ra lên trên cùng), tài liệu in được xếp chồng theo đúng thứ tự trang. Khi máy in thiếu bộ nhớ, tính năng này có thể không hoạt động.

Giờ tạm dừng in:

Giờ tạm dừng in

Trong khoảng thời gian đã định, máy in lưu tài liệu nhận được vào bộ nhớ của máy in và không in chúng. Tính năng này có thể được sử dụng để tránh gây ồn vào ban đêm hoặc tránh việc tài liệu bí mật bị tiết lộ khi bạn không ở đó. Trước khi dùng tính năng này, đảm bảo máy in có đủ dung lượng bộ nhớ trống.

Thời gian dừng

Dừng in tài liệu.

Thời gian khởi động lại

Tự động khởi động lại việc in tài liệu.

Chế độ không ồn:

Giảm tiếng ồn máy in tạo ra khi in fax, tuy nhiên, tốc độ in có thể bị giảm đi.

Cài đặt báo cáo

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo

In tự động nhật ký fax:

Tự động in nhật ký fax. Chọn **Bật(Mỗi 30)** để in nhật ký mỗi khi hoàn tất 30 công việc fax. Chọn **Bật(Giờ)** để in nhật ký theo thời gian quy định. Tuy nhiên, nếu số công việc fax vượt quá 30, nhật ký sẽ được in trước khi đến thời gian quy định.

Đính kèm hình ảnh vào báo cáo:

In **Báo cáo truyền gửi** cùng với ảnh của trang đầu tiên của tài liệu đã gửi. Chọn **Bật(Hình lớn)** để in phần trên của trang mà không cần thu nhỏ. Chọn **Bật(Hình nhỏ)** để in toàn bộ trang thu nhỏ để vừa với báo cáo.

Định dạng báo cáo:

Chọn định dạng cho báo cáo fax trong tab **Fax > Xem thêm > Báo cáo fax** khác với **Dấu vết giao thức**. Chọn **Chi tiết** để in cùng với mã lỗi.

Cài đặt bảo mật

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt bảo mật

Giới hạn gọi điện trực tiếp:

Chọn **Bật** sẽ tắt việc nhập thủ công số fax của người nhận, cho phép người vận hành chỉ chọn người nhận từ danh bạ hoặc lịch sử đã gửi.

Chọn **Nhập hai lần** sẽ yêu cầu người vận hành nhập lại số fax khi số đã được nhập theo cách thủ công.

Chọn **Tắt** sẽ cho phép nhập thủ công số fax của người nhận.

Giới hạn truyền phát:

Chọn **Bật** cho phép chỉ một số fax được nhập vào là người nhận.

Xác nhận d.sách địa chỉ:

Hiện thị màn hình xác nhận người nhận trước khi bắt đầu truyền tải.

Bạn có thể chọn người nhận từ **Tất cả** hoặc **Chỉ để truyền phát**.

Tự xóa hết dữ liệu sao lưu:

Bản sao dự phòng của các tài liệu đã gửi và nhận thường được lưu trữ tạm thời trong bộ nhớ của máy in để chuẩn bị cho tình huống tắt nguồn bất chợt do mất điện hoặc do hoạt động không chính xác.

Chọn **Bật** sẽ tự động xóa các bản sao lưu khi việc gửi hoặc nhận tài liệu đã hoàn tất thành công và các bản sao lưu trở nên không cần thiết.

Xóa hết dữ liệu sao lưu:

Xóa mọi bản sao lưu được lưu tạm trong bộ nhớ máy in. Chạy tính năng này trước khi bạn tặng máy in cho người khác hoặc thải bỏ máy in.

Bảo trì

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bảo trì

Kiểm tra kim phun đầu in:

Chọn tính năng này để kiểm tra xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Máy in sẽ in một mẫu kiểm tra kim phun.

Làm sạch đầu in:

Chọn tính năng này để vệ sinh kim phun bị tắc trong đầu in.

Vệ Sinh Tăng Cường:

Chọn tính năng này để thay toàn bộ mực bên trong ống mực. Nhiều mực được sử dụng hơn khi làm sạch thông thường. Xem “Thông tin có liên quan” dưới đây để biết chi tiết về cách sử dụng tính năng này.

Căn chỉnh đầu in:

Chọn tính năng này để điều chỉnh đầu in nhằm cải thiện chất lượng in.

☐ Căn chỉnh dọc

Chọn tính năng này nếu bản in trông bị mờ hoặc chữ và các đường kẻ bị lệch.

☐ Căn chỉnh chiều ngang

Chọn tính năng này nếu dải ngang xuất hiện với tần suất thường xuyên trong bản in của bạn.

Nạp mực:

Chọn tính năng này để đặt lại mức mực thành 100% khi bạn nạp lại mực cho hộp mực.

Cài đặt Mức mực:

Chọn tính năng này để đặt mức mực theo lượng mực thực tế còn lại.

Dung tích còn lại của Hộp bảo trì:

Hiển thị tuổi thọ dự kiến của hộp bảo trì. Khi  được hiển thị, hộp bảo trì gần như đã đầy. Khi  được hiển thị, hộp bảo trì đã đầy.

Làm sạch dẫn hướng giấy:

Chọn tính năng này nếu có vết mực bẩn trên các trục lăn bên trong. Máy in sẽ nạp giấy để vệ sinh trục lăn bên trong.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 112
- ➔ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 114
- ➔ “Nạp lại mực cho hộp mực” ở trang 193
- ➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 115

In tờ tình trạng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > In tờ tình trạng

Tờ tình trạng cấu hình:

In tờ thông tin cho thấy cài đặt và tình trạng hiện tại của máy in.

Cung cấp tờ tình trạng:

In tờ thông tin cho thấy tình trạng của vật tư tiêu hao.

Bản lược sử sử dụng:

In tờ thông tin cho thấy lịch sử sử dụng của máy in.

Bộ đếm bản in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bộ đếm bản in

Hiển thị tổng số bản in, số bản in đen trắng, số bản in màu, và tổng số giấy đã nạp qua máy in, bao gồm các mục như tờ trạng thái, từ lúc bạn mua máy in này.

Cài đặt người dùng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt người dùng

Bạn có thể thay đổi cài đặt mặc định cho các cài đặt quét, sao chụp và fax thường sử dụng. Xem thông tin có liên quan sau đây để biết chi tiết.

- ☐ Sao chụp
- ☐ Scan sang Máy tính
- ☐ Scan sang Đám mây

☐ Fax

Nghiên cứu khách hàng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Nghiên cứu khách hàng

Chọn **Phê duyệt** để cung cấp thông tin sử dụng sản phẩm, như số lượng bản in cho Seiko Epson Corporation.

Phục hồi cài đặt mặc định

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định

Đặt lại menu sau về mặc định.

- ☐ Cài đặt mạng
- ☐ Cài đặt sao chụp
- ☐ Cài đặt scan
- ☐ Cài đặt fax
- ☐ Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt

Cập nhật firmware

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cập nhật firmware

Cập nhật:

Kiểm tra xem phiên bản mới nhất của chương trình cơ sở đã được tải lên máy chủ mạng chưa. Phần mềm cơ sở được cập nhật khi tìm thấy phần mềm cơ sở mới. Khi quá trình cập nhật đã bắt đầu, bạn không thể gián đoạn quá trình.

Thông báo:

Chọn **Bật** để nhận thông báo nếu có bản cập nhật chương trình cơ sở.

Thông tin liên quan

➔ [“Cập nhật chương trình cơ sở của máy in bằng bảng điều khiển” ở trang 129](#)

Thông số kỹ thuật của sản phẩm

Thông số kỹ thuật máy in

Bố trí kim phun của đầu in		Kim phun mực đen: 400 Kim phun mực màu: 128 cho từng màu
Trọng lượng giấy*	Giấy thường	64 đến 90 g/m ² (17 đến 24 pao)
	Phong bì	Phong bì số 10, DL, C6: 75 đến 100 g/m ² (20 đến 27 pao)

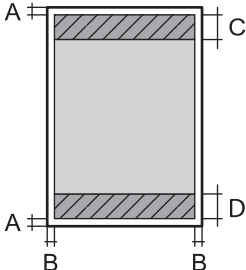
* Ngay cả khi độ dày giấy in nằm trong khoảng này thì có thể giấy vẫn không nạp trong máy in hoặc chất lượng in có thể suy giảm tùy theo thuộc tính hoặc chất lượng giấy.

Khu vực có thể in

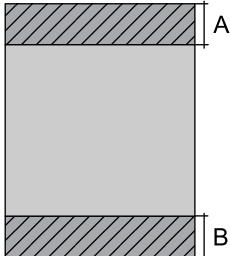
Khu vực có thể in của một tờ giấy

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

In có viền

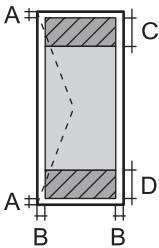
	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	3.0 mm (0.12 in.)
	C	41.0 mm (1.61 in.)
	D	37.0 mm (1.46 in.)

In không đường viền

	A	44.0 mm (1.73 in.)
	B	40.0 mm (1.57 in.)

Khu vực có thể in cho bì thư

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	3.0 mm (0.12 in.)
	C	18.0 mm (0.70 in.)
	D	41.0 mm (1.61 in.)

Thông số kỹ thuật máy quét

Loại máy quét	Tấm phẳng
Thiết bị quang điện	CIS
Số pixel hiệu lực	10200×14040 pixel (1200 dpi)
Kích cỡ tài liệu tối đa	216×297 mm (8.5×11.7 inch) A4, Letter
Độ phân giải quét	1200 dpi (quét chính) 2400 dpi (quét phụ)
Độ phân giải đầu ra	50 đến 9600 dpi với tỷ lệ tăng 1 dpi
Độ sâu của màu	Màu ☐ 48 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong (16 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên trong) ☐ 24 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài (8 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên ngoài) Thang độ xám ☐ 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong ☐ 8 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài Đen trắng ☐ 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong ☐ 1 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài
Nguồn sáng	LED

Thông số kỹ thuật ADF

Khổ giấy sẵn có	A4, Letter, 8.5×13 in, Indian-Legal, Legal
Loại giấy	Giấy thường
Trọng lượng giấy	64 đến 95 g/m ²
Khả năng nạp	A4, Letter, : 30 tờ hoặc 3.3 mm Legal, Indian-Legal, 8.5×13 in: 10 tờ

Quét hai mặt tự động	Không được hỗ trợ
----------------------	-------------------

Ngay cả khi đáp ứng thông số kỹ thuật cho phương tiện có thể đặt trong ADF thì có thể bản gốc cũng không được nạp từ ADF hoặc chất lượng quét có thể suy giảm tùy thuộc vào chất lượng hoặc đặc tính của giấy.

Thông số kỹ thuật fax

Kiểu fax	Khả năng fax đen trắng và màu thao tác trực tiếp (ITU-T Siêu nhóm 3)
Các đường điện thoại được hỗ trợ	Đường điện thoại tương tự chuẩn, các hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ)
Tốc độ	Lên đến 33.6 kbps
Độ phân giải	Đơn màu ☐ Chuẩn: 8 điểm ảnh/mm×3,85 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×98 dòng/in.) ☐ Mịn: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×196 dòng/in.) ☐ Ảnh chụp: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×196 dòng/in.) Màu 200×200 dpi
Bộ nhớ trang	Lên đến 100 trang (khi bảng ITU-T No.1 đã nhận ở chế độ bản nháp đơn màu)
Quay số lại*	2 lần (với khoảng thời gian 1 phút)
Giao diện	Đường điện thoại RJ-11, Kết nối điện thoại RJ-11

* Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo quốc gia hoặc khu vực.

Sử dụng cổng cho máy in

Máy in sử dụng cổng sau. Các cổng này phải được quản trị viên cho phép trở thành khả dụng khi cần thiết.

Khi bên gửi (máy khách) là máy in

Sử dụng	Đích đến (Máy chủ)	Giao thức	Số cổng
Khi Epson Connect được sử dụng	Máy chủ Epson Connect	HTTPS	443
		XMPP	5222
Kiểm soát WSD	Máy khách	WSD (TCP)	5357
Tìm kiếm máy tính khi quét đầy từ Epson ScanSmart	Máy khách	Khám phá quét đầy qua mạng	2968

Khi bên gửi (máy khách) là máy tính khách

Sử dụng	Đích đến (Máy chủ)	Giao thức	Số cổng
Khám phá máy in từ ứng dụng như EpsonNet Config, trình điều khiển máy in và trình điều khiển máy quét.	Máy in	ENPC (UDP)	3289
Thu thập và thiết lập thông tin MIB từ ứng dụng như EpsonNet Config, trình điều khiển máy in và trình điều khiển máy quét.	Máy in	SNMP (UDP)	161
Chuyển tiếp dữ liệu LPR	Máy in	LPR (TCP)	515
Chuyển tiếp dữ liệu RAW	Máy in	RAW (Cổng 9100) (TCP)	9100
Chuyển tiếp dữ liệu AirPrint (in IPP/IPPS)	Máy in	IPP/IPPS (TCP)	631
Tìm kiếm máy in WSD	Máy in	WS-Discovery (UDP)	3702
Chuyển tiếp dữ liệu quét từ Epson ScanSmart	Máy in	Quét qua mạng (TCP)	1865
Thu thập thông tin về lệnh khi quét đẩy từ Epson ScanSmart	Máy in	Quét đẩy qua mạng	2968
PC-FAX	Máy in	HTTP (TCP)	80
		HTTPS (TCP)	443

Thông số kỹ thuật giao diện

Đối với cho Máy tính	USB tốc độ cao *
----------------------	------------------

* Không hỗ trợ cáp USB 3.0.

Thông số kỹ thuật mạng

Thông số kỹ thuật Wi-Fi

Tiêu chuẩn	IEEE 802.11b/g/n*1
Dải tần số	2,4 GHz
Chế độ phối hợp	Cơ sở hạ tầng, Wi-Fi Direct (AP đơn giản)*2*3
Bảo mật không dây*4	WEP (64/128bit), WPA2-PSK (AES)*5, WPA3-SAE (AES)

*1 IEEE 802.11n chỉ có sẵn cho HT20.

*2 Không được hỗ trợ cho IEEE 802.11b.

*3 Chế độ AP đơn giản tương thích với kết nối Wi-Fi (cơ sở hạ tầng) hoặc kết nối Ethernet.

*4 Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES).

*5 Tuân thủ các tiêu chuẩn WPA2 với sự hỗ trợ cho WPA/WPA2 Cá nhân.

Thông số kỹ thuật Ethernet

Tiêu chuẩn	IEEE802.3i (10BASE-T)* ¹ IEEE802.3u (100BASE-TX) IEEE802.3az (Ethernet Tiết kiệm Năng lượng)* ²
Chế độ truyền tin	Auto, 10Mbps Full duplex, 10Mbps Half duplex, 100Mbps Full duplex, 100Mbps Half duplex
Đầu nối	RJ-45

*1 Sử dụng cáp nhóm 5e hoặc STP cao hơn (Cáp xoắn có bọc) để ngăn ngừa rủi ro nhiễu sóng vô tuyến.

*2 Thiết bị kết nối phải tuân thủ các tiêu chuẩn IEEE802.3az.

Chức năng của mạng và IPv4/IPv6

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
In qua mạng	EpsonNet Print (Windows)	IPv4	✓	-
	Standard TCP/IP (Windows)	IPv4, IPv6	✓	-
	In bằng WSD (Windows)	IPv4, IPv6	✓	Windows Vista trở lên
	In Bonjour (Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	-
	In IPP (Windows, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	-
	In PictBridge (Wi-Fi)	IPv4	-	Máy ảnh kỹ thuật số
	Epson Connect (In email, In từ xa)	IPv4	✓	-
	AirPrint (iOS, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	iOS 5 trở lên, Mac OS X v10.7 trở lên
Quét qua mạng	Epson Scan 2	IPv4, IPv6	✓	-
	Epson ScanSmart	IPv4	✓	Windows 7 trở lên, Mac OS X El Capitan trở lên
	Event Manager	IPv4	✓	Windows XP, Vista, Mac OS X v10.6 đến Yosemite
	Epson Connect (Quét vào đám mây)	IPv4	✓	-
	AirPrint (Quét)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mavericks trở lên

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
Fax	Gửi fax	IPv4	✓	-
	Nhận fax	IPv4	✓	-
	AirPrint (Gửi fax đi)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mountain Lion trở lên

Giao thức bảo mật

SSL/TLS	HTTPS Server/Client, IPPS
SNMPv3	

Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ

AirPrint	In	iOS 5 trở lên/Mac OS X v10.7.x trở lên
	Quét	OS X Mavericks trở lên
	Fax	OS X Mountain Lion trở lên

Kích thước

Kích thước	Bảo quản ❑ Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) ❑ Chiều sâu: 347 mm (13.7 in.) ❑ Chiều cao: 231 mm (9.1 in.) In ❑ Chiều rộng: 417 mm (16.4 in.) ❑ Chiều sâu: 503 mm (19.8 in.) ❑ Chiều cao: 255 mm (10.0 in.)
Trọng lượng*	Xấp xỉ 6.7 kg (14.8 lb)

* Không có mực và dây nguồn.

Thông số kỹ thuật điện

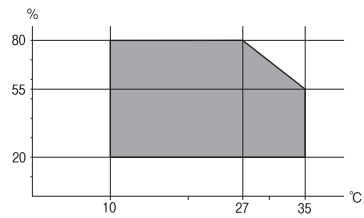
Định mức nguồn điện	AC 100–240 V	AC 220–240 V
Dải tần số định mức	50–60 Hz	50–60 Hz
Dòng điện định mức	0.4–0.2 A	0.2 A

Công suất tiêu thụ (có Kết nối USB)	Đang sao chụp độc lập: khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: khoảng 5.4 W Chế độ ngủ: khoảng 1.0 W Tắt nguồn: khoảng 0.2 W	Đang sao chụp độc lập: khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: khoảng 5.4 W Chế độ ngủ: khoảng 1.0 W Tắt nguồn: khoảng 0.2 W
-------------------------------------	--	--

Lưu ý:

- ☐ Kiểm tra nhãn trên máy in để biết điện áp.
- ☐ Với người dùng Châu Âu, xem trang web sau đây để biết chi tiết về công suất tiêu thụ.
<http://www.epson.eu/energy-consumption>

Thông số kỹ thuật môi trường

Vận hành	Sử dụng máy in trong dải thông số được trình bày trong phần sau đây.  Nhiệt độ: 10 đến 35°C (50 đến 95°F) Độ ẩm: 20 đến 80% RH (không ngưng tụ)
Bảo quản	Nhiệt độ sau khi nạp mực ban đầu: -15 đến 40°C (5 đến 104°F)* Nhiệt độ trước khi nạp mực ban đầu: -20 đến 40°C (-4 đến 104°F)* Độ ẩm: 5 đến 85% RH (không ngưng tụ)

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở nhiệt độ 40°C (104°F).

Thông số kỹ thuật môi trường cho lọ mực in

Nhiệt độ bảo quản	-20 đến 40 °C (-4 đến 104 °F)*
Nhiệt độ đông lạnh	-15 °C (5 °F) Mực tan ra và có thể sử dụng được sau khoảng 2 tại 25 °C (77 °F).

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở 40 °C (104 °F).

Yêu cầu hệ thống

☐ Windows

Windows Vista, Windows 7, Windows 8/8.1, Windows 10 hoặc cao hơn (32 bit, 64 bit)

Windows XP SP3 (32 bit)

Windows XP Professional x64 Edition SP2

Windows Server 2003 (SP2) hoặc mới hơn

☐ Mac OS

Mac OS X v10.6.8 hoặc mới hơn

Lưu ý:

☐ Mac OS có thể không hỗ trợ một số ứng dụng và tính năng.

☐ Hệ thống file UNIX (UFS) cho Mac OS không được hỗ trợ.

Thông tin pháp lý

Tiêu chuẩn và phê chuẩn

Tiêu Chuẩn Và Chấp Nhận Đối Với Mẫu Thiết Bị Của Mỹ

An toàn	UL60950-1 CAN/CSA-C22.2 No.60950-1
EMC	FCC Part 15 Subpart B Class B CAN ICES-3 (B)/NMB-3 (B)

Thiết bị này chứa môđun không dây sau.

Nhà sản xuất: Seiko Epson Corporation

Loại: J26H006

Sản phẩm này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC và RSS-210 của Quy định IC. Epson không chịu trách nhiệm cho mọi hỏng hóc nhằm thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ xuất phát từ việc sửa đổi sản phẩm không khuyến dùng. Hoạt động tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không thể gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị này phải thu được mọi tín hiệu nhiễu nhận được, kể cả tín hiệu nhiễu có thể khiến thiết bị hoạt động không mong muốn.

Để phòng tránh nhiễu sóng vô tuyến đối với dịch vụ cấp phép, thiết bị này được thiết kế để hoạt động trong nhà hoặc xa với các cửa sổ nhằm cho phép bảo vệ tối ưu. Thiết bị (hoặc ăngten phát liên quan) vốn được lắp đặt ngoài trời phải tuân thủ giấy phép.

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC/IC quy định cho môi trường chưa kiểm soát và đáp ứng Các Nguyên tắc Phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) FCC trong Phụ lục C đến OET65 và RSS-102 của Quy định Phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) IC. Thiết bị này phải được lắp đặt và vận hành sao cho nguồn bức xạ được duy trì cách xa cơ thể người ở mức tối thiểu là 20 cm (7,9 inch) hoặc nhiều hơn (ngoại trừ tứ chi: bàn tay, cổ tay, chân và mắt cá chân).

Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở châu Âu

Đối với người dùng Châu Âu

Ở đây, Seiko Epson Corporation tuyên bố rằng kiểu thiết bị sóng vô tuyến sau tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ văn bản của tuyên bố của Liên minh châu Âu về tính tuân thủ có sẵn ở trang web sau.

<http://www.epson.eu/conformity>

C621B

Chỉ sử dụng ở Ireland, Vương quốc Anh, Áo, Đức, Liechtenstein, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Luxembourg, Hà Lan, Italy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Iceland, Croatia, Đảo Síp, Hy Lạp, Slovenia, Malta, Bulgaria, CH Séc, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Romania và Slovakia.

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.

Tần số	Nguồn tần số vô tuyến tối đa đã truyền
2400–2483,5 MHz	20 dBm (EIRP)



Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở Úc

EMC	AS/NZS CISPR32 Class B
-----	------------------------

Epson xin tuyên bố rằng các mẫu thiết bị sau đây tuân thủ các yêu cầu thiết yếu và các điều khoản liên quan khác của AS/NZS4268:

C621B

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.

Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở New Zealand

General Warning

The grant of a Telepermit for any item of terminal equipment indicates only that Telecom has accepted that the item complies with minimum conditions for connection to its network. It indicates no endorsement of the product by Telecom, nor does it provide any sort of warranty. Above all, it provides no assurance that any item will work correctly in all respects with another item of Telepermitted equipment of a different make or model, nor does it imply that any product is compatible with all of Telecom's network services.

Telepermitted equipment only may be connected to the EXT telephone port. This port is not specifically designed for 3-wire-connected equipment. 3-wire-connected equipment might not respond to incoming ringing when attached to this port.

Important Notice

Under power failure conditions, this telephone may not operate. Please ensure that a separate telephone, not dependent on local power, is available for emergency use.

This equipment is not capable, under all operating conditions, of correct operation at the higher speeds for which it is designed. Telecom will accept no responsibility should difficulties arise in such circumstances.

This equipment shall not be set up to make automatic calls to the Telecom '111' Emergency Service.

Phê duyệt kiểu ZICTA cho người dùng ở Zambia

Xem trang web sau để kiểm tra thông tin Phê duyệt kiểu ZICTA.

<https://support.epson.net/zicta/>

Giới hạn sao chép

Quan sát các giới hạn sau nhằm đảm bảo việc sử dụng có trách nhiệm và hợp pháp với máy in.

Luật pháp cấm sao chép các mục sau:

- ☐ Hối phiếu ngân hàng, tiền xu, chứng khóa có thể giao dịch trên thị trường do chính phủ phát hành, trái phiếu của chính phủ và chứng khoán đô thị
- ☐ Tem bưu điện chưa sử dụng, bưu thiếp dán tem sẵn và các mặt hàng bưu chính chính thức khác có cước phí bưu chính hợp lệ
- ☐ Tem doanh thu do chính phủ phát hành và chứng khoán được phát hành theo thủ tục pháp lý

Thận trọng khi sao chép các mục sau:

- ☐ Chứng khoán tư nhân có thể giao dịch trên thị trường (chứng chỉ cổ phiếu, hối phiếu có thể chuyển nhượng, séc, v.v.), vé tháng, vé nhượng quyền, v.v.
- ☐ Hộ chiếu, giấy phép lái xe, giấy đăng kiểm cho mô-tô hạng nhẹ, vé cầu đường, phiếu thực phẩm, vé, v.v.

Lưu ý:

Pháp luật cũng có thể cấm sao chép các mục này.

Sử dụng có trách nhiệm đối với tài liệu có bản quyền:

Máy in có thể bị sử dụng sai bằng việc sao chép không thích hợp các tài liệu có bản quyền. Trừ khi thực hiện dựa trên tư vấn của luật sư có kiến thức, hãy có trách nhiệm và tôn trọng bằng việc xin phép người giữ bản quyền trước khi sao chép tài liệu đã xuất bản.

Thông tin quản trị viên

Kết nối máy in với mạng. 281

Cài đặt sử dụng máy in. 285

Kết nối máy in với mạng

Bạn có thể kết nối máy in với mạng theo nhiều cách.

- ☐ Kết nối thông qua các cài đặt nâng cao trên bảng điều khiển.
- ☐ Kết nối thông qua trình cài đặt trên trang web hoặc trên đĩa phần mềm.

Phần này giải thích quy trình kết nối máy in với mạng thông qua bảng điều khiển của máy in.

Trước khi thực hiện kết nối mạng

Để kết nối với mạng, kiểm tra trước phương thức kết nối và thông tin cài đặt cho kết nối.

Thu thập thông tin về cài đặt kết nối

Chuẩn bị thông tin cài đặt cần thiết để kết nối. Kiểm tra trước các thông tin sau.

Bộ phận	Mục	Ghi chú
Phương thức kết nối thiết bị	☐ Ethernet ☐ Wi-Fi	Quyết định cách kết nối máy in với mạng. Đối với mạng LAN có dây, hãy kết nối với bộ chuyển mạch LAN. Đối với Wi-Fi, hãy kết nối với mạng (SSID) của điểm truy cập.
Thông tin kết nối LAN	☐ Địa chỉ IP ☐ Mật nã mạng con ☐ Cổng mặc định	Quyết định địa chỉ IP để gán cho máy in. Khi bạn gán địa chỉ IP tĩnh, bạn phải nhập tất cả các giá trị. Khi bạn gán địa chỉ IP động bằng chức năng DHCP, thông tin này không bắt buộc vì được đặt tự động.
Thông tin kết nối Wi-Fi	☐ SSID ☐ Mật khẩu	Đây là SSID (tên mạng) và mật khẩu của điểm truy cập mà máy in kết nối với. Nếu chức năng lọc địa chỉ MAC đã được đặt, hãy đăng ký trước địa chỉ MAC của máy in để đăng ký máy in. Xem phần sau để biết các tiêu chuẩn được hỗ trợ. “Thông số kỹ thuật Wi-Fi” ở trang 273
Thông tin máy chủ DNS	☐ Địa chỉ IP cho DNS chính ☐ Địa chỉ IP cho DNS phụ	Bạn phải nhập những thông tin này khi chỉ định máy chủ DNS. DNS phụ được đặt khi hệ thống có cấu hình dự phòng và có máy chủ DNS phụ. Nếu bạn thuộc một tổ chức nhỏ và không thiết lập máy chủ DNS, hãy đặt địa chỉ IP của bộ định tuyến.
Thông tin máy chủ proxy	☐ Tên máy chủ proxy	Thiết lập thông tin này khi môi trường mạng của bạn sử dụng máy chủ proxy để truy cập internet từ mạng nội bộ và bạn sử dụng chức năng cần máy in truy cập trực tiếp vào internet. Với các chức năng sau, máy in kết nối trực tiếp với internet. ☐ Dịch vụ Epson Connect ☐ Dịch vụ đám mây của các công ty khác ☐ Cập nhật chương trình cơ sở

Bộ phận	Mục	Ghi chú
Thông tin số cổng	☐ Số cổng để mở	Kiểm tra số cổng được máy in và máy tính sử dụng, sau đó mở cổng bị tường lửa chặn, nếu cần. Xem phần sau để biết số cổng được máy in sử dụng. "Sử dụng cổng cho máy in" ở trang 272

Gán địa chỉ IP

Sau đây là những kiểu gán địa chỉ IP.

Địa chỉ IP tĩnh:

Gán địa chỉ IP được xác định trước cho máy in (máy chủ) theo cách thủ công.

Thông tin để kết nối với mạng (mặt nạ mạng con, cổng trung gian mặc định, máy chủ DNS, v.v.) cần được thiết lập theo cách thủ công.

Địa chỉ IP không thay đổi ngay cả khi thiết bị tắt, vì vậy cách này hữu ích khi bạn muốn quản lý thiết bị trong môi trường bạn không thể thay đổi địa chỉ IP hoặc bạn muốn quản lý thiết bị bằng địa chỉ IP. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng cài đặt cho máy in, máy chủ, v.v. mà nhiều máy tính có thể truy cập.

Tự động gán bởi chức năng DHCP (địa chỉ IP động):

Tự động gán địa chỉ IP cho máy in (máy chủ) bằng chức năng DHCP của máy chủ DHCP hoặc bộ định tuyến.

Thông tin để kết nối với mạng (mặt nạ mạng con, cổng trung gian mặc định, máy chủ DNS, v.v.) được thiết lập tự động, vì vậy bạn có thể kết nối dễ dàng thiết bị với mạng.

Nếu thiết bị hoặc bộ định tuyến tắt, hoặc phụ thuộc vào cài đặt máy chủ DHCP, địa chỉ IP có thể thay đổi khi kết nối lại với mạng.

Chúng tôi khuyến nghị quản lý thiết bị không bằng địa chỉ IP và truyền tin bằng các giao thức có thể thực hiện theo địa chỉ IP.

Lưu ý:

Khi bạn sử dụng chức năng đặt sẵn địa chỉ IP của DHCP, bạn có thể gán cùng địa chỉ IP cho các thiết bị bất cứ lúc nào.

Máy chủ DNS và máy chủ Proxy

Máy chủ DNS có tên máy chủ, tên miền của địa chỉ email, v.v. liên quan đến thông tin địa chỉ IP.

Sẽ không thể thực hiện truyền tin nếu bên kia được mô tả bằng tên máy chủ, tên miền, v.v. khi máy tính hoặc máy in thực hiện truyền tin bằng IP.

Truy vấn máy chủ DNS để biết thông tin này và nhận địa chỉ IP của bên kia. Quá trình này được gọi là phân giải tên.

Vì vậy, những thiết bị như máy tính và máy in có thể trao đổi thông tin bằng địa chỉ IP.

Việc phân giải tên là cần thiết để máy in trao đổi thông tin bằng chức năng email hoặc chức năng kết nối Internet.

Khi bạn sử dụng những chức năng này, hãy thiết lập cài đặt máy chủ DNS.

Khi bạn gán địa chỉ IP của máy in bằng chức năng DHCP của máy chủ DHCP hoặc bộ định tuyến, cài đặt này được thiết lập tự động.

Máy chủ proxy được đặt tại cổng giữa mạng và Internet và máy chủ này kết nối với máy tính và Internet (máy chủ đối lập) thay cho mỗi máy chủ. Máy chủ đối lập chỉ kết nối với máy chủ proxy. Do đó, không thể đọc thông tin máy in như địa chỉ IP và số cổng và cần phải tăng cường bảo mật.

Khi bạn kết nối với Internet thông qua máy chủ proxy, hãy đặt cấu hình máy chủ proxy trên máy in.

Kết nối với mạng từ bảng điều khiển

Kết nối máy in với mạng thông qua bảng điều khiển của máy in.

Gán địa chỉ IP

Thiết lập các mục cơ bản như Địa chỉ máy chủ, Mật mã mạng con và Cổng mặc định.

Mục này giải thích quy trình thiết lập địa chỉ IP tĩnh.

1. Bật máy in.
2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.
3. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Nâng cao > TCP/IP**.
4. Chọn **Thủ công** cho **Nhận địa chỉ IP**.

Khi bạn đặt địa chỉ IP tự động bằng cách sử dụng chức năng DHCP của bộ định tuyến, hãy chọn **Tự động**. Trong trường hợp đó, **Địa chỉ IP**, **Mật mã mạng con** và **Cổng mặc định** ở bước 5 tới bước 6 cũng được đặt tự động, vì vậy, chuyển tới bước 7.

5. Nhập địa chỉ IP.

Trọng tâm bàn phím di chuyển đến phân đoạn phía trước hoặc phân đoạn phía sau cách nhau bởi dấu chấm nếu bạn chọn ◀ và ▶.

Xác nhận giá trị được hiển thị trên màn hình trước.

6. Thiết lập **Mật mã mạng con** và **Cổng mặc định**.

Xác nhận giá trị được hiển thị trên màn hình trước.



Quan trọng:

Nếu kết hợp Địa chỉ IP, Mật mã mạng con và Cổng mặc định không chính xác, **Bắt đầu vào thiết lập** không hoạt động và không thể tiếp tục với cài đặt. Xác nhận rằng không có lỗi trong mục nhập.

7. Nhập địa chỉ IP cho máy chủ DNS chính.

Xác nhận giá trị được hiển thị trên màn hình trước.

Lưu ý:

Khi chọn **Tự động** cho cài đặt gán địa chỉ IP, bạn có thể chọn cài đặt máy chủ DNS từ **Thủ công** hoặc **Tự động**. Nếu bạn không thể tự động lấy địa chỉ máy chủ DNS, hãy chọn **Thủ công** và nhập địa chỉ máy chủ DNS. Sau đó, nhập địa chỉ máy chủ DNS phụ trực tiếp. Nếu bạn chọn **Tự động**, hãy chuyển sang bước 9.

8. Nhập địa chỉ IP cho máy chủ DNS phụ.

Xác nhận giá trị được hiển thị trên màn hình trước.

9. Nhấn **Bắt đầu vào thiết lập**.

Thiết lập máy chủ proxy

Thiết lập máy chủ proxy nếu cả hai điều kiện sau đây là đúng.

- ☐ Máy chủ proxy được dựng lên để có kết nối với Internet.
- ☐ Khi sử dụng chức năng mà ở đó máy in kết nối trực tiếp với Internet như dịch vụ Epson Connect và các dịch vụ đám mây của một công ty khác.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
Khi thực hiện cài đặt sau khi đặt địa chỉ IP, màn hình **Nâng cao** hiển thị. Chuyển sang bước 3.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Nâng cao**.
3. Chọn **Máy chủ ủy nhiệm**.
4. Chọn **Dùng cho Cài đặt máy chủ proxy**.
5. Nhập địa chỉ cho máy chủ proxy bằng định dạng IPv4 hoặc FQDN.
Xác nhận giá trị được hiển thị trên màn hình trước.
6. Nhập số cổng cho máy chủ proxy.
Xác nhận giá trị được hiển thị trên màn hình trước.
7. Nhấn **Bắt đầu vào thiết lập**.

Kết nối với LAN

Kết nối máy in với mạng bằng Ethernet hoặc Wi-Fi.

Kết nối với Ethernet

Kết nối máy in với mạng thông qua cáp Ethernet và kiểm tra kết nối.

1. Kết nối máy in và hub (thiết bị switch LAN) bằng cáp Ethernet.
2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
3. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**.
Kết quả chẩn đoán kết nối hiển thị. Xác nhận kết nối là chính xác.
4. Nhấn **Tốt** để hoàn tất.
Khi bạn nhấn **In Báo cáo kiểm tra**, bạn có thể in kết quả chẩn đoán. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để in kết quả.

Thông tin liên quan

➡ [“Thay đổi kết nối mạng từ Wi-Fi sang Ethernet” ở trang 225](#)

Kết nối với LAN không dây (Wi-Fi)

Bạn có thể kết nối máy in với mạng LAN không dây (Wi-Fi) theo nhiều cách. Chọn phương thức kết nối phù hợp với môi trường và điều kiện mà bạn đang sử dụng.

Nếu biết thông tin của bộ định tuyến không dây như SSID và mật khẩu, bạn có thể thực hiện cài đặt theo cách thủ công.

Nếu bộ định tuyến không dây hỗ trợ WPS, bạn có thể thực hiện cài đặt bằng cách sử dụng thiết lập nút ấn.

Sau khi kết nối máy in với mạng, hãy kết nối máy in từ thiết bị mà bạn muốn sử dụng (máy tính, thiết bị thông minh, máy tính bảng, v.v.)

Thông tin liên quan

- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu” ở trang 227
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)” ở trang 228
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 229

Cài đặt sử dụng máy in

Đăng ký danh bạ

Đăng ký danh bạ cho phép bạn nhập các điểm đích một cách dễ dàng. Bạn có thể đăng ký tới 100 mục nhập và có thể sử dụng danh bạ khi nhập số fax.

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chọn **Danh bạ**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.
 - ☐ Để đăng ký liên hệ mới, chọn **Thêm mục nhập**, sau đó chọn **Thêm ĐC liên lạc**.
 - ☐ Để chỉnh sửa liên hệ, chọn ➤ trên liên hệ mục tiêu và sau đó chọn **Sửa**.
 - ☐ Để xóa liên hệ, chọn ➤ trên liên hệ mục tiêu, sau đó chọn **Xóa**, rồi chọn **Có**. Bạn không phải thực hiện các quy trình sau.
4. Thực hiện các cài đặt cần thiết.

Lưu ý:

Khi nhập số fax, hãy nhập mã truy cập ra bên ngoài ở đầu số fax nếu hệ thống điện thoại của bạn là PBX và bạn cần mã truy cập để quay số ra bên ngoài. Nếu mã truy cập đã được đặt trong thiết lập **Loại dòng**, nhập dấu thăng (#) thay vì mã truy cập thực sự. Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây) khi quay số, nhập dấu gạch ngang (-).

5. Chọn **Tốt**.

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ theo nhóm

Thêm các mối liên hệ vào một nhóm cho phép bạn gửi fax đến nhiều điểm đích cùng lúc.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.
2. Chọn **Danh bạ**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.
 - ☐ Để đăng ký liên hệ theo nhóm mới, chọn **Thêm mục nhập**, sau đó chọn **Thêm nhóm**.
 - ☐ Để chỉnh sửa liên hệ theo nhóm, chọn **>** trên liên hệ theo nhóm mục tiêu, sau đó chọn **Sửa**.
 - ☐ Để xóa liên hệ theo nhóm, chọn **>** trên liên hệ theo nhóm mục tiêu, sau đó chọn **Xóa**, rồi chọn **Có**. Bạn không phải thực hiện các quy trình sau.
4. Nhập hoặc chỉnh sửa **Tên nhóm** và **Từ chỉ mục**, sau đó chọn **(Các) ĐC liên lạc được thêm vào Nhóm (Bắt buộc)**.
5. Chọn liên hệ mà bạn muốn đăng ký vào nhóm và sau đó nhấn **Đóng**.

Lưu ý:

 - ☐ Bạn có thể đăng ký tối đa 99 mối liên hệ.
 - ☐ Để bỏ chọn một liên hệ, nhấn liên hệ lần nữa.
6. Chọn **Tốt**.

Đăng ký người liên hệ trên máy tính

Khi sử dụng Web Config, bạn có thể tạo danh bạ trên máy tính và nhập nó vào máy in.

1. Truy cập Web Config.
2. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải cửa sổ.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name**, **Index Word**, **Fax Number** và **Fax Speed**.
6. Nhấp vào **Apply**.

Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)

Mục đặt đích đến

Mục	Cài đặt và giải thích
Name	Nhập một tên hiển thị trong danh bạ có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.

Mục	Cài đặt và giải thích
Index Word	Nhập các từ cần tìm kiếm có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Type	Mục này được cố định là Fax . Bạn không thể thay đổi cài đặt này.
Fax Number	Nhập từ 1 đến 64 ký tự bằng 0-9 - * # và dấu cách.
Fax Speed	Chọn tốc độ giao tiếp cho đích đến.

Đăng ký đích đến thành một nhóm

1. Truy cập Web Config.
2. Chọn **Advanced Settings** từ danh sách phía trên cùng bên phải của sổ.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name** và **Index Word**.
6. Chọn một nhóm từ **Type**.
7. Nhấp vào **Select** cho **Contact(s) for Group**.
Các đích đến có sẵn hiển thị.
8. Chọn đích đến mà bạn muốn đăng ký với nhóm, sau đó nhấp vào **Select**.
Lưu ý:
Bạn có thể đăng ký đích đến cho nhiều nhóm.
9. Nhấp vào **Apply**.

Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 253](#)

Sử dụng các tính năng fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax

Thiết lập các mục sau để sử dụng các tính năng fax.

- ☐ Kết nối máy in đúng cách với đường dây điện thoại và nếu cần, với điện thoại
- ☐ Hoàn thành **Thuật sĩ cài đặt fax**, là việc cần thiết để thực hiện các cài đặt cơ bản.

Đặt các mục sau nếu cần.

- ☐ Điểm đích đầu ra và các cài đặt liên quan, chẳng hạn như cài đặt mạng.
- ☐ Đăng ký **Danh bạ**

- ☐ **Cài đặt người dùng** xác định giá trị mặc định cho các mục menu **Fax**
- ☐ **Cài đặt báo cáo** để in báo cáo khi gửi hoặc nhận fax

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 288](#)
- ➔ [“Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 291](#)
- ➔ [“Thực hiện cài đặt cho các tính năng fax của máy in theo mục đích sử dụng” ở trang 293](#)
- ➔ [“Cài đặt fax” ở trang 260](#)
- ➔ [“Đăng ký danh bạ” ở trang 285](#)
- ➔ [“Cài đặt người dùng” ở trang 268](#)
- ➔ [“Cài đặt báo cáo” ở trang 266](#)

Kết nối máy in với đường điện thoại

Đường điện thoại tương thích

Bạn có thể sử dụng máy in qua đường điện thoại kỹ thuật tương tự chuẩn (PSTN = Mạng điện thoại chuyển mạch công cộng) và hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ).

Bạn có thể không sử dụng được máy in với các hệ thống hoặc đường điện thoại sau.

- ☐ Đường điện thoại VoIP như DSL hoặc dịch vụ kỹ thuật số cáp quang
- ☐ Đường điện thoại kỹ thuật số (ISDN)
- ☐ Một số hệ thống điện thoại PBX
- ☐ Khi các bộ điều hợp như bộ điều hợp đầu cuối, bộ điều hợp VoIP, bộ chia hoặc bộ định tuyến DSL được kết nối giữa jack cắm điện thoại trên tường và máy in

Thông tin liên quan

- ➔ [“Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 288](#)

Kết nối máy in với đường điện thoại

Kết nối máy in với jack cắm điện thoại trên tường bằng cáp điện thoại RJ-11 (6P2C). Khi kết nối điện thoại với máy in, hãy sử dụng một cáp điện thoại RJ-11 (6P2C) thứ hai.

Tùy thuộc vào khu vực, cáp điện thoại có thể đi cùng với máy in. Nếu có cáp điện thoại đi cùng, hãy sử dụng cáp đó.

Bạn có thể cần kết nối cáp điện thoại với bộ điều hợp được cung cấp cho quốc gia hoặc khu vực của bạn.

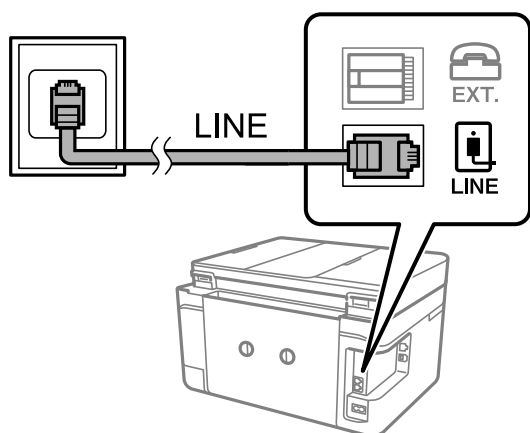
Lưu ý:

Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. của máy in chỉ khi kết nối điện thoại với máy in. Không tháo nắp nếu bạn không kết nối với điện thoại.

Tại những khu vực thường xuyên có tia chớp, chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng thiết bị bảo vệ chống sốc.

Kết nối với đường điện thoại chuẩn (PSTN) hoặc PBX

Kết nối cáp điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường hoặc cổng PBX với cổng LINE ở phía sau máy in.



Thông tin liên quan

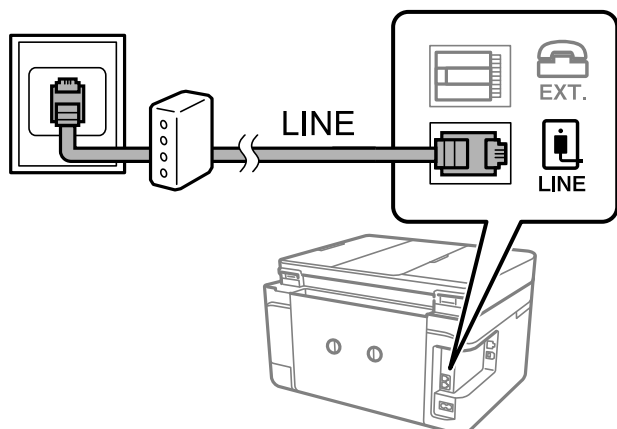
➔ [“Kết nối thiết bị điện thoại với máy in” ở trang 289](#)

Kết nối với DSL hoặc ISDN

Kết nối cáp điện thoại từ modem DSL hoặc bộ điều hợp đầu cuối ISDN với cổng LINE ở phía sau máy in. Xem tài liệu đi cùng với modem hoặc bộ điều hợp để biết thêm chi tiết.

Lưu ý:

Nếu modem DSL của bạn không được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hãy kết nối một bộ lọc DSL riêng.



Thông tin liên quan

➔ [“Kết nối thiết bị điện thoại với máy in” ở trang 289](#)

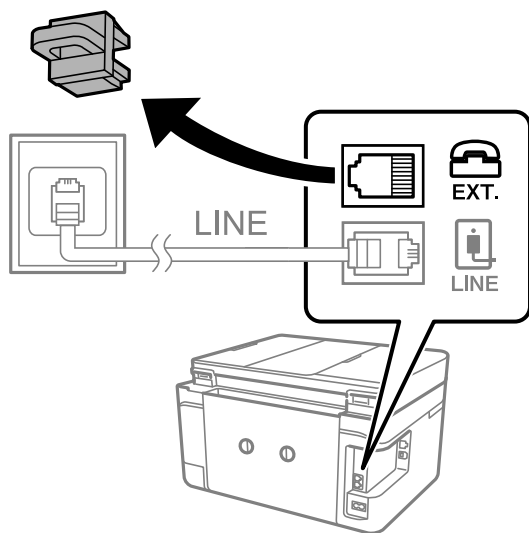
Kết nối thiết bị điện thoại với máy in

Khi sử dụng máy in và điện thoại của bạn trên một đường điện thoại duy nhất, hãy kết nối điện thoại với máy in.

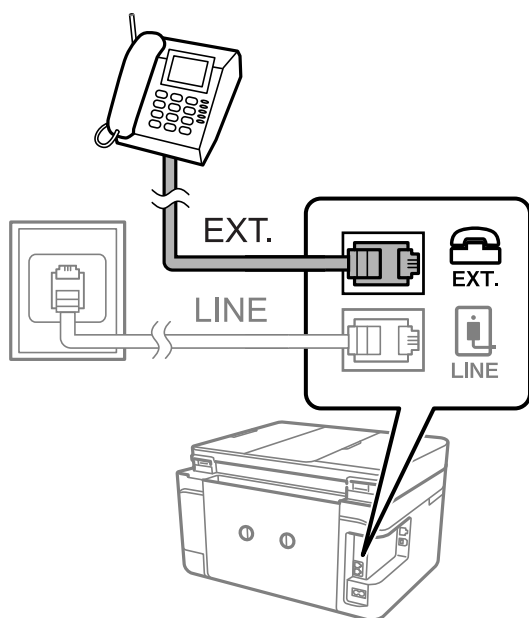
Lưu ý:

- ❑ Nếu thiết bị điện thoại của bạn có chức năng fax, hãy tắt chức năng fax trước khi kết nối. Xem các hướng dẫn sử dụng kèm theo thiết bị điện thoại để biết thêm chi tiết. Tùy thuộc vào kiểu máy của thiết bị điện thoại, bạn không thể tắt hoàn toàn chức năng fax, do đó bạn không thể sử dụng thiết bị này làm điện thoại bên ngoài.
- ❑ Nếu bạn kết nối với máy trả lời, đảm bảo cài đặt **Đồ chuông trả lời** của máy in phải được thiết lập cao hơn số lần đồ chuông mà máy trả lời được thiết lập để trả lời cuộc gọi.

1. Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. ở phía sau máy in.



2. Kết nối thiết bị điện thoại và cổng EXT. bằng cáp điện thoại.



Lưu ý:

Khi dùng chung một đường điện thoại duy nhất, hãy đảm bảo rằng bạn kết nối thiết bị điện thoại vào cổng EXT. trên máy in. Nếu bạn tách đường điện thoại để kết nối thiết bị điện thoại và máy in riêng rẽ, điện thoại và máy in hoạt động không chính xác.

3. Chọn **Fax** trên bảng điều khiển máy in.

4. Nhắc tai nghe.

Nếu một thông báo bắt đầu gửi hoặc nhận fax được hiển thị như được trình bày trên màn hình sau, kết nối đã được thiết lập.



Thông tin liên quan

- ➔ “Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 291
- ➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 294
- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối” ở trang 294
- ➔ “Chế độ nhận:” ở trang 262

Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax

Thuật sĩ cài đặt fax đặt cấu hình các tính năng fax cơ bản để điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax.

Trình hướng dẫn sẽ hiển thị tự động khi bật máy in lần đầu. Bạn cũng có thể tự hiển thị trình hướng dẫn này từ bảng điều khiển máy in. Bạn cần chạy lại trình hướng dẫn trong trường hợp nó bị bỏ qua khi bật máy in lần đầu hoặc khi môi trường kết nối đã thay đổi.

- ☐ Sau đây là những mục bạn có thể thiết đặt qua trình hướng dẫn.
 - ☐ **Tiêu đề (Số điện thoại của bạn và Dòng đầu trang fax)**
 - ☐ **Chế độ nhận (Tự động hoặc là Thủ công)**
 - ☐ **Cài đặt Distinctive Ring Detection (DRD)**
- ☐ Các mục bên dưới được thiết đặt tự động theo môi trường kết nối.
 - ☐ **Chế độ gọi (như Âm hoặc Rung động)**
- ☐ Các mục khác trong **Cài đặt cơ bản** vẫn không thay đổi.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261

Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax bằng Thuật sĩ cài đặt fax

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.

2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Thuật sĩ cài đặt fax.**

3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình, nhập tên người gửi như tên công ty, số fax của bạn.

Lưu ý:

Tên người gửi và số fax của bạn xuất hiện dưới dạng đầu trang cho fax gửi đi.

4. Thực hiện cài đặt phát hiện chuông phân biệt (DRD).

- ☐ Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuông phân biệt từ công ty điện thoại của bạn:

Chuyển đến màn hình tiếp theo và chọn mẫu chuông sẽ sử dụng cho các bản fax đến.

Khi bạn chọn bất kỳ mục nào ngoại trừ **Tất cả**, **Chế độ nhận** được đặt thành **Tự động** và bạn tiếp tục đến màn hình tiếp theo ở đó bạn có thể kiểm tra các cài đặt đã thực hiện.

- ☐ Nếu bạn chưa đăng ký dịch vụ chuông phân biệt từ công ty điện thoại của mình hoặc bạn không cần đặt tùy chọn này:

Bỏ qua cài đặt này và đến màn hình mà ở đó bạn có thể kiểm tra các cài đặt đã thực hiện.

Lưu ý:

- ☐ Dịch vụ chuông đặc biệt, do nhiều công ty điện thoại cung cấp (tên dịch vụ khác nhau theo công ty), cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường điện thoại. Mỗi số được gán một mẫu chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Chọn mẫu chuông được gán cho các cuộc gọi fax trong **DRD**.

- ☐ Tùy thuộc vào khu vực, **Bật** và **Tắt** được hiển thị dưới dạng các tùy chọn của **DRD**. Chọn **Bật** để sử dụng tính năng chuông đặc biệt.

5. Thực hiện cài đặt Chế độ nhận.

- ☐ Nếu bạn không cần kết nối điện thoại với máy in:

Chọn **Không**.

Chế độ nhận được đặt thành **Tự động**.

- ☐ Nếu bạn cần kết nối điện thoại với máy in:

Chọn **Có**, sau đó chọn có nhận fax tự động hay không.

6. Kiểm tra các cài đặt bạn đã thực hiện trên màn hình được hiển thị, sau đó chuyển sang màn hình tiếp theo.

Để sửa hoặc thay đổi cài đặt, chọn .

7. Kiểm tra kết nối fax bằng cách chọn **Bắt đầu kiểm tra**, sau đó chọn **In** để in báo cáo hiển thị trạng thái kết nối.

Lưu ý:

- ☐ Nếu có bất kỳ lỗi nào trong báo cáo, hãy làm theo hướng dẫn trên báo cáo để khắc phục lỗi.

- ☐ Nếu màn hình **Chọn kiểu dây điện thoại** hiển thị, chọn loại đường dây.

- Khi bạn đang kết nối máy in với hệ thống điện thoại PBX hoặc bộ điều hợp đầu cuối, hãy chọn **PBX**.

- Khi bạn đang kết nối máy in với đường điện thoại chuẩn, hãy chọn **PSTN**, rồi chọn **Không phát hiện** trên màn hình **Xác nhận** hiển thị. Tuy nhiên, việc đặt tùy chọn này thành **Không phát hiện** có thể khiến cho máy in bỏ qua chữ số đầu của số fax khi quay số và gửi fax đến số không đúng.

Thông tin liên quan

➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 288

➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 294

➔ “Chế độ nhận:” ở trang 262

- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối” ở trang 294
- ➔ “Cài đặt cơ bản” ở trang 261

Thực hiện cài đặt cho các tính năng fax của máy in theo mục đích sử dụng

Bạn có thể cấu hình các tính năng fax của máy in bằng bảng điều khiển của máy in theo mục đích sử dụng. Cũng có thể thay đổi các cài đặt được thực hiện bằng **Thuật sĩ cài đặt fax**. Để biết thêm chi tiết, xem mô tả của menu **Cài đặt fax**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt fax” ở trang 260
- ➔ “Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 293
- ➔ “Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối điện thoại” ở trang 294
- ➔ “Nhận fax gửi đến” ở trang 93
- ➔ “Thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận” ở trang 294
- ➔ “Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 295
- ➔ “Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính” ở trang 295

Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX

Thực hiện các cài đặt sau khi sử dụng máy in trong các văn phòng sử dụng số máy lẻ và yêu cầu mã truy cập bên ngoài, như 0 và 9, để quay số ra bên ngoài.

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản**.
3. Chọn **Loại dòng** và sau đó chọn **PBX**.
4. Khi gửi fax tới số fax bên ngoài bằng # (dấu thăng) thay vì mã truy cập bên ngoài thực, hãy chọn hộp **Mã truy cập** để đặt cài đặt này thành **Dùng**.

#, được nhập thay vì mã truy cập thực được thay thế bằng mã truy cập đã lưu khi gọi điện. Sử dụng dấu # giúp tránh được các vấn đề về kết nối khi kết nối với một số điện thoại bên ngoài.

Lưu ý:

*Bạn không thể gửi fax tới những người nhận trong **Danh bạ** có mã truy cập bên ngoài như 0 và 9.*

*Nếu bạn đã đăng ký người nhận trong **Danh bạ** bằng mã truy cập bên ngoài như 0 và 9, hãy đặt **Mã truy cập** thành **Đừng dùng**. Nếu không, bạn phải thay đổi mã thành # trong **Danh bạ**.*

5. Nhấn vào ô nhập thông tin **Mã truy cập**, nhập mã truy cập bên ngoài được sử dụng cho hệ thống điện thoại của bạn, sau đó nhấn **Đ.ý**.
6. Chọn **Tốt** để áp dụng cài đặt.
Mã truy cập được lưu trong máy in.

Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối điện thoại

Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời

Bạn cần các thiết lập để sử dụng máy trả lời.

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản**.
3. Đặt **Chế độ nhận** thành **Tự động**.
4. Đặt thiết lập **Đổ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số hồi chuông của máy trả lời.

Nếu **Đổ chuông trả lời** được đặt thấp hơn số lần đổ chuông cho máy trả lời, máy trả lời không thể nhận cuộc gọi thoại để ghi âm tin nhắn thoại. Xem các hướng dẫn sử dụng đi cùng với máy trả lời để biết các thiết lập của máy.

Cài đặt **Đổ chuông trả lời** của máy in có thể không được hiển thị, tùy thuộc vào khu vực.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 261](#)

Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối

Bạn có thể bắt đầu nhận fax đến bằng cách chỉ cần nhắc ống nghe điện thoại và thao tác trên điện thoại mà không cần phải vận hành máy in.

Tính năng **Nhận từ xa** khả dụng trên điện thoại hỗ trợ quay số âm tần.

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Nhận từ xa**.
3. Nhấn **Nhận từ xa** để đặt tùy chọn này thành **Bật**.
4. Chọn **Bật mã**, nhập mã gồm hai chữ số (bạn có thể nhập 0 tới 9, * và #) và sau đó nhấn **Tốt**.
5. Chọn **Tốt** để áp dụng cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt cơ bản” ở trang 261](#)

Thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận

Máy in được thiết lập in các bản fax đã nhận theo mặc định. Bên cạnh việc in, bạn có thể thiết lập máy in lưu các bản fax đã nhận.

☐ **Hộp thư đến trong máy in**

Bạn có thể lưu fax đã nhận vào Hộp thư đến. Bạn có thể xem chúng trên bảng điều khiển của máy in để bạn có thể in chỉ những bản fax bạn muốn in hoặc xóa các bản fax không cần thiết.

☐ **Máy tính (Nhận PC-FAX)**

Có thể sử dụng các tính năng trên cùng lúc. Nếu bạn sử dụng chúng cùng lúc, các tài liệu đã nhận sẽ được lưu vào hộp thư đến và trên máy tính. Để nhận fax trên máy tính, hãy thực hiện cài đặt bằng FAX Utility.

[“Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính” ở trang 295](#)

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Đầu ra fax**.
3. Nếu thông báo xác nhận hiển thị, hãy xác nhận và sau đó nhấn **Tốt**.
4. Chọn **Lưu vào hộp thư đến**.
5. Chọn **Lưu vào hộp thư đến** để đặt tùy chọn này thành **Bật**.
6. Chọn **Tùy chọn khi bộ nhớ đầy**, chọn tùy chọn này để dùng khi hộp thư đến đầy.
 - ☐ **Nhận và in fax:** Máy in sẽ in mọi tài liệu nhận được không thể lưu vào Hộp thư đến.
 - ☐ **Từ chối fax gửi đến:** Máy in không trả lời các cuộc gọi fax đến.
7. Bạn có thể đặt mật khẩu cho hộp thư đến. Chọn **Cài đặt mật khẩu hộp thư đến** và sau đó đặt mật khẩu.

Lưu ý:

*Bạn không thể đặt mật khẩu khi **Tùy chọn khi bộ nhớ đầy** được đặt là **Nhận và in fax**.*

Thông tin liên quan

➔ [“Đầu ra fax” ở trang 264](#)

➔ [“Xem fax đã nhận được lưu trong máy in trên màn hình LCD” ở trang 94](#)

Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác

Bạn có thể chặn bản fax rác.

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối**.
3. Thiết lập điều kiện để chặn fax rác.
Chọn **Fax từ chối** và sau đó bật các tùy chọn sau.
 - ☐ **Danh sách số từ chối:** từ chối bản fax trong Danh sách số từ chối.
 - ☐ **Đã chặn khoảng trống tiêu đề fax:** từ chối bản fax có thông tin tiêu đề trống.
 - ☐ **Danh bạ chưa đăng ký:** từ chối các bản fax chưa được thêm vào danh bạ.
4. Nhấn  để quay lại màn hình **Fax từ chối**.
5. Nếu bạn đang sử dụng **Danh sách số từ chối**, chọn **Sửa danh sách số từ chối**, và sau đó chỉnh sửa danh sách.

Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính

Để gửi và nhận fax trên máy tính, bạn phải cài đặt FAX Utility trên máy tính được kết nối bằng mạng hoặc cáp USB.

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để nhận fax

Bạn có thể nhận fax trên máy tính bằng FAX Utility. Cài đặt FAX Utility trên máy tính và thực hiện cài đặt. Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Mục cài đặt bên dưới trên bảng điều khiển của máy in được đặt thành **Có**, và có thể lưu các bản fax đã nhận trên máy tính.

Cài đặt > Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Đầu ra fax > Lưu vào máy tính

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính cũng in trên máy in để nhận fax

Bạn có thể thực hiện cài đặt để in các bản fax đã nhận trên máy in cũng như lưu chúng trên máy tính.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Đầu ra fax > Lưu vào máy tính > Có và in**.

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để không nhận fax

Để thiết lập máy in không lưu fax đã nhận trên máy tính, hãy thay đổi cài đặt trên máy in.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt bằng FAX Utility. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ bản fax nào chưa được lưu vào máy tính, tính năng này không hoạt động.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.
2. Chọn **Cài đặt máy in > Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Đầu ra fax > Lưu vào máy tính > Không**.

Các vấn đề khi thực hiện cài đặt

Gợi ý giải quyết sự cố

☐ Kiểm tra thông báo lỗi

Khi xảy ra sự cố, trước tiên hãy kiểm tra xem có bất kỳ thông báo nào không trên bảng điều khiển của máy in hoặc màn hình của trình điều khiển. Nếu bạn thiết lập thông báo qua email khi xảy ra sự kiện, bạn có thể tìm hiểu nhanh trạng thái.

☐ Báo cáo kết nối mạng

Chẩn đoán trạng thái mạng và máy in, sau đó in kết quả.

Bạn có thể tìm lỗi chẩn đoán từ phía bên máy in.

☐ Kiểm tra trạng thái truyền tin

Kiểm tra trạng thái truyền tin của máy tính máy chủ hoặc máy tính máy khách bằng những lệnh như ping và ipconfig.

☐ Kiểm tra kết nối

Để kiểm tra kết nối giữa máy in và máy chủ thư, hãy thực hiện kiểm tra kết nối từ máy in. Ngoài ra, kiểm tra kết nối từ máy tính máy khách đến máy chủ để kiểm tra trạng thái truyền tin.

☐ Khởi tạo cài đặt

Nếu cài đặt và trạng thái truyền tin không có vấn đề, vấn đề có thể được giải quyết bằng cách tắt hoặc khởi tạo cài đặt mạng của máy in, và sau đó cài đặt lại.

Không thể truy cập Web Config

Địa chỉ IP không được gán cho máy in.

Địa chỉ IP hợp lệ có thể không được gán cho máy in. Cấu hình địa chỉ IP bằng bảng điều khiển của máy in. Bạn có thể xác nhận thông tin cài đặt hiện tại bằng bảng trạng thái mạng hoặc từ bảng điều khiển của máy in.

Trình duyệt web không hỗ trợ Độ mạnh mã hóa cho SSL/TLS.

SSL/TLS có Encryption Strength. Bạn có thể mở Web Config bằng trình duyệt web hỗ trợ mã hóa hàng loạt như được chỉ ra dưới đây. Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng trình duyệt được hỗ trợ không.

☐ 80 bit: AES256/AES128/3DES

☐ 112 bit: AES256/AES128/3DES

☐ 128 bit: AES256/AES128

☐ 192 bit: AES256

☐ 256 bit: AES256

CA-signed Certificate đã hết hạn.

Nếu có vấn đề với ngày hết hạn của chứng chỉ, "Chứng chỉ đã hết hạn" được hiển thị khi kết nối với Web Config bằng giao thức truyền tin SSL/TLS (https). Nếu thông báo xuất hiện trước ngày hết hạn, hãy đảm bảo rằng bạn cấu hình ngày của máy in chính xác.

Tên chung của chứng chỉ và máy in không khớp với nhau.

Nếu tên chung của chứng chỉ và máy in không khớp với nhau, thông báo "Tên của chứng chỉ bảo mật không khớp..." được hiển thị khi truy cập Cấu hình web bằng giao tiếp SSL/TLS (https). Điều này xảy ra vì các địa chỉ IP sau không khớp với nhau.

☐ Địa chỉ IP của máy in đã nhập vào tên chung để tạo Self-signed Certificate hoặc CSR

☐ Địa chỉ IP đã nhập vào trình duyệt web khi chạy Web Config

Với Self-signed Certificate, hãy cập nhật chứng chỉ.

Với CA-signed Certificate, hãy lấy lại chứng chỉ cho máy in.

Cài đặt máy chủ proxy của địa chỉ cục bộ không được đặt thành trình duyệt web.

Khi máy in được thiết lập sử dụng máy chủ proxy, hãy cấu hình trình duyệt web không kết nối với địa chỉ cục bộ qua máy chủ proxy.

☐ Windows:

Chọn **Panel Điều khiển > Mạng và Internet > Tùy chọn Internet > Kết nối > Cài đặt LAN > Máy chủ proxy**, sau đó cấu hình không sử dụng máy chủ proxy cho LAN (địa chỉ cục bộ).

❑ Mac OS:

Chọn **Tùy chọn hệ thống > Mạng > Nâng cao > Proxies**, sau đó đăng ký địa chỉ cục bộ cho **Bỏ qua cài đặt proxy cho các máy chủ và miền này**.

Ví dụ:

192.168.1.*: Địa chỉ cục bộ 192.168.1.XXX, mặt nạ mạng con 255.255.255.0

192.168.*.*: Địa chỉ cục bộ 192.168.XXX.XXX, mặt nạ mạng con 255.255.0.0

Nơi nhận trợ giúp

Trang web hỗ trợ kỹ thuật. 300

Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson. 300

Trang web hỗ trợ kỹ thuật

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập trang web hỗ trợ của Epson được trình bày dưới đây. Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn và vào phần hỗ trợ của trang web Epson tại địa phương của bạn. Cũng có các trình điều khiển mới nhất, Câu hỏi thường gặp, hướng dẫn sử dụng và các nội dung tải xuống khác tại trang web này.

<http://support.epson.net/>

<http://www.epson.eu/support> (Châu Âu)

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp.

Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson

Trước khi liên hệ với Epson

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề khi sử dụng thông tin khắc phục sự cố trong hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp thêm. Nếu bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực của bạn không có trong danh sách dưới đây, hãy liên hệ với đại lý nơi bạn đã mua sản phẩm.

Bộ phận hỗ trợ của Epson sẽ có thể giúp bạn nhanh hơn rất nhiều nếu bạn cung cấp cho họ thông tin sau:

- ☐ Số sê-ri sản phẩm
(Nhân số sê-ri thường có ở mặt sau của sản phẩm.)
- ☐ Kiểu sản phẩm
- ☐ Phiên bản phần mềm của sản phẩm
(Nhấp **Giới thiệu**, **Thông tin Phiên bản** hoặc nút tương tự trong phần mềm sản phẩm.)
- ☐ Nhân hiệu và kiểu máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản hệ điều hành máy tính của bạn
- ☐ Tên và phiên bản của các ứng dụng phần mềm bạn thường sử dụng cùng với sản phẩm

Lưu ý:

Tùy thuộc vào sản phẩm, dữ liệu danh sách quay số cho thiết lập fax và/hoặc mạng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ của sản phẩm. Do bị hỏng hoặc sửa chữa sản phẩm, dữ liệu và/hoặc các thiết lập có thể bị mất. Epson không chịu trách nhiệm cho việc mất bất kỳ dữ liệu nào, cho việc sao lưu và phục hồi dữ liệu và/hoặc thiết lập, ngay cả trong thời kỳ bảo hành. Chúng tôi khuyên bạn tạo dữ liệu sao lưu của mình hoặc ghi chú lại.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu

Xem Tài liệu Bảo hành Pan-Châu Âu để biết thông tin về cách liên hệ với bộ phận hỗ trợ ở Châu Âu.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.tw>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: +886-2-2165-3138

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Tra cứu dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trung tâm dịch vụ sửa chữa:

<http://www.tekcare.com.tw/branchMap.page>

Công ty TekCare là trung tâm bảo hành ủy quyền cho Epson Taiwan Technology & Trading Ltd.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc

Epson Australia muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao hơn. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn tiếp nhận thông tin sau:

Internet URL

<http://www.epson.com.au>

Truy cập các trang Worl Wide Web của Epson Australia. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 1300-361-054

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, kiểu máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần có.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này. Bộc chặt hộp mực bằng băng keo và cũng phải giữ sản phẩm thẳng đứng.

Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand

Epson New Zealand muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao cấp. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn sau để bạn thu thập thông tin:

Internet URL

<http://www.epson.co.nz>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson New Zealand. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 0800 237 766

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, loại máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần thiết.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này. Bọc chặt ống mực bằng băng keo và cũng phải giữ sản phẩm thẳng đứng.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore

Nguồn thông tin, hỗ trợ và dịch vụ từ Epson Singapore bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.sg>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ), tra cứu kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật thông qua email.

Trợ giúp của Epson

ĐT miễn phí: 800-120-5564

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về cách sử dụng sản phẩm hoặc khắc phục sự cố
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Thái Lan

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.th>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và email.

Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 66-2460-9699

Email: support@eth.epson.co.th

Nhóm Trung tâm chăm sóc khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Việt Nam

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

Trung tâm dịch vụ Epson

65 TRUNG ĐÌNH STREET . BEN THANH WA QUẬN 1 , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại (TP.Hồ Chí Minh): 84-8-3823-9239, 84-8-3825-6234

29 Tuệ Tĩnh , Quan Hai Bà Trưng , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

Điện thoại (TP.Hà Nội): 84-4-3978-4785, 84-4-3978-4775

Trợ giúp dành cho người dùng ở Indonesia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.id>

- ☐ Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- ☐ Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

Đường dây nóng của Epson

Điện thoại: +62-1500-766

Fax: +62-21-808-66-799

Nhóm hỗ trợ qua đường dây nóng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại hoặc fax:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm

☐ Hỗ trợ kỹ thuật

Trung tâm dịch vụ Epson

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
JAKARTA	Epson Sales and Service Jakarta (SUDIRMAN)	Wisma Keiai Lt. 1 Jl. Jenderal Sudirman Kav. 3 Jakarta Pusat - DKI JAKARTA 10220	021-5724335 ess@epson-indonesia.co.id ess.support@epson-indonesia.co.id
SERPONG	Epson Sales and Service Serpong	Ruko Melati Mas Square Blok A2 No.17 Serpong-Banten	082120090084 / 082120090085 esstag@epson-indonesia.co.id esstag.support@epson-indonesia.co.id
SEMARANG	Epson Sales and Service Semarang	Komplek Ruko Metro Plaza Block C20 Jl. MT Haryono No. 970 Semarang -JAWA TENGAH	024 8313807 / 024 8417935 esssmg@epson-indonesia.co.id esssmg.support@epson-indonesia.co.id
JAKARTA	Epson Sales and Service Jakarta (MANGGA DUA)	Ruko Mall Mangga Dua No. 48 Jl. Arteri Mangga Dua, Jakarta Utara - DKI JAKARTA	021 623 01104 jkt-technical1@epson-indonesia.co.id jkt-admin@epson-indonesia.co.id
BANDUNG	Epson Sales and Service Bandung	Jl. Cihampelas No. 48 A Bandung Jawa Barat 40116	022 420 7033 bdg-technical@epson-indonesia.co.id bdg-admin@epson-indonesia.co.id
MAKASSAR	Epson Sales and Service Makassar	Jl. Cendrawasih NO. 3A, kunjung mae, mariso, MAKASSAR - SULSEL 90125	0411- 8911071 mksr-technical@epson-indonesia.co.id mksr-admin@epson-indonesia.co.id
MEDAN	Epson Service Center Medan	Jl. Bambu 2 Komplek Graha Niaga Nomor A-4, Medan - SUMUT	061- 42066090 / 42066091 mdn-technical@epson-indonesia.co.id mdn-adm@epson-indonesia.co.id
PALEMBANG	Epson Service Center Palembang	Jl. H.M Rasyid Nawawi No. 249 Kelurahan 9 Ilir Palembang Sumatera Selatan	0711 311 330 escplg.support@epson-indonesia.co.id
PEKANBARU	Epson Service Center Pekanbaru	Jl. Tuanku Tambusai No. 459 A Kel. Tangkerang barat Kec Marpoyan damai Pekanbaru - Riau 28282	0761- 8524695 pkb-technical@epson-indonesia.co.id pkb-admin@epson-indonesia.co.id
PONTIANAK	Epson Service Center Pontianak	Komp. A yani Sentra Bisnis G33, Jl. Ahmad Yani - Pontianak Kalimantan Barat	0561- 735507 / 767049 pontianak-technical@epson-indonesia.co.id pontianak-admin@epson-indonesia.co.id
SAMARINDA	Epson Service Center Samarinda	Jl. KH. Wahid Hasyim (M. Yamin) Kelurahan Sempaja Selatan Kecamatan Samarinda UTARA - SAMARINDA - KALTIM	0541 7272 904 escsmd@epson-indonesia.co.id escsmd.support@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
SURABAYA	Epson Sales & Service Surabaya (barat)	Jl. Haji Abdul Wahab Saimin, Ruko Villa Bukit Mas RM-11, Kec. Dukuh Pakis, Surabaya - 60225	031- 5120994 sby-technical@epson-indonesia.co.id sby-admin@epson-indonesia.co.id
YOGYAKARTA	Epson Service Center Yogyakarta	YAP Square, Block A No. 6 Jl. C Simanjutak Yogyakarta - DIY	0274 581 065 ygy-technical@epson-indonesia.co.id ygy-admin@epson-indonesia.co.id
JEMBER	Epson Service Center Jember	Jl. Panglima Besar Sudirman Ruko no.1D Jember-Jawa Timur (Depan Balai Penelitian & Pengolahan Kakao)	0331- 488373 / 486468 jmr-admin@epson-indonesia.co.id jmr-technical@epson-indonesia.co.id
MANADO	EPSON SALES AND SERVICE Manado	Jl. Piere Tendean Blok D No 4 Kawasan Mega Mas Boulevard - Manado 95111	0431- 8805896 MND-ADMIN@EPSON-INDONESIA.CO.ID MND-TECHNICAL@EPSON-INDONESIA.CO.ID
CIREBON	EPSON SERVICE CENTER Cirebon	Jl. Tuparev No. 04 (Depan Hotel Apita) Cirebon, JAWA BARAT	0231- 8800846 cbn-technical@epson-indonesia.co.id
CIKARANG	EPSON SALES AND SERVICE CIKARANG	Ruko Metro Boulevard B1 Jababeka cikarang - Jawa Barat,	021- 89844301 / 29082424 ckg-admin@epson-indonesia.co.id ckg-technical@epson-indonesia.co.id
MADIUN	EPSON SERVICE CENTER MADIUN	Jl. Diponegoro No.56, MADIUN - JAWA TIMUR	0351- 4770248 mun-admin@epson-indonesia.co.id mun-technical@epson-indonesia.co.id
PURWOKERTO	EPSON SALES AND SERVICE Purwokerto	Jl. Jendral Sudirman No. 4 Kranji Purwokerto - JAWA TENGAH	0281- 6512213 pwt-admin@epson-indonesia.co.id pwt-technical@epson-indonesia.co.id
BOGOR	EPSON SALES AND SERVICE Bogor	Jl.Pajajaran No 15B Kel Bantarjati Kec Bogor Utara - JAWA BARAT 16153	0251- 8310026 bgr-admin@epson-indonesia.co.id bgr-technical@epson-indonesia.co.id
SERANG	EPSON SERVICE CENTER Serang	Jl. Ahmad Yani No.45C, SERANG - BANTEN	0254- 7912503 srg-admin@epson-indonesia.co.id srg-technical@epson-indonesia.co.id
PALU	EPSON SALES AND SERVICE Palu	Jl. Juanda No. 58, Palu - Sulteng	0451- 4012 881 plw-admin@epson-indonesia.co.id plw-technical@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
BANJARMASIN	EPSON SERVICE CENTER BANJARMASIN	Jl. Gatot Soebroto NO. 153 BANJARMASIN - KALSEL 70235	0511- 6744135 (TEKNISI) / 3266321(ADMIN) bdj-admin@epson-indonesia.co.id bdj-technical@epson-indonesia.co.id
DENPASAR	EPSON SALES AND SERVICE Denpasar	JL. MAHENDRADATA NO. 18, DENPASAR - BALI	0361- 3446699 / 9348428 dps-admin@epson-indonesia.co.id dps-technical@epson-indonesia.co.id
JAKARTA	EPSON SALES AND SERVICE CILANDAK	CIBIS Business Park Tower 9 LT. MEZZANINE, Jalan TB Simatupang No.2, Jakarta Selatan - DKI JAKARTA 12560	021- 80866777 esscibis.support1@epson-indonesia.co.id esscibis.support2@epson-indonesia.co.id esscibis.admin@epson-indonesia.co.id esscibis.sales@epson-indonesia.co.id
SURABAYA	EPSON SALES AND SERVICE SURABAYA (GUBENG)	JL. RAYA GUBENG NO. 62, SURABAYA - JAWA TIMUR	031- 99444940 / 99446299 / 99446377 esssby@epson-indonesia.co.id esssby.support@epson-indonesia.co.id
AMBON	EPSON SERVICE CENTER AMBON	Jl. Diponegoro No.37 (Samping Bank Mandiri Syariah) Kel.Ahusen, Kec.Sirima - Ambon 97127	–

Đối với các thành phố khác chưa liệt kê ở đây, hãy gọi đến Đường dây nóng: 08071137766.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng được chào đón liên hệ với Epson Hong Kong Limited.

Trang chủ trên Internet

<http://www.epson.com.hk>

Epson Hong Kong đã thiết lập trang chủ địa phương bằng cả tiếng Trung Quốc và tiếng Anh trên Internet nhằm cung cấp cho người dùng thông tin sau:

- ☐ Thông tin sản phẩm
- ☐ Trả lời cho những câu hỏi thường gặp (FAQ)
- ☐ Các phiên bản mới nhất cho trình điều khiển sản phẩm của Epson

Đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật

Bạn cũng có thể liên hệ với nhân viên kỹ thuật của chúng tôi tại số điện thoại và số fax sau:

Điện thoại: 852-2827-8911

Fax: 852-2827-4383

Trợ giúp dành cho người dùng ở Malaysia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.my>

- ☐ Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- ☐ Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 1800-81-7349 (Điện thoại miễn phí)

Email: websupport@emsb.epson.com.my

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trụ sở

Điện thoại: 603-56288288

Fax: 603-5628 8388/603-5621 2088

Trợ giúp dành cho người dùng ở Ấn Độ

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.in>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Số điện thoại trợ giúp

- ☐ Thông tin dịch vụ, sản phẩm, và đặt mua hàng tiêu dùng (Điện thoại BSNL)
Số ĐT miễn phí: 18004250011
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)
- ☐ Dịch vụ (Người dùng CDMA & Di động)
Số ĐT miễn phí: 186030001600
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Trợ giúp dành cho người dùng ở Philippines

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng vui lòng liên hệ với Epson Philippines Corporation theo số điện thoại, số fax và địa chỉ email dưới đây:

World Wide Web

<http://www.epson.com.ph>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và tra cứu qua email.

Chăm sóc Khách hàng Epson Philippines

ĐT miễn phí: (PLDT) 1-800-1069-37766

ĐT miễn phí: (Kỹ thuật số) 1-800-3-0037766

Vùng thủ đô Manila: (632) 8441 9030

Trang web: <https://www.epson.com.ph/contact>

E-mail: customercare@epc.epson.com.ph

Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Nhóm Chăm sóc Khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- ☐ Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- ☐ Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- ☐ Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Epson Philippines Corporation

ĐT chính: +632-706-2609

Fax: +632-706-2663